

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN

12 **NÂNG CAO**
TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRẦN ĐÌNH SỬ (Tổng Chủ biên)
HỒNG DÂN - NGUYỄN ĐĂNG MẠNH - ĐỖ NGỌC THỐNG (đồng Chủ biên)
LÊ HUY BẮC - NGUYỄN THỊ BÌNH - HOÀNG DŨNG - HÀ THỊ HOÀ
LÊ QUANG HÙNG - NGUYỄN VĂN LONG

NGỮ VĂN 12

N Â N G C A O

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo

01-2009/CXB/559 – 1718/GD

Mã số : NH212T9

VỢ CHỒNG A PHỦ

(Trích)

TÔ HOÀI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được giá trị nhân đạo của truyện thể hiện qua sự lên án tội ác của bọn thống trị và khẳng định sức sống ngoan cường, khát vọng tự do tiềm tàng ở người dân lao động vùng cao Tây Bắc.*
- *Nắm được nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật, nghệ thuật tạo tình huống truyện, miêu tả sinh hoạt, phong tục và tâm lí nhân vật trong đoạn trích.*

TIỂU DẪN

Tô Hoài tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê gốc ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông (nay là Hà Nội). Ông sinh năm 1920 ở quê ngoại – làng Nghĩa Đô, thuộc phủ Hoài Đức (nay thuộc phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Tô Hoài chỉ được học hết bậc Tiểu học, rồi phải làm nhiều nghề để kiếm sống trước khi cầm bút. Từ trước Cách mạng tháng Tám 1945, Tô Hoài đã viết nhiều, với hai mảng sáng tác chính : chuyện về loài vật và chuyện về những người dân nghèo, thợ thủ công ở vùng quê ven thành. Năm 1943, Tô Hoài gia



nhập tổ chức Văn hoá cứu quốc do Đảng Cộng sản thành lập. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Tô Hoài làm báo ở Việt Bắc rồi chuyển sang công tác ở Hội Văn nghệ Việt Nam. Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm phóng viên báo *Cứu quốc*. Năm 1957, khi Hội Nhà văn Việt Nam được thành lập, ông làm Tổng thư kí, rồi Phó Tổng thư kí trong nhiều năm. Tô Hoài còn là Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội (1966 - 1996). Tô Hoài là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào. Đến nay, qua hơn sáu mươi năm cầm bút

ông đã cho ra đời trên 160 đầu sách. Tác phẩm của Tô Hoài đa dạng về thể loại : tiểu thuyết, truyện ngắn, bút kí, hồi kí, tự truyện, kinh nghiệm sáng tác, truyện và kịch cho thiếu nhi, kịch bản phim,... Tô Hoài được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 1996.

Tác phẩm chính : *Đế Mèn phiêu lưu kí* (đồng thoại, 1941), *O chuột* (tập truyện về loài vật, 1942), *Quê người* (tiểu thuyết, 1942), *Nhà nghèo* (tập truyện ngắn, 1944), *Truyện Tây Bắc* (tập truyện, 1953), *Mười năm* (tiểu thuyết, 1957), *Miền Tây* (tiểu thuyết, 1967), *Người ven thành* (tập truyện ngắn, 1972), *Tự truyện* (1978), *Quê nhà* (tiểu thuyết, 1980), *Cát bụi chân ai* (hồi kí, 1992), *Chiều chiều* (tự truyện, 1999), *Ba người khác* (tiểu thuyết, 2006),...

Tô Hoài là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Sáng tác của Tô Hoài thể hiện vốn hiểu biết phong phú về nhiều lĩnh vực đời sống, đặc biệt là phong tục và sinh hoạt đời thường. Nghệ thuật văn xuôi của Tô Hoài có nhiều đặc sắc, nổi bật ở lối kể chuyện tự nhiên, sinh động, cách miêu tả giàu chất tạo hình, ngôn ngữ phong phú và đậm tính khẩu ngữ.

Năm 1952, Tô Hoài đi với bộ đội vào giải phóng Tây Bắc. Trong chuyến đi dài tám tháng, nhà văn đã sống với đồng bào các dân tộc thiểu số từ khu căn cứ du kích trên núi cao đến các bản làng mới giải phóng. Chuyến đi đã giúp cho Tô Hoài hiểu biết sâu hơn về cuộc sống và con người miền núi, đã để lại cho nhà văn những kỉ niệm sâu sắc, tình cảm thắm thiết với người và cảnh Tây Bắc.

Truyện Tây Bắc – kết quả chuyến đi ấy – là một trong những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu của văn học thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác phẩm đã được trao Giải Nhất Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955.

Vợ chồng A Phủ là truyện ngắn đặc sắc hơn cả trong ba tác phẩm của tập *Truyện Tây Bắc*. Truyện có hai phần, viết về hai giai đoạn của cuộc đời Mị và A Phủ : giai đoạn ở Hồng Ngài, trong nhà thống lí Pá Tra ; giai đoạn ở Phiềng Sa - hai vợ chồng gặp gỡ cách mạng rồi A Phủ trở thành du kích. Dưới đây chỉ trích phần đầu là phần thành công hơn của tác phẩm.

*
* * *

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí ⁽¹⁾ Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên,

(1) *Thống lí* : một chức trong hệ thống cai trị phong kiến ở vùng người Mèo (nay gọi là người Mông) ; thống lí cai quản một địa phương dưới cấp châu (huyện), tương tự như *phìa* ở vùng người Thái, *chánh tổng* ở miền xuôi.

cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta thường nói : nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái nhà Pá Tra : cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lí Pá Tra.

Cô Mị về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, cô không nhớ, cũng không ai nhớ. Nhưng người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện Mị về làm người nhà quan thống lí. Ngày xưa, bố Mị lấy mẹ Mị không có đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lí, bố của thống lí Pá Tra bây giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già rồi mà cũng chưa trả được nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy Mị đã lớn, Mị là con gái đầu lòng. Thống lí Pá Tra đến bảo bố Mị :

– Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xoá hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, thì tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì Mị bảo bố rằng :

– Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Đến Tết năm ấy, Tết thì vui chơi, trai gái đánh pao⁽¹⁾, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái thì bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách. Trai đến đứng nhả cả chân vách đầu buồng Mị. Một đêm khuya, Mị nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hò hẹn của người yêu. Mị hồi hộp lặng lẽ quơ tay lên thì gặp hai ngón tay lách vào khe gỗ, sờ một ngón thấy có đeo nhẫn. Người yêu của Mị thường đeo nhẫn ngón tay ấy. Mị bèn nhấc tấm vách gỗ. Một bàn tay dắt Mị bước ra. Mị vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng Mị rồi bịt mắt, cõng Mị đi.

Sáng hôm sau, Mị mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lí Pá Tra. Họ nhốt Mị vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền⁽²⁾ cũng ma đương rập rờn nhảy múa.

(1) *Đánh pao* : trò chơi của người Mông (giống trò chơi *ném còn* của người Thái, người Tày) : khi chơi nam nữ thanh niên đứng hai bên bãi rộng, ném và bắt quả pao bằng vải.

(2) *Sinh tiền* (cũng gọi *sênh tiền*) : một nhạc khí bằng hai thỏi gỗ cứng dùng để gõ, đánh thêm cộc tiền đồng, thường dùng đệm nhịp trong dân nhạc bát âm.

Trong khi đó, A Sử đến nhà bố Mị. A Sử nói :

– Tôi đã cướp⁽¹⁾ được con gái bố làm vợ, tôi đem về cúng trình ma nhà tôi rồi, bây giờ tôi đến trình cho bố biết. Tiền bạc để cưới thì bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi.

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ ngay câu nói của thống lí Pá Tra dạo trước : cho con gái về nhà thống lí Pá Tra thì được trừ nợ. Chao ôi ! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, bây giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi !

Có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc. Một hôm, Mị trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, Mị quỳ lạy, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố Mị cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

– Mày về lạy chào tao để mày đi chết đấy à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt tao trả nợ. Mày chết rồi thì không lấy ai làm nương ngô giả được nợ người ta, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được, con ơi !

Mị chỉ bưng mặt khóc. Mị ném nắm lá ngón xuống đất, nắm lá ngón Mị đã tìm hái trong rừng. Mị vẫn giấu trong áo. Thế là Mị không đành lòng chết. Mị chết thì bố Mị còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ nữa. Mị đành trở lại nhà thống lí.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố Mị chết. Nhưng Mị cũng không còn tưởng đến Mị có thể ăn lá ngón tự tử nữa. Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi. Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi. Mị cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, mà lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt, mỗi năm mỗi mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại : Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù lúc đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế. Con ngựa, con trâu làm còn có lúc, đêm nó còn được đứng gãi chân, đứng nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày Mị càng không nói, lù lù như con rùa nuôi trong xó cửa. Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào

(1) Tục "cướp vợ" của người Mông : trai gái yêu nhau, chàng trai thoả thuận với người yêu tổ chức cuộc "cướp" mang người con gái về nhà mình, sau đó đến trình nhà vợ. "Cướp" vợ như vậy sẽ lấy được vợ mà ít tốn kém lễ vật. Ở đây A Sử lợi dụng tục này để cướp Mị về làm vợ trừ nợ.

trông ra cũng chỉ thấy trắng trắng, không biết là sương hay là nắng. Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi.



Nhà ở và ruộng lúa của đồng bào Mông ở xã Lao Chải – Sa Pa (Lào Cai)

(Ảnh : Thông tấn xã Việt Nam – Vũ Hạnh)

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên đầy các nhà kho. Trẻ con đi hái bí đỏ, tình nghịch, đã đốt những lều canh nương để sưởi lửa. Ở Hồng Ngải người ta thành lệ cứ ăn Tết khi gặt hái vừa xong, không kể ngày, tháng nào. Ăn Tết như thế cho kịp lúc mưa xuân xuống thì đi vỡ nương mới. Hồng Ngải năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét rất dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo Đỏ⁽¹⁾, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mòm đá xoè như con bướm sặc sỡ. [...] Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà. Ngoài đầu núi lấp ló đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mị nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi. Mị ngồi nhắm thắm bài hát của người đang thổi.

*Mày có con trai con gái rồi
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu.*

(1) *Mèo Đỏ* : một nhóm của dân tộc Mông, phân biệt về sắc phục với các nhóm Mèo Trắng, Mèo Hoa, Mèo Đen, Mèo Xanh,... Trang phục phụ nữ Mèo Đỏ sử dụng nhiều chi tiết màu đỏ.

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm cái sân chơi chung ngày Tết. Trai gái, trẻ con ra sân chơi ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lí Pá Tra vừa ăn xong bữa cơm Tết cúng ma. Xung quanh, chiêm đánh âm ỉ, người óp đồng⁽¹⁾ vẫn còn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm lại tiếp ngay bữa rượu bên bếp lửa.

Ngày Tết, Mị cũng uống rượu. Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát. Rồi say, Mị lịm mặt ngồi đấy nhìn mọi người nhảy đồng, người hát, nhưng lòng Mị thì đang sống về ngày trước. Tai Mị văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị.

Rượu đã tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau Mị mới đứng dậy, nhưng Mị không bước ra đường chơi, mà Mị từ từ bước vào buồng. Chẳng năm nào A Sử cho Mị đi chơi Tết. Mị cũng chẳng buồn đi. Bấy giờ Mị ngồi xuống giường, trông ra cái cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Đã từ nãy, Mị thấy phơi phơi trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm Tết ngày trước. Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Huống chi A Sử với Mị, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau ! Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra. Mà tiếng sáo gọi bạn yêu vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

Anh ném pao, em không bắt

Em không yêu, quả pao rơi rồi...

Lúc ấy, A Sử vừa ở đầu về, lại đang sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn muốn rình bắt mấy người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ Mị nói gì.

(1) *Ốp đồng* (như *lên đồng*, *nhập đồng*) : trạng thái đặc biệt của người ngồi đồng, khi vong linh của người đã chết hay thần thánh nhập vào thân xác họ để phán bảo, chỉ vẽ hoặc thực hiện hành động nào đó (theo quan niệm mê tín trong một tập tục dân gian).

Bây giờ Mị cũng không nói. Mị đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng. Trong đầu Mị đang rập rờn tiếng sáo. Mị muốn đi chơi, Mị cũng sắp đi chơi. Mị quấn lại tóc, Mị với tay lấy cái váy hoa vắt ở phía trong vách. A Sử đang sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. Nó nhìn quanh, thấy Mị rút thêm cái áo. A Sử hỏi :

– Mày muốn đi chơi à ?

Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi dây ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, Mị đứng im lặng, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn, Mị vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi. *"Em không yêu, quả pao rơi rồi - Em yêu người nào, em bắt pao nào..."*. Mị vùng bước đi. Nhưng tay chân đau không cựa được. Mị không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. Mị thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chừng đã khuya. Lúc này là lúc trai đang đến bên vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. Mị nín khóc, Mị lại bồi hồi.

Cả đêm ấy Mị phải trói đứng như thế. Lúc thì khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức. Lúc lại nồng nàn tha thiết nhớ. Hơi rượu toả. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. Mị lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

Mị bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm sâm⁽¹⁾ trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đây, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khốn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay là họ cũng đang phải trói như Mị. Mị không thể biết. Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngài thì một đời con người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. Mị chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể : đời trước, ở nhà thống lí Pá Tra có một người trói vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến thì vợ

(1) Âm sâm (từ ít dùng) : âm u, vắng lặng.

chết rồi. Nhớ thế, Mị sợ quá, Mị cựa quậy, xem mình còn sống hay chết. Cổ tay, đầu, bắp chân bị dây trói siết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài, rồi một đám đông vào nhà. Thống lí Pá Tra xuống ngựa, cho *thị sống* (một chức việc đi hầu thống lí như người làm mỗ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ có khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vất huych xuống đất, cứ thở phè phè.

A Sứ chenheo vào buồng. Áo nó rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lổ đầy máu, sụp xuống quanh trán. A Sứ nằm lăn ra giường. Lát sau, thống lí Pá Tra bước vào. Theo sau thống lí là một lũ *thống quán* (một chức việc như phó lí), *xéo phải* (như trưởng thôn) và một bọn *thị sống* vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lí. Có người bấy giờ mới nhìn thấy Mị phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý, họ xúm cả lại quanh giường A Sứ. Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. Mị nhắm mắt lại, không dám nhìn. Mị chỉ nghe hình như có tiếng bố chồng gọi ra ngoài. Mị hé nhìn ra, thấy chị dâu bước vào. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thổ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cởi trói cho Mị. Sợi dây gai dưới bắp chân vừa lỏng ra, Mị ngã sụp xuống.

Chị dâu nói khẽ vào tai Mị :

– Mị ! Đi hái lá thuốc cho chồng mày.

Mị quên cả đau, đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được, Mị phải ôm vai chị dâu, hai người khỏ sở hữu nhau bước ra. Trong khi đi vào rừng tìm lá thuốc, Mị nghe chị dâu nói lại, mới biết chuyện A Sứ đi chơi bị đánh vỡ đầu.

Nửa đêm qua, A Sứ vào làng tìm đến đám chơi có tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều trai làng ấy và các làng khác đã tới, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa xong châu rượu trong nhà, bấy giờ vẫn còn chưa chịu tan về. Lúc A Sứ và chúng bạn kéo đến thì không còn ai chơi trong nhà nữa, vì bố mẹ và người trong nhà ấy đã đi ngủ. Nhưng người ra người vào còn dập dờn quanh ngõ. A Sứ đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với một lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ vẫn bám quanh nhà đã khiến cho bọn A Sứ bị vướng không thể vào được. Bọn A Sứ ném đá vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Bọn A Sứ vẫn ném. Ông lão không dám ra nữa, liền vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn. Nhưng cũng chưa người trai nào chịu về. Họ lại tản vào các nhà quen trong xóm. Để đợi sáng mai lại lên sân đánh pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sứ cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa kéo ra đầu ngõ, bè lũ bạn A Sứ đã kéo đến gây sự. A Sứ đi trước, nam vòng bạc ở cổ rủ xuống những tua chỉ xanh đỏ mà chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sứ hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dõn cả lại, xôn xao.

– Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

– A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo đập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Thấy vậy, bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Máy người đuổi đón đầu A Phủ. A Phủ bị bắt sống, trói gó chân tay lại. Vừa lúc thống lí Pá Tra tới. Chúng nó xộc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lí.

Mị đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ. Mị đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. Mị đoán đấy là A Phủ.

Bọn chức việc khắp vùng Hồng Ngải đến nhà thống lí Pá Tra dự đám xử kiện. Các lí dịch, quan làng, *thống quán*, *xéo phải* đội mũ, quần khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lí đã bày năm cái bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Nhưng chỉ bọn con trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ vì họ bị gọi sang hầu kiện, còn bọn chức việc thì nằm dài cả bên khay đèn. Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lí Pá Tra, thống lí Pá Tra hút xong một lượt năm điếu, đến người khác hút, lại người khác hút, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện. Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng hoặc đi lại bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, là không được dự tiệc hút ấy. Lúc một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lẽ nhè gọi :

– Thằng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, cháp tay lay lia lia tên thống lí Pá Tra rồi quay lại đánh A Phủ. A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá.

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt giáp chày máu. Người thì đánh, người thì quỳ lay, kể lẻ, chửi bới. Xong một lượt đánh, kể, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại ngóc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, Mị cũng thức suốt đêm im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho chồng. Lúc nào Mị mỏi quá, tựa mình, thì những chỗ lần trói trong người lại đau ê ẩm. Mị lại gục đầu nằm thiếp đi. Khi đó, A Sử bèn đạp chân vào mặt Mị. Mị choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc, xoa đều đều trên lưng chồng. Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gỗ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lào xào, và tiếng đám đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau thì đám kiện đã xong. Một số người, chẳng biết từ bao giờ, đã ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn *xéo phải* đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút thêm ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lí Pá Tra mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xoè⁽¹⁾ bày lên mặt tráp, rồi nói :

– Thằng A Phủ đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi *xéo phải* hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chốc nữa mô để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng nhẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền giả thì tao cho mày về, chưa có tiền giả thì tao bắt mày ở làm con trâu, con ngựa cho nhà tao. Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi. A Phủ ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lẻ hai cái đầu gối sung bạnh lên như mặt hổ phũ⁽²⁾. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng nhặt xong lại để ngay cả xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa mua về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Từ lúc đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa. A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau hươc tập tễnh, cùng với mấy trai làng, ra chộc tiết làm thịt lợn hầu làng. Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

(1) *Đồng bạc hoa xoè* : đồng tiền đúc bằng bạc, do Ngân hàng Đông Dương phát hành trong thời Pháp thuộc, đúc nổi hình khuôn mặt người phụ nữ đội mũ miện có những tia toả ra như đoá hoa xoè.

(2) *Hổ phũ* : hình mặt hổ được chạm khắc hay vẽ trên gỗ hoặc kim loại, cũng có thể thêu trên vải.

Thế là từ đấy A Phủ phải đi ở trừ nợ cho nhà quan thống lí Pá Tra. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bắt hổ, chăn bò, chăn ngựa, quanh năm một thân một mình bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Công việc làm hay đi săn, cái gì cũng làm phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy nữa.

A Phủ cũng không phải người làng bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Háng-bla. Năm xưa, làng Háng-bla phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn, chết, có nơi chết cả nhà. Anh của A Phủ, em A Phủ chết, bố mẹ A Phủ cũng chết. Còn sót lại có một mình A Phủ. Làng chết và đói nhiều quá, có người làng đói bụng bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở dưới cánh đồng thấp. A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần lữa mùa này sang mùa khác, chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, đã biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo. A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa, con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói : "Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu". Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượu cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ thì không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ. Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, dù A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng vĩa⁽¹⁾ lằn trên cổ, A Phủ cũng cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngài.

(Lược một đoạn : Vào mùa đốt rừng, hổ, gấu từng đàn đi phá nương, bắt bò, bắt ngựa. A Phủ phải trông bò, ngựa. Do mãi mê bắt nhím, để hổ bắt mất bò, A Phủ bị thống lí Pá Tra bắt dựa lưng vào cái cột trong góc nhà rồi lấy dây mây quán từ chân đến vai, chờ đến khi nào bắn được hổ mới tha. Nhưng A Phủ, lính đồng và thống lí không bắn được hổ. A Phủ vẫn bị trói).

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chớp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang,

(1) Vòng vĩa : vòng đeo để tránh tai hoạ, bệnh tật (theo mê tín).

thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên, thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẵn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bùng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt, nhưng Mị tưởng như A Phủ đang biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng "Đi ngay...", rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khụy xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lặn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt :

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói :

– Ở đây thì chết mất.

A Phủ chột hiệu.

Người đàn bà chê chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói : "Đi với tôi". Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(Tóm tắt phân còn lại : Mị và A Phủ đã thành vợ chồng, đưa nhau đến vùng Phiêng Sa, dựng nhà trên một đồi gianh trông xuống cánh đồng Bản Pe. Họ ước mong làm được một ngôi nhà gỗ tốt, có một cuộc sống yên bình.)

Một lần bọn lính đồn Bản Pe lên, bắt lợn nhà A Phủ, lại bắt A Phủ khiêng lợn về đồn. A Phủ bị bọn Tây ở đồn Bản Pe vu cho là nuôi cán bộ, rồi bị chúng đánh đập, cắt cá tóc. A Phủ trốn thoát về được.

A Châu, cán bộ kháng chiến tìm đến nhà A Phủ. Qua phút hiểu lầm ban đầu, A Phủ nhận ra cán bộ là người tốt, cùng một bụng ghét thằng Tây. Lễ ăn thề kết làm anh em giữa A Phủ và A Châu diễn ra đơn sơ mà thiêng liêng, cảm động.

Ngày Tết trong khu du kích Phiêng Sa tự do, A Phủ và Mị đi chơi Tết. Giữa lúc ấy, giặc kéo lên tàn sát. Mị và nhiều người già, phụ nữ bị chúng bắt đưa về đồn. Du kích chặn đánh. Mị thoát được về. Mị hoảng hốt khi biết tin Pá Tra đã theo Tây về ở trong đồn Bản Pe. Nhưng A Phủ vẫn vững vàng, thuyết phục Mị không sợ. Hai người đi họp đội du kích để chuẩn bị đánh đồn cứu người già, trẻ con về).

1953

(Truyện Tây Bắc, NXB Văn học, Hà Nội, 1960)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân đầu của truyện (từ đầu đến "bao giờ chết thì thôi") kể về việc Mị bị bắt về làm dâu trừ nợ cho nhà thống lí Pá Tra và tình cảnh của cô ở đó. Hãy tìm hiểu nghệ thuật trần thuật của tác giả ở phần ấy. (Gợi ý : cách tổ chức điểm nhìn trần thuật, phối hợp các thủ pháp kể, miêu tả và đối thoại).
2. Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa xuân "Mị muốn đi chơi" rồi bị trói vào cột và trong cảnh cô cắt dây trói cứu A Phủ. (Chú ý làm rõ các yếu tố ngoại cảnh tác động đến tâm lí, quá trình thức tỉnh trong nội tâm và hành động của nhân vật). Nhận xét về sức sống tiềm tàng của Mị qua hai cảnh đó.

3. Phân tích nhân vật A Phủ (chú ý hoàn cảnh xuất thân, trường hợp bị bắt làm người ở trừ nợ cho nhà Pá Tra, tính cách nổi bật). Nêu sự tương đồng và khác biệt giữa hai nhân vật Mị và A Phủ.
4. Nhận xét của anh (chị) về tư tưởng nhân đạo của truyện (chú ý sự kế thừa tư tưởng nhân đạo trong truyền thống văn học dân tộc và những nét mới).
5. Nhận xét về nghệ thuật miêu tả và dựng truyện của Tô Hoài (miêu tả sinh hoạt, phong tục, thiên nhiên, miêu tả tâm lí và hành động của nhân vật, xây dựng cốt truyện và tình huống,...).

BÀI TẬP NÂNG CAO

Nói về việc sáng tác *Truyện Tây Bắc*, Tô Hoài cho biết ông đã đưa "những ý thơ" vào trong tác phẩm. Theo anh (chị), "những ý thơ" ấy được biểu hiện như thế nào trong truyện *Vợ chồng A Phủ*?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Tác giả nói về chủ đề của *Truyện Tây Bắc*

"Ý bao quát trong khi tôi viết *Truyện Tây Bắc* là : nông dân các dân tộc ở Tây Bắc bao năm gian khổ chống đế quốc và bọn chúa đất. Cuộc đấu tranh giai cấp, riêng ở Tây Bắc mang một sắc thái đặc biệt. Nhìn lướt qua, nơi thế lực phong kiến còn đương kéo lùi đất nước lại hàng trăm năm trước, chúng ta dễ tưởng những cảnh những người ở đây cứ muốn thuở lạng lẽ. Không, ở nơi rừng núi mơ màng ấy, các dân tộc đã không lạng lẽ chịu đựng. Họ đã thức tỉnh. Cán bộ của Đảng tới đâu thì các dân tộc đứng lên tới đấy, trước nhất là những người trẻ tuổi. Họ thật đẹp và yêu đời. Chiến tranh đã làm li tán, tan nát, nhưng còn một phút sống vẫn còn chờ đợi, vẫn mong, vẫn tin và giữa bao nhiêu đau khổ, vẫn nhìn thấy trước một ngày bình yên, một ngày trở lại yên vui của tình yêu và của đất nước. Làm sao cho tôi thể hiện được lòng tin, lòng yêu cuộc đời của những người trẻ tuổi và sức mạnh tin yêu mãnh liệt đó cuối cùng sẽ đem lại mọi thắng lợi. Tư tưởng yêu đời, khát vọng của cuộc sống gửi vào các nhân vật trẻ tuổi, tôi cố gắng thể hiện.

Một vấn đề khác, ngoài tài liệu và trên cả sáng tạo, đó là những ý thơ trong văn xuôi. Vàng, đúng là những ý thơ, đã từ lâu tôi làm, tôi cảm thấy mà chưa phân tích được. Ở mỗi nhân vật và trùu lên tất cả miền Tây, tôi đã đưa vào một không khí vơi vơi, làm cho đất nước và con người bay bổng lên hơn, rồi bỏ được cái ám ảnh tùn mủn, lật vạt thường làm co quắp nhân vật, nhỏ bé vấn đề và khung cảnh đi. Không biết cắt nghĩa sao, nhưng tôi cho rằng ngay trong văn xuôi, cần phải được hồn thơ, có như thế văn xuôi mới trong sáng cất cao".

(Tô Hoài, *Sổ tay viết văn*,

NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1977)

LUYỆN TẬP VỀ NHÂN VẬT GIAO TIẾP

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Biết vận dụng hiểu biết về nhân vật giao tiếp vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

1. Sau đây là lời của một thuộc hạ nói với chủ tướng :

Bọn chúng tôi đầu óc ngu độn, nhưng dám xin thô thiển trình lên mình công. [...]

(Nguyễn Khoa Chiêm – Nam triều công nghiệp điển chí)

a) Lời lẽ của thuộc hạ khi nói về mình và khi nói về chủ tướng trái ngược nhau như thế nào ?

b) Giải thích lí do của sự trái ngược đó.

2. Phân tích diễn biến trong cách nói của Dít đối với anh rể (Tnú) trong đoạn trích sau đây :

Dít nhìn Tnú bằng đôi mắt ấy rất lâu, trong khi bốn, năm đứa bé, đứa nào cũng tranh chỗ ngồi gần chị Dít. Rồi chị hỏi Tnú, giọng hơi lạnh lùng :

– Đồng chí về có giấy không ?

Tnú không hiểu :

– Giấy gì ?

– Giấy cấp trên cho nghỉ phép đó. Không có giấy, trốn về thì không được. Ủy ban phải bắt thôi.

Tnú cười ỏ. Anh định đùa, bảo nhớ làng quá trốn về thăm làng một bữa, nhưng nhìn đôi mắt nghiêm khắc của Dít và nghe cái im lặng chờ đợi xung quanh, anh mở túi áo, lấy một mảnh giấy nhỏ đưa cho chị.

– Báo cáo đồng chí chính trị viên xã đội...

Dít cầm tờ giấy, soi lên ánh lửa. Hàng chục cái đầu chụm lại, mấy đứa bé lấp bắp đánh vần. Dít đọc rất lâu, đọc đi đọc lại đến ba lần. Cụ Mết hỏi :

– Đúng chứ ? Nó có phép chứ ?

Dít đưa trả lại cho Tnú. Bảy giờ chị mới cười :

– Đúng rồi, có chữ kí người chỉ huy. Sao anh về có một đêm thôi ?

Rồi chị trả lời :

– Thôi cũng được. Về một đêm cho làng thấy mặt là được rồi. Bọn em miệng đứa nào cũng nhắc anh mãi.

(Nguyễn Trung Thành – *Rừng xà nu*)

3. Trong đoạn trích sau, cách nói năng của bá Kiến (cụ) đối với "mấy bà vợ" và đối với "bọn người làng" là có khác nhau. Tại sao như thế ?

Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xía chực tâng công với chồng :

– Các bà đi vào nhà ; đàn bà chỉ lòi thôi, biết gì ?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút :

– Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chú ! Có gì mà xúm lại như thế này ?

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi.

(Nam Cao – *Chí Phèo*)

4. Đọc đoạn trích sau và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

Mọi người ngồi yên, một ông đàn anh ra lệnh :

– Hàng xóm đã đến đông đủ ! Thằng Mới đem làm cỗ đi !

Thì ra cái người đội mâm xôi gà lúc nãy chính là mõ làng. Hấn dạ một tiếng thật dài rồi khép nép đứng tựa bên cột :

– Thưa các cụ làm bao nhiêu cỗ ?

Ông đàn anh ấy lại lên giọng :

– Mà trông xem có bao nhiêu người kiến tại.

Thằng Mới liếc mắt một lượt từ trong nhà ra đến ngoài thềm, rồi thưa :

– Bẩm ba mươi tất cả.

(Ngô Tất Tố – *Việc làng*)

a) Trong đoạn đối thoại trên, ai là người điều khiển ?

b) Ngôn ngữ (và cử chỉ) của "ông đàn anh" và mõ làng thể hiện quan hệ vị thế trong giao tiếp như thế nào ?

5. Viết một đoạn đối thoại ngắn, có ba nhân vật : thầy (cô) chủ nhiệm, học sinh và bố (mẹ) của học sinh ấy.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Biết đề xuất nhận xét, đánh giá về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.*
- *Có kĩ năng vận dụng các thao tác lập luận để viết bài nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.*

Đọc các đề văn sau và thực hành tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý, xác định các thao tác lập luận.

1. Nội dung và nghệ thuật châm biếm, đả kích trong truyện ngắn "Vi hành" của Nguyễn Ái Quốc.

2. Phát biểu suy nghĩ của anh (chị) khi đọc đoạn văn miêu tả thác nước và "thạch trận" mà ông lái đò sông Đà phải vượt qua trong tác phẩm *Người lái đò Sông Đà* của Nguyễn Tuân.

3. Bình luận về nhân vật Mị (hoặc A Phủ) trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

Gợi ý :

Đề 1

a) *Tìm hiểu đề, tìm ý*

– Đề văn nghị luận này chỉ nêu đề tài mà không nêu mệnh lệnh "phân tích", "bình luận", "suy nghĩ" như các đề khác thì nên hiểu như thế nào ? Nếu đề tài là

một cách nêu đề nghị luận. Người làm bài phải trình bày ý kiến của mình về vấn đề được nêu trong đề tài.

– Chúng ta đã biết "*Vi hành*" là một truyện ngắn châm biếm, đả kích tên vua bù nhìn Khải Định, nhưng ngoài hẳn ra, tác giả còn đả kích, châm biếm những đối tượng nào ? Trong một truyện ngắn, người ta thường chỉ tập trung đả kích một số đối tượng. Với mỗi đối tượng lại chỉ có thể châm biếm, đả kích một số phương diện nào đó. Hiểu đề như vậy, thì truyện ngắn "*Vi hành*" có những nội dung đả kích, châm biếm nào ?

– Tác giả đã châm biếm, đả kích như thế nào, bằng cách nào, giọng văn và từ ngữ được sử dụng ra sao ?

b) *Lập dàn ý*

– Mở bài : Giới thiệu tác phẩm "*Vi hành*" của Nguyễn Ái Quốc.

– Thân bài : Nêu nội dung và nghệ thuật châm biếm, đả kích trong truyện ngắn. Mỗi ý cần viết thành một đoạn văn.

– Kết bài : Nhận định chung về sức mạnh châm biếm, đả kích của tác phẩm.

c) *Xác định các thao tác lập luận* : Khi tìm hiểu đề và tìm ý như trên, cần sử dụng những thao tác lập luận nào ?

Làm văn nghị luận thường không thể thiếu được các thao tác giới thiệu, thuyết minh, phân tích, bình luận,... Muốn phân tích, bình luận vấn đề gì thì trước hết cần phải giới thiệu vấn đề ấy cho người đọc biết, tức là nêu vấn đề. Trước khi nêu vấn đề, cần giới thiệu đoạn văn, tác phẩm và nhà văn. Thuyết minh có các biện pháp mô tả, liệt kê cho người ta thấy vấn đề hay hiện trạng,... Phân tích có các biện pháp chia tách đối tượng thành từng phần nhỏ, tìm cách so sánh để nêu bật đặc điểm, ý nghĩa. Quy nạp là cách từ các trường hợp riêng lẻ, cụ thể quy thành các vấn đề chung. Bình luận là nêu nhận định đánh giá, khái quát về đoạn văn.

Đề 2

a) *Tìm hiểu đề, tìm ý*

– Đây là đề văn có giới hạn tư liệu và yêu cầu cụ thể. Người làm bài cần đọc kĩ đoạn văn và phát biểu suy nghĩ của mình về cảnh thác nước và "thạch trận" mà ông lái đò sông Đà phải vượt qua.

– Đoạn văn có thể gợi ra những suy nghĩ về thiên nhiên hung bạo trong cảm quan của nhà văn, về tinh thần dũng cảm và tài nghệ khéo léo của người lái đò trên sông Đà, về cách miêu tả độc đáo của nhà văn, bút pháp nhân cách hoá, sự vận dụng kiến thức về binh pháp cổ xưa làm cho cảnh thác nước hung dữ trở nên sống động, hấp dẫn. Đoạn văn là một cuộc biểu diễn ngoạn mục về trí tưởng tượng độc đáo, cách miêu tả thiên nhiên sinh động và vốn từ vựng phong phú của nhà văn. Người viết cũng có thể nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên trong đoạn văn.

b) *Lập dàn ý*

Học sinh tự lập dàn ý trên cơ sở các ý đã tìm ở trên.

c) *Xác định các thao tác lập luận* : Tìm những thao tác lập luận phù hợp.

Đề 3

Dựa vào cách làm trên của *Đề 1* và *Đề 2* để tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý cho đề này.

VỢ NHẬT

KIM LÂN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Thấy được một cách thấm thía nạn đói khủng khiếp do bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật gây ra năm 1945 ; nhận thức được niềm khát khao hạnh phúc gia đình và niềm tin vào cuộc sống của người dân lao động.*
- *Hiểu được nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm ở các phương diện : trần thuật, sáng tạo tình huống truyện, diễn tả tâm lí, gợi không khí, dựng đối thoại,...*

TIỂU DẪN



Kim Lân (1920 - 2007) tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, Kim Lân chỉ được học hết bậc Tiểu học. Ông vừa làm thợ vừa viết văn. Năm 1944, Kim Lân tham gia Hội Văn hoá cứu quốc và từ đó liên tục hoạt động văn nghệ phục vụ cách mạng và kháng chiến (viết văn, làm báo, diễn kịch, đóng phim,...). Kim Lân được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2001.

Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gần bó tha thiết với quê hương và cách mạng.

Tác phẩm chính : *Nên vợ nên chồng* (tập truyện ngắn, 1955), *Con chó xấu xí* (tập truyện ngắn, 1962).

Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân, rút từ tập Con chó xấu xí. Văn bản sau đây có lược một số đoạn.

*

* *

(Lược phần đầu : Trước kia mỗi chiều đi làm về, Tràng chỉ đi một mình. Anh thường đùa một cách hồn nhiên với lũ trẻ trong xóm ngụ cư. Nhưng độ này người ta thấy, trên đường về nhà, Tràng tỏ ra mệt mỏi, về mặt đêm chiều, lo lắng... và lũ trẻ cũng ngồi ủ rũ không buồn ra đón anh nữa).

Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình, đội chiếu⁽¹⁾ lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường. Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây của xác người.

Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phớn phở khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Thị cắp cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàng nghiêng nghiêng che khuất đi nửa mặt. Thị có vẻ rón rén, e thẹn. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như ngày trước, Tràng vội vàng nghiêm nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, đột nhiên có đứa gào lên :

– Anh Tràng ơi ! – Tràng quay đầu lại. Nó lại cong cổ gào lên lần nữa – Chông vợ hài⁽²⁾ !

Tràng bật cười :

– Bớ ranh !

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Thị nháu đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo. Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ

(1) *Đội chiếu* : lấy cái chiếu cuộn lại, buộc túm một đầu, chụp lấy đầu và cuộn quanh người mà đi để chống rét. Đây là hình ảnh rất phổ biến ở miền Bắc nước ta thời kì xảy ra nạn đói khủng khiếp giết chết hơn hai triệu người vào mùa đông năm 1944 và mùa xuân năm 1945.

(2) *Chông vợ hài* (nói lái) : hai vợ chồng.

cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo xù xì, bóng những người đói dật dờ đi lại lạng lẽ như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ cứ gào lên từng hồi thê thiết.

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lùi thui đi về bến, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dưng rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ. Một người thở dài. Người khác khẽ thì thầm hỏi :

- Ai đấy nhỉ ?... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên ?
- Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ⁽¹⁾ có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.
- Quái nhỉ ?

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc.

- Hay là vợ anh cu Tràng ? Ừ khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thên thện hay đáo để.

- Ôi chao ! Giời đất này còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không ?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn đồn cả về phía mình, thị càng ngượng ngịu, chân nọ bước dúi cả vào chân kia. Hắn cũng biết thế, nhưng hắn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình.

(Lược một đoạn : Hai vợ chồng trên đường về nhà. Người đàn bà thì ngượng ngịu, Tràng thì có vẻ thích chí và tự đắc. Thỉnh thoảng họ trò chuyện với nhau bằng thứ ngôn ngữ nhất gừng, ngượng ngùng, vụng về, lúng túng....).

Thị lẳng lặng theo hắn vào trong nhà, cái nhà vắng teo đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhắc tấm phen rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hắn quay lại nhìn thị cười cười :

(1) Còn mồ ma ông cụ Tứ : lúc ông cụ Tứ còn sống.

– Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy !

Thị nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đơn giản :

– Ngồi đây !... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hần ngồi móm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng ngịu. Tràng đứng tây ngậy giữa nhà một lúc, chợt hần thấy sờ sợ. Chính hần cũng không hiểu sao hần sợ, hần lấm lét bước vội mấy bước ra sân gắt lên :

– Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết !

Hần loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Thị vẫn ngồi móm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt buồn thỉu.

Hần nghĩ bụng : "Quái sao nó lại buồn thế nhỉ ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ ?...". Hần nhỏ vu vơ một bãi nước bọt, tùm tùm cười một mình. Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hần vẫn còn ngờ ngợ như không phải thế. Ra hần đã có vợ rồi đấy ư ? Hà ! Việc xảy ra thật hần cũng không ngờ, hần chỉ tâm phơ tâm phào đâu có hai bận, ấy thế mà thành vợ thành chồng...

Ít lâu nay hần xe thóc Liên đoàn⁽¹⁾ lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đấy. Hần đoán họ ngồi đấy nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hần đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hần hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hần hò rằng :

Muốn ăn cơm trắng mấy giò này !

Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì !

Chủ tâm hần cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hần, cười như nắc nẻ :

– Kia anh ấy gọi ! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy !

Thị cong cớn :

– Có khối cơm trắng mấy giò đấy ! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy ?

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười :

– Thật đấy, có đấy thì ra mau lên !

Thị vùng đứng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

(1) Liên đoàn : tổ chức chuyên thu mua thóc cho phát xít Nhật thời gian chúng chiếm đóng nước ta.

– Đã thật thì đấy chứ sợ gì, đằng ấy nhỉ. – Thị liếc mắt, cười tít.

Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hắn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ tỉnh thì thị ở đâu sầm sập chạy đến. Thị đứng trước mặt hắn sừng sĩa nói :

– Điều ! Người thế mà điều !

Hắn giương mắt nhìn thị, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra thị là ai. Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đĩa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

– Hôm ấy leo lẻo cái mồm hẹn xuống, thế mà mất mặt.

À, hắn nhớ ra rồi, hắn toét miệng cười.

– Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hẵng ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

– Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

– Đấy, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi.

– Rích bố cu⁽¹⁾, hờ !

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị don đả :

– Ăn thật nhá ! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở :

– Hà, ngon ! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười :

– Làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn⁽²⁾, nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng⁽³⁾. Sau không biết nghĩ thế nào hắn tặc lưỡi một cái :

(1) *Rích bố cu* (tiếng Pháp bồi, nguyên văn là *riche beaucoup*) : rất giàu.

(2) *Chợn* : sợ.

(3) *Đèo bồng* : mang thêm, vướng bận thêm vào mình một cái gì rất khó gỡ ra được ("Vì cam cho quýt đèo bồng - Vì em nhan sắc nên lòng anh thương" – ca dao).

– Chắc, kẹ !

Hôm ấy hấn đưa thị vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho thị cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

Tràng chợt đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài đầu ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre lọng khọng đi vào. Bà lão vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng. Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà :

– U đã về đấy !

Hấn lật đật chạy ra đón.

– Hôm nay sao u về muộn thế ! Làm tôi đợi nóng cả ruột.

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chặm chặm hỏi :

– Có việc gì thế vậy ?

– Thì u hẵng cứ vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phồng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia ? Sao lại chào mình bằng u ? Không phải con cái Đức mà. Ai thế nhỉ ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhòen vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhòen ra thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười :

– Thì u hẵng vào ngồi lên giường lên giéc chính chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị cật tiếng chào lần nữa :

– U đã về ạ !

Ô hay, thế là thế nào nhỉ ? Bà lão bắn khoăn ngồi xuống giường. Tràng nhắc mẹ :

– Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hấn bước lại gần nói tiếp :

– Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ạ ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi,

những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

Bà lão khẽ thở dài ngừng lên, đắm đắm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ : Người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy đến con mình. Mà con mình mới có vợ được... Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này⁽¹⁾ thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giời bắt chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được ?

Bà lão khẽ dặng háng một tiếng, nhẹ nhàng nói với "nàng dâu mới" :

– Ủ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hấn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời :

– Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra may mà ông giời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời ? Có ra thì rồi con cái chúng mày về sau.

Bà lão đắm đắm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa dòng sông sáng trắng uốn khúc trong cánh đồng tối. Mùi đốt đồng rấm⁽²⁾ ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không ?...

– Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật :

– Kể có ra làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhận chỉ cái lúc này. Cốt làm sao chúng mày hoà thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá...

Bà cụ nghẹn lời không nói được nữa, nước mắt cứ chảy xuống ròng ròng.

(1) *Tao đoạn này* : thời buổi này (ở đây có nghĩa là thời buổi khó khăn).

(2) *Đốt đồng rấm* : thường là đốt một đồng trâu cho cháy âm ỉ. Ở đây đốt đồng rấm cốt có khói để xua bớt hơi lạnh người chết.

(*Lược một đoạn : Cảnh gia đình trước khi đi ngủ. Tràng và vợ sượng sùng chẳng biết nói gì. Ngoài xóm có tiếng hờ khóc vọng đến từ những gia đình có người chết đói*).

Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hắn có vợ đến hôm nay hắn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chấp hai tay sau lưng lững lờ bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xối vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hắn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên⁽¹⁾ ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang⁽²⁾ nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước⁽³⁾ đầy ắp. Đống rác mùn tung-bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giấy những búi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu :

- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.
- Vâng.

Người đàn bà lẳng lặng đi vào trong bếp. Tràng nom thị hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu đúng mực không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn⁽⁴⁾ như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải vì mới làm dâu mà thị tu chí làm ăn không ? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn⁽⁵⁾ thu dọn, quét tước

(1) *Khươm mười niên* (khẩu ngữ) : rất lâu rồi.

(2) *Ang* : đồ đựng nước bằng gốm.

(3) *Kín nước* : mang (gánh, xách,...) nước về để dùng cho sinh hoạt.

(4) *Chao chát, chỏng lỏn* : nói năng đánh đá, xác xược, trái nghĩa với *dịu dàng, lễ phép*.

(5) *Xăm xắn* : mau mắn, hăng hái.

nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nền nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con cháu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này :

– Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hoà hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niều cháo loãng bỗng, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẩn.

Bà lão đặt đĩa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ :

– Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bung ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười :

– Chè đây – Bà lão múc ra một bát – Chè khoán⁽¹⁾ đây, ngon đáo để cơ.

Người con cháu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thì tối lại. Thị diễm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đơn dả :

– Cắm đậy mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cắm mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đũa, gọt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hắn chun ngay lại, miếng cắm đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lẩn, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hót hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vùn trên nền trời như những đám mây đen.

(1) *Chè khoán* : một thứ chè ngon nấu bằng đỗ xanh đãi sạch vỏ, nấu nhuyển và đặc, đổ ra đĩa, để nguội và cắt thành từng miếng. Đây là tiếng địa phương vùng quê tác giả (ở nhiều nơi khác gọi là *chè kho*).

Người con dâu khẽ thở dài, thị nói lí nhí trong miệng :

– Trống gì đấy, u nhỉ ?

– Trống thúc thuế đấy. Đằng thì nó bắt giống đấy, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... – Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lẫm, thị lẩm bẩm :

– Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à ?

Im lặng một lúc thị lại tiếp :

– Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó dăm dăm. Miếng cám ngậm trong miệng hắn đã bã ra chất xít... Hắn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật.

Tràng hỏi vội trong miếng ăn :

– Việt Minh phải không ?

– Ủ, sao nhà biết ?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm.



Phá kho thóc Nhật

(Ảnh : Thông tấn xã Việt Nam – Võ An Ninh)

Hôm ấy hắn lảng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì sợ quá, kéo vội xe thóc của Liên đoàn tắt cánh đồng đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người đói. Tự dung hắn thấy ân hận, tiếc rẻ vẫn vợ, khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

(Truyện ngắn Việt Nam 1945 - 1985,

NXB Giáo dục, 1985)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Dựa vào mạch truyện, có thể chia văn bản trên đây làm mấy phần ? Hãy trình bày vấn đề nội dung mỗi phần. Mạch truyện được dẫn dắt hợp lí như thế nào ?
2. Giải thích vì sao có sự ngạc nhiên của mọi người khi thấy Tràng đi cùng một người đàn bà lạ về nhà. Sự ngạc nhiên của các nhân vật đó cho thấy tác giả đã sáng tạo được một tình huống truyện độc đáo như thế nào ? Tình huống truyện như thế có tác dụng gì đối với nội dung, ý nghĩa của tác phẩm ?
3. Anh (chị) hiểu thế nào về hai chữ "vợ nhặt" ? Qua hiện tượng "nhặt được vợ" của Tràng, anh (chị) có suy nghĩ gì về thân phận người dân nghèo và nạn đói năm 1945 ?
4. Vì sao bà cụ Tứ ngạc nhiên khi thấy có một người đàn bà lạ trong nhà mình cùng với con trai ? Khi biết con mình "nhặt" được vợ, tại sao bà cụ nói : "Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau, u cũng mừng lòng", sau đó lại nói : "Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá" ?
5. Phân tích sự giống và khác nhau trong tâm trạng của các nhân vật : Tràng, bà cụ Tứ và vợ Tràng (riêng đối với nhân vật này, cần so sánh tâm lí thể hiện ở hành vi, cách ăn nói của chị ta khi gặp Tràng lần đầu và khi đã trở thành vợ Tràng). Buổi sáng ngày đầu tiên Tràng có vợ, vì sao "Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hoà hợp như thế" ?
6. Anh (chị) hãy cho biết bằng cách nào tác giả đã tạo ra được, một cách rất cụ thể, không khí ở nông thôn nước ta trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Anh (chị) có nhận xét gì về chiều sâu và tính chất độc đáo trong nghệ thuật phản ánh hiện thực (hiện thực xã hội và hiện thực tâm lí các nhân vật) của truyện ngắn *Vợ nhặt* ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Người kể chuyện và điểm nhìn trần thuật

Câu chuyện không thể tự kể ra, mà phải giả định do ai biết, nhìn thấy và kể lại. Người kể chuyện có thể là người giấu mình (thường gọi là "người kể theo ngôi thứ ba") hay là người lộ diện như là một trong số nhân vật của truyện (thường xưng "tôi"). Nhưng dù là ai, người kể chuyện phải lựa chọn điểm nhìn trần thuật – tức là vị trí để quan sát và kể chuyện.

Người kể chuyện giấu mình trong *Vợ nhặt* bắt đầu kể chuyện Tràng dẫn vợ về từ bối cảnh chết chóc của làng quê, từ cặp mắt ngạc nhiên của những người dân trong xóm. Cảnh gặp người đàn bà được kể bởi điểm nhìn của Tràng, cảnh về nhà giới thiệu vợ với mẹ cũng được kể theo con mắt Tràng, tiếp đó chuyển sang kể theo con mắt quan sát và suy nghĩ của bà mẹ. Cảnh sáng hôm sau ngủ dậy được kể qua cảm giác tràn đầy hạnh phúc của Tràng, sự quan sát của anh về những biến đổi của người vợ. Đoạn kết cũng được kể qua ý thức của Tràng. Điểm nhìn trần thuật ấy đã di chuyển từ vị trí này sang vị trí khác, nhưng luôn dành cho Tràng một vị trí trung tâm, hé mở cho thấy từ khát vọng hạnh phúc lứa đôi, Tràng đã mơ hồ cảm thấy phải tham gia vào hành động chung của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Việt Minh để tự giải phóng.

Điểm nhìn trần thuật giống như ống kính, có vai trò dẫn dắt người đọc quan sát các chi tiết và diễn biến có ý nghĩa đặc biệt của truyện. Khi đọc truyện cần theo dõi điểm nhìn trần thuật để lĩnh hội được ý nghĩa của tác phẩm.

LUYỆN TẬP VỀ NHÂN VẬT GIAO TIẾP

(Tiếp theo)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Biết vận dụng hiểu biết về nhân vật giao tiếp vào việc đọc - hiểu và tạo lập văn bản.

1. So sánh ngôn ngữ của ông lí và anh Mịch trong đoạn trích sau đây để làm rõ quan hệ vị thế của hai nhân vật này trong giao tiếp.

Anh Mịch nhăn nhó, nói :

– Lạy ông, ông làm phúc tha cho con, mai con phải đi làm trừ nợ cho ông nghị, kéo ông ấy đánh chết.

Ông lí cau mặt, lắc đầu, giơ roi song to bằng ngón chân cái lên trời, dậm dậm :

– Kệ mày, theo lệnh quan, tao chiếu sổ đình. thì lần này đến lượt mày rồi.

– Cẩn cô con lạy ông trăm nghìn mớ lạy, ông mà bắt con đi thì ông nghị ghét con, cả nhà con khổ.

– Thì mày hẹn làm ngày khác với ông ấy, không được à ?

– Đối với ông nghị, con là chỗ đầy tớ, con sợ lắm. Con không dám nói sai lời, vì là chỗ con nhờ vả quanh năm. Nếu không, vợ con con chết đói.

– Chết đói hay chết no, tao đây không biết, nhưng giấy quan đã sức, tao cứ phép tao làm. Đứa nào không tuân, để quan gắt, tao trình thì rũ tù.

– Lạy ông, ông thương phận nào con nhờ phận ấy.

– Mặc kệ chúng bay, tao thương chúng bay, nhưng ai thương tao. Hôm ấy mày mà không đi, tao sai tuần đến gõ cổ lại, đừng kêu.

(Nguyễn Công Hoan – Tinh thần thể dục)

2. Lời lẽ, cử chỉ của Huấn Cao và của viên quản ngục trong đoạn trích sau khác biệt nhau như thế nào ? Nêu ý nghĩa của sự khác biệt đó.

Thay bút con, để xong lục khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đình đặc bảo :

– Ở đây lẩn lộn. Ta khuyên thầy Quán nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những chữ nét vuông tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. [...]

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chấp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỏ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào : "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh".

(Nguyễn Tuân – Chữ người tử tù)

3. Phân tích sự thay đổi thái độ của chị Dậu đối với tên cai lệ qua ba câu nói của chị trong đoạn trích sau.

Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé con xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn :

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho.

– Tha này, tha này !

Vừa nói hần vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch, rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại :

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

Cai lệ tát vào mặt chị một cái bốp, rồi hần cứ nhảy vào cạnh anh Dậu, chị Dậu nghiêng hai hàm răng :

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !

(Ngô Tất Tố – Tắt đèn)

4. Sau đây là đoạn trích kể chuyện một người đàn bà bị chồng đánh đập tàn nhẫn, được triệu tập đến tòa án.

Người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chấp tay lại vái lia lịa :

– Con lạy quý tòa...

– Sao, sao?

– Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...

[...] Đang ngồi cúi gục xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người một, với một vẻ ban đầu hơi ngơ ngác.

– Chị cảm ơn các chú ! – Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khẩn thiết – Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Điều bộ khác, ngôn ngữ khác.

(Nguyễn Minh Châu – Chiếc thuyền ngoài xa)

a) Người đàn bà có "Điều bộ khác, ngôn ngữ khác" như thế nào ?

b) Tại sao người đàn bà lại thay đổi điều bộ và ngôn ngữ ?

5. Viết một đoạn đối thoại ngắn, có ba nhân vật : bà, cháu và ông chủ tịch phường (hoặc xã).

LỰA CHỌN VÀ NÊU LUẬN ĐIỂM

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Biết lựa chọn và nêu luận điểm xác đáng cho bài văn nghị luận.

Luận điểm là linh hồn của bài văn nghị luận. Luận điểm không xác đáng, không quan trọng, không gây chú ý thì bài văn nghị luận coi như không có ý nghĩa. Do đó, việc lựa chọn và nêu luận điểm có tầm quan trọng đặc biệt, cần được quan tâm đúng mức.

1. Cách lựa chọn luận điểm

Các đề văn nói chung đều cung cấp tài liệu và phạm vi vấn đề nghị luận nhưng để ngỏ phân luận điểm cho người làm bài đề xuất. Đối với mỗi vấn đề, người viết có thể nêu ra nhiều luận điểm khác nhau làm nội dung cho bài nghị luận của mình. Các luận điểm nêu ra cần phải rõ ràng, sát hợp với đề, phải đúng đắn, có tính khái quát và có ý nghĩa đối với thực tế xã hội. Cao hơn nữa, luận điểm phải mới mẻ, sâu sắc.

Ví dụ, đối với đề văn nghị luận : "Thật thà là đại chăng ?", có học sinh viết : "Thật thà có đại đột hay không ? Có người bảo đại, có kẻ bảo khôn. Theo em thì đại hay khôn tùy trường hợp mà nói". Cách nêu luận điểm như vậy xem ra có vẻ đúng, nhìn nhận sự việc tùy theo trường hợp cụ thể, nhưng xét kĩ thì không đúng, bởi thật thà là một phẩm chất tốt : sống tự nhiên, trung thực, không gian dối, giả tạo. Cần phải khẳng định trước hết, thật thà là một phẩm chất tốt đẹp ; thứ hai, thật thà là khôn chứ không phải đại. Thật thà là một trong năm điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy thiếu nhi Việt Nam. Dân gian khẳng định thật thà còn hơn cả khôn ngoan : "Khôn ngoan chẳng lọ thật thà - Luôn thung chảo đầu chẳng qua đong đầy". Thật thà làm cho mọi việc được thực hiện đúng yêu cầu (loại bỏ sự gian dối). Thật thà đem lại sự tin cậy lẫn nhau. Thật thà làm cho cuộc sống thanh thản. Chỉ những ai sống trung thực, trong sáng mới có thể thật thà và quý trọng sự thật thà. Xem "thật thà là đại" chỉ đúng với một vài trường hợp đặc thù (như không thể thật thà với kẻ địch) hoặc chỉ phù hợp với tâm lí của những người thiếu trung thực : nói dối, làm dối nhằm mưu lợi riêng. Đối với các vấn đề

tư tưởng, đạo lí, thái độ của người làm văn nghị luận cần phải dứt khoát, rõ ràng, không được mơ hồ.

Với đề "Chăm chỉ và tài năng", có học sinh mở đầu bằng luận điểm "Tài năng là của hiếm", như vậy sẽ xa đề, khó bàn quan hệ với chăm chỉ. Cần xem tài năng là năng lực giải quyết công việc đúng đắn, kịp thời, phù hợp với thực tế và lợi ích lâu dài. Năng lực đó có thể hình thành do quá trình chăm chỉ lao động trong một lĩnh vực chuyên môn nào đó.

Đối với đề yêu cầu bình luận hiện tượng trong kì thi tuyển sinh đại học có hàng nghìn thí sinh bị xử lí kỉ luật vì sử dụng tài liệu, một học sinh nêu : "Bị xử lí kỉ luật là một việc đáng tiếc cho các bạn đã tốn công, tốn của học tập mười hai năm trời". Đó là một nhận định đúng, xét theo lợi ích cá nhân. Xét về mặt xã hội, cần nêu rõ : "Hiện tượng vi phạm quy chế thi nhiều như thế chứng tỏ tâm lí, đạo đức học sinh có vấn đề đáng suy nghĩ". Người làm văn nghị luận nên nhìn vấn đề với con mắt bao quát, có tính xã hội. Chẳng hạn, cần phải nói đó là hiện tượng đáng báo động về tâm lí, thái độ học tập thiếu nghiêm túc của không ít học sinh. Như vậy, trước một đề văn, sau khi tìm hiểu đề, việc tìm ý thực chất là lựa chọn luận điểm thích đáng, đúng đắn cho bài làm.

2. Cách nêu luận điểm

a) Việc nêu luận điểm không tách rời với cách nhìn và cách lập luận. Ví dụ đối với đề văn nghị luận : "Tuổi trẻ và xã hội", đầu tiên cần có khái niệm về xã hội, tuổi trẻ và mối quan hệ giữa xã hội và tuổi trẻ. Ở đây cần vận dụng thao tác lập luận giải thích, định nghĩa xác lập cách hiểu làm cơ sở, sau đó chọn cách nhìn để nêu luận điểm. Chẳng hạn, nhìn từ trách nhiệm xã hội đối với tuổi trẻ thì sẽ có một số đòi hỏi của tuổi trẻ đối với xã hội. Nhìn từ nghĩa vụ của tuổi trẻ đối với xã hội lại có những đòi hỏi của xã hội đối với tuổi trẻ. Có giải thích và có cách nhìn rồi, người viết bài có thể nêu các luận điểm trung tâm : xã hội phải chăm lo cho tuổi trẻ như chăm lo tương lai của mình ; tuổi trẻ phấn đấu để xứng đáng với mong muốn của xã hội, v.v. Cần cụ thể hoá luận điểm trung tâm thành từng luận điểm bộ phận. Người làm văn có thể lựa chọn một góc nhìn để tập trung luận bàn về một mặt của vấn đề : tuổi trẻ đối với xã hội, hoặc bàn về mặt kia : xã hội đối với tuổi trẻ.

b) Mọi thao tác lập luận đều có thể được dùng làm cơ sở để nêu luận điểm. Ví dụ đối với nhóm đề mở, học sinh cần vận dụng thao tác định nghĩa, giải thích và

xác lập quan hệ để nêu ra luận điểm. Đối với nhóm đề có giới hạn thì trước hết cần vận dụng thao tác phân tích, tổng hợp, quy nạp, sau đó mới bình luận (nêu nhận định, đánh giá) ; hoặc giải thích, định nghĩa rồi mới phân tích.

LUYỆN TẬP

Bình luận truyện ngụ ngôn sau đây và thực hiện yêu cầu ở dưới.

NGƯỜI MÙ SỜ VOI

Ngày xưa có ông vua sai đại thần dắt đến một con voi cho bọn người mù sờ xem. Sau đó vua hỏi : "Các ông đã biết voi chưa ?".

- Biết rồi ! – Bọn người mù đáp.
 - Thế voi như thế nào ?
 - Voi xem ra như cái đòn xóc. – Người sờ ngà voi bảo.
 - Voi như cái quạt. – Người sờ tai nói.
 - Voi như tảng đá. – Người sờ đầu voi đáp.
- Người sờ vòi lại bảo : "Voi giống như cái chày".
- Voi giống như cái hộp gỗ. – Người sờ mắt voi nói.
 - Không phải, voi như cái giường. – Người sờ lưng voi khẳng định.
 - Theo tôi con voi như cái thùng to. – Người sờ bụng voi kêu lên.
 - Đừng cãi nhau nữa, con voi như sợi dây thùng. – Người sờ đuôi xác nhận.
- Nhà vua nghe bọn người mù tranh cãi nhau, cảm khái nói :

*Người mù thì rất đông
Còn voi chỉ có một
Ai cũng cho mình đúng
Đúng sai thật hất đống.*

(TĐS dịch từ sách *Cầm hoa mỉm cười* của Trung Quốc)

Yêu cầu : Nêu các luận điểm về ý nghĩa của truyện. Chọn luận điểm quan trọng nhất, có ý nghĩa xã hội sâu rộng làm luận điểm trung tâm. Khi bình luận, cần chú ý sự khác biệt của truyện này so với truyện *Thấy bói xem voi* của Việt Nam.

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

(Trích)

NGUYỄN THI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người dân Nam Bộ, qua đó hiểu được lòng yêu nước, căm thù giặc là sức mạnh tinh thần to lớn của nhân dân ta trong công cuộc chống Mỹ cứu nước.*
- *Phân tích được những đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật, đặc biệt là cách diễn tả tâm lí, khắc hoạ tính cách, cá tính nhân vật qua lời độc thoại nội tâm và đối thoại.*

TIỂU DẪN



Nguyễn Thi (1928 - 1968) tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca (bút danh khác : Nguyễn Ngọc Tấn), quê ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sớm mồ côi cha từ năm mười tuổi, mẹ đi bước nữa, Nguyễn Thi phải chịu vất vả, tủi cực từ nhỏ. Năm 1943, một người anh đưa ông vào Sài Gòn. Năm 1945, ông tham gia cách mạng và sau đó gia nhập lực lượng vũ trang. Nguyễn Thi vừa cầm súng chiến đấu vừa hăng hái hoạt động văn nghệ (vẽ tranh, soạn bài hát, sáng tác điệu múa,...).

Năm 1954, Nguyễn Thi tập kết ra Bắc, cộng tác ở tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Thời gian này ông viết truyện ngắn với bút danh Nguyễn Ngọc Tấn. Năm 1962, ông tình nguyện trở về miền Nam đánh giặc. Nguyễn Thi hi sinh ở mặt trận Sài Gòn, trong cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân (1968). Cuộc đời nhiều bất hạnh, hoàn cảnh riêng đầy éo le đã tạo nên ở Nguyễn Thi một tâm hồn giàu suy tư, hiểu đời, hiểu người sâu sắc. Ông đặc biệt gần gũi với nhân dân miền Nam bằng một tình cảm thủy chung ân nghĩa mà ông muốn trút cả vào những trang viết của mình.

Có thể nói Nguyễn Thi là nhà văn của người nông dân Nam Bộ, những con người hồn nhiên, yêu đời, bộc trực, căm thù ngùn ngụt đối với quân cướp nước. Nguyễn Thi là cây bút có biệt tài phân tích tâm lí con người, có khả năng nhập sâu vào nội tâm nhân vật của mình, tạo nên những trang viết vừa giàu chất trữ tình vừa đầy chất sống hiện thực, với những hình tượng, những tính cách gân guốc, có cá tính mãnh liệt.

Sáng tác của Nguyễn Thi gồm nhiều thể loại : thơ, bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết,... Các tác phẩm chính được sưu tập trong *Truyện và kí* xuất bản năm 1978. Nguyễn Thi được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 2000.

Những đứa con trong gia đình là một trong những truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Thi, rút từ tập *Truyện và kí*. Văn bản dưới đây có lược một số đoạn.

*

* *

(Lược phần đầu : *Việt là một chiến sĩ Giải phóng quân, vừa qua tuổi vị thành niên. Anh xuất thân từ một gia đình nông dân Nam Bộ có thù sâu đối với Mĩ – nguy : ông nội và bố Việt đều bị chúng giết. Mẹ Việt, một mặt phải vất vả làm lụng nuôi con, mặt khác phải đương đầu với những đe dọa, hăm dọa của giặc, cuối cùng cũng chết vì bom đạn. Gia đình chỉ còn lại Việt, chị Chiến, "thằng Út em", chú Năm và một người chị nuôi lấy chồng xa. Tóm lại, Việt và Chiến là những đứa con của một gia đình có truyền thống cách mạng vẻ vang, nhưng đồng thời cũng phải chịu nhiều tổn thất nặng nề do tội ác của Mĩ – nguy. Tất cả đã được chú Năm ghi chép một cách đầy tự hào vào một "cuốn sổ gia đình".*

Việt và chị Chiến hăng hái tòng quân giết giặc. Việt nhỏ tuổi, đồng đội gọi thân mật là "cậu Tư". Anh gắn bó với đơn vị, đặc biệt với tiểu đội trưởng Tánh, trong tình ruột thịt. Ở anh luôn luôn sôi nổi một tinh thần chiến đấu, quyết lập được nhiều chiến công để cùng với chị trả thù cho ba má. .

Trong trận chiến đấu ác liệt tại một khu rừng cao su, Việt đã diệt được một xe bọc thép của giặc, nhưng đồng thời cũng bị thương nặng, phải nằm lại chiến trường và lạc đồng đội. Anh ngất đi, tỉnh lại nhiều lần. Mỗi lần tỉnh lại, dòng hồi ức lại đưa anh trở về với những kỉ niệm thân thiết những ngày qua : kỉ niệm về má, chị Chiến, chú Năm, về đồng đội và anh Tánh,...).

Việt tỉnh dậy lần thứ tư, trong đầu còn thoáng qua hình ảnh của người mẹ. Đêm nữa lại đến. Đêm sâu thăm thẳm, bắt đầu từ tiếng đé gáy u u cao vút mãi lên.

Người Việt như đang tan ra nhè nhẹ. Ước gì bây giờ lại được gặp má. Phải, ví như lúc má đang bơi xuống, má sẽ ghé lại, xoa đầu Việt, đánh thức Việt dậy, rồi lấy xoong cơm đi làm đồng để ở dưới xuống lên cho Việt ăn... Nhưng mấy giọt mưa lất phất trên cổ làm Việt choàng tỉnh hẳn. Một sự vắng lặng như từ trên trời lao xuống chạy từ cổ Việt, lan dài cho tới ngón chân. Việt có một mình ở đây thôi ư? Câu hỏi bật ra trong đầu Việt rồi dội lại trong từng chân lông kẻ tóc. Cái cảm giác một mình bật lên một cách rõ ràng nhất, mênh mông nhất, trong đêm thứ hai này, khi Việt cảm thấy không còn bỏ đi được nữa, khi những hình ảnh thân yêu thường kéo đến rất nhanh rồi cũng vụt tan biến đi rất nhanh chỉ vì một cành cây gãy, một giọt mưa rơi trên mặt, hoặc một tiếng động nhỏ của ban đêm. Việt muốn chạy thật nhanh, thoát khỏi sự vắng lặng này, về với ánh sáng ban ngày, gặp lại anh Tánh, nín chặt lấy các anh mà khóc như thằng Út em vẫn nín chân chị Chiến, nhưng chân tay không nhấc lên được. Bóng đêm vắng lặng và lạnh lẽo bao tròn lấy Việt, kéo theo đến cả con ma cụt đầu vẫn ngồi trên cây xoài mồ côi và thằng chông⁽¹⁾ thụt lưỡi hay nhảy nhót trong những đêm mưa ngoài vòm sông⁽²⁾, cái mà Việt vẫn nghe các chị nói hồi ở nhà, Việt nằm thờ đốc...



Quân Giải phóng dùng mảnh truy kích địch
(Theo sách *Việt Nam 30 năm chiến tranh giải phóng 1945 - 1975*,
NXB Thông tấn, Hà Nội, 2004)

(1) *Thằng chông* : thằng chết trôi.

(2) *Vòm sông* : cửa sông nhỏ đổ vào sông lớn.

Một loạt đạn súng lớn văng vẳng dội đến âm ỉ trên ngọn cây. Rồi loạt thứ hai... Việt ngóc dậy. Rõ ràng không phải tiếng pháo lệnh lãng của giặc. Đó là những tiếng nổ quen thuộc, gom vào một chỗ, lớn nhỏ không đều, chen vào đó là những dây súng nổ vô hồi vô tận. Súng lớn và súng nhỏ quện vào nhau như tiếng mõ và tiếng trống đình đánh dậy trời dậy đất hồi Đồng khởi. Đúng súng của ta rồi ! Việt muốn reo lên. Anh Tánh chắc ở đó, đơn vị mình ở đó. Chà, nổ dữ, phải chuẩn bị lựu đạn xung phong thôi ! Đó, lại tiếng hụp hùm... chắc là một xe bọc thép vừa bị ta bắn cháy. Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ. Những khuôn mặt anh em mình lại hiện ra... Cái cằm nhọn hoắt ra của anh Tánh, nụ cười và cái nheo mắt của anh Công mỗi lần anh động viên Việt tiến lên... Việt vẫn còn đây, nguyên tại vị trí này, đạn đã lên nòng, ngón cái còn lại vẫn sẵn sàng nổ súng. Các anh chờ Việt một chút. Tiếng máy bay vẫn gầm rú hỗn loạn trên cao, nhưng mặc xác chúng. Kèn xung phong của chúng ta đã nổi lên. Lựu đạn ta đang nổ rộ...

Việt đã bò đi được một đoạn, cây súng đẩy đi trước, hai cùi tay lồi người theo. Việt cũng không biết rằng mình đang bò đi nữa, chính trận đánh đang gọi Việt đến. Phía đó là sự sống. Tiếng súng đã đem lại sự sống cho đêm vắng lặng. Ở đó có các anh đang chờ Việt, đạn ta đang đổ lên đầu giặc Mĩ những đám lửa dữ dội, và những mũi lê nhọn hoắt trong đêm đang bắt đầu xung phong...

*

* *

Ngày má chết rồi, ý nghĩ đi bộ đội cũng thôi thúc Việt như vậy. Nhưng hồi đó rắc rối hơn đêm nay bò tới mặt trận nhiều. Việt vừa ngỏ lời ra, chị Chiến đã giành đi trước. Hai đứa lớn đòi đi hết, còn thằng Út em mới mười tuổi, làm sao ? Việt đi đâu chị Chiến cũng dõm chừng, coi Việt có bọc quần áo theo không. Chị nói :

– Tao lớn tao mới đi, mày còn nhỏ, ở nhà phụ làm với chú Năm, qua năm hãy đi.

Việt đá trái dừa rụng dưới chân xuống nương cái đùng :

– Bộ mình chị biết đi trả thù à ?

– Hồi đó má nói cho tao đi, mày ở nhà làm ruộng với má, trọng trọng⁽¹⁾ rồi đi sau.

– Má nói hồi nào ?

(1) *Trọng trọng* (tiếng địa phương) : lớn lớn.

Má chết rồi, không biết ai mà phân chúng. Nhưng chị Chiến vẫn không chịu, việc này đâu có nhường được, chị sang vận động chú Năm.

Trong đêm mít tinh để ghi tên thanh niên tòng quân, trước mặt bà con cả xã, đèn sáng rực, anh cán bộ của huyện đội vừa dứt lời, cả hai chị em Việt giành nhau chạy lên.

– Tôi tên là Việt, anh cho tôi đi bộ đội với.

Chị Chiến đứng sau Việt, thở :

– Đề nghị mấy anh xét cho. Nó là em tôi mà cái gì nó cũng giành...

Đôi chân mày rộng của anh cán bộ cứ nhướng lên giữa trán, không hiểu chuyện gì. Bà con cô bác ở dưới bàn tán lao xao. Anh cán bộ hỏi Việt :

– Hai em là chị em ruột ?

– Dạ, nhà em ở ấp Một, em mười tám, chị Chiến em mười chín.

Việt dòm chị, mình đứng đâu có thua chị, tuy tóc chị có cao hơn mình một chút thật.

Chị Chiến nói :

– Đến Tết này nó mới được mười tám anh à ! Em nói để em đi trước, nó ở nhà, thùng thảng để chú Năm em thu xếp rồi hãy đi, mà nó không chịu.

Anh cán bộ nhìn hai bộ mặt bầu bầu cùng một khuôn có hai cái chót mũi hơi hớt lên của chị em Việt, rồi cười :

– Ba má có đi đây không em ?

– Dạ không.

– Ba má em chết rồi. – Chị Chiến nói thêm cho rõ.

Anh cán bộ đã cầm viết⁽¹⁾ rồi lại đặt xuống. Từ dưới sân, chú Năm bước lên. Chú nheo mắt nhìn chị em Việt, rồi nói với anh cán bộ :

– Tôi xin có một câu với đồng chí huyện đội. Hai đứa cháu tôi nó một lòng theo Đảng như vậy, tôi cũng mừng. Vậy xin trên cứ ghi tên cho cả hai. Việc lớn ta tính theo việc lớn, còn việc thỏn mỏn⁽²⁾ trong nhà tôi thu xếp khắc xong.

Đêm ấy thanh niên ghi tên tòng quân đông lắm.

(1) *Viết* : bút.

(2) *Thỏn mỏn* : nhỏ bé, lật vặt.

Cũng ngay đêm ấy, về tới nhà, trước khi ngủ, chị Chiến từ trong buồng nói với ra với Việt :

– Chú Năm nói mấy với tao đi kì này là ra chân trời mặt biển, xa nhà thì ráng học chúng học bạn, thù cha mẹ chưa trả mà bỏ về là chú chặt đầu.

Việt lăn kên ra ván, cười khì khì :

– Chị có bị chặt đầu thì chặt chớ chừng nào tôi mới bị.

– Tao đã thưa với chú Năm rồi. Đã làm thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu : Nếu giặc còn thì tao mất, vậy à !

Chà, chị Chiến bữa nay nói in như má vậy ! Cũng ở trong buồng mà nói với ra, cũng nằm với thằng Út em, ở trên cái giường đó. Việt nói :

– Chị biết vậy sao hồi nãy chị ngăn tôi ? Người ta mười tám rồi mà nói chưa...

– Hồi đó má tính tuổi cho mấy chớ bộ tao tính ha ?

Nhà day cửa ra sông, trong đêm vui náo nức này, đom đóm từ ngoài rặng bần cũng kéo vào đây nhà. Chúng bay chớp chớp như dò trên nóc rồi sà xuống trước mặt Việt. Chị Chiến cũng không ngủ được. Sắp tới đây biết bao nhiêu chuyện phải lo, ngay bây giờ cũng bao nhiêu chuyện phải nhớ. Cả chị cả em cùng nhớ đến má. Hình như má cũng đã về đâu đây. Má biến theo ánh đom đóm trên nóc nhà hay đang ngồi dựa vào mấy thúng lúa mà cầm nón quạt ? Đêm nay, để gì má vắng mặt, má cũng phải về dòm ngó coi chị em Việt tính toán việc nhà làm sao chớ ?

Chị Chiến lại nói với ra, đúng là cái giọng rành rọt tiếng nào ra tiếng nấy :

– Mai mấy viết thư cho chị Hai biết ghen ?

– Sắp đi tới nơi mà còn bắt viết thư.

– Thôi tao viết.

Chị Hai là con nuôi của má. Cha mẹ chị cũng vì một tay thằng Tây mà chết. Hồi ba dất về trao cho má, chị mới chín tuổi, ốm nhom, một mảng tóc bị bom xăng làm cháy còn sém như đuôi bò. Chị lớn tuổi hơn chị Chiến nên má đặt chị là thứ hai. Sống với gia đình được mấy năm thì một người chú bà con của chị xuống xin chị về dưới biển. Rồi chị lớn lên, lấy chồng, công tác luôn dưới đó. Sau này, mỗi năm đôi ba lần, chị lại vượt cánh đồng mấy chục cây số, lội qua mấy chục đôn bót giặc về thăm má, thăm em. Trừ mắc công tác thì thôi, còn thì trời sập chị cũng về, cứ một mình một nón mà đi. Có bữa về, dầm mưa trắng hết mặt mũi, chơi với em được một buổi chiều, ăn bữa cơm, ngủ với má một đêm, hùng đông lại tắt tuổi đi sớm.

Chị Chiến lại nói, giọng còn rành rọt hơn cả hồi nãy :

– Bây giờ chị Hai ở xa. Chị em mình đi thì thằng Út sang ở với chú Năm, chú nuôi. Còn cái nhà này ba má làm ra đó thì cho các anh ở xã mượn mở trường học. Chú Năm nói có con nít học ề a có gì nó quét dọn cho. Thằng Út cũng học ở đây. Mấy chịu không ?

Việt chụp một con đom đóm úp trong lòng tay :

– Sao không chịu ?

– Giường ván cũng cho xã mượn làm ghế học, nghen ?

– Hồi đó má dặn chị làm sao, giờ chị cứ làm y vậy, tôi chịu hết.

– Má dặn tao hồi nào ? Giờ còn có tao với mấy thôi. Nếu đồng ý thì nôi, lu, chén, đĩa, cốc, vá, đèn soi với nơm để gọi chú Năm. Chùng nào chị Hai ở dưới biển về làm giỗ má, chị có muốn lấy gì thì chị chờ về dưới, nghen ?

– Tôi nói chị tính sao cứ tính mà...

Chị Chiến cựa mình, làm như chị nghĩ ngợi lung lăm. Phải chị thờ dài rồi kêu thằng Út dậy đi hái nữa thì giống hệt như má vậy. Chị lại nói, lần này không gọi Việt bằng mày, mà bằng em và xưng chị :

– Còn năm công ruộng hồi trước mấy chú cấp cho ba má, giờ mình đi mình trao lại chi bộ đảng chia cho cô bác khác hẳn, nghen ? Hai công mía thì chùng nào tới mùa, nhờ chú Năm đốn, để dành đó làm đám giỗ ba má. Em cũng ừ nghen ?

– Ừ!

– Còn bàn thờ má em tính gởi đâu ? Gởi sang chú Năm cho thằng Út nó coi chùng hay là để chị Hai về đem đi ?

Việt khẽ ngóc đầu lên dòm bàn thờ. Từ này giờ đang mãi với ý nghĩ má đã về, nghe chị hỏi, Việt lại tin má đã về ngồi đầu đó thật. Việt nói :

– Mình đi đâu thì má đi theo đó chớ gì mà lo ?

– Vậy chớ ba má không theo con thì theo ai, nhưng mà cũng phải tính cho đâu ra đó chớ. Đem bàn thờ sang gởi chú Năm, em có ừ không ?

– Ừ!... Mà hồi đó má dặn chị vậy hả ?

– Má có biết má chết đâu mà dặn.

Việt sải chân ra giường :

– Vậy mà nói nghe in như má vậy.

Chị Chiến hứ một cái "cóc" rồi trở mình. May mà chị không bẻ tay rồi đập vào bắp về than mỗi.

Chị nói :

– Tao cũng lựa ý nếu má còn sống chắc má tính vậy, nên tao cũng tính vậy.

Đúng rồi, hèn chị nói nghe thiệt gọn. Vậy mà hồi nãy còn giành đi với mình. Việt nghĩ vậy, rồi ngủ quên lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, nghe chị Chiến nói, chú Năm cứ ngồi y trên ván nhìn hai cháu thiệt lâu. Một lát, chú nói :

– Khôn ! Việc nhà nó thu được gọn thì việc nước nó mở được rộng, gọn bề gia thế, đặng bề nước non. Con nít chúng bây kì đánh giặc này khôn hơn chú hồi trước. – Chú cười, đưa mấy ngón tay cứng còng chùi mắt. – Đây rồi tao giao cuốn sổ gia đình cho chị em bây. Gọi là giao vậy chớ đưa cho bây rồi bây lợi dùng dùng qua sông là hư hết. Gọi vậy chớ tao vẫn giữ, tao sẽ ghi cho hai đứa bây từng ngày.

Trong lúc chị Chiến xuống bếp nấu cơm, Việt đi câu ít con cá về làm bữa cúng má trước khi dời bàn thờ sang nhà chú, còn một mình ở nhà trên, chú Năm lại cất tiếng hò. Không phải giọng hò trong trẻo trong đêm bay ra hai bên bờ sông, rồi dội lại trên cái ghe heo chèo mướn của chú. Câu hò nổi lên giữa ban ngày, bắt đầu cất lên như một hiệu lệnh dưới ánh nắng chói chang, rồi kéo dài, từng tiếng một vỡ ra, nhún nhủ, tha thiết, cuối cùng ngắt lại như một lời thề dữ dội.

Cúng mẹ và cơm nước xong, mấy chị em, chú cháu thu xếp đồ đạc dời nhà. Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhắc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mối thù thằng Mĩ thì có thể sờ thấy được, vì nó đang đè nặng ở trên vai.

Hai chị em khiêng má băng tắt qua dây đất cày trước cửa, men theo chân vườn thoảng mùi hoa cam, con đường hồi trước má vẫn đi để lợi hết đồng này sang bưng khác.

(Lược phần kết : Anh Tánh dẫn tiểu đội đi tìm suốt ba ngày mới gặp Việt trong một lùm cây rậm. Suýt nữa họ bị ăn đạn của "cậu Tư", vì tuy đã kiệt sức không bỏ đi được nữa, nhưng một ngón tay Việt vẫn còn nhúc nhích được đặt ở cò súng, đạn đã

lên nòng. Nếu anh Tánh không nhanh miệng lên tiếng, Việt có thể đã nổ súng vì tưởng là địch tới.

Anh Tánh và đồng đội đưa Việt về điều trị tại một bệnh viện dã chiến. Sức khỏe của Việt dần hồi phục. Anh Tánh giục Việt viết thư cho chị Chiến kể về chiến công của mình. Việt nhớ chị Chiến, muốn viết mà không biết viết sao. Việt cũng không muốn kể chiến công của mình vì thấy chưa thấm gì với thành tích của đơn vị và chưa đáp ứng được nguyện vọng của má...).

Tháng 2 - 1966

(Truyện và kí, NXB Văn học Giải phóng, 1978)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Có ba phương thức trần thuật trong văn tự sự :

- Trần thuật theo ngôi thứ ba của người kể chuyện giấu mình.
- Trần thuật theo ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện.
- Trần thuật theo ngôi thứ ba của người kể chuyện tự giấu mình, nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật (lời nửa trực tiếp).

Theo anh (chị), đoạn trích *Những đứa con trong gia đình* trên đây được trần thuật theo những phương thức nào ? Cho dẫn chứng cụ thể.

2. Phân tích tâm lí và tính cách của hai nhân vật Chiến và Việt.

3. Hãy so sánh và đưa ra nhận xét về những điểm giống nhau, khác nhau trong tâm lí, tính cách của hai nhân vật Chiến, Việt (chú ý : hoàn cảnh gia đình, tâm lí lứa tuổi, giới tính).

4. Đoạn kể hai chị em Chiến và Việt khiêng bàn thờ má sang gửi bên chú Năm gây cho người đọc nhiều xúc động. Vì sao ?

5. Theo anh (chị), chất Nam Bộ thể hiện như thế nào ở tính cách và ngôn ngữ các nhân vật Chiến, Việt và chú Năm ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

Vì sao có thể nói Nguyễn Thi là nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước vô cùng ác liệt ? (Chứng minh qua đoạn trích *Những đứa con trong gia đình*).

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Các phương thức diễn tả tâm lí nhân vật

Tâm lí con người là đối tượng quan trọng của văn học, đặc biệt là ở các thể truyện, kí. Khắc hoạ nhân vật, không thể không phân tích, diễn tả tâm lí nhân vật.

Có nhiều phương thức diễn tả tâm lí nhân vật : dùng bút pháp gián tiếp (còn gọi là bút pháp ngoại hiện), nghĩa là diễn tả tâm lí nhân vật bằng những hành vi và biểu hiện bên ngoài, dựng đối thoại giữa các nhân vật ; dùng bút pháp trực tiếp, nghĩa là diễn tả, phân tích nội tâm nhân vật. Ở trường hợp sau, nhà văn có thể dùng lối trần thuật theo ngôi thứ nhất (nhân vật tự kể chuyện mình) hay trần thuật theo ngôi thứ ba nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật (lời nửa trực tiếp). Khi trần thuật theo điểm nhìn của nhân vật và dùng thủ pháp độc thoại nội tâm, nhà văn phải rất thông hiểu tâm lí và ngôn ngữ riêng của mỗi nhân vật.

Do quan niệm đơn giản về con người, văn học cổ trung đại chủ yếu diễn tả tâm lí nhân vật bằng bút pháp ngoại hiện và hình thức ước lệ. Văn học hiện đại, do quan niệm con người là một thế giới riêng biệt, phong phú, phức tạp, đầy bí ẩn, nên sử dụng phối hợp mọi phương thức, đặc biệt phát huy lối diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật một cách trực tiếp, sử dụng rộng rãi lối trần thuật theo điểm nhìn của nhân vật và thủ pháp độc thoại nội tâm.

BÀI VIẾT SỐ 5

(Nghị luận văn học)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững cách thức làm bài nghị luận văn học về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.*
- *Biết vận dụng những hiểu biết về các tác phẩm và đoạn trích văn xuôi đã học để viết bài ; có kĩ năng phân tích truyện.*

Tham khảo các đề văn sau đây :

Đề 1. Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ trong đoạn trích sau :

"Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với vào trong nhà :

– U đã về đây !

Hắn lật đật chạy ra đón.

– Hôm nay sao u về muộn thế ! Làm tôi đợi nóng cả ruột.

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chậm chạp hỏi :

– Có việc gì thế vậy ?

– Thì u hẵng cứ vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phồng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân bà lão đứng sững lại, bà lão càng ngạc nhiên hơn. Quái, sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia ? Sao lại chào mình bằng u ? Không phải con cái Đức mà. Ai thế nhỉ ? Bà lão hấp háy cặp mắt cho đỡ nhòe vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhòe ra thì phải. Bà lão nhìn kĩ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười :

– Thì u hẵng vào ngồi lên giường lên giếch chỉnh chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, điếc lác, thị sát tiếng chào lần nữa :

– U đã về ă !

Ồ hay, thế là thế nào nhỉ ? Bà lão bắn khoăn ngồi xuống giường. Tràng nhắc mẹ :

– Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hần bước lại gần nói tiếp :

– Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ă ! Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra biết bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì... Trong kẽ mắt kèm nhèm của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không ?".

(Kim Lân - Vợ nhặt)

Đề 2. Tự chọn một đoạn trích trong truyện *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, phân tích để làm nổi bật thành công của tác giả trong việc khắc hoạ nội tâm nhân vật.

Đề 3. Phân tích vai trò của nhân vật vợ Tràng trong truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Đề 4. Màu sắc Nam Bộ trong truyện *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

RỪNG XÀ NU

NGUYỄN TRUNG THÀNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Thấy được ý chí bất khuất, tinh thần chiến đấu của người dân Tây Nguyên và con đường giải phóng của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.*
- *Hiểu được bút pháp nghệ thuật đậm tính sử thi và lãng mạn của truyện qua cách trần thuật, miêu tả thiên nhiên, nhân vật ; qua ngôn ngữ và giọng điệu.*

TIỂU DẪN



Nguyễn Trung Thành (bút danh dùng trong thời kì chống Mỹ cứu nước của nhà văn Nguyễn Ngọc) tên khai sinh là Nguyễn Văn Báu. Ông sinh năm 1932, quê ở huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Năm 1950, đang học trung học chuyên khoa trong vùng kháng chiến, Nguyễn Ngọc gia nhập bộ đội, vào trường Lục quân. Từ năm 1951 đến năm 1954, ông làm phóng viên báo *Quân đội nhân dân Liên khu Năm*, chủ yếu hoạt động ở Tây Nguyên và bắt đầu viết văn. Sau năm 1954, Nguyễn Ngọc tập kết ra miền Bắc, công tác tại tạp chí *Văn nghệ*

Quân đội. Vẫn sống ở vùng đất Tây Nguyên đã giúp ông thành công ở tiểu thuyết đầu tay : *Đất nước đứng lên* (viết năm 1955), được tặng Giải Nhất Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955. Năm 1962, Nguyễn Ngọc trở về chiến trường miền Nam, hoạt động ở Khu Năm, là Chủ tịch Chi hội Văn nghệ Giải phóng miền Trung Trung Bộ, phụ trách tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng Trung Trung Bộ*. Sau năm 1975, Nguyễn Ngọc ra Hà Nội, là Phó Tổng thư kí Hội Nhà văn đến năm 1983, rồi Tổng biên tập báo *Văn nghệ*, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn khoá III và IV. Ông đã có nhiều hoạt động tích cực thúc đẩy công cuộc đổi mới văn học.

Tác phẩm chính : *Đất nước đứng lên* (tiểu thuyết, 1956), *Rẻo cao* (tập truyện ngắn, 1962), *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc* (tập truyện và kí, 1969), *Đất Quảng* (tiểu thuyết, 1971), *Có một con đường mòn trên biển Đông* (kí sự, 2000), *Tân mạn nhớ và quên* (tập truyện và kí, 2005).

Sáng tác của Nguyễn Ngọc mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn, tập trung viết về hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đề cập những vấn đề trọng đại của vận mệnh dân tộc và nhân dân, xây dựng những tính cách anh hùng.

Truyện ngắn *Rừng xà nu* viết năm 1965, khi đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam nước ta. Truyện đăng lần đầu trên tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng Trung Trung Bộ* (số 2, 1965), được đưa vào tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc*. Văn bản dưới đây có lược một số đoạn.

*

* *

Làng ở trong tâm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu⁽¹⁾ cạnh con nước lớn⁽²⁾. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng ít có loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lách vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh,

(1) *Xà nu* : cây thuộc họ thông, có nhiều ở Tây Nguyên.

(2) *Con nước lớn* : chỗ suối nước rộng, sâu.

thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

*

* *

Ba năm đi lực lượng⁽¹⁾ bữa nay Tnú mới có dịp ghé về thăm làng. Thằng bé Heng gặp ở con nước lớn dẫn anh về. Ngày anh ra đi nó mới đứng đến ngang bụng anh, chưa biết mang củi, chỉ mới đeo cái xà lét⁽²⁾ nhỏ xíu theo người lớn ra rẫy. Bây giờ nó mang một khẩu súng trường Mát⁽³⁾, dẫn anh đi. Vẫn là con đường cũ, qua cái nà bấp⁽⁴⁾ đã trồng sắn và cây pom chu⁽⁵⁾ vất lên hai cái dốc đứng sừng sững đã được cắt ra từng bậc, chui qua một rừng lách rậm ngày mưa thì vô số vát lá, rồi đến cái làng nhỏ của anh. Nhưng nếu không có người dẫn, chắc chắn Tnú không dám đi một mình. Đường cũ nay chằng chịt hám chông, hố chông, cứ mười phút lại gặp một giàn thò⁽⁶⁾ chuẩn bị sẵn, cần thò căng như dây nà, đánh một phát chắc chắn gây đôi ống quyển⁽⁷⁾, lưỡi thò từng đôi, từng đôi gác lên giàn, sắc lạnh. Thằng bé Heng lớn lên cũng ít nói như những người dân làng Xô Man này. Nó đội một cái mũ sụp xin được của anh Giải phóng quân nào đó, mặc một chiếc áo bà ba dài phết đất, vẫn đóng khố, súng đeo chéo ngang lưng ra về một người lính thực sự.

(Lược một đoạn : Heng dẫn Tnú về làng, trên đường cậu kể lại những đổi thay sau khi Tnú đi vắng : Dít đã làm Bí thư chi bộ. Tnú chợt nhớ đến những kỉ niệm về Mai, người vợ đã bị giặc giết hại. Về đến làng, Tnú được dân làng tiếp đón nồng nhiệt).

Một bàn tay nặng trĩu nắm chặt lấy vai anh như một kim sắt. Anh quay lại : Cụ Mết ! Ông cụ vẫn quắc thước như xưa, râu bây giờ đã dài tới ngực và vẫn đen bóng, mắt vẫn sáng và xé ngực, vết sẹo ở má bên phải vẫn láng bóng. Ông ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn. Ông cụ đẩy Tnú ra một bước, nhìn anh từ đầu đến chân, rồi phá lên cười :

(1) *Lực lượng* (nói tắt) : lực lượng vũ trang cách mạng của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, cũng thường gọi là Quân giải phóng.

(2) *Xà lét* : cái gùi đeo sau lưng.

(3) *Súng trường Mát* : một loại súng trường (loại súng cá nhân, báng và nòng dài, bắn từng phát một).

(4) *Nà bấp* : rẫy trồng bắp (ngô).

(5) *Pom chu* : một loại cây củ có nhiều bột, ăn được, có nơi gọi là cây chuối nước.

(6) *Giàn thò* : một loại bẫy đặt phía trên mặt đất, gồm nhiều ống tre nhọn hoặc mũi lao. Khi người hoặc con vật vướng dây bẫy, các mũi lao và tre nhọn sẽ bật ra đâm vào đối tượng.

(7) *Ống quyển* : ống chân, xương cẳng chân.

– Hà hà !... Đeo cả tôm xông⁽¹⁾ về à... anh "lực lượng"... Được !

Tnú hiểu ý ông cụ. Ông không bao giờ khen "Tốt ! Giỏi !". Những khi vừa ý nhất, ông chỉ nói "Được !".

Lúc ông cụ Mết nói, mọi người đều im bật. Ông nói như ra lệnh, sáu mươi tuổi rồi mà tiếng nói vẫn ô ô, dội vang trong lồng ngực :

– Cấp chỉ huy cho về mấy đêm ?... Một đêm à, được ! Cho một đêm, về một đêm, cho hai đêm, về hai đêm, phải chấp hành cho đúng. Đêm nay mày ở nhà tau.

(Lược một đoạn : Cụ Mết dẫn Tnú ra máng nước đầu làng. Dù vừa rửa mặt ở suối rồi nhưng Tnú vẫn muốn để cho vôi nước của làng mình gội lên khắp người như ngày trước...).

*

* *

Bữa cơm tối ở nhà cụ Mết, ngoài món canh tàu mơn bạc hà⁽²⁾ nấu lạt trong ống nứa, còn có thêm mấy con cá chua. Đó là món đặc biệt cụ Mết đãi người đi xa về. Tnú mở ống lương khô, xúc cho ông cụ một muông⁽³⁾ muối. Ông cụ bảo :

– Tau cũng còn nửa lon muối của huyện thưởng con Dít ngày nó đi đại hội chiến sĩ thi đua, nó về chia đều cho mỗi bếp một phần. Nhưng cái đó để dành cho người đau. Còn cái này mày cho thì tau ăn.

Ông cụ không ném muối vào canh. Ông chia cho mỗi người mấy hạt, họ ăn sống từng hạt, ngậm rất lâu trong miệng để nghe chất mặn đậm đà tan dần. Cơm gạo trắng ghế rất nhiều củ pom chu. Ông cụ bung chén cơm nói như thanh minh :

– Năm nay làng không đói. Gạo đủ ăn tới mùa suốt⁽⁴⁾. Nhưng phải để dành, dự trữ mỗi bếp cho được ba năm. Mày đi cách mạng, người chỉ huy cũng dạy mày rồi, đánh thằng Mĩ phải đánh dài.

Rồi đột ngột, ông cụ hỏi :

– Mười ngón tay mày vẫn cụt thế à ? Không mọc ra được nữa à ?... Ủ...

Ông cụ đặt chén cơm xuống, giận dữ :

– Nhưng làng biết rồi chứ ?... Được ! Ngón tay còn hai đốt cũng bắn súng được. Mày có đi qua chỗ rừng xà nu gần con nước lớn không ? Nó vẫn sống đấy. Không có cây gì

(1) *Tôm xông* (tiếng Anh : *Thompson*) : loại súng máy nhỏ (tiểu liên).

(2) *Món bạc hà* : dọc mùng (theo cách gọi ở miền Bắc).

(3) *Muông* : thìa.

(4) *Mùa suốt* : mùa thu hoạch lúa. Đồng bào dân tộc ở Tây Nguyên thu hoạch lúa bằng cách suốt (tuốt) lúa ngay tại rẫy.

mạnh bằng cây xà nu đất ta. Cây mẹ ngã, cây con mọc lên. Đố nó giết hết rừng xà nu này !... Kìa, ăn đi chớ ! Gạo người Strá⁽¹⁾ mình làm ra ngon nhất rừng núi này đây, con ạ...

... Cơm nước xong, từ phía nhà ung⁽²⁾ có ai đấy đánh lên một hồi mõ dài lại ba tiếng. Dân làng lũ lượt kéo tới nhà cụ Mết. Các cô gái đợi tắt đuốc ở cầu thang trước khi bước vào nhà. Cũng có người, các bà cụ, cầm cả cây đuốc còn cháy rực đi thẳng vào, soi lên mặt Tnú, nhìn đi nhìn lại thật kĩ rồi ném bỏ đuốc vào bếp, lửa bốc lên, cháy giần giật. Các ông cụ thì chưa bước lên cầu thang đã nói oang oang :

– Thằng Tnú đâu rồi ? Cho nó ăn no rồi chớ, ông Mết ?

Có tiếng một bà già :

– Bọn đàn ông này, xé ra một chút cho con Dít nó ngồi với chớ. Dít ơi, ngồi đây con !

Tnú ngừng nhìn lên. Dít đã ngồi sụp xuống trước mặt anh, hai chân xếp về một bên, đưa tay kéo tấm váy che kín cả gót chân. Tnú bất chợt nghe một luồng lạnh rần rần ở mặt và ở ngực. Mai ! Trước mắt anh là Mai đấy ! Anh không ngờ Dít lớn lên lại giống Mai đến thế. Cái mũi hơi tròn của Dít ngày nay đã thẳng và nhỏ lại, hai hàng lông mày đậm đến che tối cả đôi mắt mở to, bình thản, trong suốt. Dít nhìn Tnú bằng đôi mắt ấy rất lâu, trong khi bốn, năm đứa bé, đứa nào cũng tranh chỗ ngồi gần chị Dít. Rồi chị hỏi Tnú, giọng hơi lạnh lùng :

– Đồng chí về có giấy không ?

Tnú không hiểu :

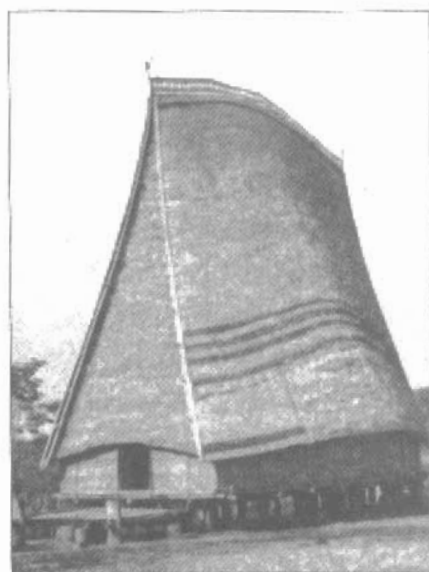
– Giấy gì ?

– Giấy cấp trên cho nghỉ phép đó. Không có giấy, trốn về thì không được. Ủy ban phải bắt thôi.

Tnú cười ồ. Anh định đùa, bảo nhớ làng quá trốn về thăm làng một bữa, nhưng nhìn đôi mắt nghiêm khắc của Dít và nghe cái im lặng chờ đợi chung quanh, anh mở túi áo, lấy một mảnh giấy nhỏ đưa cho chị.

– Báo cáo đồng chí chính trị viên xã đội...

Dít cầm tờ giấy, soi lên ánh lửa. Hàng chục cái đầu chụm lại, mấy đứa bé lấp bắp đánh vần. Dít đọc rất lâu, đọc đi đọc lại đến ba lần. Cụ Mết hỏi :



Nhà rông
(Ảnh : Lưu Hùng)

(1) Strá : một nhóm của dân tộc Xơ-đăng, cư trú ở sườn núi Ngọc Linh, tỉnh Kon Tum.

(2) Nhà ung : nhà hội họp sinh hoạt chung của buôn, làng (như nhà rông của dân tộc Ba-na).

– Đúng chớ ? Nó có phép chớ ?

Dít đưa trả lại cho Tnú. Bây giờ chị mới cười :

– Đúng rồi, có chữ kí người chỉ huy. Sao anh về có một đêm thôi ?

Rồi chị trả lời :

– Thôi cũng được. Về một đêm cho làng thấy mặt là được rồi. Bọn em miệng đứa nào cũng nhắc anh mãi.

Tiếng cười nói im đi một lúc bấy giờ lại rộn lên chặt cả căn nhà nhỏ.

– Có chữ kí của người chỉ huy đó nghe !

– Tốt lắm rồi !

– Một đêm thôi, mai lại đi rồi, ít quá, tiếc quá !

Tiếng ông cụ Mết ồ ồ át tất cả :

– Hà hà... được !

Ông cụ đẩy hai, ba đứa bé ra, bước tới ngồi xuống trước bếp lửa, cạnh Tnú. Ông cụ gõ ống điều lên đầu ông táo, bẻ một que nửa nhỏ ở sạp, cẩn thận xoi cho hết tàn thuốc trong ống điều, rồi ngừng lên, nhìn quanh một lượt. Mọi người đã ngồi đầu vào đấy và lắng chờ. Ông cụ bắt đầu nói.

Bên ngoài lấm tấm một trận mưa đêm, rì rào như gió nhẹ. Ông cụ không cất cao giọng, tiếng nói rất trầm :

– Ông già bà già thì biết rồi. Thanh niên có đứa biết, có đứa chưa biết rõ. Còn lũ con nít thì chưa biết. – Ông cụ trừng mắt nhìn lũ trẻ, chúng nó cảm thấy cái nghiêm trang trong lời ông già, đứa nào đứa nấy ngồi im lặng thín thút, dán mắt vào miệng ông cụ – Tnú, anh Tnú của chúng mày về rồi đó. – Ông cụ đặt bàn tay chắc nịch lên vai Tnú. – Anh Tnú mà tau đã kể cho chúng mày nghe bao nhiêu lần rồi đó. Đấy, nó đấy, nó đi Giải phóng quân đánh giặc, nay nó về thăm làng một đêm, cấp trên cho về một đêm, có chữ kí người chỉ huy, chị bí thư coi rồi. Nó đấy ! Nó là người Strá mình. Cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta. Đêm nay tau kể chuyện nó cho cả làng nghe, để mừng nó về thăm làng. Người Strá ai có cái tai, ai có cái bụng thương núi, thương nước, hãy lắng mà nghe, mà nhớ. Sau này tau chết rồi, chúng mày phải kể lại cho con cháu nghe...

(Lược một đoạn : Tất cả im lặng nghe cụ Mết kể. Tnú hình dung lại cảnh ngày ấy, khi anh và Mai đi vào rừng tiếp tế cho cán bộ).

*

* *

Anh cán bộ ở trong rừng lúc bấy giờ là anh Quyết. Từ ngày tháng Mĩ – Diệm tới rừng núi này, không bữa nào nó không đi lùng, không đêm nào chó của nó và súng của nó không sủa vang cả rừng. Nhưng dân làng Xô Man vẫn tự hào : năm năm, chưa hề có một cán bộ bị giặc bắt hay giết trong rừng làng này. Lúc đầu thanh niên đi nuôi và gác cho cán bộ. Tháng Mĩ – Diệm biết được, nó bắt thanh niên. Nó treo cổ anh Xút lên cây và đầu làng.

– Ai nuôi cộng sản thì coi đó!

Rồi nó cấm thanh niên đi rừng. Bà già ông già thay thanh niên đi nuôi cán bộ. Nó lại biết được. Nó giết bà Nhan, chặt đầu cột tóc treo đầu súng.

Sau cùng đến lũ trẻ thay ông già, bà già. Trong đám đó, hăng nhất có Tnú và Mai. Hễ Tnú đi rẫy thì Mai đi với cán bộ. Hễ Mai ở nhà giữ con Dít cho mẹ thì Tnú đi. Cũng có bữa cả hai đứa cùng đi. Chúng ở lại luôn ngoài rừng ban đêm. Để cán bộ ngủ một mình ngoài rừng một đêm, bụng dạ không yên được. Lỡ giặc lùng, ai dẫn cán bộ chạy. Anh Quyết hỏi :

– Các em không sợ giặc bắt à ? Nó giết như anh Xút, như bà Nhan đó.

Tnú đang nằm trong lòng anh Quyết, ngồi dậy, tung cái dõ⁽¹⁾ ra :

– Cụ Mết nói : Cán bộ là Đảng. Đảng còn, núi nước này còn.

Trong rừng, anh Quyết dạy Tnú và Mai học chữ. Anh chẻ nửa, đập giập ra, ghép lại thành mấy tấm bảng to bằng ba bàn tay. Ba anh em đốt khói xà nu xông bảng nửa đen kịt rồi lấy nhựa cây luông tờ ngheo⁽²⁾ phết lên một lớp dày, rửa nước cũng không phai được. Tnú đi ba ngày đường tới núi Ngọc Linh mang về một xà lét đầy đá trắng làm phấn. Mai học giỏi hơn Tnú, ba tháng đọc được chữ, viết được cái ý trong bụng mình muốn, sáu tháng làm được toán hai con số. Tnú học chậm hơn, mà lại hay nổi nóng. Học tới chữ *i* dài, nó quên mất chữ *o* thêm cái móc thì đọc là chữ *a*. Có lần thua Mai, nó đập bẻ cả cái bảng nửa trước mặt Mai và anh Quyết, bỏ ra suối ngồi một mình suốt ngày. Anh Quyết ra dỗ, nó không nói. Mai ra dỗ, nó đòi đánh Mai. Mai cũng ngồi lì đó với nó.

– Tnú không về, tui cũng không về. Về đi, anh Tnú. Mai làm cái bảng khác cho anh rồi.

(1) *Cái dõ* : tấm vải, đàn ông các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên dùng khoác trên người.

(2) *Luông tờ ngheo* : một loại cây có nhựa rất độc.

Nó cầm một hòn đá, tự đập vào đầu, chảy máu ròng ròng. Anh Quyết phải băng lại cho nó. Đêm đó, anh ôm nó trong hốc đá. Anh rủ rỉ :

– Sau này, nếu Mĩ – Diệm giết anh, Tnú phải làm cán bộ thay anh. Không học chữ sao làm được cán bộ giỏi.

Tnú giả ngủ không nghe. Nó lén chùi nước mắt giàn giụa. Sáng hôm sau, nó gọi Mai ra sau hốc đá :

– Mai nói cho tôi chữ *o* có móc là chữ chi đi. Còn chữ chi đứng sau chữ đó nữa, chữ chi có cái bụng to đó.

Mai quay mặt đi, không dám cười. Nó viết một chữ có cái bụng to lên tấm bảng nó mới làm cho Tnú. Nó cố nói nhỏ nhưng giọng vẫn lạnh lạnh :

– Anh nhớ giỏi lắm, chữ *bé* đó.

– Ủ, *bé... bé...* đầu tôi ngu quá !

Tnú hay quên chữ, nhưng đi đường núi thì đầu nó sáng lạ lùng. Nó liên lạc cho anh Quyết từ xã về huyện. Không bao giờ nó đi đường mòn. Giặc vây các ngã đường, nó leo lên một cây cao nhìn quanh một lượt rồi xé rừng mà đi, lọt tất cả các vòng vây. Qua sông nó không thích lội chỗ nước êm, cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang, vượt lên trên mặt nước, cõng lên thác băng băng như một con cá kình. Nó nói :

– Qua chỗ nước êm thằng Mĩ – Diệm hay phục⁽¹⁾, chỗ nước mạnh nó không ngờ.

Nhưng lần đó, Tnú tới một thác sông Đắc Năng, vừa cuốn cái thư của anh Quyết gửi về huyện trong một ngọn lá dong, ngậm vào miệng định vượt thác, thì hòng súng của thằng giặc phục kích chĩa vào tai lạnh ngắt, Tnú chỉ kịp nuốt luôn cái thư.

(Lược một đoạn : Giặc giải Tnú về làng, trước mặt dân làng và Mai, tra hỏi Tnú cộng sản ở đâu. Tnú đặt tay lên bụng mình, nói : "Ở đây này !" . Lưng Tnú ngang dọc vết dao chém của bọn lính. Rồi ba năm sau, Tnú vượt ngục trở về, nhiều người đã hi sinh nhưng làng Xô Man càng quyết tâm đánh Mĩ. Tnú lên núi Ngọc Linh gửi đá mài về cho dân làng mài vũ khí).

(1) Phục (nói tắt) : phục kích.

Tin làng Xô Man mài giáo đến tai bọn giặc ở đồn Đắc Hà. Giữa mùa suốt lúa, chúng kéo về một tiểu đội vừa đúng lúc đưa con trai đầu lòng của Mai và Tnú ra đời. Cũng thằng chỉ huy năm trước, thằng Dục. Nó đội mũ đỏ màu máu. Nó găm lên :

– Lại thằng Tnú chứ không ai hết. Con cạp đó mà không giết sớm, nay nó làm loạn rừng núi này rồi.

Cụ Mết và Tnú dẫn thanh niên lánh vào rừng. Họ không đi đâu xa, chỉ luẩn quẩn ở các gốc cây, hốc đá quanh làng, bám theo giặc. Chúng nó đóng lại trong làng bốn đêm. Ngọn roi của nó không từ một ai. Tiếng kêu khóc dậy cả làng. Thằng Dục lăm lăm khẩu súng lục :

– Đưa nào ra khỏi làng, bắt được, bắn chết ngay tại chỗ.

Không ai lọt ra được. Chỉ có con Dít nhỏ, lanh lẹn, cứ sẩm tối lại bò theo máng nước đem gạo ra rừng cho cụ Mết, Tnú và thanh niên. Tảng sáng ngày thứ tư thì chúng bắt được con bé khi nó ở ngoài rừng về. Chúng để con bé đứng giữa sân, lên đạn tòm xòm rồi từ từ bắn từng viên một, không bắn trúng, đạn chỉ sượt qua tai, sém tóc, cày đất quanh hai chân nhỏ của Dít. Váy nó rách tượt từng mảng. Nó khóc thét lên nhưng rồi đến viên thứ mười nó chùi nước mắt, từ đó im bật. Nó đứng lặng giữa bọn lính, cứ mỗi viên đạn nổ, cái thân hình mảnh dẻ của nó lại quật lên một cái nhưng đôi mắt nó thì vẫn nhìn bọn giặc bình thản lạ lùng, bình thản như đôi mắt chị bí thư bây giờ vậy.

Không làm gì được con bé, thằng Dục dùng đến ngón đòn cuối cùng. Nó bắt Mai.

– Bắt được con cạp cái và cạp con, tất sẽ dụ được cạp đực trở về.

Tnú nghe rõ câu nói đó của thằng Dục. Anh nấp ở gốc cây cạnh máng nước đầu làng. Từ chỗ ấy nhìn thấy sân làng rõ mồn một. Hai bàn tay anh bấu chặt lấy gốc cây khi bọn lính, mười thằng, dẫn Mai ra giữa sân. Mai dịu con trên lưng, thằng bé chưa được một tháng. Ai cũng bảo nó giống Tnú lạ lùng. Không đi Kon Tum mua vải được, Tnú phải xé đôi tấm đồ của mình ra làm tấm choàng cho Mai dịu con. Thằng bé nằm trong tấm choàng ấy, ngủ say trên lưng mẹ.

Thằng Dục hỏi :

– Chồng mày ở đâu, con mọi cọng sản kia ?

Mai xốc lại đứa con trên lưng, ngừng đôi mắt rất lớn nhìn thằng Dục.

– Mày cầm à, con chó cái ! – Nó quát bọn lính – Đứng ì ra đó à !

Một thằng lính to béo nhất liếc mắt nhìn thằng Dục, cầm một cây sắt dài bước tới cạnh Mai. Nó lè lưỡi liếm quanh môi một lượt, rồi chậm rãi giơ cây sắt lên. Mai thét lên một tiếng. Chị vội tháo tấm địu, vừa kịp lật đứa con ra phía bụng lúc cây sắt giáng xuống trên lưng.

– Thằng Tnú ở đâu, hả ?

Cây sắt thứ hai đập vào trước ngực Mai, chị lật đứa bé ra sau lưng. Nó lại đánh sau lưng, chị lật thằng bé ra trước ngực. Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng thét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bặt. Chỉ còn tiếng cây sắt nện xuống hừ hự.

Tnú bỏ gốc cây của anh. Đó là một cây vả. Anh đã bứt đứt hàng chục trái vả mà không hay. Anh chồm dậy. Một bàn tay níu vai anh lại. Tiếng cụ Mết nặng trĩu :

– Không được, Tnú ! Để tau !

Tnú gạt tay ông cụ ra. Ông cụ nhắc lại :

– Tnú !

Tnú quay lại. Ông cụ không nhìn ra Tnú nữa. Ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn. Ông cụ buông vai Tnú ra.

Một tiếng hét dữ dội. Tnú đã nhảy xổ vào giữa bọn lính. Anh không biết đã làm gì. Chỉ thấy thằng lính giặc to béo nằm ngửa ra giữa sân, thằng Dục tháo chạy vào nhà ưng. Tiếng lên đạn lách cách quanh anh. Rồi Mai ôm đứa con chui vào ngực anh. Hai cánh tay rộng lớn như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai.

– Đồ ăn thịt người, tau đây, Tnú đây !...

Tnú không cứu sống được Mai.

– Ủ, Tnú không cứu sống được mẹ con Mai...

Tiếng ông cụ Mết vẫn trầm và nặng. Ông cụ vung về trở tay lau một giọt nước mắt. Bỗng nhiên ông cụ nói to lên :

– Tnú không cứu được vợ con. Tối đó Mai chết. Còn đứa con thì đã chết rồi. Thằng lính to béo đánh một cây sắt vào ngang bụng nó, lúc mẹ nó ngã xuống, không kịp che cho nó. Nhớ không, Tnú, mày cũng không cứu sống được vợ mày.

Còn mày thì chúng nó bắt mày, trong tay mày chỉ có hai bàn tay trắng, chúng nó trói mày lại. Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây vả. Tau thấy chúng nó trói mày bằng dây rừng. Tau không nhảy ra cứu mày. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn thanh niên thì cũng đã đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa. Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu : Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo !...

Chúng nó trói chặt Tnú bằng dây rừng, khiêng ném vào góc nhà ưng rồi kéo đi ăn thịt con heo của anh Brôi.

Tnú nằm trong góc nhà. Bóng tối đã dày đặc. Anh suy nghĩ, ngạc nhiên tự thấy mình rất bình thản :

"Đứa con chết rồi. Mai chắc cũng chết rồi, Tnú cũng sắp chết. Ai sẽ làm cán bộ ? Đến khi có lệnh Đảng cho đánh, ai sẽ làm cán bộ lãnh đạo dân làng Xô Man đánh giặc ? Cụ Mết đã già. Được, còn có bọn thanh niên. Rồi con Dít sẽ lớn lên. Con bé ấy vững hơn cả chị nó. Không sao... Chỉ tiếc cho Tnú, Tnú không sống được tới ngày cầm vũ khí đứng dậy với dân làng..."

Thằng Dục không giết Tnú ngay. Nó đốt một đồng lúa lớn ở nhà ưng, lửa tắt cả dân làng tối, cời trói cho Tnú, rồi nói với mọi người :

– Nghe nói chúng mày đã mài rựa, mài giáo cả rồi, phải không ? Được, đứa nào muốn cầm rựa, cầm giáo thì coi bàn tay thằng Tnú đây.

Nó hất hàm ra hiệu cho thằng lính to béo nhất. Chúng nó đã chuẩn bị sẵn cả. Thằng lính mở túi se⁽¹⁾ lấy ra một nhúm giẻ đã tẩm dầu xà nu. Nó quán giẻ lên mười đầu ngón tay Tnú. Rồi nó cầm lấy một cây lửa. Nhưng thằng Dục bảo :

– Để đó cho tau !

Nó giật lấy cây lửa.

Tnú không kêu lên một tiếng nào. Anh trợn mắt nhìn thằng Dục. Nó cười sằng sặc. Nó gí cây lửa lại sát mặt anh :

– Coi kĩ cái mặt thằng cộng sản muốn cầm vũ khí này xem sao nào ! Số kiếp chúng mày không phải số kiếp cầm giáo mác. Bỏ cái mộng cầm giáo mác đi, nghe không !

(1) Túi se (tiếng Pháp : cartouchière) : bao đựng đạn, thường đeo bên người.

Một ngón tay Tnú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đơm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.

Tnú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, trừng trừng.

Trời ơi ! Cha mẹ ơi ! Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu lên. Anh Quyết nói : "Người cộng sản không thém kêu van...". Tnú không thém, không thém kêu van. Nhưng trời ơi ! Cháy, cháy cả ruột đây rồi ! Anh Quyết ơi ! Cháy ! Không, Tnú sẽ không kêu ! Không !

Tiếng cười giằn giặt của thằng Dục. Các cụ già chồm dậy. Bọn lính gạt ra. Tiếng kêu ré của đồng bào. Tiếng chân ai rầm rập quanh nhà ưng. Ai thế ?

Tnú thét lên một tiếng. Chỉ một tiếng thôi. Nhưng tiếng thét của anh bỗng vang dội thành nhiều tiếng thét dữ dội hơn. Tiếng "Giết !". Tiếng chân người đạp trên sàn nhà ưng ào ào. Tiếng bọn lính kêu thất thanh. Tiếng cụ Mết ô ô : "Chém ! Chém hết !". Cụ Mết, đứng rồi, cụ Mết đã đứng đấy, lưỡi mác dài trong tay. Thằng Dục nằm dưới lưỡi mác của cụ Mết. Và thanh niên, tất cả thanh niên trong làng, mỗi người một cây rựa sáng loáng, những cây rựa mài bằng đá Tnú mang từ đỉnh núi Ngọc Linh về...

Tiếng anh Brôi nói, trầm tĩnh :

– Tnú, Tnú. Tình đây chưa ? Đây này, chúng tôi giết hết rồi. Cả mười đứa, đây này ! Bằng giáo, bằng mác. Đây này !

Lửa đã tắt trên mười đầu ngón tay Tnú. Nhưng đống lửa xà nu lớn giữa nhà vẫn đỏ. Xác mười tên lính giặc ngổn ngang quanh đống lửa đỏ.

Cụ Mết chống giáo xuống sàn nhà, tiếng nói vang vang :

– Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên ! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mỗi người phải tìm lấy một cây giáo, một cây mác, một cây dụ⁽¹⁾, một cây rựa. Ai không có thì vót chông, năm trăm cây chông. Đốt lửa lên !

Tiếng chiêng nổi lên...

(1) Dụ : một loại giáo dài.

Đứng trên đồi xà nu gần con nước lớn, suốt đêm nghe cả rừng Xô Man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng...

(Lược một đoạn : Tiếp theo lời cụ Mết, Tnú kể cho mọi người nghe chiến công của anh giết tên chỉ huy đồn giặc trong hầm ngầm có thủ, bằng chính đôi bàn tay mỗi ngón cụt một đốt của mình. Với anh, chúng nó đều là thằng Dục).

Tnú lại ra đi. Cụ Mết và Dít đưa anh ra đến rừng xà nu gần con nước lớn. Trận đại bác đêm qua đã đánh ngã bốn năm cây xà nu to. Nhựa ứa ra ở những vết thương đang đọng lại, lỏng lẻo nắng hè. Quanh đó vô số những cây con đang mọc lên. Có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê.

Ba người đứng ở đấy nhìn ra xa. Đến hút tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời.

*(Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc,
NXB Giải phóng, 1969)*

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện ngắn này có hai mạch truyện lồng ghép vào nhau : chuyện cuộc đời Tnú và chuyện về cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man. Hãy phân tích nghệ thuật trần thuật của tác giả. (Chú ý : cách kết hợp hai mạch truyện, sắp xếp các lớp thời gian, tạo dựng tình huống).
2. Truyện được mở đầu và kết thúc bằng hình ảnh rừng xà nu. Hãy phân tích vẻ đẹp và ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh ấy.
3. Trong truyện, tác giả đã xây dựng các nhân vật thuộc nhiều thế hệ tiếp nối : cụ Mết, Tnú, Mai, Dít, Heng. Phân tích những nét riêng của mỗi nhân vật và ý nghĩa của việc tác giả xây dựng hệ thống nhân vật như vậy.
4. Cảm nghĩ của anh (chị) về câu chuyện bi tráng của Tnú và Mai. Chi tiết nào gây cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất ? Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh bàn tay Tnú.
5. Câu chuyện về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man đã minh chứng cho một chân lí tất yếu của cuộc chiến đấu giải phóng của

nhân dân miền Nam. Chân lí ấy là gì và đã được nói lên qua lời nào của cụ Mết trong truyện ?

6. Phân tích tính sử thi của truyện thể hiện trong chủ đề, các hình tượng nhân vật, bức tranh thiên nhiên và trong ngôn ngữ, giọng điệu.

BÀI TẬP NÂNG CAO

Trong văn học Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước, khuynh hướng sử thi thường gắn với cảm hứng lãng mạn. Hãy làm rõ điều đó qua truyện ngắn *Rừng xà nu*.

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Thời gian được trần thuật và thời gian trần thuật

Tác phẩm tự sự nào cũng kể một hay nhiều chuyện, chuyện nào cũng diễn ra trong thời gian, theo trình tự liên tục từ sự kiện trước đến sự kiện sau. Thời gian của truyện bao gồm thời gian được trần thuật (thời gian của chuyện) và thời gian trần thuật (thời gian kể).

Thời gian được trần thuật tương ứng với độ dài của chuyện được kể : một ngày, một năm, một đời, có khi là nhiều đời, hàng mấy trăm năm.

Thời gian trần thuật có khi nhanh, khi chậm, tùy theo hoạt động kể : kể tóm lược, kể chi tiết, tỉnh lược, dừng lại miêu tả. Thời gian trần thuật có thể quay ngược : đang kể chuyện hiện tại, bỗng hồi tưởng lại quá khứ. Do đó, thời gian trần thuật không đồng nhất với thời gian được trần thuật. Nhà văn dùng thời gian trần thuật để nối kết các sự kiện xảy ra trong các thời điểm khác nhau làm cho chúng bộc lộ ý nghĩa mà tác giả mong muốn.

Rừng xà nu mở đầu bằng việc Tnú về thăm làng và kết thúc bằng việc anh lại ra đi, trong thời gian gần một ngày đêm. Nhưng trong đêm đó, qua lời kể của cụ Mết, Tnú sống lại quãng thời gian từ tám năm rồi đến ba năm trước. Lời kể của cụ Mết vừa tái hiện quá khứ, vừa hướng tới tương lai. Thời gian trần thuật nối kết các thời : quá khứ – hiện tại – tương lai.

Đọc tác phẩm tự sự cần phân biệt được thời gian trần thuật và thời gian được trần thuật cùng mối quan hệ giữa chúng để hiểu dụng ý của tác giả.

ĐẤT

ANH ĐỨC

TIỂU DẪN

Anh Đức tên khai sinh là Bùi Đức Ái, sinh năm 1935 tại huyện Châu Thành, tỉnh Long Xuyên (nay là tỉnh An Giang). Ông bắt đầu làm báo, sáng tác văn học từ năm 1952. Năm 1953, Anh Đức là biên tập viên báo *Cứu quốc Nam Bộ*. Năm 1954, ông tập kết ra miền Bắc, công tác ở Đài Tiếng nói Việt Nam. Từ năm 1957, ông về công tác ở Hội Nhà văn Việt Nam. Tháng 6 - 1962, ông trở về miền Nam, công tác ở Hội Văn nghệ Giải phóng. Anh Đức từng là Ủy viên Ban thư kí Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập tạp chí *Văn nghệ Giải phóng*, Phó Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam (khoá V và VI). Anh Đức được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 2000.

Tác phẩm chính : *Biển động* (truyện, 1952), *Một truyện chép ở bệnh viện* (truyện, 1958), *Biển xa* (truyện, 1960), *Bức thư Cà Mau* (truyện ngắn, bút kí, 1965), *Hòn Đất* (tiểu thuyết, 1966), *Giấc mơ ông lão vườn chim* (truyện ngắn, bút kí, 1970), *Đứa con của đất* (tiểu thuyết, 1976), *Miền sóng vỗ* (tập truyện, 1985).

Sáng tác của Anh Đức tập trung miêu tả cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ với phong cách văn xuôi trữ tình giàu chất thơ.

Truyện ngắn *Đất* nằm trong tập *Bức thư Cà Mau*. Tập truyện ngắn, bút kí này tập trung phản ánh tội ác của Mỹ - nguy, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng cao đẹp của đồng bào Nam Bộ trong thời kì kháng chiến quyết liệt. Văn bản dưới đây có lược một số đoạn.

*

* *

Hồi gần Tết Giáp Thìn, đầu tối 23 Tết thì phải, anh Định phụ trách toà soạn báo tỉnh bảo tôi :

– Nè, hay là cậu đi Xẻo Đước một chuyến đi. Ấp chiến lược Xẻo Đước đã bị phá dứt điểm rồi. Cậu viết một bài nói về cái Tết đầu tiên của bà con mới thoát vòng kềm kẹp ở đó thì tươi lắm.

(Lược một đoạn : Tác giả bày tỏ nỗi hối hận khi sắp được trở lại Xẻo Đước, kể lại kỉ niệm với nhà ông Tám, một gia đình quyết không rời bỏ Đảng và cách mạng trong những ngày đen tối nhất, nhớ lại chuyện ông cho mượn chiếc xuồng để di chuyển căn cứ trong những năm ác liệt trước đây).

Tôi về Xẻo Đước vào hôm 28 Tết. Xóm làng ở ven sông có vẻ huyền ảo hẳn lên. Dưới các bến mấy thím mấy chị đang cộ tách đĩa cười cười nói nói. Trên bờ các em túm tụm múa hát. Một cái lò bún đang ồn ào. Trong buổi chạng vạng, tôi nhận ra những cọng bún trắng nõn thông xuống miệng ang. Trên các mái nhà, khói ấm bốc lên. Quả nhiên, tôi nhìn thấy cả dây thép gai. Nhưng dây thép gai không vo cuộn lại mà dàn ra, vầy kín lấy xóm ấp. Cả những bờ lũy cũng còn sờ sờ trước mặt. Một tấm biển cấm sát ven sông, tôi chèo sát, và nhìn thấy dòng chữ "Quyết tử giữ làng". Tôi tự nhủ : "Vậy mà ấp chiến lược đã xoay ngược lại rồi ?".

Đêm xuống dần. Ánh lửa bắt đầu nhảy nhót trên mái nhà. Tôi thầm đoán : "Có lẽ những trà⁽¹⁾ bánh tét⁽²⁾ muộn màng như giờ này cũng bắc lên rồi".

Cho dù trời tối, tôi cũng không quên cái bếp nhà ông Tám, chỗ tôi đã rón rén kéo chiếc xuồng dạo nọ. Bấy giờ trên bờ án ngữ một bức thành đất dày, cao, có tới bốn lỗ châu mai hun hút. Bên ngoài ụ xuống, dây thép gai răng rít sát mặt nước, chỉ còn để hở một lối nhỏ vừa đủ chen lọt mũi xuồng.

(Lược một đoạn : Tác giả kể chuyện gặp lại anh Hai Cần – con trai ông Tám – cùng một số anh em du kích, rồi tình cờ mới biết ông Tám đã mất từ năm ngoái).

Chị Hai Cần đi rồi, chỉ còn lại có tôi với anh Hai.

Tôi hỏi chuyện về cái chết của bác Tám. Anh Hai Cần lặng thinh. Lát sau anh chậm rãi bảo tôi :

– Chú Bảy à, tối đó ba tôi tính đem bánh, trà vào "cứ"⁽³⁾ cho mấy chú. Ba tôi ổng lo lắm, sợ tét nhưt mấy chú ở trong "cứ" buồn. Chiều đó vợ tôi luộc bánh chín rồi, bà tôi liền lấy bốn đòn đem ém dưới sạp xuống... Ông sợ tụi nó thấy. Tính khuya là chớ xuống vô mấy chú. Ai ngờ khuya tụi nó cứ đi ròn⁽⁴⁾ hoài...

Tôi nói :

– Hèn chi tôi rờ mấy đòn bánh tét thấy còn nóng. Anh Hai ơi, vậy là tụi tôi có lỗi với bác Tám lắm. Bữa nay chẳng giấu gì anh, tôi đem hoàn lại gia đình một số tiền. Chiếc xuồng dạo nọ.

(1) Trà : nồi đất miệng rộng và nông.

(2) Bánh tét : một loại bánh như bánh chưng nhưng gói thành đòn tròn và dài như gói giò.

(3) "Cứ" (nói tắt) : căn cứ địa cách mạng ở vùng núi hoặc nông thôn.

(4) Đi ròn : đi tuần tra.

Anh Hai Căn im lặng, không nói gì hết. Hồi sau, anh ngược lên, mắt đỏ hoe. Anh không nhắc nhở gì tới chuyện chiếc xuồng nữa. Anh nói :

– Ba tôi mất hồi năm ngoái, chú Bảy à. Lúc đó tụi nó ráo riết dồn bà con vô ấp. Không ai chịu đi. Chú biết, nhà tôi thì ở ngay đầu xóm nên mỗi lần tụi nó kéo vô là ghé trước. Năm lần bảy lượt o ép, ông già tôi đều kiếm cách lướt qua hết. Ba tôi nói : "Nhà mình ở đầu xóm mà núng thế thì không làm gương được cho lối xóm !". Thật, nhà tôi không động đậy, cả xóm cũng không nhúc nhích. Lính tráng gặp ba tôi thầy đều ngán. Ban đầu ba tôi nói : "Nhà tôi cũng như nhà mấy chú, đừng có nghe lời người ta tới đây đòi dọ, đòi dờ, tôi không đi đâu !". Lướt sau chúng lại vô, hùng hổ dỡ nhà. Ba tôi đem cây mào mài bén ngọn ra phóng cắm giữa nhà, nói :

– Tôi nói thiệt chứ không phải giỡn đâu. Chú nào leo lên rút một cọng lá tôi chém cho coi !

Ba tôi nói tình khô, vẫn gọi bọn lính bằng "chú". Không thằng nào dám leo lên dỡ nhà hết. Tụi nó nhắm không êm, bỏ nhà tôi kéo qua nhà thím Sáu Ôn, tưởng đầu đàn bà goá thì dễ hiếp dáp. Nào ngờ thím Sáu Ôn cũng không chịu đi. Tụi nó bật lửa đòi đốt nhà. Thím Sáu bỗng bế kêu hết mấy đứa con ra ngồi giữa nhà nói :

– Đốt cho mẹ con tôi chết luôn thể !

Thằng lính sắp đốt nhà nghe thím nói thì buông môi lửa, ngán ngơ. Vậy là lần đó, tụi nó cũng bó tay kéo về. Thằng quận trưởng Sông Đốc tức lắm. Nó cách chức thằng đồn trưởng Xẻo Đước, đổi thằng khác tới. Thằng đồn trưởng mới này tên là thằng Đờm, chánh cống ác ôn. Mới về, nó tuyên bố :

– Tôi không lừa được dân Xẻo Đước thì tôi chết sao ?

Rồi mới tới ngày hôm trước, hôm sau nó đã dắt lính vô. Hay tin, ba tôi vẫn điềm tĩnh ngồi tại bộ ván giữa này. Cử chỉ ba tôi lúc đó coi khác lắm chú Bảy à. Phần tôi, tôi biết lần này gay go, vì thằng Đờm là thằng gian ác có tiếng. Cho nên, tôi luôn ở sát bên ba tôi, mắt không rời cây búa bừa củi giấu sau cánh cửa. Tất nhiên nhà tôi là cái nhà đầu tiên tụi nó ghé. Chưa vô tới sân, thằng đồn trưởng Đờm đã nổ súng. Sau phát súng, nó kẻ miệng thổi phù phù vô nòng cây "côn 12"⁽¹⁾ rồi hét :

– Ai là chủ nhà đây ?

– Tôi.

Ba tôi đáp rất gọn.

Tên đồn trưởng xộc vô. Nó ngó quanh quất, ngó tôi và ba tôi, đoạn vẩy súng nói :

– Ê, ông là chủ nhà hả ? Ông biết tôi tới đây có chuyện gì không ?

(1) "Côn 12" : một kiểu súng ngắn của Mĩ, cỡ nòng có đường kính là 12 mi li mét.

Ba tôi từ trên ván bước xuống đất :

– Được, chuyện chi cũng được. Nhưng mấy người đình đãi⁽¹⁾ cho một chút...

Tên đồn trưởng nghe nói, tưởng đầu ba tôi ngán nó rồi, nên nó đắc chí ngó mấy tên lính, nháy mắt. Đoạn nó ngồi lên ván, tréo ngoáy chân, đốt thuốc thơm hút :

– Được, ông già lo cụ bị⁽²⁾ đồ đạc đi. Có ghe chớ ?

Ba tôi đáp :

– Có, tôi có ghe !

Nhưng ba tôi không đi cụ bị đồ đạc, cũng không đi lấy ghe. Ba tôi mở tủ thờ lấy cái áo dài bằng xuyên⁽³⁾ đen ra. Đây là chiếc áo ba tôi chỉ bận khi có giỗ kỵ. Bây giờ ba tôi thông thả bận vô. Ba tôi bận áo rất kĩ lưỡng, vuốt từng nếp nhăn trên áo. Xong rồi ba tôi đưa tay xỏ đầu tóc, xoa ra. Tụi nó không biết ba tôi làm cái gì. Mà ba tôi cũng chẳng ngó ngang để ý gì tới tụi nó. Hình như bây giờ ba tôi chỉ biết có việc ba tôi làm. Sau khi bận áo và xoa tóc, ba tôi rút mấy nén nhang, bảo tôi :

– Hai, con đốt đèn lên !

Tôi rùng mình quẹt lửa đốt đèn. Cái ống quẹt cứ run lên trong tay tôi. Ba tôi đốt nhang, chấp bó nhang quỳ xuống trước bàn thờ, lầm rầm khấn :

– Thưa ông bà, cha mẹ, thưa các hương hồn liệt sĩ, nhà cửa, đất đai đây là của ông bà, cha mẹ và cách mạng đã tạo lập cho con. Bữa nay người ta tới ép buộc con phải bỏ đi. Con không thể phụ bạc công ơn cha mẹ, công ơn cách mạng. Vậy con xin chết cho cha mẹ và các liệt sĩ ngó thấy. Khẩu đầu xin cha mẹ và các vị chứng miêng⁽⁴⁾ cho...

– Ông già cầm miêng !

Thằng đồn trưởng la lên. Nó không chịu nổi những phút rùng rợn ấy nữa. Cũng vừa lúc ba tôi khấn vái xong. Bước tới góc nhà chụp cây mào, ba tôi quay phắt tới trước mặt tên đồn trưởng :

– Việc của tôi đã xong, bây giờ mấy người muốn gì ?

Thằng đồn trưởng xanh mặt. Nó không nói rằng nó muốn gì cả. Nó đưa khẩu súng "còn 12" lên, chĩa vô ngực ba tôi. Tức khắc ba tôi cũng chĩa mũi mào nhọn hoắt về phía nó. Và tôi, không chần chờ, lập tức vớ ngay cây búa bửa củi giấu sau cánh cửa. Bọn lính

(1) Đình đãi (từ địa phương) : chờ, từ từ.

(2) Cụ bị (từ địa phương) : thu xếp, chuẩn bị.

(3) Xuyên : một loại lụa láng đen có sọc ngang, ngày trước những người đàn ông đứng tuổi thường dùng để may áo dài.

(4) Chứng miêng (cách nói chệch của tiếng địa phương) : chứng minh.

lên đạn rộp rộp. Ba tôi nhích mũi mác tới. Thằng đồn trưởng lùi lại. Tay súng nó run lấy bầy. Thành linh tôi thấy nòng súng trong tay nó gặc mạnh một cái. Phát súng nổ "dùng". Ba tôi đưa tay lên mặt. Một dòng máu chảy xuống mặt ba tôi. Nhưng ba tôi vẫn đi tới. Thằng đồn trưởng cứ lùi. Bỗng nhiên, nó buông rơi khẩu súng, hoảng hốt rú lên, quay người bỏ chạy. Nhưng tôi đâu để nó chạy. Cây búa trong tay tôi đã bay theo. Lưỡi búa cắm ngập vào gáy thằng đồn trưởng. Nó kêu "trời ôi" rồi té sấp, hai tay vã xuống nền nhà.

Kể tới đây, anh Hai Cần dừng lại. Anh chụp chai rượu rót vô li. Anh rót rượu tràn cả ra ngoài. Nhắc li rượu uống cạn, anh dần cái li không đánh cốc xuống ván, ngó chằm chằm ra đêm tối. Bóng anh in trên vách, bất động. Tôi khẽ hỏi :

– Còn tụi lính, nó không bắn à ?

Anh Hai Cần lắc đầu :

– Không, họ không bắn tôi. Khi đó, tôi cũng không chém họ. Tôi vút búa, bước tới đỡ lấy ba tôi. Ba tôi đã tắt thở. Chợt một người lính cầm ngọn mác của ba tôi đưa cho tôi và bảo : "Chạy trốn đi, để đây tụi tôi tính".

Tôi sùng sốt nhìn anh ta. Nhưng hai anh lính khác cũng giục tôi :

– Chạy mau đi !

Nói rồi họ khiêng ba tôi đặt dựa vô vách. Một anh đi lượm cây búa tôi chém thằng đồn trưởng ban nãy, đem lại đặt kề bên ba tôi. Tôi hiểu liền cầm cây mác vọt ra vườn. Lúc chạy một hồi, tôi nghe họ la :

– Tụi bay ơi, thằng già nó chém chết ông trung uý rồi !

(Lược một đoạn : Anh Hai Cần kể lại phong trào bà con Xẻo Đức cùng bộ đội địa phương vùng dẫy phá ấp chiến lược, đánh đồn bót địch).

Anh Hai Cần thôi nói.

Anh thôi nói đã lâu. Ấy thế mà trong đêm tối, tôi vẫn còn nghe. Tôi nghe đây là nghe tiếng súng nổ giữa ban ngày, tiếng rú của lũ giặc, và tiếng của ông Tám, tiếng nói của ông già nông dân ngoài sáu mươi tuổi cất lên vang rợn :

– Thừa ông bà, cha mẹ, thừa các hương hồn liệt sĩ, nhà cửa, đất đai đây là của ông bà, cha mẹ và cách mạng tạo lập cho con...

Cứ thế, tôi nghe tiếng nói ấy. Và thưa bạn đọc, tôi xin nói ra cái điều kì lạ là cũng ngay bây giờ tôi cảm thấy như đất nền nhà dưới chân tôi nóng hăm hấp, cơ hồ như đất đang động cựa, tái hiện những vũng máu tươi. Thế rồi, khi tôi quay lại, tôi không thấy anh Hai Cần ngồi cạnh tôi nữa. Anh đang quỳ trước bàn thờ. Cái bàn thờ mà cha anh đã quỳ đạo nọ. Mùi nhang lại toả lên.

Giữa lúc năm cũ đi qua. Và một năm mới đến.

Tháng 3 - 1964

(Bức thư Cà Mau, NXB Văn học, Hà Nội, 1965)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Truyện ngắn *Đất* có kết cấu khá đặc biệt : câu chuyện của anh Hai Cần về ông Tám được lồng vào câu chuyện của nhân vật *tôi*. Anh (chị) hãy phân tích hiệu quả nghệ thuật của lối kết cấu này (đối với tính phong phú, bao quát của nội dung phản ánh, đối với sức hấp dẫn của tác phẩm).
2. Tình huống truyện phát triển đến cao độ ở đoạn nào ? Hãy phân tích hành động, lời nói của ông Tám trước bàn thờ. Qua đó và qua các chi tiết khác trong truyện, anh (chị) hiểu như thế nào về tính cách của nhân vật ông Tám ? Nhân vật này có những nét gì điển hình cho người nông dân cách mạng Nam Bộ ?
3. Qua truyện ngắn *Đất*, anh (chị) hiểu như thế nào về cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam những năm chống lại chính sách dụm "ấp chiến lược" của Mĩ – nguy ?
4. Hãy nêu suy nghĩ của anh (chị) về phần kết thúc tác phẩm (từ "Anh thôi nói đã lâu" đến hết). Phát biểu ý nghĩa tư tưởng của truyện ngắn *Đất* (chú ý liên hệ nội dung phản ánh với tên tác phẩm).

LUYỆN TẬP VỀ CÁCH SỬA CHỮA VĂN BẢN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nhận thức được rằng viết là một việc rất nghiêm túc ; để có một văn bản tốt, phải sửa chữa rất công phu.
- Biết vận dụng nhận thức đó vào việc tạo lập văn bản.

1. Trong phần đầu bản thảo *Di chúc* viết năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đầu viết như sau :

Cuộc chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam – Bắc, để thăm hỏi đồng bào, cán bộ và chiến sĩ, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

Sau đó Người chữa lại :

Cuộc chống Mĩ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam – Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta.

(Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 12,
NXB Chính trị Quốc gia, 1996)

a) Xác định những chỗ Chủ tịch Hồ Chí Minh sửa chữa.

b) Phân tích tác dụng của việc sửa chữa ấy.

2. Trong bài *Đây mùa thu tới*, Xuân Diệu viết :

Hơn một loài hoa đã rụng cành.

Nhưng khi đăng trên báo *Ngày nay*, một nhà thơ đã chữa lại như sau :

Đã mấy loài hoa rụng dưới cành.

Sau này, khi in lại, Xuân Diệu khôi phục như cũ.

Hãy tìm sự khác biệt về giá trị nghệ thuật giữa câu thơ ban đầu và câu thơ bị sửa. Theo anh (chị), tại sao Xuân Diệu vẫn giữ nguyên câu thơ ban đầu ?

3. Anh (chị) hãy sắp xếp các đoạn trong phần trích sau đây⁽¹⁾ theo trật tự hợp lí nhất.

(1) *Một bữa ngồi viết ba cái lãng nhãng, thông chân xuống định đứng lên vận vẹo người cho đỡ mỏi thì chũm, chân dẫm trong nước. Sông đã lãng lẽ dời bờ vô hơn nửa... nhà. Mặc cười, tôi nhắn tin cho người bạn ở xa, "nước sông dâng tới chỗ tôi ngồi viết". Không hiểu sao tôi nghĩ tin nhắn của mình sẽ làm anh bạn chạy tới tú sách lôi những cuốn của nhà văn Đoàn Giỏi, Sơn Nam, Nguyễn Quang Sáng,... ra đọc lại, cho đỡ thèm, đỡ nhớ phương Nam.*

(2) *Sự trở lại lâm liệt và rục rĩ tới mức người ta phải kêu lên, trời đất ơi, nước rong. Nước tràn trên những con đường trong thành phố. Tôi lâu không ngược nhìn trắng bóng gập trắng sóng sánh dưới chân mình. Chị tôi kê tủ giày, thùng gạo, mấy vật dụng bằng sắt lên cao, sóng đánh với theo. Hết rầm, con nước tự bỏ ra*

(1) Đây là phần trích từ bài tùy bút *Cửa nước và gió* của Nguyễn Ngọc Tư (*Nhân Dân*, số báo Xuân Mậu Tý, 2008). Người biên soạn đảo trật tự các đoạn.

khỏi nhà, nhưng vẫn đầy lấp ló. Tôi quét nhà, trong mấy hốc kẹt còn sót lại nhiều rác rưởi, cùng những trái mắm, trái đước lên mắm. Tôi thả chúng vào sông, hơi lo, với mớ rễ đã khô se, chúng có đủ sức sống để mọc lên ở một bãi bùn xa xôi nào. Và trên những con sông gần biển, lũ cá dứa chắc không còn nhiều nữa, nên những trái mắm mới trôi dạt đến nơi này.

(3) Tôi không nhớ trong những cuốn sách đó có bao nhiêu trang, bao nhiêu câu chuyện liên quan đến con nước rong. Đường như là không có câu văn nào về dòng sông sau nhà tôi. Chảy qua thành phố với cái tên xa lạ, dòng sông nhỏ bị che khuất bởi những dãy nhà ken dày hai bên bờ, và cứ vậy, nó chảy thẳm suốt một mùa mưa. Người ta sống trên nó, rửa chân và vớt rác lên nó nhưng quên lãng nó. Và một buổi sáng mờ của sau, sông bỗng tràn đầy trong mắt.

(4) Hơn hai phần ba các con sông của Cà Mau không có lục bình. Chúng chỉ mang những trái mắm, hay đước, vẹt, bẹ dừa nước, lưỡi mèo phèn,... trong lòng nước ngẫu dục phù sa của mình. Những lúc thối nhìn chữ nghĩa, ra ngó sông, thấy trái dừa chuột khoét lừng lững trôi ngang qua, tôi vui như gặp bạn cũ. Nước càng đầy thì cuộc trôi dạt càng đông đúc, là những trái mắm như trái tim sắp vỡ ra từng lớp, là cái bắp chuối đỏ, là những bông tra vàng, trái quao cong,... Cái đầu mơ mộng của tôi nghĩ tụi nó đang nói với nhau, nước rong tính ra chợ sống, nhưng kiếm không ra cục sinh cấm rễ, thôi về. Chúng không dừng lại. Cuộc diễu hành của sự sống đông bãi như vô tận, như không bao giờ chấm dứt.

(5) Nhưng vào cái mùa sông đẹp nhất, tôi chuyển nhà đi. Giờ thì mở cửa sau không còn mênh mông nước, nhớ sông vì tối ra đường vẫn xẻ trắng dưới bánh xe lăn. Tôi nhìn gió. Gió trong suốt vô hình. Nhưng có thể nhìn thấy chúng trên bãi lau sậy bát ngát sau nhà. Sậy đang mùa bạc đầu, tôi vẫn thường cầm trái ổi ngồi nhai chèm chẹp trong khi bông sậy già bị gió thổi hay lá tả xung quanh. Bông sậy li ti, phải nhìn qua tia nắng xiên mới thấy chúng bông bênh, nhẹ nhõm, chênh chao giữa không trung. Ngồi nhìn cái chậu rửa chén văng bóng sậy trên mặt, thấy bình an đến nỗi không dám nhúng tay vào.

(6) Và không có gì ngăn chặn được những cuộc trôi đi khi mà gió chướng càng thổi sâu vào mùa, nước càng đầy. Sông vào những ngôi nhà ven sông đòi lại đôi bờ đã bị con người xâm chiếm. Rác của con người vớt xuống, sông thần nhiên trả lại cho người. Nhưng trong sông vẫn còn sự tử tế, thay vì dâng lên nhà người cái dòng chảy ô nhiễm đen ngòm, sông liếm láp đôi chân tôi bằng thứ nước lợ cơn phù sa.

4. Hãy sửa lại Bài viết số 3 của anh (chị). Đối với từng trường hợp, cho biết tại sao cần sửa như vậy.

MỘT NGƯỜI HÀ NỘI

NGUYỄN KHẢI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Cảm nhận được vẻ đẹp và chiều sâu văn hoá của người Hà Nội qua hình tượng nhân vật bà Hiền.*
- *Nắm được một số nét cơ bản trong nghệ thuật văn xuôi của Nguyễn Khải : cách kể chuyện, giọng văn, chất triết lí,...*

TIỂU DẪN

Nguyễn Khải (1930 - 2008) tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh tại Hà Nội. Quê gốc ở thành phố Nam Định, nhưng thuở nhỏ Nguyễn Khải chủ yếu sống ở quê ngoại (huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên). Đầu năm 1947, ông gia nhập đội Tự vệ thị xã Hưng Yên, năm 1950, vào bộ đội. Ông được rèn luyện, trưởng thành và bắt đầu sự nghiệp văn chương trong quân ngũ. Năm 1951, Nguyễn Khải làm báo *Chiến sĩ Quân khu Ba*. Từ năm 1956, ông làm việc tại tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Sau năm 1975, Nguyễn



Khải chuyển vào sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nhiều năm ông là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam.

Tên tuổi Nguyễn Khải thực sự được chú ý từ tiểu thuyết *Xung đột* (phần I - 1959, phần II - 1962). Từ đó, ông viết liên tục, chứng tỏ một sức sáng tạo dồi dào.

Tác phẩm chính : *Mùa lạc* (tập truyện ngắn, 1960), *Tầm nhìn xa* (truyện, 1963), *Đường trong mây* (tiểu thuyết, 1970), *Ra đảo* (tiểu thuyết, 1970), *Chủ tịch huyện* (truyện, 1972), *Chiến sĩ* (tiểu thuyết, 1973), *Cha và Con và...* (tiểu thuyết, 1979), *Gặp gỡ cuối năm* (tiểu thuyết, 1982), *Thời gian của người* (tiểu thuyết, 1985), *Một thời gió bụi* (truyện ngắn, 1993), *Hà Nội trong mắt tôi* (tập truyện, 1995).

Sống ở đời (truyện ngắn, 2002), *Thượng đế thì cười* (tiểu thuyết, 2004),...
Cống hiến của ông được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng, trong đó có Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 2000 và Giải thưởng ASEAN năm 2000.

Nguyễn Khải thuộc số những cây bút hàng đầu của văn xuôi Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945. Hành trình sáng tác của Nguyễn Khải tiêu biểu cho quá trình vận động của văn học dân tộc hơn nửa thế kỉ qua. Là nhà văn xông xáo, luôn bám sát thời sự, ông nổi bật ở khả năng phát hiện vấn đề, phân tích tâm lí sắc sảo. Trước năm 1978, Nguyễn Khải đem lại ấn tượng về một ngòi bút văn xuôi có khuynh hướng chính luận với sức mạnh của lí trí tỉnh táo. Từ năm 1978 trở đi, sáng tác của ông ngả dần sang cảm hứng triết luận và có sự quan tâm đến số phận cá nhân trong cuộc sống đời thường với giọng văn đôn hậu, trầm lắng, nhiều chiêm nghiệm.

Truyện ngắn *Một người Hà Nội* là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Khải ở giai đoạn sáng tác gắn với công cuộc đổi mới của đất nước.

*

* *

1

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình, vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, đầu cô chú vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì đến chính phủ "ngoài kia" cả. Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, một ông giáo dạy cấp Tiểu học, là người cần thiết cho mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hoá và học làm người. Còn chính trị chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học. Tính thế là đúng nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo, nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một toà nhà toạ lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cổ thụ và hậu cung⁽¹⁾ của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới

(1) *Hậu cung* : gian phía sau của một ngôi đình, ngôi đền, làm nơi để thờ thần thánh (nghĩa trong văn bản).

gầm cầu thang của nhà bạn bè. Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo ba-đờ-xuy⁽¹⁾, đi giày da, bà mặc áo măng-tô cổ lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đĩa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định. Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi xúm xít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi mức ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muối vào, sục dứa vào, vừa ăn vừa quất con măng cái, nhôm nhòam, hủ hê, không cần phải khuôn bó theo một quy tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hóm gì cái thứ lễ nghi rườm rà của... giai cấp tư sản. Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau : "Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình mình biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối".

(Lược phần 2 : Cô Hiền xuất thân trong một gia đình giàu có lương thiện – mẹ buôn nước mắm, bố đậu tú tài, mẹ văn thơ, dạy con cái theo khuôn phép nhà quan. Cô Hiền đẹp, thông minh, được bố mẹ cho phép mở phòng tiếp khách văn chương, gọi là xa lông văn học).

3

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng, với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm năm cái xuân xanh, là cực kì khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội. Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã mười bốn, mười lăm tuổi chạy ra mở cửa rồi kêu âm lên : "Mẹ ơi ! Đồng chí Khải đến". Cô tôi cau mặt gắt : "Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa ?". Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên : "Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi". Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói : "Nước được độc lập vui quá cô nhỉ ?". Cô trả lời : "Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ ?". Theo cô, chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả

(1) Ba-đờ-xuy (tiếng Pháp : pardessus) : một loại áo khoác dài của nam giới, mặc vào mùa rét.

tiền công sá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, để được đứa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi. Sau ngày giải phóng, cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi : "Chị có bị nhà chủ hành hạ không ? Tiền công có được trả đều đặn không ? Thái độ chính trị của họ là như thế nào ?". Chị vú gắt âm lên : "Nếu họ không tử tế thì tôi đã xéo đi từ lâu rồi không khiến anh phải xui". Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận : "Cách mạng gì toàn để ý đến những chuyện lật vạt !". Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm mười chín tuổi đến năm bốn lăm tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày Tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rượu, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

4

Trong lí lịch cán bộ, tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, hướng hồ còn là bà tư sản, dính líu vào lại thêm phiền. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô :

– Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giấu cũng tài nhỉ ?

Cô Hiền cười rất tươi :

– Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười :

– Lại còn chưa đủ.

Cô nói thản nhiên :

– Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ : hoa giấy, các loại hoa giấy và các lẵng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỉ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây. Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực : "Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng

lạ nhỉ?". Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng : "Các bà không biết nhưng Nhà nước lại rất biết". Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp Tiểu học, được Nha Học chính⁽¹⁾ công nhận và cho in bán. Năm 1956, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau, có một cán bộ tới hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tỉnh khô : "Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng nhà chủ xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại". Cũng trong năm 1956, ông chú tôi muốn mua một máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thực. Bà vợ hỏi lại : "Ông có đứng máy được không?". Ông chồng trả lời : "Không" – "Ông có sắp chữ được không?" – "Không!" – "Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à?". Ông chồng tính vốn nhất, rút lui ngay. Cô kết luận với tôi : "Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vĩnh cửu không là nhục, nên tao cũng chỉ cần đủ ăn". Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại : "Còn chú, còn các em?". "Chú tuy chưa già nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không phải sống ăn bám".

5

Cô Hiền bên ngoại, chị Đại bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vào. Không có cả sự lãng mạn hay mộng mơ vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thêm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi : "Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ". Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ, khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà

(1) *Nha Học chính* : cơ quan nhà nước thời Pháp thuộc, quản lý về giáo dục, như Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày nay.

kính ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng : "Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập được, khỏi phải sống bám vào các anh chị". Là thời hân. Cô bảo tôi : "Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng⁽¹⁾ thì cái gia đình ấy cũng chả ra sao". Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn, cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi : "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng, nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng". Có lần tôi cãi : "Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm". Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo : "Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ, còn sau này muốn sống ra sao là tùy".

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ mười tám đến hai lăm, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng sáu trăm sáu mươi người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng kí xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam. Họ có dừng lại Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô : "Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ?". Cô trả lời : "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Ba năm cô không nhận được một tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thằng em kế làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hi sinh thì nối tiếp chí hướng của anh. Tôi lại hỏi cô : "Cô cũng đồng ý cho nó đi à?". Cô trả lời buồn bã : "Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó". Rồi cô chép miệng : "Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui lẽ thì có hay hơn gì". Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm rất cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói : "Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống rồi cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào". Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế

(1) *Nội tướng* : tướng trong nhà, chỉ người vợ (với hàm ý là người nắm quyền quản lí trong gia đình).

Tháng 12 năm 1975, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói : "Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà, tao còn hỏi, anh muốn mua gì ?". Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng úy này ở đâu đó. Gây ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chẳng còn tí dấu vết gì là một chàng trai của Hà Nội. Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô chú đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kì. Khoảng mười, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo ba-dờ-xuy, bỏ áo khoác ngoài, bên trong còn mặc đồ bộ, thắt cà-vạt, nhưng đã sờn bạc cũ kĩ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, lược giắt trăm cài hoa hột lép lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển. Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thảm, đi dép hoặc đi guốc, vương khăn len tới tấp buộc quanh cổ hay bịt đầu, là các cô Lọ Lem của mỗi ngày, có phải trò chuyện mình cũng dễ ăn nói buồng tổng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quý phái, mình phải xử sự ra sao nhỉ ? Cô hỏi tôi : "Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta thì là tầng lớp nào ?". Tôi cười phá lên : "Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi, chứ còn ai nữa". Cho nên cái mùi lính trắng thắm nhiễm vào mọi nơi mọi chỗ, quan hệ kiểu lính, vui chơi kiểu lính, ăn nói kiểu lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời các giám đốc công ti, các tổng giám đốc công ti, các cố vấn, chuyên viên kinh tế thật, giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội. Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều nịnh hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng mới là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân vật phụ, ghé gắm vào cái vinh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc, hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng hơn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không

một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố ? Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo : "Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào ?". Dũng nói : "Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm". Một bà nói : "Cứ nói, người đi xa về có quyền muốn nói gì thì nói". Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngót nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng mười năm. Sáu trăm sáu mươi người, bây giờ còn lại khoảng trên dưới bốn chục. Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng úy, tên là Tuất. Khi chuyển tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện loà nhoà trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì từ đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang : "Quý khách chú ý ! Quý khách chú ý ! Chuyển tàu từ Thái Nguyên...". Tuất ngồi cạnh Dũng chợt nhào người qua mặt bạn, gần như đưa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hất mặt lên phía có tiếng loa, kêu nho nhỏ : "Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đấy ! Tiếng của mẹ đấy !...". Không một ai được phép rời khỏi toa tàu, không một người thân nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dũng kể tiếp :

– Thằng Tuất hi sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hi sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ngay được là mẹ của Tuất. Tuất vẫn nói là hần giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ vừa kịp nói : Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm đìa, rồi cháu òa khóc y hệt một đứa trẻ. Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu, người bà run bần bật nhưng không khóc, và bà nói run rẩy : "Nín đi con, nín đi Dũng ! Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi".

7

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở Thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, một người Hà Nội của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người

bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi. Một bộ xa lông gụ "cái khánh"⁽¹⁾, cái sập gụ chân quỳ⁽²⁾ chạm⁽³⁾ rất đẹp nhưng không khảm⁽⁴⁾, cái tủ chùa⁽⁵⁾ một cánh bên trong bày một cái lọ men Thuý hồng⁽⁶⁾, một cái lư hương đời Hán, một cái liễn hấp sâm Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chả rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thủy tiên⁽⁷⁾ men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nối bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây lả lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy Tết quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn lại một cái Tết Hà Nội. Năm nay chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nhảy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà không buôn được vài ngàn củ thủy tiên nhỉ ? Ví thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tía thủy tiên. Lại thêm cái cách sống, cái tâm lí sống ô ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã dễ gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một dò hoa thủy tiên. Cô Hiền hỏi :

– Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào ?

Tôi vừa cười vừa nói :

– Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui.

– Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói :

– Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

(1), (2), (5) *Xa lông gụ "cái khánh", sập gụ chân quỳ, tủ chùa* : những đồ dùng trong nhà, làm bằng gỗ quý, kiểu cổ, thường được các gia đình quý phái ngày xưa ưa thích. (*Xa lông gụ "cái khánh"* : xa lông bằng gỗ gụ, lưng tựa có chạm khắc hình cái khánh ; *sập gụ chân quỳ* : phần làm bằng gỗ gụ, mặt liền với chân, chân phần tạo dáng chân con thú đang quỳ ; *tủ chùa* : tủ tạo dáng theo hình ngôi chùa).

(3) *Chạm* : một kĩ thuật tinh xảo của nghề mộc, nghề kim hoàn, dùng dụng cụ đục trên mặt vật rắn (gỗ, kim loại) để tạo đường nét, hình khối.

(4) *Khảm* : kĩ thuật gắn các mảnh cứng, có màu sắc đẹp (như bạc, vàng, vỏ trai, vỏ sò, gỗ pơ mu, gỗ xà cừ,...) lên đồ vật theo hình đục sẵn để trang trí.

(6) *Men Thuý hồng* : tên một loại men Trung Quốc, màu phớt hồng, dùng tráng trên đồ gốm sứ.

(7) *Bát thủy tiên* : bát quý đựng hoa thủy tiên, loại hoa cảnh màu trắng, nhị vàng, mùi hương thanh khiết, thường được bày vào dịp Tết Nguyên đán.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gương kíp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng : "Cậu đi đâu mà vội thế ?". Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sững sờ : "Tiên sư cái anh già !". Lại một buổi sáng tôi tới thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lắt lắt phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sòng hoặc hát cầm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú gộp lời liền : "Ông ăn mặc tằm⁽¹⁾ như thế lại đi xe đạp họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, cưỡi cái Cúp xem, thừa gửi tử tế ngay". Tôi cười nhún nhó : "Lại ra thế !". Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tán cây đề lên hậu cung, một phần bộ rễ bật đất chống ngược



Đền Ngọc Sơn, Hà Nội

(Ảnh : Võ Chiến)

(1) *Tằm* (tiếng lóng) : chỉ cách ăn mặc hay giao tiếp quá kệch, vụng về, không hợp thời.

lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự đời đời, diêm xấu, là sự ra đi của một thời. Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cầu tới đặt bên kia bờ quảng đây tôi vào thân cây si rồi kéo dần lên mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm : "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được". Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chẳng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lí sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá. Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ánh vàng !

Ngày 19 - 1 - 1990

(Hà Nội trong mắt tôi, NXB Hà Nội, 1995)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua cách bà Hiền thu xếp việc nhà và dạy con cái, anh (chị) thấy bà là người thế nào ? Anh (chị) có tán thành quan điểm dạy con của bà : "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng, nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng" hay không ?
2. Khi được hỏi về chuyện con trai đi chiến đấu, bà Hiền trả lời : "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Theo anh (chị), tác giả muốn nói gì qua chi tiết này ?
3. Khi trần thuật, tác giả thường đặt một sự việc, một vấn đề dưới nhiều cách nhìn. Theo anh (chị), biện pháp này có tác dụng gì ?
4. Hãy phân tích nét đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật của Nguyễn Khải qua đoạn cuối truyện (từ "Cô Hiền hỏi : – Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào ?" đến hết).

5. Theo anh (chị), tại sao tác giả gọi bà Hiền là "một người Hà Nội" ? Nét đẹp nhất trong nhân cách bà Hiền là gì ? Anh (chị) nghĩ thế nào về lời bình luận của người kể chuyện : "Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kì chói sáng những ánh vàng !" ?
6. Anh (chị) có nhận xét gì về nhân vật người kể chuyện trong tác phẩm (qua điểm nhìn, cách kể, giọng điệu, ngôn ngữ,...) ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

Qua chân dung "một người Hà Nội", Nguyễn Khải đã trình bày quan niệm nghệ thuật của cá nhân ông về con người. Hãy làm rõ quan niệm đó.

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Con người trong văn học

Con người là đối tượng miêu tả và là tâm điểm nội dung của văn học. Sở dĩ thế vì con người – được thể hiện qua nhân vật – là kết tinh của những giá trị về văn hoá, nhân cách, tư tưởng và cá tính. Nhân vật chính của tác phẩm vừa mang giá trị, quan điểm tư tưởng của một người, vừa có ý nghĩa tiêu biểu cho một loại người trong xã hội. Trong văn học hiện đại, quan hệ của các nhân vật mang tư tưởng khác nhau (thể hiện qua việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng đời sống) tạo nên hình thức đối thoại tư tưởng trong tác phẩm. Mỗi con người cũng có sự va chạm, đối thoại với các giá trị khác nhau ; có giá trị nhất thời, có giá trị bền vững. Nhà văn Nguyễn Khải từng phát biểu : "Nói cho cùng, để sống được hằng ngày tất nhiên phải nhờ vào những "giá trị tức thời". Nhưng để sống cho có phẩm hạnh, có cốt cách nhất định phải dựa vào những giá trị bền vững"⁽¹⁾. Văn học soi sáng các giá trị, dẫn dắt con người vượt lên trên các giá trị nhất thời, vươn tới các giá trị bền vững.

(1) *Tuyển tập tiểu thuyết*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1999.

LUYỆN TẬP VỀ CÁCH DÙNG MỘT SỐ QUAN HỆ TỪ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu được cách dùng một số quan hệ từ.
- Nhận biết được và nắm vững cách chữa lỗi có liên quan đến việc dùng các quan hệ từ đó.

1. Đọc những câu sau đây và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

- Bị mèo đuổi, con chuột cuống cuống chui hang. (1)
 - Hẳn quên cả chuyện nhắc với tôi đi đến thăm ông cụ. (2)
 - Voi giơ chân giẫm mạnh con rắn. (3)
 - Sau bao nhiêu năm đánh với giặc ngoại xâm, dân tộc ta hiểu sâu sắc thế nào là độc lập, tự do. (4)
 - Phải nâng niu những ý kiến bạn bè đóng góp với mình, dù chê hay khen mình chẳng nữa. (5)
 - Anh hay chế nhạo với những gì anh cho là lố bịch. (6)
 - Thế là hẳn đầu hàng với nghịch cảnh, bao nhiêu ý chí mất sạch. (7)
 - Con muốn ăn dưa hay ăn thìa ? (8)
 - Cảm ơn em đã nghĩ tới tôi. (9)
- a) Xác định những câu anh (chị) cho là đúng.
b) Hãy chữa những câu anh (chị) cho là sai.

2. Đọc những câu sau đây và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

- Nó không để tôi nói thêm với nó một lời, chạy **theo** tôi ngay và luôn luôn bắt tôi đưa xem đồng hào đôi mới. (Nguyễn Hồng – Mợ Du) (1)
- Dân làng thấy chuyện kì lạ, xuống đứng **dưới** bến để nhìn kĩ. (Sơn Nam – Bắt sáu rùng U Minh Hạ) (2)
- Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con [...]. (Nam Cao – Đời thừa) (3)
- Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy **lên** những ngôi mả khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau. (Vũ Trọng Phụng – Số đỏ) (4)

Đặt câu có danh từ (hay cụm danh từ, đại từ) đi liền sau các động từ *chạy, đứng, ngồi, nhảy* (mẫu : Anh ấy **chạy tiến để** mua con bò). Từ đó, nêu nhận xét về sự khác biệt nghĩa giữa trường hợp có quan hệ từ (như ở bốn câu đã dẫn) và trường hợp không có quan hệ từ sau động từ.

3. So sánh những câu sau :

- | | |
|-----------------|-----------------------------|
| – Nó đi chùa. | – Nó đi đến chùa. |
| – Nó đi chợ. | – Nó đi đến chợ. |
| – Nó nhớ tôi. | – Nó nhớ tới tôi. |
| – Nó đánh tôi. | – Nó đánh vào tôi. |
| – Nó cười ngựa. | – Nó cười trên ngựa. |

a) Nghĩa của câu có quan hệ từ có khác với câu tương ứng không có quan hệ từ hay không ?

b) Nếu có, thì sự khác biệt đó là gì ?

SỬ DỤNG LUẬN CỨ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Hiểu vai trò quan trọng của luận cứ trong bài văn nghị luận.
- Biết sử dụng luận cứ một cách hợp lý và có hiệu quả trong bài văn nghị luận.

1. Vai trò của luận cứ

Bài văn nghị luận không thể có sức thuyết phục nếu chỉ có luận điểm mà thiếu luận cứ. Bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Chủ tịch Hồ Chí Minh sở dĩ có sức tác động mạnh mẽ là do Người đã sử dụng những lời trích dẫn từ *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của Mĩ, từ *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791 làm cơ sở để lên án thực dân Pháp "lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa". Bản *Tuyên ngôn Độc lập* còn sử dụng các bằng chứng về

chính trị, kinh tế và lịch sử để chúng tỏ thực dân Pháp áp bức, bóc lột đồng bào ta, từ năm 1940 chúng đã hai lần bán nước ta cho Nhật, đồng thời khẳng định nhân dân ta giành chính quyền từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp, chúng ta đứng hẳn về phe Đồng minh để chống phát xít, từ đó khẳng định quyền được hưởng độc lập, tự do của nước ta. Bài *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc* của Phạm Văn Đồng, nếu thiếu đi các trích dẫn từ sáng tác thơ văn của nhà thơ mù đất Đồng Nai, thiếu đi các sự thật lịch sử của thời đại và cuộc đời nhà thơ thì làm sao có sức lay động tâm hồn, trí tuệ người đọc ?

Rõ ràng các loại luận cứ là nền tảng và là chất liệu để làm nên bài văn nghị luận.

2. Cách sử dụng luận cứ

a) Muốn làm một bài văn nghị luận thì phải sử dụng luận cứ. Muốn có luận cứ để sử dụng thì phải tích lũy. Người làm văn nghị luận phải chuẩn bị cho mình một vốn luận cứ giàu có, đa dạng, chẳng hạn :

- Các sự thật lịch sử và đời sống, bao gồm các sự kiện lịch sử, cuộc đời các nhân vật kiệt xuất, các nhà văn hoá của dân tộc và của thế giới, những nhà phát minh vĩ đại như Anh-xtan, Ê-đi-xon, các sự kiện đời sống được nhiều người biết.

- Các tư tưởng, lí luận của những nhà tư tưởng lớn như Khổng Tử, Các Mác, Hồ Chí Minh,...

- Các số liệu khoa học được công bố trên các báo, tạp chí về dân số, về số lượng học sinh trong cả nước, về thu nhập quốc dân, về sự phát triển kinh tế, kĩ thuật,...

- Các định lí, định luật khoa học.

- Các câu tục ngữ, thành ngữ, cách ngôn, ... kết tinh trí tuệ của dân gian và nhân loại.

Khi phân tích, bình luận tác phẩm văn học thì các câu thơ, câu văn, các hình ảnh, chi tiết, các nhân vật trong tác phẩm là luận cứ không thể thiếu. Việc học thuộc lòng các câu thơ, câu văn sẽ tạo thành một cái vốn quan trọng đối với người viết văn nghị luận.

b) Muốn viết được bài văn nghị luận thì phải biết lựa chọn luận cứ. Luận cứ phải được lựa chọn theo các tiêu chí sau :

- Trước hết, luận cứ phải phù hợp với yêu cầu khẳng định luận điểm. Nội dung của luận cứ phải thống nhất với nội dung của luận điểm. Chẳng hạn, muốn

bình thơ hay, cần chọn được bài thơ hay, câu thơ hay. Muốn bàn về vấn đề tự học, cần biết về các tấm gương tự học thành đạt.

– Thứ hai, luận cứ phải xác thực. Khi nêu luận cứ, người viết nghị luận cần biết chính xác về nguồn gốc, các số liệu, các sự kiện, tiểu sử nhân vật,... Biết không chắc chắn thì chưa vội sử dụng. Tuyệt đối không được bịa đặt luận cứ.

– Thứ ba, luận cứ phải tiêu biểu. Nếu nhà thơ có nhiều câu thơ hay thì chọn câu thơ tiêu biểu cho phong cách độc đáo của nhà thơ ấy. Nếu chọn chi tiết về nhân vật thì chọn chi tiết tiêu biểu nhất cho tính cách của nhân vật ấy.

– Thứ tư, luận cứ phải vừa đủ, đáp ứng yêu cầu chứng minh toàn diện cho luận điểm. Nếu muốn chứng minh nhân dân ta có lòng nồng nàn yêu nước thì cần lấy luận cứ từ thực tế cuộc sống của các tầng lớp nhân dân, trong quá khứ và trong hiện tại, trong thời chiến cũng như trong thời bình.

– Cuối cùng, luận cứ cần phải mới mẻ. Những luận cứ mà người đi trước đã sử dụng thì không nên dùng lại, nếu muốn dùng thì cố gắng khai thác khía cạnh nội dung mới của nó.

c) Cách sử dụng luận cứ trong bài văn nghị luận

– Khi sử dụng luận cứ vào bài văn nghị luận, trước hết phải biết giới thiệu luận cứ, có trường hợp cần chỉ ra nguồn của luận cứ (chẳng hạn số liệu lấy ở đâu, câu thơ của ai, ở tác phẩm nào).

– Cần trích dẫn chính xác. Nhớ nguyên văn thì đặt trong ngoặc kép, nhớ đại ý thì chuyển thành lời gián tiếp. Dẫn nhân vật thì lược thuật cuộc đời và hoạt động của nhân vật.

– Cần sử dụng thao tác lập luận để từ luận cứ mà làm rõ luận điểm. Chẳng hạn, từ các trích dẫn lời văn trong *Tuyên ngôn Độc lập* của Mĩ và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp, Hồ Chí Minh "suy ra" quyền độc lập, tự do và mưu cầu hạnh phúc của các dân tộc. Có trường hợp, người làm văn nghị luận phải phân tích luận cứ để làm bật lên các ý nghĩa phù hợp với luận điểm, làm cho luận cứ và luận điểm gắn bó với nhau thành một chỉnh thể giàu sức thuyết phục. Có như thế việc sử dụng luận cứ mới có hiệu quả.

LUYỆN TẬP

1. Đọc văn bản sau, chỉ ra các luận điểm, luận cứ và cách sử dụng luận cứ phục vụ cho luận điểm trong văn bản.

"Trong cuộc giao lưu văn nghệ, người hâm mộ hỏi một diễn viên : "Nếu có người mời chị tham gia quảng cáo cho một loại mỹ phẩm chị chưa hề dùng, mà thù lao rất hấp dẫn, thì chị có nhận lời không ?". Người diễn viên liền nói ngay : "Tôi sẽ nhận lời". Câu trả lời làm cho tôi giật mình. Diễn viên tham gia quảng cáo hàng hoá không có gì lạ, không có gì đáng trách. Nhưng nếu quảng cáo mà chỉ quan tâm tới thù lao, không quan tâm tới chất lượng của sản phẩm có phải là một vấn đề đạo đức hay không ? Nhận lời làm quảng cáo cho một thứ hàng mà mình chưa hề dùng, rõ ràng người diễn viên đã chỉ nghĩ đến tiền, còn như hàng hoá tốt hay xấu, thật hay giả, có lợi hay có hại cho người dùng, thì chưa nghĩ đến. Ở đây đúng là có vấn đề đạo đức. Người diễn viên có thể vô tình hay cố ý tham gia vào việc lừa dối khách hàng và tự lừa dối mình. Do đó, bốn tiếng "Tôi sẽ nhận lời" được nói ra vội vàng, chưa suy nghĩ kỹ, đã cho thấy : đạo đức và tiền bạc, cái nào đặt cao hơn cái nào là vấn đề thường gặp trong cuộc sống. Câu nói buột miệng thốt ra của người diễn viên kia cho thấy hiện tượng : một số người trong xã hội, vì đồng tiền sẵn sàng làm bất cứ việc gì, bất kể tốt xấu, lợi hại như thế nào, miễn có lợi cho mình là được. Chính loại người đó sẽ đổi trắng thay đen, nói xấu thành tốt, biến sai thành đúng. Hiện tượng trên cho thấy, trong kinh tế thị trường hôm nay cần phải đề cao tinh thần đạo đức, coi đạo đức cao hơn đồng tiền, vì như vậy thì đồng tiền mới có vai trò tích cực trong đời sống xã hội".

(Theo sách *Thanh niên diễn thuyết* của nước ngoài)

2. Cho đề bài "Bảo vệ môi trường sống". Hãy trao đổi, đề xuất những luận điểm và luận cứ.

CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

NGUYỄN MINH CHÂU

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được cái nhìn của tác giả về hiện thực đời sống, một cái nhìn thấu hiểu, trĩu nặng tình thương và nỗi lo âu đối với con người.*
- *Cảm nhận được vẻ đẹp của lối văn giản dị mà sâu sắc, thấm thía, nhiều dư vị của tác giả.*

TIỂU DẪN

Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989) sinh ra trong một gia đình nông dân ở huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Năm 1950, đang học chuyên khoa Trường Huỳnh Thúc Kháng, ông vào bộ đội và theo học Trường Sĩ quan Trần Quốc Tuấn. Nguyễn Minh Châu bắt đầu viết văn từ năm 1960, nhưng tên tuổi của ông chỉ thực sự được bạn đọc chú ý từ tiểu thuyết *Cửa sông* (1967).

Suốt cuộc đời cầm bút, Nguyễn Minh Châu không ngừng trăn trở về số phận nhân dân và trách nhiệm của nhà văn. Bằng tâm huyết và tài năng, bằng khát vọng sáng tạo chân chính và bản lĩnh dũng cảm, Nguyễn Minh Châu đã trở thành một trong những người mở đường xuất sắc cho công cuộc đổi mới văn học nước nhà từ sau năm 1975. Hành trình sáng tác của ông chia làm hai giai đoạn rõ rệt: trước thập kỉ tám mươi, ông là ngôi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ tám mươi đến khi mất, ông chuyển hẳn sang cảm hứng thể sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh.

Nguyễn Minh Châu được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 2000.



Tác phẩm chính : *Cửa sông* (tiểu thuyết, 1967), *Những vùng trời khác nhau* (tập truyện ngắn, 1970), *Dấu chân người lính* (tiểu thuyết, 1972), *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977), *Những người đi từ trong rừng ra* (tiểu thuyết, 1982), *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (tập truyện ngắn, 1983), *Bến quê* (tập truyện ngắn, 1985), *Cỏ lau* (tập truyện ngắn, 1989),...

Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* thuộc giai đoạn sáng tác thứ hai của Nguyễn Minh Châu. Văn bản sau đây có lược một số đoạn.

*
* * *

(Lược phần đầu : Phóng viên Phùng được trưởng phòng giao nhiệm vụ đi chụp để bổ sung vào bộ ảnh lịch một cảnh biển buổi sáng có sương. Người phóng viên miễn cưỡng thực hiện nhiệm vụ. Anh đến một vùng biển miền Trung, nơi phong cảnh "thật là thơ mộng", còn sương mù vào giữa tháng bảy. Ngoài Đẩu, người đồng đội cũ giờ làm chánh án Tòa án huyện, anh đã quen thân với Phác, một cậu bé thông minh, thường đi cùng ông ngoại chở gỗ từ trên rừng về bán cho xưởng đóng tàu. Sau khoảng tuần lễ, anh chưa chụp được bức ảnh nào ưng ý).

Lúc bảy giờ trời đầy mù từ ngoài biển bay vào. Lại lác đác mấy hạt mưa. Tôi rúc vào bên bánh xích của một chiếc xe tăng để tránh mưa, đang lúi húi thay phim, lúc ngẩng lên thấy một chuyện hơi lạ : một chiếc thuyền lưới vó⁽¹⁾ mà tôi đoán là trong nhóm đánh cá ban nãy đang chèo thẳng vào trước mặt tôi.

Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy một cảnh "đất" trời cho như vậy : trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ loè nhoè vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gong vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hoà và đẹp, một vẻ đẹp thực đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào. Chẳng biết ai đó lần đầu đã phát hiện ra bản thân cái đẹp chính là đạo đức ? Trong giây phút bối rối, tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn.

(1) *Thuyền lưới vó* : thuyền có trang bị lưới cát vó (chú thích của nhà văn).

Chẳng phải lựa chọn xê dịch gì nữa, tôi gác máy lên bánh xích của chiếc xe tăng hồng bấm "liên thanh" một hồi hết một phần tư cuốn phim, thu vào chiếc Pra-ti-ca⁽¹⁾ cái khoảnh khắc hạnh phúc tràn ngập tâm hồn mình, do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh vừa mang lại.

Tôi chắc hẳn ngay trong ngày hôm nay hoặc sáng mai đã có thể nhảy lên tàu hoả trở về, nếu anh bạn đồng ngũ không cố níu giữ ở chơi thêm vài bữa.

*
* *

Ngay lúc ấy, một chiếc thuyền đâm thẳng vào trước chỗ tôi đứng. Một người đàn ông và một người đàn bà rời chiếc thuyền. Họ phải lội qua một quãng bờ phá⁽²⁾ nước ngập đến quá đầu gối. Bất giác tôi nghe người đàn ông nói chỗ lên thuyền như quát : "Cứ ngồi nguyên đấy. Động đậy tao giết cả mày đi bây giờ".

Chắc chắn họ không trông thấy tôi. Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rõ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tầm lưng rộng và cong như lưng một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày chấy nắng rử xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tầm lưng áo bạc phếch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà.

Từ chỗ chiếc xe tăng mà tôi đang đứng với chiếc máy ảnh, đi quá mọi bước sâu vào phía trong có một chiếc xe rà phá mìn của công binh Mĩ, chiếc xe sơn màu vàng tươi và to lớn gấp đôi một chiếc xe tăng. Hai người đi qua trước mặt tôi. Họ đi đến bên chiếc xe rà phá mìn. Người đàn bà đứng lại, ngược mắt nhìn ra ngoài mặt phá nước chỗ chiếc thuyền đậu một thoáng, rồi đưa một cánh tay lên có lẽ định gãi hay sửa lại mái tóc nhưng rồi lại buông thõng xuống, đưa cặp mắt nhìn xuống chân.

Lão đàn ông lập tức trở nên hùng hổ, mặt đỏ gay, lão rút trong người ra một chiếc thắt lưng của lính ngụy ngày xưa, có vẻ như những điều phải nói với nhau họ đã nói hết, chẳng nói chẳng rằng lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng

(1) Pra-ti-ca : nhãn hiệu một loại máy ảnh.

(2) Phá : vùng biển ăn sâu vào đất liền.

chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quất xuống lão lại nguyền rủa bằng cái giọng rên rỉ đau đớn : "Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ !".

Người đàn bà với một vẻ cam chịu đầy nhẫn nhục, không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách trốn chạy.

Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn. Thế rồi chẳng biết từ bao giờ, tôi đã vút chiếc máy ảnh xuống đất chạy nhào tới.

Bóng một đứa con nít lao qua trước mặt tôi. Tôi vừa kịp nhận ra thằng Phác – thằng bé trên rừng xuống vừa nằm ngủ với tôi từ lúc nửa đêm. Thằng bé cứ chạy một mạch, sự giận dữ căng thẳng làm nó khi chạy qua không nhìn thấy tôi. Như một viên đạn trên đường lao tới đích đã nhắm, mặc cho tôi gọi nó vẫn không hề ngoảnh lại, nó chạy tiếp một quãng ngắn giữa những chiếc xe tăng rồi lập tức nhảy xổ vào cái lão đàn ông.

Cũng y hệt người đàn bà, thằng bé của tôi cũng như một người câm, và đến lúc này tôi mới biết là nó khoẻ đến thế !

Khi tôi chạy đến nơi thì chiếc thắt lưng da đã nằm trong tay thằng bé, không biết làm thế nào nó đã giằng được chiếc thắt lưng, liền dướn thẳng người vung chiếc khoá sắt quật vào giữa khuôn ngực trần vạm vỡ cháy nắng có những đám lông đen như hắc ín, loăn xoăn từ rốn mọc ngược lên. Lão đàn ông định giằng lại chiếc thắt lưng nhưng chẳng được nữa, liền dang thẳng cánh cho thằng bé hai cái tát khiến thằng nhỏ lão đảo ngã dúi xuống cát. Rồi lão lẳng lặng bỏ đi về phía bờ nước để trở về thuyền. Không hề quay mặt nhìn lại, chỉ có tảng lưng khum khum và vạm vỡ càng có vẻ cúi thấp hơn, nom lão như một con gấu đang đi tìm nguồn nước uống, hai bàn chân chữ bát để lại những vết chân to và sâu trên bãi cát hoang vắng.

Người đàn bà dường như lúc này mới cảm thấy đau đớn – vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã.

– Phác, con ơi !

Miệng mếu máo gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để, rồi lại ôm chầm lấy. Thằng nhỏ cho đến lúc này vẫn chẳng hề hé răng, như một viên đạn bắn vào người đàn ông

và bây giờ đang xuyên qua tâm hồn người đàn bà, làm rõ xuống những dòng nước mắt, và cái thằng nhỏ, lặng lẽ đưa mấy ngón tay khê sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong những nốt rỗ chẳng chặt.

Thế rồi bất ngờ người đàn bà buông đứa trẻ ra, đi thật nhanh ra khỏi bãi xe tăng hỏng, đuổi theo lão đàn ông. Cả hai người lại trở về chiếc thuyền.

Khoảnh khắc sau, bãi cát lại trở về với vẻ mênh mông và hoang sơ. Giữa tiếng sóng ngoài khơi dội những tiếng kêu ồ ồ vào còi im lặng, chỉ có tôi và thằng bé đứng trơ giữa bãi xe tăng hỏng, trên tay thằng nhỏ vẫn cầm chiếc thắt lưng, hai chúng tôi đưa mắt ngơ ngác nhìn ra một quãng bờ phá vừa ban nãy chiếc thuyền đậu.

Như trong câu chuyện cổ đầy quái đản, chiếc thuyền lưới vó đã biến mất.

*

* *

(Lược một đoạn : Hoá ra Phác là con của cặp vợ chồng dân chài đổ. Phác bắt đầu xa lánh và thù ghét anh phóng viên chụp ảnh vì anh đã tình cờ chứng kiến chuyện của gia đình nó. Lần thứ hai, chiếc thuyền lưới vó xuất hiện và tất cả lại diễn ra y như lần trước, chỉ khác là lần này, khi lão đàn ông vừa rời khỏi thuyền thì có thêm đứa con gái chừng mười bốn, mười lăm tuổi cũng bơi vào bờ. Nó rượt theo Phác và đã giành được con dao găm thằng bé giấu trong cặp quần. Người phóng viên đánh nhau với lão đàn ông và bị thương nhẹ. Anh nán lại vùng biển đó mấy ngày theo lời mời của Đẩu. Toà án triệu tập người đàn bà đến, cô con gái chèo thuyền thúng chở mẹ đi).

Đây là lần thứ hai, người đàn bà được Đẩu mời đến về công việc gia đình.

Cũng không phải là lần đầu đến một nơi công sở nhưng người đàn bà vẫn có vẻ sợ sệt, lúng túng – cái vẻ lúng túng, sợ sệt mà ngay lúc暮 đứng giữa bãi xe tăng cũng không hề thấy có.

Người đàn bà chỉ quen sống giữa mặt nước vừa đặt chân vào trong gian phòng đây bàn ghế và giấy má liền tìm đến một góc tường để ngồi.

Ngồi sáu một chiếc bàn lớn, Đẩu nhòm dậy chỉ chiếc ghế mây trước mặt, cố làm ra vẻ thân mật :

– Chị ngồi lên đây, sao lại thế, hãy ngồi lên chiếc ghế này...

Đẩu phải nói đến lượt thứ hai,暮 mới dám rón rén đến ngồi ghé vào mép chiếc ghế và cố thu người lại.

Đầu hỏi :

– Thế nào, chị đã nghĩ kĩ chưa ?

Người đàn bà ngược lên nhìn Đầu, rồi lại cúi mặt xuống.

– Thưa đã...

Đầu gật đầu. Anh đứng dậy. Tự nhiên anh rời chiếc bàn đến đứng vịn vào lưng ghế người đàn bà ngồi, giọng trở nên đầy giận dữ, khác hẳn với giọng một vị chánh án :

– Ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng. Cả nước không có một người chồng nào như hần. Tôi chưa hỏi tội của hần mà tôi chỉ muốn bảo ngay với chị : Chị không sống nổi với cái lão đàn ông vũ phu ấy đâu ! Chị nghĩ thế nào ?

Người đàn bà hướng về phía Đầu, tự nhiên chấp tay lại vái lia lia :

– Con lạy quý toà...

– Sao, sao ?

– Quý toà bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó...

Lúc bấy giờ tôi đang ngồi giấu mặt sau bức màn vải hoa ngăn chỗ làm việc bên ngoài và phòng ngủ bên trong của Đầu. Sau câu nói của người đàn bà, tôi cảm thấy gian phòng ngủ lồng lộng gió biển của Đầu tự nhiên bị hút hết không khí, trở nên ngột ngạt quá. Tôi vén lá màn bước ra.

Người đàn bà nhận ra được tôi ngay. Mụ nhấp nhóm xoay mình trên chiếc ghế như bị kiến đốt, và về sau tôi mới sực nghĩ ra, mụ nghĩ rằng toà án đã bố trí sẵn tôi ngồi phía sau để chuẩn bị làm nhân chứng.

– Chị cứ ngồi nguyên đấy ! – Đầu nói và với vẻ đầy hào hứng của một con người bảo vệ công lí vừa có thêm người đến tiếp viện, anh chạy sang phòng bên xách một chiếc ghế cho tôi. Bây giờ dưới con mắt của người đàn bà hàng chài, vị chánh án không phải là Đầu đã trở về ngôi sau chiếc bàn lớn mà là tôi, với mấy vết thương đã lên da non nhưng vẫn để dấu vết trên mặt.

– Tuỳ bà ! – Đầu thay đổi cách xưng hô, khoác lên mình cái cung cách bề ngoài của một vị chánh án – chủ trương nguyên tắc của chúng tôi là kêu gọi hoà thuận...

Đang ngồi cúi gục xuống, người đàn bà bỗng ngẩng lên nhìn thẳng vào chúng tôi, lần lượt từng người một, với một vẻ ban đầu hơi ngơ ngác.

– Chị cảm ơn các chú ! – Người đàn bà đột nhiên thốt lên bằng một giọng khản thiết – Đây là chị nói thành thực, chị cảm ơn các chú. Lòng các chú tốt, nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người làm ăn lam lũ, khó nhọc...

Chỉ mấy lời mào đầu ấy, người đàn bà đã mất hết cái vẻ ngoài khúm núm, sợ sệt. Điều bộ khác, ngôn ngữ khác.

Cũng phải nói thật, những lời ấy, nhất là đẩy lại là lời một người đàn bà khôn khổ, không phải dễ nghe đối với chúng tôi. Dầu mặt hãy còn trẻ, Dầu cũng là một chánh án huyện. Còn tôi, một người đáng lẽ mù phải biết ơn...

Nhưng người đàn bà để lộ ra cái vẻ sắc sảo chỉ đến thế, chỉ vừa đủ để kích thích trí tò mò của chúng tôi. Mụ đưa cặp mắt đây về một mối nhìn ra ngoài bờ phá bên kia con đường chính của phố huyện, ở đấy, thiếu nữ mặc áo tím vẫn ngồi đợi mụ trên chiếc mủng.

Trong phút chốc, ngồi trước mặt chúng tôi lại vẫn là một người đàn bà lúng túng, đầy sợ sệt, nhưng có vẻ thông cảm với chúng tôi hơn. Mụ bắt đầu kể :

– Từ nhỏ tuổi tôi đã là một đứa con gái xấu, lại rỗ mặt, sau một bận lên đậu mùa. Hồi bấy giờ nhà tôi còn khá giả, nhà tôi trước ở trong cái phố này. Cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai một nhà hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả⁽¹⁾ về đan lưới. Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi.

Người đàn bà bồng chếp miệng, con mắt như đang nhìn suốt cả đời mình :

– Giá tôi đẻ ít đi, hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn, từ ngày cách mạng về đã đỡ đối khổ chứ trước kia vào các vụ bắc⁽²⁾, ông trời làm động biển suốt hàng tháng, cả nhà vợ chồng con cái toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối...

– Lão ta trước hồi bấy năm có đi lính nguy không ? – Tôi bồng hỏi một câu như lạc đề.

– Không chú à, cũng nghèo khổ, túng quẫn đi vì trốn lính – bồng mụ đỏ mặt – nhưng cái lỗi chính là đám đàn bà ở thuyền đẻ nhiều quá, mà thuyền lại chật.

– Vậy sao không lên bờ mà ở ? – Dầu hỏi.

(1) Bả : sợi đan lưới.

(2) Vụ bắc : mùa động biển (chú thích của nhà văn).

– Làm nhà trên đất ở một chỗ đâu có thể làm được cái nghề thuyền lưới vó ? Từ ngày cách mạng về, cách mạng đã cấp đất cho nhưng chẳng ai ở, vì không bỏ nghề được !

– Ở trên thuyền có bao giờ lão ta đánh chị không ? – Tôi hỏi.

– Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ... Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão... đưa tôi lên bờ mà đánh...

– Không thể nào hiểu được, không thể nào hiểu được ! – Đẩu và tôi cùng một lúc thốt lên.

– Là bởi vì các chú không phải là đàn bà, chưa bao giờ các chú biết như thế nào là nỗi vất vả của người đàn bà trên một chiếc thuyền không có đàn ông...

– Phải, phải, bây giờ tôi đã hiểu, – bất ngờ Đẩu trút một tiếng thở dài đầy chua chát, – trên thuyền phải có một người đàn ông... dù hần man rợ, tàn bạo ?

– Phải – Người đàn bà đáp – Cũng có khi biển động sóng gió chứ chú ?

Lát lâu sau mẹ lại mới nói tiếp :

– Mong các chú cách mạng thông cảm cho, đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng dưỡng một sắp con⁽¹⁾ nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được ! Mong các chú lượng tình cho cái sự lạc hậu. Các chú đừng bắt tôi bỏ nó ! – Lần đầu tiên trên khuôn mặt xấu xí của mẹ chợt ửng sáng lên như một nụ cười – vả lại, ở trên thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hoà thuận, vui vẻ.

– Cả đời chị có một lúc nào thật vui không ? – Đột nhiên tôi hỏi.

– Có chứ, chứ ! Vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no...

Viên chánh án huyện rời chiếc bàn xếp đến phát ngót lên những chồng hồ sơ, giấy má. Đẩu đi đi lại lại trong phòng, hai tay thọc sâu vào hai bên túi chiếc quần quân phục đã cũ. Một cái gì mới vừa vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ.

(1) Nuôi nấng dưỡng một sắp con : nuôi nấng nôi (được) một đàn con.

Người đàn bà đã khóc khi nghe tôi nhắc đến thằng Phác. Nhưng tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự thâm trầm trong việc hiểu thấu các lẽ đời hình như mù chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bề ngoài. Trong cái đám con cái đông đúc đang sống ở dưới thuyền, mù không yêu một đứa nào bằng thằng Phác, cái thằng con từ tính khí đến mặt mũi giống như lột ra từ cái lão đàn ông đã từng hành hạ mù, và không khéo sẽ còn hành hạ mù cho đến khi chết – nếu không có cách mạng về.

Mù cho chúng tôi biết, vì sợ thằng bé có thể làm điều gì dại dột đối với bố nó, mù đã phải gửi nó lên rừng nhờ bố mình nuôi đã nửa năm nay. Ở với ông ngoại, thằng bé sướng hơn ở trên thuyền với bố mẹ. Nhưng hề rồi ra là nó trốn về. Thằng bé tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh.

Chiều hôm ấy trong khi Đẩu gặp lão đàn ông để giáo dục răn dạy lão thì tôi trở lại xưởng đóng thuyền. Vắng thằng Phác, dù sao cái bãi cát cũng như cả vùng phá nước trở nên trống trải thế nào ấy. Đêm, những đàn chim di cư vẫn vỗ cánh trong sương, bay qua vùng phá. Tôi khoác chiếc máy ảnh đi lang thang cho đến tận khuya, đã mỏi cả chân, tôi đến ngồi bên một ngọn lửa. Nhúm phoi bào bắt cháy sang mấy cái đầu mẩu gỗ cửa ra từ các lế ván của một chiếc thuyền mới vớt lên được, sau vụ đắm thuyền trong vụ bắc năm ngoái.

Gần sáng trời trở gió đột ngột, từng tảng mây đen xếp ngổn ngang trên mặt biển đen ngòm, và biển bắt đầu gào thét, sóng bạc đầu ngoài cửa lạch nổi cồn lên, cao như những ngọn núi tuyết trắng.

Trong phá, các thứ tàu thuyền đều tìm vào bờ để trú, duy ở giữa phá chẳng hiểu vì sao vẫn còn... thấy một chiếc thuyền vó bè đang đậu.

Gió rú ào ào xung quanh chiếc xe reo⁽¹⁾ vừa mới ở trên rừng xuống, chưa dỡ gỗ xuống hết. Cái ông lão đã ngoài sáu mươi mà vẫn còn theo đuổi nghề sơn tràng đang ngồi bên bếp lửa giữa trời, vẫn đặt hai con mắt đầy vẻ lo lắng ra ngoài mặt phá, nơi có chiếc thuyền.

Cái bếp lửa cũng bị gió ném tung ra khắp bãi cát, những tàn lửa đỏ rực bay quần lên xung quanh chỗ tôi và ông lão ngồi. Tôi xem lại xoong cơm đã sôi nhón hộ ông lão đoạn gào lên :

– Chiều gió này không khéo bão cấp 11 rồi ?

(1) Xe reo : xe tải có thiết bị nâng hạ (cần cẩu).

– Ủ, ừ...! – Ông lão lẩm bẩm, vẫn không rời mắt khỏi chiếc thuyền đang chống chọi với sóng gió giữa phá.

*

* *

Những tấm ảnh tôi mang về, đã được chọn lấy một tấm. Trường phòng rất bằng lòng về tôi.

Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kĩ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch, tấm lưng áo bạc phéch có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt đỏ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hoà lẫn trong đám đông...

8 - 1983

(Nguyễn Minh Châu, *Toàn tập*, tập 3,
NXB Văn học, Hà Nội, 2001)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Truyện được tổ chức xoay quanh một "tình huống nhận thức" mà hai nhân vật Phùng và Đẩu trải qua. Hãy phân tích quá trình nhận thức của hai nhân vật này.
2. Tìm nguyên nhân dẫn đến tình trạng bạo lực trong gia đình hàng chài. Theo anh (chị), tình trạng đó gây hậu quả thế nào đối với trẻ em ?
3. Thói vũ phu của người đàn ông hàng chài được tác giả đặt dưới những sự phản xét rất khác nhau (Đẩu, Phùng, Phác, người đàn bà). Theo anh (chị), điều này có ý nghĩa gì ?
4. Hãy phân tích ấn tượng lạ lùng của nhân vật Phùng ở đoạn văn cuối tác phẩm : "tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kĩ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh [...] hoà lẫn trong đám đông".

5. Qua sự đối lập giữa "cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh" mà phóng viên Phùng vừa thu vào ống kính với hiện thực cuộc sống nhọc nhằn, cay cực của những người dân chài, anh (chị) suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn chương nghệ thuật với cuộc đời ? Nhan đề tác phẩm có phải là một gợi ý về điều đó không ?
6. Anh (chị) có nhận xét gì về giọng điệu trần thuật của tác phẩm ? Đoạn văn (hoặc câu văn) nào để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất về vẻ đẹp văn xuôi Nguyễn Minh Châu ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

Đặt bên cạnh những truyện ngắn viết trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (*Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài, *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành, *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi,...), các truyện viết sau năm 1975 như *Một người Hà Nội* của Nguyễn Khải, *Bến quê*, *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu có sự đổi mới gì về đề tài, nhân vật, điểm nhìn trần thuật ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học

Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học biểu hiện ở chỗ văn bản tác phẩm có nhiều ý nghĩa khác nhau, có khi đối lập nhau, nhưng mỗi ý nghĩa đều có cái lí riêng của nó. Ví dụ, bài thơ *Thế non nước* của Tản Đà có thể hiểu là thơ về tình yêu trai gái, cũng có thể hiểu là bài thơ thể hiện tình cảm yêu nước kín đáo. Tính đa nghĩa của tác phẩm, một mặt do văn bản là tổ chức phức hợp gồm nhiều hiện tượng đời sống có các mối quan hệ qua lại khác nhau, bản thân sự xuất hiện tác phẩm là sự khẳng định hay phủ định một số ý nghĩa nào đó có trước trong đời sống ; mặt khác, mỗi lần đọc văn bản người đọc lại phát hiện thêm một điều gì mới, tức là tìm ra một tầng nghĩa mới. Tính đa nghĩa của tác phẩm văn học còn do một hiện tượng đời sống được nhìn dưới nhiều khía cạnh khác nhau : xã hội, lịch sử, đạo đức, thẩm mĩ,... Tính đa nghĩa của tác phẩm cũng còn do văn bản được đọc trong các ngữ cảnh khác nhau như : thời điểm, không gian, công chúng. Một tác phẩm văn học sẽ đi có sức sống lâu bền, không chỉ vì nó đem đến cho người đọc một ý nghĩa cố định, mà còn vì nó có thể gợi ra những ý nghĩa khác nhau.

MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN

(Trích)

MA VĂN KHÁNG

TIỂU DẪN

Ma Văn Kháng tên khai sinh là Đinh Trọng Đoàn, sinh năm 1936, quê gốc ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội. Năm 1960, ông vào học Khoa Văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp, ông lên dạy học ở tỉnh Lào Cai. Ông chọn cho mình bút danh Ma Văn Kháng để bày tỏ tình cảm sâu nặng với bà con các dân tộc vùng cao, mảnh đất mà ông gắn bó trong nhiều năm trời. Năm 1976, ông chuyển về công tác tại Hà Nội. Ma Văn Kháng từng là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập tạp chí *Văn học nước ngoài*. Ông được trao Giải thưởng Văn học ASEAN năm 1998 và Giải thưởng Nhà nước về văn học và nghệ thuật năm 2001.

Tác phẩm chính : *Đồng bạc trắng hoa xoè* (tiểu thuyết, 1979), *Vùng biên ải* (tiểu thuyết, 1983), *Mùa lá rụng trong vườn* (tiểu thuyết, 1985), *Ngày đẹp trời* (tập truyện ngắn, 1986), *Đám cưới không có giấy giá thú* (tiểu thuyết, 1989), *Trăng soi sân nhỏ* (tập truyện ngắn, 1994), *Một chiều dòng gió* (tập truyện ngắn, 1998), *Ngược dòng nước lũ* (tiểu thuyết, 1999), *Gặp gỡ ở La Pan Tsin* (tiểu thuyết, 2001),...

Mùa lá rụng trong vườn được nhận Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1986. Tác phẩm đánh dấu bước chuyển về cảm hứng và đề tài của Ma Văn Kháng. Những biến động về tư tưởng, tâm lí của con người dẫn đến xung đột giữa các quan niệm sống, các giá trị khác nhau trong giai đoạn trước đổi mới được diễn tả khá sinh động, chân thực qua sinh hoạt thường ngày của một gia đình vốn được coi là nền nếp ở ngay thủ đô Hà Nội. Cái gia đình lớn của ông Bằng ngỡ như sẽ mãi bình yên với các giá trị truyền thống bỗng trở nên lung lay trước cuộc sống đổi thay. Nền kinh tế thị trường vừa mới xuất hiện đã làm nứt rạn những mái nhà cổ kính. Từ số phận của một gia đình, nhà văn đã cho thấy sự biến thiên của cuộc sống hiện tại. Có những người hôm qua từng chấp nhận hi sinh như Lí, nay lại rơi vào quyền lực của tiền tài. Có người

như Đông, hôm qua là anh hùng, nay trở nên người thừa, lạc lõng. Có kẻ như Cừ, vốn là bộ đội, nay hoang mang, bế tắc rồi bỏ trốn ra nước ngoài. Nhà văn bày tỏ niềm lo lắng sâu sắc cho các giá trị truyền thống trước đổi thay của thời cuộc.

Đoạn trích rút từ Chương 2 của tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*.

*

* *

Cầu được, ước thấy. Người phụ nữ mà Lí và Phượng cùng ao ước hiện ra, thật như đã hiện ra ngay trước cổng nhà, vào đúng lúc cả nhà đang tít tít vào buổi cúng tất niên chiều ba mươi Tết.

Nghे tiếng chuông điện, Phượng chạy ra cửa. Trước hai cánh cổng sắt là một phụ nữ nông thôn trạc năm mươi, người thon gọn trong cái áo bông chần hạt lựu⁽¹⁾. Chiếc khăn len nâu thắt ôm một khuôn mặt rộng có cặp mắt hai mí đậm thắm và cái miệng tươi. Người phụ nữ đeo một cái tay nải nặng, dáng vừa đi bộ từ ga xe lửa về, không có cái vẻ ngác ngơ lạ lẫm, nhưng hai con mắt đậm nổi bối hồi.

Phượng kéo cánh cửa sắt, dề dặt :

– Bác... bác hỏi ai ạ ? A, có phải bác là... là chị Hoài không ạ ?

– Cô Phượng đấy như ?

Phượng quay ngoắt về sau, reo to :

– Chị Hoài ! Chị Hoài lên, anh Đông, chị Lí, anh Luận ơi !

Sự việc diễn ra quá ư đột ngột ! Đông, Lí, Luận hấp tấp từ phòng khách ủa ra vệt đường lát xi măng đi qua vườn cây ra cổng, nhìn thấy chị Hoài thật rồi mà vẫn còn ngơ ngác ngác, nửa tin nửa ngờ. Chị Hoài lên ! Lên đúng chiều ba mươi Tết ! Thật ngoài sức tưởng tượng ! Trong tâm ức vẫn là có hình bóng chị Hoài. Chị Hoài, vợ anh cả Tường liệt sĩ. Chị Hoài, dâu trưởng, nét na, thủy mị. Trong tiềm thức vẫn sống động một chị Hoài đẹp người, đẹp nét. Nhưng bây giờ chị Hoài đã có một gia đình riêng với những quan hệ riêng, lo toan riêng, nên vẫn nhớ, vẫn quý, vẫn yêu chị đấy, mà lại không dám, không nỡ níu kéo chị về mình. Quan hệ của chị ở gia đình này đã thuộc về quá khứ. Kỉ niệm của chị ở đây đẹp nhưng buồn. Chị có quyền quên mà không ai được trách cứ.

Phượng sôi nổi, nồng hậu :

– Em mừng quá, chị Hoài ơi. Để em xách tay nải cho.

(1) *Áo bông chần hạt lựu* : áo bông may bằng những đường chỉ đan chéo nhau tạo ra các ô nhỏ hình hạt lựu trên mặt vải.

Lí ôm chầm người phụ nữ đã một thời là dâu trưởng, nức nở :

– Đúng là có linh tính nhé. Chị xem lời em nói có thiêng không ? Em vừa nói : Ước gì chị Hoài hiện ra bây giờ nhỉ.

– Hơn chục năm nay chị Hoài chưa lên Hà Nội rồi đấy. – Luận nói.

– Làm gì ! Đám cưới chú và cô Phượng chị còn lên dự cơ mà. Mới có chín năm thôi. Bạn quá. Nhà nông chẳng bao giờ hết việc. Ông đâu ?

Luận ra vẻ thành thạo :

– Tháng này đã cấy đâu chị ? Ông ở trên nhà, có lẽ sắp xuống đấy.

– Dung mà còn rở⁽¹⁾ khoai tây. Còn họp Đại hội. Định đi từ sớm kia, mà công kia việc nọ cứ dồn tới.

– Cứ vứt toạch công việc một chỗ đã, chị ạ. – Lí chêm, hai mắt tíu lại – Đời người chỉ những lo cùng lo có chết !

– Ông có khoẻ không, hai cô ?

– Ông không khoẻ lắm, chị ạ. – Phượng đáp, chưa hết mừng rỡ – Gặp chị ở ngoài đường không chắc em đã nhận ra được đâu. Hôm cưới em, chị mặc áo vét như cán bộ kia.

Luận đi cạnh chị Hoài, nghiêng nghiêng đầu :

– Thì chị vẫn là chủ nhiệm chứ, chị Hoài ?

Người phụ nữ cười :

– Vắn, nhưng tôi chuyển sang làm chủ nhiệm hợp tác xã đan dệt thảm ngô rồi. Đấy, cái bãi soi⁽²⁾ hồi chú về chơi, đi thuyền ra, xem chơi trâu ấy, giờ bạt ngàn là ngô. À, cô Phượng chuyển được công tác về dưới này rồi nhỉ. Thôi thế cũng mừng. Rồi lo cho bà, cho cháu về dần cô ạ.

Phượng nắm tay chị Hoài :

– Sao chị biết em chuyển công tác về dưới này ?

– Ông viết thư cho tôi. Ông kể hết. Cả chuyện cậu Cừ. Thế nên tôi mới sốt ruột, phải lên ngay. Tôi sợ ông buồn.

Đưa mắt nhìn Phượng, Luận nhận ra Phượng buột khỏi tay chị Hoài. Phượng cúi mắt chớp chớp vì một cảm kích bất ngờ. Người phụ nữ tưởng đã cắt hết mối dây liên hệ với

(1) *Dung mà còn rở* (cách phát âm của một số vùng ở miền Bắc) : Nhưng mà còn dở.

(2) *Bãi soi* : bãi phù sa nổi lên ở giữa sông.

gia đình này, vẫn giao cảm, vẫn chia sẻ buồn vui và cùng tham dự cuộc sống của gia đình này. Luận đi tụt lại phía sau cùng Phượng, anh muốn gắn gụi Phượng trong mối đồng cảm này. Phía trước, Lí kéo tay chị Hoài, vui vẻ quá mức, cùng Đông đưa chị vào phòng khách.

Trong phòng khách đã bày cỗ cúng, Đông súc ẩm, pha trà. Lí sà xuống tay nài cùng chị Hoài.

– Chẳng mang được cái gì lên đâu. – Chị Hoài xởi lời – Cái Ngoan, thằng Tung cứ nhét vào, rồi giục : Mẹ đi đi, không ông buồn, các chú, các cô mong ! Đây là gạo nếp tăng sản⁽¹⁾ của nhà. Cái giò thủ anh ấy gói đây, ông thích ăn giò thủ lắm đấy, cô Lí ạ. Còn bọc này là sắn đây. Trẻ con nó già, nó rây đấy. À, cái giống mướp hương này thơm ngon mà to quả lắm. Cô Phượng cất đi mà gieo: Gieo đêm nay là tốt nhất đấy. Ở nhà, trồng bờ ao, có quả hai cân bảy kia. Ồ, cho nó leo bờ tường. À, ông thợ mộc còn đấy không ? Máy con rồi ? Chú Đông tóc bạc nhưng vẫn khoẻ nhỉ ! Cháu Dư có hay gửi thư về không ? Cô Lí trông không nhận ra được nữa. Trẻ như gái mười tám ấy !

Lí títt mắt, hai má hây hây :

– Ông Đông sắp thành ông Di Lạc rồi, chị ạ. Còn em... bệnh đấy chị ơi...

Cầu thang có tiếng ba toong chống lịch kịch. Phượng và Luận chạy ra chân cầu thang.

Ông Bằng đã xuống hết bậc. Đã đến lúc phải xuống để cúng, cũng là lúc ông nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên. Ông cố đi chọ ngay ngắn. Trông ông cao, gầy hơn mọi ngày, nhưng trang trọng, chỉnh tề hơn, mặc dầu vẫn là bộ com lê đen, kẻ sọc mờ, cài khuy chéo. Có lẽ do gương mặt ông ánh lên cái cảm xúc của con người trước ngưỡng cửa của năm mới, do con mắt đã qua khỏi căn bệnh, sáng dậy, át đi vẻ già nua, tàn lụi và nỗi ưu tư còn ghi vết ở trên trán, và nếp da xệ ở hai bên cằm.

Ông dừng lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngơ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông lật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khóc oà.

Hoài gần như không chủ động được mình, chị lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to bản, gót nứt nẻ thâm đen, giẫm trên nền đá lạnh, kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa.

– Ông !

(1) *Tăng sản* : tăng sản lượng nhờ áp dụng biện pháp kĩ thuật và chăm sóc.

Người phụ nữ thốt lên một tiếng như tiếng nấc. Và giọng ông Bằng bỗng khê đặc, khàn rè :

– Hoài đấy ư, con ?

Phượng quay mặt đi, mắt ngấn lệ không nỡ nhìn cảnh gặp gỡ, không nỡ thấy đôi gót chân nứt nẻ của chị Hoài, ngực dội lên những cơn sóng ghen ngào và hai cánh mũi se se cay. Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương, đau buồn, ê nhức cả tim gan.

Ông Bằng nén xúc động, rút khăn tay, chấm khẽ mắt :

– Anh ấy và các cháu vẫn khoẻ cả chứ, con ?

– Thưa ông, bốn cháu của con nhờ trời vẫn khoẻ mạnh cả. Cháu đầu đi bộ đội đóng ở biên giới Hà Tuyên⁽¹⁾, vừa rồi hết nghĩa vụ, về xã tham gia sản xuất. Cháu thứ hai học lớp mười. Cháu gái thứ ba học lớp tám. Cháu trai út học lớp sáu. Nhà con, cảm ơn ông, vẫn được bình thường. Anh ấy giờ tham gia Uỷ ban xã. Lẽ ra, anh ấy thu xếp công việc được cũng lên kính thăm ông dịp này. Cả các cháu nữa, bốn đứa, đứa nào cũng đòi đi. Nhất là thằng lớn, nó cứ bảo mấy lần nó qua Hà Nội mà chưa được vào nhà thăm ông, lần này rồi rồi nó phải đi...

Câu chuyện của người phụ nữ nông thôn có cái vẻ kè cà đã đưa cuộc gặp gỡ ra khỏi những chấn động tình cảm bất thường. Và Lí đã hí húi xếp xong mâm cúng, nhảy từ cái ghế đầu xuống, xoa xoa hai bàn tay rất ý tứ trước ông Bằng :

– Ông ạ, con đề nghị thế này, hàn huyền còn nhiều chuyện, để lát nữa tha hồ. Giờ, mời ông lại khấn cho lễ cúng gia tiên bắt đầu ạ.

Mọi người dạt ra, để trống một khoảng rộng trước bàn thờ.

Ông Bằng soát lại hàng khay áo, chỉnh lại cái cà vạt, ho khan một tiếng, dịch chân lại trước mặt bàn thờ.

Hương cháy, uốn cong một đoạn tàn, bốc toả một làn khói ảo mờ. Hai cái bánh chưng bọc lá xanh tươi, buộc lạt điều, xếp cạnh mâm ngũ quả và những chén rượu xinh xắn đặt rải hàng ngang trước bệ thờ. Ngọn đèn dầu lim dim in cái chấm vàng vào dãy khung ảnh đặt sát tường. Ảnh song thân ở chính giữa ; bên trái, ảnh bà Bằng mặt hoa da phấn⁽²⁾, tóc vấn khăn nhung⁽³⁾, phía phải, ảnh anh cả Tường áo trấn thủ ô quả trám, mũ ca lô nghiêng, nét đã phai pha.

(1) Hà Tuyên : nay là tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang.

(2) Mặt hoa da phấn (thành ngữ) : chỉ người phụ nữ có vẻ đẹp mịn màng, tươi tắn, cổ điển.

(3) Tóc vấn khăn nhung : tóc để dài, bọc trong mảnh khăn nhung, quấn quanh đầu (kiểu tóc của phụ nữ trong những gia đình khá giả ngày trước).

Ngược mái đầu hói, diêm tóc lơ thơ đã bạc hết, ông Bằng chấp hai tay trước ngực. Khói hương và khung cảnh trầm tĩnh đưa hiện tại về quá khứ. Thoảng cái, ông Bằng như quên hết xung quanh và bản thể⁽¹⁾. Dâng lên trong ông cái cảm xúc thiêng liêng rất đời quen thân và tâm trí ông bỗng mờ nhoà, phiêu diêu lãng đãng gần xa, ẩn hiện tầng tầng lớp lớp những ảnh hình khi tỏ khi mờ, chập chờn như trong chiêm bao. Thừa thầy mẹ đã cách trở ngàn trùng mà vẫn hằng sống cùng con cháu. Con vẫn văng vẳng nghe đâu đây lời giáo huấn ông cha, tiên tổ. Con vẫn định ninh ghi khắc công ơn sinh thành dưỡng dục của thầy mẹ, gia tộc, ông bà, tổ tiên, con như thấy từ trong tâm linh, huyết mạch sự sinh sôi nảy nở, phúc thọ an khang⁽²⁾ của cháu con đời đời nối tiếp trong cộng đồng dân tộc yêu thương. Và em, cùng con trai cả của ba mẹ. Em cùng con đã mất và vẫn hằng sống, hằng vui buồn, chia sẻ, đỡ nâng, dắt dìu tôi cùng các cháu, các con, các em...⁽³⁾

Trong giây lát, nhập vào dòng xúc động tri ân tiên tổ và những người đã khuất, ông Bằng lâng lâng trong những hoài niệm hư ảo, thoát trần. Nhưng, ông chỉ ở trong dòng tình cảm trôi lững lờ đó trong giây phút. Quá khứ không cắt rời với hiện tại. Tổ tiên không tách rời với con cháu. Tất cả liên kết một mạch bền chặt thuỷ chung. Bởi vậy, ông lại trở về với những ngày đang sống, với những người đang sống. Mắt ông bỗng cay sè. Lòng ông lại bốn ngọn. Và ông vội cúi xuống, bật trên đôi môi những lời cầu khẩn thành kính và run rẩy :

– Hôm nay ngày ba mươi tháng chạp năm Bính Tuất, buổi tất niên, con cùng các nam tử, nữ tử, tôn tử⁽⁴⁾...

Rồi theo⁽⁵⁾ lời cha, Luận bổng bắm tay Đông. Mặt Luận biến sắc. Rõ ràng là khi kể tên các con trai, ông cụ đã gạt tên thằng Cừ. Lí ngọ nguậy không yên, lát sau, ghé tai chị Hoài, hí hửng : "Chị ơi, em biết khẩn đúng bài kinh nhà Phật cơ".

Mắt chị Hoài đầm đẫm ngược lên bàn thờ. Và khi ông Bằng vừa buông tay chấp, rút mùi xoa lau mắt, lui ra, chị liền thế chân ông cụ, hai tay nâng lên trước ngực.

*

* *

(1) *Bản thể* : bản thân mình (nghĩa trong bài).

(2) *Phúc thọ an khang* : *phúc* : sự tốt lành ; *thọ* : sống lâu ; *an* : yên bình ; *khang* : khoẻ mạnh.

(3) Câu này ông Bằng khẩn vợ và Tường – con cả (liệt sĩ), chồng trước của Hoài.

(4) *Nam tử* : con trai ; *nữ tử* : con gái ; *tôn tử* : cháu.

(5) *Rồi theo* (cách phát âm ở một số vùng) : dõi theo.

Thật là một mâm cỗ quá ư thịnh soạn vào cái thời buổi đất nước còn rất nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh và so với đồng lương có hạn của cán bộ, công nhân, viên chức lúc này.

Trần trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lí cố tình để sát vào mâm cỗ cho bữa ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò,... – món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến – là các món khác thường như gà quay ướp húng lìu, vịt tần hạt sen, chả chìa, mọc, vầy,...

Đặc sắc nhất, mà có lẽ Lí muốn bộc lộ khiếu năng, cùng tấm lòng mình nhiều nhất ở đó, là các món vịt tần, vầy và mọc, nhất là món mọc. Chị đã rất tỉ mỉ, và kĩ tính hết sức khi chế biến món này. Miếng thân được chọn lựa, già thật nhuyễn như thay cho giò sống, được chính tay chị trộn với mọc nhĩ, nấm hương, rồi nặn thành từng viên tròn trĩnh. Nồi nước dùng đảm bảo phải trong veo. Và chính tay chị vớt, chia đều ra các bát nhỏ.

Mọi người vào mâm, hân hoan khác thường.

(Mùa lá rụng trong vườn,
NXB Phụ nữ, Hà Nội, 1985)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Khung cảnh Tết trong gia đình ông Bằng phản ánh những truyền thống văn hoá nào của dân tộc ta ?
2. Cảnh gặp gỡ giữa chị Hoài và ông Bằng thật xúc động. Anh (chị) hãy phân tích tâm lí của hai nhân vật trong giây phút đặc biệt này.
3. Tính cách các nhân vật bộc lộ khá rõ nét trong đoạn trích. Với anh (chị), nhân vật nào để lại ấn tượng sâu sắc nhất ? Vì sao ?
4. Đoạn trích gợi một không khí rất đặc trưng về cái Tết cổ truyền của dân tộc. Theo anh (chị), tác giả đã dùng những yếu tố nào để tạo ra không khí đó ?

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 5

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được đặc điểm và các yêu cầu cơ bản của đề văn ở Bài viết số 5.*
- *Biết cách phân tích đề văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi ; nhận ra được ưu điểm và nhược điểm của bài viết.*

Ngoài những yêu cầu chung như đã nêu ở tiết *Trả bài viết số 1*, với bài này, cần chú ý thêm một số điểm sau.

1. Phân tích đề

Trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, học sinh đã được luyện tập hai dạng bài nghị luận văn học. Nếu như đề ở *Bài viết số 2* kiểm tra năng lực cảm thụ, phân tích thơ ; đề ở *Bài viết số 3* kiểm tra những hiểu biết chung về lịch sử văn học hoặc lí luận văn học thông qua một nhận định hay một ý kiến nào đó thì đề ở *Bài viết số 5* cũng là nghị luận văn học, nhưng tập trung vào tác phẩm văn xuôi nhằm kiểm tra năng lực phân tích, cảm thụ tác phẩm văn xuôi. Vì thế, người viết bài cần nắm vững đặc điểm thể loại và những hiểu biết về một số tác phẩm văn xuôi Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám. Liên hệ với các đề văn nêu ở *Bài viết số 5* để thấy rõ hơn đặc điểm và yêu cầu của dạng đề này.

2. Những kiến thức và kĩ năng cần chú ý

– Về kiến thức, các đề văn của *Bài viết số 5* tập trung vào các tác phẩm văn xuôi đã học trong phần Văn học. Cụ thể là các tác phẩm : *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi). Đối tượng nghị luận có thể là một đoạn văn, một nhân vật hay một phương diện nội dung hoặc nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi đã học hoặc đọc thêm.

– Về kĩ năng, bên cạnh các kĩ năng làm văn như phân tích đề, lập dàn ý, diễn đạt,... cần chú ý kĩ năng đọc - hiểu một tác phẩm văn xuôi, phân tích đoạn văn trích từ một tác phẩm,... Chú ý các lỗi về phân tích, cảm thụ tác phẩm như kể lại cốt truyện, miêu tả nhân vật, suy diễn một cách gượng ép, cứng nhắc hoặc bình tán sáo rỗng, thoát li văn bản, thiếu cơ sở khoa học,...

3. Xem xét và đối chiếu kết quả

– Xem xét và đối chiếu *Bài viết số 5* của anh (chị) với yêu cầu của đề văn về kiến thức và kỹ năng đã nêu để tự đánh giá được chất lượng của bài viết.

– Đối chiếu với các bài viết trước để thấy những lỗi nào đã được khắc phục và những lỗi vẫn còn mắc phải, chỉ ra hướng sửa chữa, khắc phục.

BÀI VIẾT SỐ 6

(Nghị luận xã hội – Bài làm ở nhà)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững cách thức làm bài văn nghị luận xã hội về một sự việc, một hiện tượng đời sống.*
- *Biết vận dụng những hiểu biết về nghị luận xã hội để viết đoạn văn, bài văn hoàn chỉnh.*

Tham khảo các đề văn sau đây :

Đề 1. Giữa một vùng sỏi đá khô cằn, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở những chùm hoa thật đẹp.

Phát biểu suy nghĩ của anh (chị) được gợi ra từ hiện tượng nêu trên.

Đề 2. Viết bài văn nói với những liệt sĩ vô danh đang nằm ở nghĩa trang Trường Sơn để đọc trong buổi sinh hoạt về chủ đề "*Tuổi trẻ nhớ về cội nguồn*".

Đề 3. Theo anh (chị), nữ sinh nên mặc áo dài truyền thống hay đồng phục hiện đại ?

Đề 4. Nêu những cảm nghĩ của anh (chị) về gương mặt người anh hùng thời kì đổi mới qua đoạn văn sau đây :

"Nổi bật trong những gương mặt của chương trình "Vinh quang Việt Nam" là chín người trong gia đình ông Nguyễn Phước Bửu Thanh đã hơn 130 lần tự nguyện hiến 32 000cc máu để cứu sống hàng trăm người. Hiện nay, gia đình ông đã trở

thành "ngân hàng máu sống" của Bệnh viện Trung ương Huế. Cả nhà ông có cả ba nhóm máu A, B, O, khi có ai cần tiếp máu chỉ cần gọi điện thoại là gia đình ông sẵn sàng...".

(Theo <http://www.nguilaodong.com>)

Đề 5. Trên tờ *Tin nhanh Việt Nam* (Vnexpress.net) có đăng bản tin sau :

"Hôm qua, lửa đã lan sang rừng Hoa Mai, khu rừng tràm 15 – 20 năm tuổi còn sót lại của Vườn quốc gia U Minh Thượng (tỉnh Kiên Giang). Có thêm ít nhất 150 ha rừng bị thiêu rụi. Đến 16 giờ, lửa vẫn bùng phát dữ dội, vượt qua tầm kiểm soát của lực lượng chữa cháy.

Theo Cục Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), nguyên nhân cháy là do người dân đốt đồng, săn bắt thú rừng khiến lửa bén sang cây tràm. Chi cục Kiểm lâm tỉnh cho hay, từ đầu mùa khô đến nay đã xảy ra 54 vụ cháy, làm 3 600 ha rừng bị thiêu rụi".

Đọc bản tin trên, anh (chị) có suy nghĩ gì ?

BẮT SẤU RỪNG U MINH HẠ⁽¹⁾

SƠN NAM

TIỂU DẪN

Sơn Nam (1926 - 2008) tên khai sinh là Phạm Minh Tài (bút danh khác : Phạm Anh Tài), quê ở huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Sơn Nam tham gia cách mạng từ năm 1945 và hoạt động văn nghệ trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Từ năm 1954 đến năm 1975, ông làm báo, viết văn ở Sài Gòn. Sau năm 1975, Sơn Nam là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học - Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm chính : thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp : *Tây đầu đỏ, Bên rừng cù lao Dung* (Giải thưởng Văn nghệ Cửu Long) ; thời kì 1954 - 1975 : *Hương rừng Cà Mau, Hai côi U Minh, Vọc nước giồng trắng* (tập truyện), *Bà Chúa Hòn, Chim quỳên xuống đất* (tiểu thuyết), *Tìm hiểu đất Hậu Giang, Đồng bằng sông Cửu Long hay Văn minh miệt vườn* (khảo cứu) ; thời kì sau năm 1975 : *Bến Nghé xưa, Người Sài Gòn* (khảo cứu),...

Tất cả các tác phẩm của Sơn Nam đều tập trung viết về miền đất cực nam của Tổ quốc. Tập truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau* (NXB Phù Sa, Sài Gòn, 1962) là tác phẩm đặc sắc và tiêu biểu nhất của Sơn Nam. Tác phẩm đưa ta vào thế giới của vùng đất U Minh với những kênh rạch, những rừng tràm, bãi sù, những đồng nước mênh mông, quê hương của các loài tôm cá, chim quý, thú rừng, cá sấu, rắn, rùa, ong mật,...

Nổi bật lên trên cảnh thiên nhiên giàu có và dữ dội ấy là những người dân lao động tài trí, dũng cảm, hào phóng, trọng nghĩa khinh tài và mang đậm chất Nam Bộ : hồn nhiên, cởi mở, yêu đời (mê vọng cổ, hát bội, kể *Văn Tiên*,...), cả tin, tính cách ngang tàng, bộc trực,...

(1) *U Minh Hạ* : phần rừng U Minh phía nam thuộc tỉnh Cà Mau (*U Minh Thượng* là phần rừng U Minh phía bắc thuộc tỉnh Kiên Giang).

Thấm đượm trên mỗi trang viết là một tấm lòng yêu nước thiết tha. Truyện Sơn Nam hấp dẫn người đọc bằng cách dựng truyện li kì, bằng những chi tiết rất sinh động và bằng một ngôn ngữ đậm đà màu sắc Nam Bộ mà vẫn trong sáng, ẩn giấu đằng sau một nụ cười hóm hỉnh, đôn hậu.

Bắt sấu rừng U Minh Hạ rút từ tập truyện ngắn *Hương rừng Cà Mau*.

*

* *

(Lược phần mở đầu : Vùng sông nước U Minh Hạ rất nhiều cá sấu. Nhưng không ngờ chúng lại tập trung nhiều đến thế ("nhiều như trái mù u chín rụng") ở rạch Cái Tàu. Một người lên rừng lấy mật ong phát hiện ra, về báo cho dân làng biết).

Cái ao sấu ở ngọn rạch Cái Tàu đã bị phát giác. Tin ấy đồn đại lần lần, thấu đến tai ông Năm Hên, người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang đạo⁽¹⁾, tức là vùng Rạch Giá ngày nay. Ông bơi chiếc xuồng ba lá⁽²⁾ nhỏ đến địa phận làng Khánh Lâm, ngọn rạch Cái Tàu. Trong xuồng, có vồn vện một lọn nhang trần⁽³⁾ và một hũ rượu.

Từ sớm tới chiều, ông bơi xuồng tới lui theo rạch mà hát :

*Hồn ở đâu đây ?
Hồn ơi ! Hồn hỡi !
Xa cây xa cối,
Xa cội xa nhành,
Đâu bãi cuối gành⁽⁴⁾,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thất ngật,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...*

(1) *Kiên Giang đạo* : đạo Kiên Giang (*đạo* : đơn vị hành chính thời xưa, tương đương một *châu*, một *quận*).

(2) *Xuồng ba lá* : xuồng làm bằng ba tấm ván ghép lại.

(3) *Lọn nhang trần* : bó (lọn) nhang không có bao (trần).

(4) *Gành* (ghềnh) : chỗ lòng sông bị thu hẹp, làm dòng nước dồn lại và chảy xiết.

Giọng nghe ảo não, rùng rợn. Dân làng thấy chuyện kì lạ, xuống đứng dưới bến để nhìn kĩ. Đoán chừng ông lão nọ là người có kì tài, họ mời ông lên nhà, làm thịt gà, mua rượu thết đãi.

Sau khi tự xưng danh tánh, ông bảo :

– Nghe đồn có ao sấu, tôi chẳng nệ⁽¹⁾ đường xa để tới xứ Khánh Lâm này...

– Té ra ông là thợ câu sấu !

Ông Năm Hên lắc đầu :

– Thợ bắt sấu chớ không phải thợ câu. Hai nghề đó khác nhau. Câu thì dùng lưới sất, móc mỗi bằng con vịt sống. Đó là ở dưới nước. Đàng này tôi chuyên bắt sấu trên khô, không cần lưới.

– Vậy chớ ông bắt bằng gì ?

– Tôi bắt bằng... hai tay không.

Ai nấy ngạc nhiên. Ông Năm Hên cười giòn :

– Bà con cô bác không tin sao ?

Ai nấy nửa tin nửa nghi. Họ cố nhớ lại cách bắt sấu của mấy người thợ nào đến giờ. Bắt sấu bằng hai tay không quả là phi phàm⁽²⁾, thế gian hi hữu⁽³⁾. Không lẽ ông Năm Hên này lại nói láo để lường gạt, ổng⁽⁴⁾ nào đã mở miệng xin tiền bạc cơm gạo gì của xóm này ! Ai nấy nôn nao, thiếu điều muốn năn nỉ ông đi bắt sấu tức thì để coi thử cách thức.

– Thưa ông, chừng nào ông ra nghề để cho dân làng chúng tôi được mừng ? Nếu cần tiếp giúp chuyện chi, chúng tôi sẵn sàng. Ở xóm này, thiếu gì trai lực lưỡng đã từng gài bẫy cộp, săn heo rừng.

Ông Năm Hên đáp :

– Sáng mai sớm, đi cũng không muộn. Tôi cần một người dẫn đường đến ao cá sấu đó. Có vậy thôi ! Chừng một giờ đồng hồ sau là xong chuyện ! Sấu ở ao giữa rừng, tôi bắt nhiều lần rồi. Bà con cứ tin tôi. Xưa nay, bị sấu bắt là người đi ghe xuống hoặc ngồi rửa chén dưới bến, có bao giờ sấu rượt người ta giữa rừng mà ăn thịt ? Tôi đây không tài giỏi gì hết, chẳng qua là biết mưu mẹo chút ít, theo như người khác thì họ nói đó là bùa phép để kiếm tiền. Nghề bắt sấu có thể làm giàu được, ngặt tôi không màng thứ phú quý⁽⁵⁾ đó.

(1) *Chẳng nệ* : chẳng ngại.

(2) *Phi phàm* : khác thường.

(3) *Hi hữu* : hiếm có.

(4) *Ổng* (tiếng địa phương miền Nam) : ông ấy.

(5) *Phú quý* : phú quý.

Nói thiệt với bà con : cha mẹ tôi sanh ra chỉ có hai anh em tôi. Anh tôi xuống miệt⁽¹⁾ Gò Quao phá rừng lập rẫy hồi mười hai năm về trước. Sau được tin cho hay : anh bị sấu ở ngã ba Đình bắt mất. Tôi thề quyết trả thù cho anh. Cực lòng biết bao nhiêu khi nghe ở miệt Rạch Giá, Cà Mau này có nhiều con rạch, ngã ba, mang tên Đâu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, sau này hỏi lại tôi mới biết đó là nơi ghê gớm, hồi xưa lúc đất còn hoang. Rạch Cà Bơ He, đó là chỗ sấu lợi nhiều, người Miên sợ sấu không dám đi qua nên đặt tên như vậy, cũng như phá Tam Giang⁽²⁾, trường Nhà Hồ⁽³⁾ của mình ngoài Huế.

* -
* *

Sáng hôm sau, ông Năm Hên đi lên ao sấu, có Tư Hoạch – một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu dẫn đường. Nhiều người nài nỉ xin đi theo. Ông Năm Hên cản lại :

– Đi nhiều chộn rộn⁽⁴⁾ lắm. Tôi không giấu nghề với bà con đâu, Có Tư Hoạch đi theo coi mà.

Đã quá giờ Ngọ.

Ngóng về phía ao sấu U Minh Hạ, ai nấy đều thấy một làn khói đen bốc lên. Ban đầu ngỡ là cháy rừng, chớp sau, khói lùn xuống. Trong lúc đó bà con xóm Cái Tàu lo nấu cơm, mua rượu đợi chiều làm tiệc ăn mừng. Nhưng ngạc nhiên làm sao, trời vừa xế, lúc ai nấy đang nghỉ trên nhà, bỗng nghe tiếng kêu réo từng hồi :

– Bà con ơi ! Ra coi sấu... Bốn mươi lăm con còn sống nhần.

Rõ ràng là giọng Tư Hoạch.

– Diệu kế ! Diệu kế ! Tôi là Tư Hoạch đi bắt sấu về đây. Bà con coi sấu lợi có hàng dưới sông mình nè ! Một đời người mới có một lần.

Dưới sông, Tư Hoạch ngồi trên xuồng, bơi nhẹ nhàng như đi dạo mát.

Tiếp theo lái xuồng là một bầy sấu, con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc kè⁽⁵⁾ trên lưng, hai chân trước tự do,

(1) *Miệt* : nghĩa tương đương như *miền* hay *vùng*.

(2) *Phá Tam Giang* : vùng biển ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế, nơi đây xưa kia sóng dữ, thuyền bè dễ bị đắm.

(3) *Trường Nhà Hồ* : rừng Nhà Hồ (Hồ Xá Lâm) ở huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị, thời xưa có nhiều giặc cướp ("Thương em, anh cũng muốn vô - Sợ trường Nhà Hồ, sợ phá Tam Giang" – ca dao).

(4) *Chộn rộn* : nhốn nháo, lộn xộn.

(5) *Thúc kè* : trồi quật lên.

quạt nước cầm chừng như tiếp sức với Tư Hoạch để đẩy chiếc bè quái dị kia đi nhẹ nhàng. Thực tế hay là chiêm bao ? Người thì đứng há miệng sững sốt rồi toan chạy vào nhà trốn. Người khác khấn vái lâm râm, e nay mai xóm này bị sự trừng phạt của quỷ thần. Vài người dạn hơn, bơi xuống ra giữa sông, nhìn bấy sáu nọ cho tỏ rõ rồi rước Tư Hoạch vào bờ hỏi han rồi rít.

Đại khái, Tư Hoạch trình bày :

– Tối ao sáu, ông Năm Hên đi vòng quanh dòm địa thế rồi ngồi xuống uống một chung⁽¹⁾ rượu. Kế đó ông với tôi lấy xuống⁽²⁾ đào một đường nhỏ, ngày một cạn, từ bờ ao lên rừng chừng mười thước. Xong xuôi, ông biểu tôi bứt cho ông một nắm dây cóc kèn⁽³⁾. Phần ông thì lo đốn một đống cây mốp⁽⁴⁾ tươi, chặt ra khúc chừng ba tấc.

Lửa châm vô sậy để⁽⁵⁾, cóc kèn xung quanh, bắt cháy xuống đám sậy để trong ao. Chập sau, bị khói bay cay mắt, ngộp thở, phần thì nước sôi nóng, sáu bò lên rừng theo con đường đào sẵn hồi nãy. Tức thời, ông Năm Hên chạy lại. Sáu há miệng hung hăng đòi tấp⁽⁶⁾ ông. Ông dứt vô miệng sáu một khúc mốp. Sáu tấp lại, dính chặt hai hàm răng : như mình ngậm một cục mạch nha⁽⁷⁾ quá lớn, muốn há miệng cho rộng để nhả ra cũng không được. Sáu bị khúc mốp khoá miệng, còn cái đuôi đập qua đập lại. Ông Năm xách cây mác nhắm ngay sau lưng sáu mà xấn nhẹ để cắt gân đuôi. Đuôi sáu bị liệt. Thế là mình yên trí, lấy dây cóc kèn trói thúc ké hai chân sau của nó lại, chừa hai chân trước để nó bơi tiếp với mình.

– Thực là bực thánh của xứ này rồi ! Mưu kế như vậy thực quá cao cường. Ông đâu rồi ? Sao không thấy ông về ? Xóm mình nhất định đền ơn ông một số tiền, nuôi ông cho tới già, ở xóm này. Bà con tính sao ?

Tư Hoạch nói :

– Mà quên ! Ông biểu tôi về trước cho bà con coi thử. Phần ông mắc ở lại cúng "đất đai vương trạch"⁽⁸⁾ rồi đi bộ về sau.

(1) Chung : nghĩa tương đương như chén, li.

(2) Xuống : xuống (dụng cụ để đào đất).

(3) Cóc kèn : loại dây leo ở rừng nước mặn, dùng để trói, buộc rất bền, chắc.

(4) Mốp : loại cây như cây vòng, gỗ xộp, dẻo, có thể làm nút chai hay cốt mủ.

(5) Sậy để : một loại lau sậy.

(6) Tấp : đập.

(7) Mạch nha : thứ kẹo rất quánh nấu bằng mầm hạt thóc.

(8) Cúng "đất đai vương trạch" : cúng thần cai quản đất đai.

Chưa dứt lời, bên sông nghe tiếng hát của ông Năm Hên, ngày một rõ :

*Hồn ở đâu đây ?
Hồn ơi ! Hồn hỡi !
Xa cây xa cội,
Xa cội xa nhà,
Đầu bãi cuối gành,
Hùm tha, sấu bắt,
Bởi vì thất ngật,
Manh áo chén cơm,
U Minh đỏ ngòm,
Rừng tràm xanh biếc !
Ta thương ta tiếc,
Lập đàn giải oan...*

Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phẫn nộ, bi ai. Ghê rợn như là khi thấy ông đi ra khỏi mé rừng, áo rách vai, tóc rối bù⁽¹⁾, mắt đỏ ngầu, bó nhang cháy đỏ quơ qua quơ lại trên tay.

– Cõi tướng của ông ghê như tướng thầy pháp!⁽²⁾ – Một người thốt lên như vậy.

Nhưng có tiếng khóc sụt sùi đâu đây. Đó là vài cụ già, bà lão chạnh nhớ đến tổ tiên, đến bạn bè của mình, biết đâu trên bước đường sanh nhai giữa chốn nước đỏ rừng xanh, có thân nhân của họ đã bỏ thân vì dân sấu này. Bó nhang đang cháy kia có giải oan được cái chết của họ không chớ ?

*(Hương rừng Cà Mau,
NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1986)*

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Căn cứ vào mạch truyện, có thể chia đoạn trích tác phẩm ra làm mấy phần ? Hãy nêu ý chính của mỗi phần.
2. Cách trần thuật của tác giả hấp dẫn như thế nào ? Tác giả đã dùng những thủ pháp nghệ thuật gì để tạo ra được sự hấp dẫn ấy ?
3. Phân tích hình tượng nhân vật Năm Hên.

(1) *Tóc rối bù* : tóc kết rối vào nhau như búi chỉ rối.

(2) *Thầy pháp* : thầy phù thủy.

4. Hãy chỉ ra và phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả cảnh Tư Hoạch lái xuồng đưa bảy sáu về (cách dùng từ, hình ảnh so sánh, những chi tiết gây ấn tượng, tạo không khí,...).
5. Bài hát của ông Năm Hên gây cho anh (chị) cảm giác gì ? Vì sao ?
6. Qua truyện *Bắt sáu rừng U Minh Hạ*, anh (chị) có suy nghĩ gì về thiên nhiên vùng đất cực nam của Tổ quốc, về cuộc sống, tài trí, tính cách của người dân ở đây và công lao của họ đối với việc mở mang bờ cõi của đất nước ?

KIỂM TRA VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được những kiến thức cơ bản về lịch sử văn học Việt Nam, các tác giả và tác phẩm tiêu biểu đã học trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 Nâng cao, tập hai.*
- *Có kỹ năng trả lời các câu hỏi trắc nghiệm và phân tích, đánh giá văn bản văn học, nhất là các tác phẩm văn xuôi.*

Tham khảo đề kiểm tra văn học sau đây :

Đề bài (gồm hai phần)

Phần I : Trắc nghiệm (12 câu, mỗi câu trả lời đúng : 0,25 điểm, tổng cộng : 3 điểm)

1. Nhận xét nào nêu **không** chính xác về chất thơ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài ?

- A. Chất thơ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* thể hiện qua vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên, nhất là cảnh mùa xuân
- B. Chất thơ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* thể hiện chủ yếu qua cách miêu tả cảnh ngày Tết ở khu du kích Phiêng Sa tự do
- C. Chất thơ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* thể hiện qua cảnh sinh hoạt ngày Tết của đồng bào dân tộc
- D. Chất thơ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* thể hiện qua vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật, nhất là khát vọng tự do và tình yêu

2. Lí do nào sau đây là lí do chính để khẳng định nhân vật *thị* (vợ Tràng) trong truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân có một vai trò rất quan trọng ?

- A. Không có thị, giá trị hiện thực của truyện bị giảm đi khá nhiều
- B. Không có thị, không tạo ra được tình huống độc đáo của thiên truyện
- C. Không có thị, giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện sẽ giảm nhiều
- D. Không có thị, các nhân vật khác không có điều kiện bộc lộ tính cách

3. Dòng nào sau đây nêu đúng các tác phẩm viết về cùng một đề tài ?

- A. *Vợ chồng A Phủ*, *Vợ nhặt* và *Đất*
- B. *Đất*, *Rừng xà nu* và *Những đứa con trong gia đình*
- C. *Rừng xà nu*, *Đất* và *Chiếc thuyền ngoài xa*
- D. *Rừng xà nu*, *Một người Hà Nội* và *Vợ chồng A Phủ*

4. Dòng nào sau đây nêu đúng đề tài ở câu số 3 ?

- A. Thân phận những người dân cùng khổ trước Cách mạng
- B. Sự đổi đời của những người dân nô lệ
- C. Cuộc sống và con người sau kháng chiến chống đế quốc Mỹ
- D. Đất nước và con người trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ

5. Tác phẩm nào trong các tác phẩm sau **không** thể hiện màu sắc Nam Bộ ?

- A. *Những đứa con trong gia đình*
- B. *Đất*
- C. *Hương rừng Cà Mau*
- D. *Rừng xà nu*

6. Trong truyện *Một người Hà Nội*, khi được hỏi về chuyện người con trai tình nguyện đi chiến đấu, bà Hiền trả lời : "Tao đau đớn mà bằng lòng [...]". Câu trả lời đó cho thấy bà có tâm trạng như thế nào?

- A. Sẵn sàng tiễn con trai đi chiến đấu
- B. Rất đau đớn khi con trai phải đi chiến đấu
- C. Tiễn con ra trận với tình cảm đau xót
- D. Không muốn con trai tình nguyện đi chiến đấu

7. Hình tượng người phụ nữ trong tác phẩm nào sau đây được tác giả thể hiện với thái độ trân trọng và cảm hứng ngợi ca ?

- A. Mị trong *Vợ chồng A Phủ*
- B. Vợ Tràng trong *Vợ nhặt*

C. Người đàn bà trong *Chiếc thuyền ngoài xa*

D. Bà Hiền trong *Một người Hà Nội*

8. Câu nói : "Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo !" là câu nói của ai, trong tác phẩm nào ?

A. Ông Tám Xèo Đước trong tác phẩm *Đất*

B. Chú Năm trong tác phẩm *Những đứa con trong gia đình*

C. Cụ Mết trong tác phẩm *Rừng xà nu*

D. Nhân vật "tôi" trong hồi kí *Những ngày đầu của nước Việt Nam mới*

9. Dòng nào sau đây nêu đúng các tác giả thuộc dòng "văn học vùng địch tạm chiếm" ?

A. Nguyễn Trung Thành, Sơn Nam và Anh Đức

B. Hoàng Phủ Ngọc Tường, Anh Đức và Ma Văn Kháng

C. Anh Đức, Vũ Bằng và Nguyễn Trung Thành

D. Vũ Hạnh, Sơn Nam và Vũ Bằng

10. Ông là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại Việt Nam. Sáng tác của ông thể hiện vốn hiểu biết phong phú về đời sống, đặc biệt là sinh hoạt và phong tục ở làng quê và miền núi.

Nhận định trên đây nói về nhà văn nào trong các nhà văn sau?

A. Kim Lân

B. Tô Hoài

C. Nguyễn Ngọc

D. Ma Văn Kháng

11. Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng.

Nhận định trên đây nói về nhà văn nào trong các nhà văn sau?

A. Kim Lân

B. Tô Hoài

C. Nguyễn Khải

D. Sơn Nam

12. Sáng tác của ông mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn, tập trung viết về hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đề cập những vấn đề trọng đại của vận mệnh dân tộc và nhân dân, xây dựng những tính cách anh hùng.

Nhận định trên đây nói về nhà văn nào trong các nhà văn sau ?

A. Anh Đức

B. Nguyễn Thi

C. Nguyễn Minh Châu

D. Nguyễn Ngọc

Phần II : Tự luận (7 điểm)

Phân tích ý nghĩa vừa cụ thể vừa khái quát của hệ thống nhân vật và hình ảnh rừng xà nu trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

MỞ BÀI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một số đặc điểm và yêu cầu của phần mở bài.*
- *Có kĩ năng viết mở bài nhanh và đáp ứng đúng các yêu cầu của phần mở bài.*

Ở các lớp dưới, học sinh đã thực hành nhiều về cách viết mở bài, sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai tổng kết lại một vài vấn đề lí thuyết về mở bài.

1. Đặc điểm và yêu cầu của phần mở bài

Mở bài (còn gọi là đặt vấn đề) là khâu đầu tiên của bài văn và có tầm quan trọng thực sự đối với người viết. Khi viết bài, nếu có được một mở bài hay, tự nhiên "dòng văn" như được khơi chảy, tuôn trào. Mở bài lúng túng, trúc trắc sẽ khiến bài viết thiếu sinh khí, văn không liền mạch, ý tứ sẽ trở nên rời rạc,...

Muốn mở bài đúng và hay, trước hết cần hiểu rõ mục đích của mở bài là giới thiệu một cách khái quát với người đọc vấn đề sẽ viết, sẽ trao đổi, bàn bạc. Viết mở bài thực chất là trả lời câu hỏi : Ở bài viết này, cần viết về điều gì, cần trao đổi và làm sáng tỏ vấn đề gì ?

Mở bài thường có hai phần :

– Phần đầu nêu những câu dẫn dắt vào đề. Đó có thể là lời văn của người viết bài, có thể là câu thơ, đoạn văn của một tác giả, là câu chuyện nhỏ, câu nói của một nhân vật nổi tiếng, một nhà văn, nhà phê bình hoặc nhà văn hoá nào đó,... Tuy vậy, nội dung dẫn dắt thường phải ngắn gọn (nhất là mở bài trực tiếp), gần gũi và có liên quan đến vấn đề chính mà bài văn sẽ đề cập tới.

– Phần sau nêu vấn đề trọng tâm của bài viết (luận đề). Vấn đề trọng tâm có thể đã nêu rõ trong đề, có thể người viết phải tự rút ra, tự khái quát và nêu lên. Đối với loại đề yêu cầu phân tích, cảm thụ tác phẩm nghệ thuật thì phần này thường nêu ấn tượng chủ đạo, bao trùm lên toàn bộ tác phẩm mà người viết cảm nhận được.

Khi viết mở bài cần tránh :

- Dẫn ra ý không liên quan gì đến vấn đề trọng tâm.
- Dẫn dắt vòng vo, viết rất dài mới dẫn vào được vấn đề trọng tâm cần nêu.
- Sa vào những chi tiết cụ thể, những nội dung lẽ ra chỉ trình bày ở thân bài.

Một mở bài hay cần phải :

- Dẫn dắt, nêu trọng tâm và giới hạn vấn đề ngắn gọn.
- Gây được sự chú ý của người đọc về vấn đề sẽ viết.
- Viết tự nhiên, giản dị nhưng sinh động, độc đáo, không cầu kì, giả tạo.

2. Cách mở bài

Có thể mở bài bằng nhiều cách khác nhau, nhưng nhìn chung thường có hai cách chính : *mở bài trực tiếp* và *mở bài gián tiếp*. Trả lời thẳng vào câu hỏi : "Bài viết bàn về vấn đề gì ?", người ta gọi đó là mở bài trực tiếp. Từ một ý kiến khác, dẫn dắt người đọc đến vấn đề sẽ bàn luận trong bài viết gọi là mở bài gián tiếp. Chẳng hạn, với đề văn : "Bình luận và làm sáng tỏ ý kiến của Phạm Văn Đồng : "Nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống, thoát li đời sống, nghệ thuật nhất định sẽ khô héo"", người viết có thể mở bài theo hai cách như sau :

Mở bài trực tiếp : Trong một lần trò chuyện với văn nghệ sĩ, Phạm Văn Đồng nói : "Nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống, thoát li đời sống, nghệ thuật nhất định sẽ khô héo". Ý kiến ấy đã khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa nghệ thuật và hiện thực cuộc sống như một quy luật tất yếu. Văn học là một loại hình cơ bản của nghệ thuật, vì thế nó không thể nằm ngoài quy luật ấy.

Mở bài gián tiếp : Thần thoại Hi Lạp còn để lại một câu chuyện đầy cảm động về Ăng-tê và Nữ thần Đất Mẹ Gai-a. Thần Ăng-tê sẽ không bao giờ bị quật ngã nếu chàng luôn bám chặt vào Đất Mẹ. Mối quan hệ giữa nghệ thuật với đời sống phải chăng cũng giống như Ăng-tê và Đất Mẹ, đúng như Phạm Văn Đồng có lần

đã khẳng định : "Nghệ thuật bắt nguồn từ đời sống, thoát li đời sống, nghệ thuật nhất định sẽ khô héo". Lịch sử văn học – nghệ thuật đã chứng minh rất rõ điều đó.

LUYỆN TẬP

1. Đọc hai đoạn mở bài cho đề văn sau đây⁽¹⁾ và nhận xét theo các yêu cầu về mở bài đã nêu ở phần trên.

Đề : Phân tích vẻ đẹp bài thơ *Chiều* của Hồ Dzếnh.

– Mở bài 1 : Văn học cổ, kim từng bao lần thấp thoáng hình ảnh một người lữ khách cô đơn đi giữa bóng chiều. Bài thơ *Chiều* của Hồ Dzếnh lại một lần nữa in dấu ấn của *cái tôi* sâu muộn ấy.

– Mở bài 2 : "Muôn trùng sở dĩ rạo rực lòng người vì muôn trùng là nỗi thương nhớ mệnh mông của những tấm lòng rất bạn". Khi viết về những kỉ niệm tuổi thơ *Trong bóng rừng*, Hồ Dzếnh đã từng nói như vậy, và dường như nỗi "thương nhớ mệnh mông" ấy đã trở thành âm hưởng chủ đạo trong các bài thơ của tác giả. Bài thơ *Chiều* là một nốt nhạc trầm trong bản nhạc buồn buồn xa vắng ấy.

2. Chọn một trong các đề ở *Bài viết số 5* hoặc *Bài viết số 6*, viết mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp cho đề văn đã chọn.

(1) Theo sách *Văn – Bồi dưỡng học sinh giỏi Trung học phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.

GIÁ TRỊ CỦA VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được các giá trị cơ bản của văn học.*
- *Có phương hướng đúng khi đọc và khám phá các giá trị của văn học.*

Văn học đem đến cho người đọc niềm thích thú, say mê và trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu đối với con người. Điều đó làm cho văn học có giá trị đặc biệt. Có thể tìm hiểu giá trị của văn học ở nhiều phương diện.

1. Giá trị thẩm mĩ

Giá trị thẩm mĩ của văn học là vẻ đẹp do văn học tạo nên : những bức tranh, những hình tượng sống động, độc đáo, giàu ý nghĩa, có sức lôi cuốn và lay động tâm hồn con người. Mỗi khi nhắc đến văn học là người ta nghĩ đến những hình ảnh, những nhân vật đã được đọc và lưu lại trong trí nhớ. Những hình tượng ấy phần nhiều được sáng tạo bằng hư cấu, liên tưởng, nhưng chúng mang những tính chất thẩm mĩ mà con người đã và đang thể nghiệm trong đời sống. Đó là cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hùng, cái hài, cái xấu với vô vàn biểu hiện cụ thể, cá biệt, ngẫu nhiên của cuộc đời. Trong thực tế, các tính chất ấy nhiều khi xuất hiện phân tán, mờ nhạt, còn trong văn học thì chúng được biểu hiện tập trung đến mức gây ấn tượng khó phai.

Đặc điểm nổi bật của giá trị thẩm mĩ là nó hấp dẫn con người một cách vô tư, bằng chính sự hứng thú của hoạt động thưởng thức. Nó lôi cuốn con người vào một thế giới hư cấu, để con người thả hồn theo những hình ảnh tưởng tượng, nâng mình lên khỏi cuộc sống trực tiếp, hữu hạn hàng ngày, để có thể sống bằng tình cảm và mơ ước với nhiều cuộc đời, số phận và hoàn cảnh đa dạng, bất ngờ. Văn học đáp ứng nhu cầu thể nghiệm, thay đổi cảm giác và phát huy trí tưởng tượng của người đọc, làm cho tinh thần họ được phong phú. Sự thể nghiệm thẩm mĩ trong nghệ thuật là một hoạt động giải trí cao quý của tâm hồn. Đó là những giá trị không gì thay thế được.

2. Giá trị nghệ thuật

Giá trị thẩm mĩ của văn học không có gì thần bí. Nó có cội nguồn trong đời sống và do tài nghệ sáng tạo của nhà văn làm nên. Toàn bộ những phương thức,

phương tiện, kĩ xảo được nhà văn dùng để xây dựng hình tượng nghệ thuật mang giá trị thẩm mĩ sẽ tạo thành giá trị nghệ thuật của văn học. Trước hết là cách nhà văn sử dụng ngôn ngữ (cách dùng từ, đặt câu, gieo vần, cách ví von, ẩn dụ, cách trần thuật, gọi tên nhân vật, sự vật,...). Thứ hai là cách nhà văn chọn lọc các chi tiết, cách miêu tả nhân vật, tình huống, cách phân tích tâm lí. Cuối cùng là cách kết cấu tác phẩm : mở đầu ở đâu, triển khai như thế nào và kết thúc ra sao thì gây được ấn tượng thú vị cho người đọc. Nếu nhà văn thiếu tài năng nghệ thuật thì giá trị thẩm mĩ của tác phẩm cũng giảm sút.

Trước đây người ta có xu hướng nhập giá trị thẩm mĩ với giá trị nghệ thuật làm một. Từ khi có lí thuyết tiếp nhận, người ta lại có xu hướng phân biệt chúng. Sự phân biệt hai giá trị này sẽ giúp người đọc hiểu văn học được cụ thể hơn.

3. Giá trị nhận thức

Văn học không giản đơn chỉ đem lại niềm thích thú và sáng khoái cho người đọc. Trong niềm hứng thú, say mê của người đọc đối với các hình tượng nghệ thuật, văn học nâng cao năng lực nhận thức của con người. Khác với khoa học là nhận thức các quy luật của thế giới khách quan, văn học nhận thức sự thật và ý nghĩa của đời sống. Thông qua các hình tượng nghệ thuật, văn học giúp người đọc nhìn thấy những sự thật của nhân sinh, nhận biết được cái đẹp, cái xấu, cái thật, cái giả, cái cao cả và cái thấp hèn,... Văn học đặc biệt coi trọng sự nhận thức về giá trị con người. Qua lăng kính văn học, người ta nhìn rõ những giá trị về nhân cách, những biến đổi tinh vi của tâm hồn, những biểu hiện khác nhau của tội ác, sức mạnh của cái thiện và lẽ công bằng. Từ các nhận thức đó, văn học soi rọi cho người đọc ánh sáng lí tưởng, nâng đỡ niềm tin vào cuộc đời, khơi gợi ở họ tình yêu đối với cuộc sống. Vì thế, giá trị nhận thức của văn học thấm nhuần tính chất nhân văn.

4. Giá trị giáo dục

"Văn học là nhân học", tức là sự hiểu biết về con người. Với phẩm chất đó, văn học nuôi dưỡng lòng đồng cảm với đồng loại, kích thích khát vọng vượt lên trên cái tầm thường, hữu hạn để sống cuộc đời cao đẹp và có ý nghĩa hơn. Văn học giáo dục tư tưởng nhân đạo, lòng vị tha, tinh thần yêu công lí, chuộng lẽ phải, yêu quê hương đất nước.

Tuy cũng đem lại cho người đọc những tri thức về thế giới, về phong tục, tập quán,... nhưng giá trị giáo dục tiêu biểu của văn học là giáo dục tình cảm. Những

cảm hứng thẩm mỹ như cảm hứng anh hùng, cảm hứng cao cả, cảm hứng cảm thương, cảm hứng châm biếm,... làm cho người đọc rung động với những cảm xúc thẩm mỹ phong phú, đa dạng, luôn đứng về phía những tình cảm cao đẹp. Tác động của những rung động ấy sẽ còn lại lâu dài.

Văn học có giá trị giáo dục năng lực thẩm mỹ, nó đào tạo người đọc thành những người biết thưởng thức văn học, có thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh, tinh tế. Những ai thường xuyên đọc văn học chắc chắn sẽ trở thành người đọc có kinh nghiệm, hiểu biết ngôn ngữ nghệ thuật và biết tiếp nhận văn học.

· LUYỆN TẬP

1. Vì sao con người cần đến văn học ? Văn học có những giá trị gì ?
2. Hãy cho biết giá trị thẩm mỹ và giá trị nghệ thuật của một tác phẩm đã học.
3. Giá trị nhận thức của văn học có gì khác so với giá trị nhận thức khoa học ?
4. Giá trị giáo dục của văn học được thể hiện trên những phương diện nào ?

LUYỆN TẬP VỀ CÁCH TRÁNH LỐI DIỄN ĐẠT CÓ NHIỀU KHẢ NĂNG HIỂU KHÁC NHAU

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số cách diễn đạt có nhiều khả năng hiểu khác nhau.
- Biết vận dụng kiến thức trên vào việc đọc - hiểu văn bản, tránh lối viết câu có nhiều cách hiểu không mong muốn.

1. Đọc những câu sau đây và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

- Xe không được rẽ trái. (1)
- Chiếc xe đạp nặng quá. (2)

- Máy nổ tắt liên tục. (3)
- Người thợ lặn lội trên dòng sông đầy rác thải. (4)
- Đôi chân không nhúng xuống nước. (5)
- Anh chàng mặc áo sơ mi trắng trơn tròn mắt nhìn cô. (6)
- Có một chiếc xe lăn trên con đường sỏi. (7)
- Cả nhà hát say sưa theo tiếng đàn vĩ cầm. (8)

a) Nêu những cách hiểu khác nhau đối với mỗi câu trên đây.

b) Các câu trên đây có chung một đặc điểm ngữ pháp liên quan đến chủ ngữ và vị ngữ. Hãy xác định đặc điểm đó.

c) Hãy nêu cách sửa để các câu ấy có thể chỉ hiểu được theo một nghĩa xác định.

2. Đọc những câu sau đây và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

- Tôi không đi đâu. (1)
- Thằng bé có thể bơi qua sông. (2)
- Bây giờ thì nó phải lên đường rồi. (3)
- Anh ấy nói nghe có được không ? (4)
- Gã định đoạt tài sản thừa kế của cả hai chị em. (5)
- Chị lấy sách cho tôi. (6)
- Đàng ấy có chuyện gì không ? (7)

a) Nêu những cách hiểu khác nhau đối với mỗi câu trên đây.

b) Các trường hợp trên đây có chung một (vài) đặc điểm về từ vựng. Hãy xác định đặc điểm đó.

c) Nêu phương án sửa để mỗi câu chỉ được hiểu theo một cách.

3. Đọc những câu thơ sau đây :

– Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

(Nguyễn Khuyến – Thu điếu)

– *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.*

(Huy Cận – *Tràng giang*)

Có ba ý kiến về từ *đâu* trong những câu thơ trên :

– Đây là từ phủ định (nghĩa là "Cá không đớp động dưới chân bèo", "Không có tiếng làng xa vãn chợ chiều")

– Đây là từ phiếm chỉ ("Cá ở đâu đó đớp động dưới chân bèo", "Tiếng làng xa vãn chợ chiều văng lên ở đâu đó")

– Cả hai cách hiểu đều chấp nhận được.

Ý kiến của anh (chị) như thế nào ?

THÂN BÀI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một số đặc điểm và yêu cầu của phần thân bài.*
- *Có kĩ năng triển khai nhanh và đáp ứng đúng các yêu cầu của phần thân bài.*

Cũng như mở bài, học sinh đã được thực hành viết thân bài ở các lớp dưới, sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai, tổng kết lại một vài vấn đề lí thuyết về thân bài.

1. Đặc điểm và yêu cầu của phần thân bài

Nếu như mở bài có nhiệm vụ nêu lên vấn đề cần bàn bạc, trao đổi thì phần thân bài có nhiệm vụ làm sáng tỏ vấn đề mà mở bài đã nêu. Vì vậy, phần này còn gọi là *phần giải quyết vấn đề*. Đây là phần chính, phần quan trọng và dài nhất của bài văn nói chung, văn nghị luận nói riêng. Nếu như ở phần mở bài, vấn đề nêu ra bàn bạc, trao đổi được coi là một *luận đề*, thì phần thân bài sẽ cụ thể hoá luận đề ấy bằng các *luận điểm*. Mỗi luận điểm được phát triển bằng các *luận cứ*, được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể.

Mở bài thường là một đoạn văn, còn thân bài bao gồm nhiều đoạn văn. Tùy vào mức độ nội dung lớn hay nhỏ, nhiều hay ít của luận điểm mà xây dựng các đoạn thân bài. Nếu luận điểm có nội dung ít, đơn giản thì mỗi luận điểm là một đoạn thân bài. Nếu luận điểm có nhiều nội dung lớn, phong phú, thì luận điểm ấy có thể chia ra nhiều đoạn thân bài. Mỗi một đoạn thân bài tập trung làm nổi bật một luận điểm. Luận điểm ấy thường được nêu bằng câu chủ đề (câu chốt). Câu này có thể đặt ở đầu đoạn hoặc ở cuối đoạn. Nếu câu chủ đề đặt ở đầu đoạn thì ta có đoạn văn diễn dịch, đặt ở cuối đoạn ta có đoạn văn quy nạp. Khi phối hợp cả diễn dịch và quy nạp ta có đoạn văn tổng – phân – hợp. Giữa các đoạn văn thường có câu hoặc từ (cụm từ) chuyển tiếp nhằm nối đoạn này với đoạn khác, tạo cho ý của bài văn được liên mạch.

2. Phân tích đặc điểm của thân bài qua một văn bản cụ thể

Đọc bài văn sau đây :

KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT

A. Nhìn vào bản đồ thế giới, đâu đâu ta cũng thấy mệnh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không bao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng nghĩ như vậy là nhầm to.

B. (1) Đúng là bề mặt quả đất mệnh mông là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được. Hai phần ba nước trên hành tinh mà chúng ta đang sống là nước mặn. Trong số nước ngọt còn lại thì hầu hết bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực và trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Vậy thì con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ở sông suối, đầm, ao, hồ và nguồn nước ngầm. Số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, cứ dùng hết lại có và đang ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người gây ra. Đủ thứ rác thải, từ rác thải vô cơ, hữu cơ, những thứ rác có thể tiêu huỷ được tới cả những thứ hàng chục năm sau chưa chắc đã phân huỷ, cả những chất độc hại được vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối. Như vậy là nguồn nước sạch lại càng khan hiếm hơn nữa.

(2) Theo tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh có khoảng hai tỉ người đang sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Dự báo, tới năm 2015

một nửa dân số trên hành tinh sẽ rơi vào hoàn cảnh không đủ nước để dùng. Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nước nhiều hơn cho mọi nhu cầu của mình, trong khi dân số thì ngày mỗi tăng lên. Người ta đã tính được những phép tính đơn giản rằng để có một tấn ngũ cốc cần phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500 đến 1 500 tấn nước. Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3 500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn: từ 15 000 đến 70 000 tấn. Rồi còn bao thứ con vật nuôi, cây trồng khác để phục vụ nhu cầu của con người, mà chả có thứ gì lại không cần có nước. Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi.

(3) Mà nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều, nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm. Ở nhiều nơi, chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, để có chút nước ngọt, bà con ta phải đi xa vài cây số để lấy nước. Các nhà khoa học mới phát hiện ra rằng ở vùng núi đá này, đang có nguồn nước ngầm chảy sâu dưới lòng đất. Để có thể khai thác được nguồn nước này sẽ vô cùng gian khổ và tốn kém vì khắp mọi nơi đều trập trùng núi đá.

(4) Chớ nghĩ rằng nơi nào không có sông suối chảy qua thì cứ khoan sâu, khoan thật sâu xuống lòng đất là có thể lấy được nước. Do việc sử dụng bất hợp lý và rất lãng phí, các nguồn nước ngầm cũng đang cạn kiệt dần. Thì ở khu vực Tây Nguyên, mấy năm nay, vào mùa khô, bà con ta phải khoan thêm rất nhiều giếng mới có thể có nước để dùng hàng ngày đấy thôi. Vùng Ca-ta-lô-nhi-a của Tây Ban Nha bao đời nay, mấy triệu người dân ở đây vẫn sống nhờ vào nước ngầm. Nay nguồn nước này đang cạn kiệt tới mức Nhà nước phải đàm phán với Pháp để dẫn nước ngọt từ sông Rôn sang nước mình. Nói như vậy để thấy mục tiêu mà Nhà nước ta đề ra trong chiến lược quốc gia về cấp nước và vệ sinh nông thôn là phấn đấu để đến năm 2020 sẽ có 85% dân cư sống ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh (60 lít/ người mỗi ngày), và tới năm 2020 thì tất cả người dân sống ở nông thôn đều được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc gia. Để đạt được mục tiêu này sẽ là một cuộc phấn đấu gian khổ. Để có nước ngọt ở các vùng rộng lớn, ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa – nơi địa hình phức tạp, mức sống của người dân còn rất thấp – đã rất khó, huống chi phải có nước sạch, hợp vệ sinh cho sinh hoạt hằng ngày của người dân.

C. Nước ngọt đang ngày càng khan hiếm và để có nước sạch, hợp vệ sinh để dùng là rất tốn kém. Vì vậy, cùng với việc khai thác các nguồn nước ngọt để dùng, con người ngày càng phải sử dụng một cách hợp lí, tiết kiệm tài nguyên nước.

(Theo Trịnh Văn, báo *Nhân Dân*,
số ra ngày 15 - 6 - 2003)

Bài văn trên có ba phần rõ rệt. Tất cả gồm sáu đoạn văn. Ngoài đoạn mở bài (A) và kết bài (C), phần thân bài (B) bao gồm bốn đoạn văn. Vấn đề trọng tâm (luận đề) cần làm sáng tỏ của bài văn là *Nước ngọt đang khan hiếm dần*. Toàn bộ phần thân bài có bốn luận điểm được viết thành bốn đoạn văn tập trung làm sáng tỏ cho luận đề đã nêu.

Đoạn 1: Luận điểm thể hiện trong câu chủ đề, đặt ngay ở đầu đoạn: *Đúng là bề mặt quả đất mênh mông là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch.*

Đoạn 2: Luận điểm thể hiện trong câu chủ đề đặt ở cuối đoạn: *Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi.*

Đoạn 3: Luận điểm thể hiện trong câu chủ đề đặt ngay đầu đoạn: *Nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều.*

Đoạn 4: Luận điểm được thể hiện trong câu chủ đề đặt ở đầu đoạn: *Chớ nghĩ rằng cứ khoan thụt sâu xuống lòng đất là có thể lấy được nước.*

LUYỆN TẬP

Đọc bài văn sau và chỉ ra trong phần thân bài có mấy đoạn văn, mỗi đoạn được tổ chức như thế nào.

LỢI THẾ NGƯỜI ĐI SAU

Trong tiến trình phát triển chung của nhân loại, nhiều quốc gia – dân tộc, do những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử còn có khoảng cách xa, thậm chí quá xa so với các nước tiên tiến. Song, thực tế đã chứng minh thời kì nào của lịch sử cũng có những quốc gia chậm phát triển, đi sau nhưng đã bứt vượt thành công, bước vào hàng ngũ các quốc gia phát triển. Một nguyên nhân thành công chủ yếu của họ là biết học hỏi những kinh nghiệm thành công và thất bại của những quốc gia phát triển – những quốc gia "đi trước".

Nhận thức được quy luật "Lợi thế người đi sau", Việt Nam đã tiến hành công cuộc đổi mới và đã thu được những thành tựu nhân tiền trong hơn hai mươi năm qua. Đổi mới, nới sức dân, phát huy nội lực gắn liền với hội nhập đã đưa lại cho đất nước nhiều điều kì diệu. Hầu hết các ngành nghề kinh tế, kĩ thuật của chúng ta đều đã có cơ hội tiếp cận với những tiến bộ khoa học kĩ thuật và việc học hỏi, du nhập, ứng dụng những tiến bộ khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại, dù còn rất nhiều khó khăn, nhưng đã bước đầu đem lại những kết quả rõ rệt. Đơn cử, công nghệ viễn thông đã giúp cho thông tin liên lạc hiện nay ở Việt Nam thuận lợi hơn hẳn một số nước cách đây hơn chục năm còn ở ngang hoặc cao hơn chúng ta về mặt này. Đổi mới và hội nhập cũng giúp chúng ta nhìn rõ những yếu kém, lạc hậu trong tổ chức, quản lí nhà nước, quản lí kinh tế, xã hội và đã có nhiều biện pháp hữu hiệu để đổi mới, cải cách từng bước những yếu kém đó, góp phần đắc lực xây dựng bộ máy nhà nước có hiệu lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định xã hội.

Với lợi thế của người đi sau, chúng ta đã nhìn rõ những cơ hội và thách thức trong các tổ chức hợp tác với các nước láng giềng, khu vực và tổ chức toàn cầu như APEC⁽¹⁾ và đặc biệt là WTO⁽²⁾. Với vị thế và thương hiệu mới, lập tức nền kinh tế đất nước đã có những tín hiệu chuyển động mạnh mẽ. Thị trường chứng khoán sôi động là một ví dụ dễ thấy. Những kết quả huy động vốn trong nước, cùng với làn sóng đầu tư từ bên ngoài, các kỉ lục mới trong sản xuất, xuất khẩu, các cơ hội mở rộng thị trường thế giới, hệ thống cơ sở hạ tầng mở rộng,... một nhịp điệu phát triển mới, một tốc độ tăng trưởng mới của đất nước đang diễn ra trên khắp đất nước ta. Nhịp điệu mới, tốc độ mới có thể sẽ đạt được cao hơn mục tiêu đề ra, thậm chí ở một số khu vực, bộ phận có thể trở thành nóng.

Với "lợi thế người đi sau", chúng ta ứng phó, giải quyết thế nào với tốc độ nóng của phát triển để thực hiện đúng mục tiêu phát triển nhanh và bền vững ? Thực tế cho thấy, trong những năm qua, với tốc độ tăng trưởng chỉ trên 7% hàng năm nhưng quá nhiều vấn đề tiêu cực của kinh tế, xã hội, văn hoá và môi trường xảy ra. Sự nóng lên khá đột ngột của thị trường chứng khoán cho đến thời điểm này nói chung vẫn là tín hiệu tích cực về kinh tế nhưng về xã hội, những biểu hiện

(1) Viết tắt cụm từ : Asia - Pacific Economic Cooperation (Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương).

(2) Viết tắt cụm từ : World Trade Organization (Tổ chức Thương mại thế giới).

không thuận đã nhìn thấy được trong hiệu ứng nói rộng khoảng cách giàu – nghèo. Cùng với biểu hiện không thuận này, những tệ nạn đầu cơ, buôn lậu, gian lận thương mại, quan liêu, tham nhũng đang hoành hành đã làm cho một bộ phận xã hội giàu nhanh hẳn lên, cả chính đáng và không chính đáng. Về hình thức, dân giàu thì nước mạnh nhưng dân giàu mà không minh bạch, không kiểm soát được, không huy động được sự giàu có trong dân vào mục đích chung phát triển kinh tế – xã hội thì lại có tác động ngược lại. [...]

Thực tế đất nước hiện nay cũng đã nóng lên với rất nhiều báo động về sự trì trệ, lạc hậu của lề lối hành chính, về sự yếu kém đầy rủi ro trong giao thông, sự lạc hậu gắn với nhiều căn bệnh trong giáo dục, y tế, những báo động của ô nhiễm môi trường từ thành thị đến nông thôn, sự cạn kiệt của các nguồn tài nguyên rừng, sông suối và biển,...

Từ "lợi thế người đi sau", chúng ta không chỉ học người ở cách làm giàu mà luôn phải tỉnh táo lường định trước, phải đầu tư nghiên cứu học hỏi để đề ra những biện pháp hữu hiệu phòng và chống, ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những tiêu cực, rủi ro, đổ vỡ trong cả kinh tế, xã hội và văn hoá.

(Theo Nguyễn Mạnh, báo *Quân đội nhân dân*, số ra ngày 3 - 3 - 2007)

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

(Trích)

SÔ-LÔ-KHỐP

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được số phận con người trong và sau chiến tranh cùng khát vọng vươn lên làm chủ số phận của nhân vật Xô-cô-lốp.*
- *Nắm được một số nét đặc sắc trong nghệ thuật tự sự, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật của nhà văn.*

TIỂU DẪN

Nhà văn Nga lỗi lạc Mi-khai-in A-lếch-xan-đrô-vích Sô-lô-khốp (1905 - 1984) sinh trưởng trong một gia đình lao động ở thị trấn Vi-ô-xen-xcai-a, tỉnh Rô-xốp thuộc vùng Sông Đông. Những năm nội chiến (1918 - 1921), dù còn nhỏ tuổi nhưng Sô-lô-khốp đã tích cực tham gia nhiều hoạt động của chính quyền Xô viết xã : làm thư kí Ủy ban, xoá nạn mù chữ, trưng thu lương thực chống đói, tổ chức câu lạc bộ văn nghệ, đọc sách,... Năm 1922, ông chuyển lên Mát-xcơ-va, vừa đi



làm vừa đi học. Năm 1924, ông cho ra đời những truyện ngắn đầu tiên. Năm 1925: Sô-lô-khốp bắt tay vào viết bộ tiểu thuyết - sử thi *Sông Đông êm đềm*. Chiến tranh chống phát xít bùng nổ (1939 - 1945), ông trở thành phóng viên mặt trận có mặt tại nhiều chiến trường. Sau chiến tranh, Sô-lô-khốp lại lần mình vào những hoạt động xã hội, tham gia lãnh đạo chính quyền Xô viết địa phương và được bầu làm Đại biểu Xô viết tối cao, được Nhà nước phong Anh hùng lao động Liên Xô.

Hoạt động xã hội đã mài sắc thêm ngòi bút văn học của Sô-lô-khốp. Với những truyện ngắn xuất sắc (*Truyện Sông Đông*, *Số phận con người*), những tiểu thuyết nổi tiếng (*Đất vỡ hoang*, *Họ chiến đấu vì Tổ quốc*) và bộ sử thi

đổ sộ *Sống Đông êm đêm*, "ít ai có thể vượt được Sô-lô-khốp trong việc viết về sự thật" (Bôn-đa-rép). Do những cống hiến nghệ thuật to lớn, năm 1965, Sô-lô-khốp được nhận Giải thưởng Nô-ben về văn học.

Truyện ngắn *Số phận con người* (1957) là một thành tựu xuất sắc, đánh dấu bước phát triển của nền văn học Xô viết. Truyện kể về số phận của một người lao động Nga bình thường trong cơn bão táp của lịch sử. Thông qua lời tự thuật của nhân vật, nhà văn đã làm sáng lên vẻ đẹp của tính cách Nga kiên cường, dũng cảm, nhân ái, vị tha, đồng thời làm sống dậy sự thật về một thời đại bi hùng của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, bảo vệ Tổ quốc và nhân phẩm con người. Đoạn trích là phần cuối của truyện, kể về quãng đời của Xô-cô-lốp sau chiến tranh.

*

* *

(Tóm tắt phần đầu : Mùa xuân năm 1946, trên đường đi công tác, tác giả gặp anh lái xe An-đrây Xô-cô-lốp bốn mươi sáu tuổi và bé Va-ni-a chừng năm, sáu tuổi trên bến đò. Trong khi chờ đò, Xô-cô-lốp đã kể cho tác giả nghe về cuộc đời mình. Anh lớn lên trong cách mạng, từng phục vụ trong Hồng quân thời nội chiến. Nội chiến kết thúc, anh trở về quê hương thì cha mẹ, anh chị không còn ai sống sót. Xô-cô-lốp trải qua nhiều nghề để kiếm sống, rồi cũng có một gia đình với người vợ hiền và ba đứa con ngoan. Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, anh ra trận. Chiến đấu chừng một năm, anh bị thương hai lần và bị bắt làm tù binh. Tiếp đó là hai năm Xô-cô-lốp bị đoạ dày trong các trại tập trung của phát xít Đức. Năm 1944, bọn phát xít thua to trên mặt trận Xô – Đức, buộc phải dùng cả tù binh làm lái xe. Nhân cơ hội đó, Xô-cô-lốp đã cướp xe, bắt sống tên sĩ quan Đức, chạy thoát về phía Hồng quân. Mỗi lúc ấy Xô-cô-lốp mới biết vợ và hai con gái anh đã bị bom phát xít giết hại từ giữa năm 1942. A-na-tô-li, con trai anh, một học sinh giỏi toán, giờ là đại úy pháo binh. Hai cha con cùng tiến đánh Béc-lin, sào huyệt của bọn phát xít. Đúng ngày 9-5-1945, ngày chiến thắng, một tên thiện xạ Đức đã bắn chết A-na-tô-li, đứa con trai yêu quý, niềm hi vọng cuối cùng của An-đrây Xô-cô-lốp...).

Tôi đã chôn trên đất người, đất Đức, niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng của tôi ; đại đội pháo đã nổ súng vĩnh biệt tiễn người chỉ huy của họ tới nơi an nghỉ cuối cùng ; trong người tôi như có cái gì đó vỡ tung ra... Tôi trở về đơn vị mình như người mất hồn. Nhưng chả mấy chốc tôi được giải ngũ. Về đâu bây giờ ? Chả nhẽ lại về Vô-rô-ne-giơ ? Không được ! Tôi chợt nhớ ở U-riu-pin-xcơ có một người bạn, giải ngũ hồi mùa đông vì bị thương, – có lần anh ấy mời tôi về nhà, tôi nhớ ra và tìm đến U-riu-pin-xcơ.

Hai vợ chồng người bạn tôi không có con, sống trong một ngôi nhà riêng nhỏ ở rìa thành phố. Mặc dù được hưởng phụ cấp thương binh, nhưng anh bạn tôi vẫn làm lái xe cho một đội vận tải, tôi cũng đến xin làm ở đó. Tôi ở nhà bạn, họ thu xếp cho tôi chỗ nương thân. Chúng tôi chở các thứ hàng hoá về các huyện, và mùa thu thì chuyển sang chở lúa mì. Chính vào hồi ấy tôi gặp chú con trai mới của tôi, đây chú bé đang nghịch cát đấy.

Thường cứ chạy xe xong trở về thành phố, việc đầu tiên cũng dễ hiểu thôi, là tôi vào hiệu giải khát, nhấm nháp chút gì đó và tất nhiên có uống một li rượu lử người. Phải nói rằng tôi đã quá say mê cái món nguy hại ấy... Thế rồi một hôm, tôi thấy chú bé ấy ở gần cửa hàng giải khát, hôm sau vẫn lại thấy – thằng bé rách bươm xơ mướp. Mặt mũi thì bệ bệ nước dưa hấu, lem luốc, bụi bặm, bẩn như ma lem, đầu tóc rối bù, nhưng cặp mắt – cứ như những ngôi sao sáng ngời sau trận mưa đêm ! Tôi thích nó, và lạ thật, thích đến nỗi bắt đầu thấy nhớ nó, cố chạy xe cho nhanh để được về gặp nó. Nó ăn ngay ở hiệu giải khát, ai cho gì thì ăn nấy.

Sang ngày thứ tư, tôi chở lúa mì từ nông trường, ghé lại hiệu giải khát. Chú bé của tôi ngồi ở bậc thềm, hai bàn chân nhỏ xíu dúng đưa, và nom có vẻ như đang đói. Tôi thò đầu ra ngoài cửa buồng lái và hét gọi : "Ê, Va-ni-a ! Lên ô tô đi, nhanh lên, chú đưa đến kho thóc rồi trở về đây ăn trưa". Nghe tiếng hét gọi của tôi, nó giật mình nhảy khỏi thềm, leo lên bậc xe hơi nhỏ : "Sao chú lại biết tên cháu là Va-ni-a ?". Và đôi mắt nhỏ của nó mở to ra chờ tôi trả lời. Còn tôi thì bảo nó rằng tôi là người từng trải, cái gì cũng biết.

Nó bước sang bên phải xe, tôi mở cửa đặt nó ngồi bên cạnh mình và cho xe chạy. Thằng bé hoạt bát đến thế mà bỗng nhiên không biết vì sao lại lặng thinh, tư lự, chốc chốc lại liếc nhìn tôi dưới đôi hàng mi dài cong vút, và lại thờ dài. Một con chim con non nớt như thế mà đã học thờ dài ư ? Đây đâu phải việc của nó ? Tôi hỏi : "Bố cháu đâu, hử Va-ni-a ?". Nó rí tai : "Chết ở mặt trận". – "Thế mẹ cháu ?" – "Mẹ bị bom chết trên tàu hoả khi mẹ con cháu đang đi tàu". – "Thế cháu từ đâu đến ?". – "Cháu không biết, không nhớ...". – "Thế ở đây cháu không có ai là bà con thân thuộc à ?". – "Không có ai cả". – "Thế đêm cháu ngủ ở đâu". – "Bà cháu ngủ đó".

Những giọt nước mắt nóng hổi sôi lên ở mặt tôi, và lập tức tôi quyết định : "Không thể để cho mình với nó chìm nghỉm riêng rẽ được ! Mình sẽ nhận nó làm con". Ngay lúc ấy, tâm hồn tôi bỗng nhẹ nhõm và bừng sáng lên. Tôi cúi xuống bên nó khẽ hỏi : "Va-niu-ska⁽¹⁾, có biết ta là ai không nào ?". Nó hỏi lại ngẹn ngào : "Thế chú là ai ?". Tôi nói lại cũng khẽ như thế : "Ta là bố của con !".

(1) *Va-niu-ska* : tên gọi thân mật của Va-ni-a.

Trời ơi, thật không thể tưởng tượng được. Nó nhảy chồm lên cổ tôi hôn vào má, vào môi, vào trán và như con chim chích, nó riu rít líu lo vang rộn cả buồng lái : "Bố yêu của con ơi ! Con biết mà ! Con biết thế nào bố cũng tìm thấy con mà ! Thế nào cũng tìm thấy mà ! Con chờ mãi mong được gặp bố !". Nó áp sát vào người tôi, toàn thân cứ run lên như ngọn cỏ trước gió. Còn mắt tôi thì cứ mờ đi, cả người cũng run lên, hai bàn tay lấy bầy... Thế mà tôi vẫn không bị mất tay lái thì cũng kì lạ thật. Nhưng rồi xe cũng lao đảo đâm xuống rãnh, tôi tắt máy. Giữa lúc mắt còn mờ đi như vậy, tôi không dám chạy tiếp, sợ đâm phải người. Tôi dừng xe chừng dăm phút, còn chú bé con trai của tôi cứ ghì chặt lấy tôi lặng im, run rẩy. Tay phải tôi quàng sang ôm lấy nó, khế áp nó vào người, còn tay trái tôi mở máy quay trở về nhà mình. Đến kho thóc làm gì nữa, khi mà tôi không còn bụng dạ nào để đi đến đó.

Tôi để xe cạnh cổng, bế con trai mới của tôi vào nhà. Còn nó thì hai tay bé bỏng cứ ôm chặt lấy cổ tôi, vào đến nơi vẫn không chịu buông ra. Nó áp chặt má vào cái má lõm chồm chưa cạo của tôi, cứ như là dán vào đó. Tôi cứ thế bế vào. May quá, cả hai vợ chồng nhà chủ đều đang ở nhà. Tôi bước vào, nháy mắt ra hiệu cho cả hai người rồi nói một cách phấn khởi : "Đây, tôi tìm được cháu Va-niu-ska của tôi rồi ! Hai bác là người tốt bụng, cho chúng tôi ở nhờ nhé !". Cả hai, những người không có con, lập tức hiểu ngay câu chuyện, cứ lằng xằng tíu tít. Còn tôi thì không làm sao dứt khỏi chú con trai. Cuối cùng, rồi cũng dỗ được nó. Tôi lấy xà phòng rửa tay cho nó rồi đặt ngồi vào bàn ăn. Bà chủ múc xúp báp cải vào đĩa cho nó, rồi đứng nhìn nó ăn ngấu nghiến mà nước mắt rờn rờn. Bà đứng cạnh lò sưởi lấy tạp dề che mặt khóc. Bé Va-niu-ska của tôi thấy bác ấy khóc bèn chạy lại níu lấy vạt áo và nói : "Cô ơi, sao cô lại khóc ? Bố cháu tìm thấy cháu ở gần hiệu giải khát, mọi người phải vui mừng chứ, sao cô lại khóc ?". Chao ôi, nghe nói thế bác ta lại càng đầm đìa nước mắt, càng khóc sụt sùi.

Sau bữa ăn trưa, tôi đưa nó tới hiệu cắt tóc, rồi về nhà đặt ngồi vào chậu giặt, tắm rửa xong rồi bọc nó vào tấm khăn trải giường sạch. Nó ôm lấy tôi và cứ thế ngủ thiếp đi. Tôi cẩn thận đặt nó lên giường, rồi cho xe chạy tới kho thóc, dỡ lúa mì xuống, đem xe về trạm để đó, chạy ra cửa hàng tạp hoá. Tôi mua cho nó một cái quần dạ, một sơ mi, đôi dép và một cái mũ lưỡi trai bằng sợi. Tất nhiên là tất cả mọi thứ đều không vừa và chất lượng cũng kém. Về cái quần dạ thì bà chủ đã quở tôi : "Bác điên hay sao, trời nóng thế này mà mặc quần dạ cho con !". Và lập tức, chiếc máy khâu được đặt lên bàn ; rương hòm được lục tung lên. Một giờ sau, Va-niu-ska của tôi đã có một chiếc quần đùi xa tanh và một sơ mi trắng cộc tay.

Tôi ngủ chung với nó, và lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm tôi được ngủ một giấc yên lành. Nhưng trong đêm cũng phải dậy đến vài bốn bận. Tôi thức giấc, thấy nó rúc vào nách tôi như con chim sẻ dưới mái rạ, ngáy khe khẽ, tôi thấy lòng vui không lời nào tả xiết ! Tôi không dám trở mình để nó khỏi thức giấc, nhưng rồi không nén được, tôi nhẹ nhàng ngồi dậy đánh diêm ngắm nhìn nó ngủ...

Tôi thức giấc trước khi trời sáng, không hiểu vì sao mà lại khó thở thế. Hoá ra chú con trai của tôi đã đập tung khăn trải giường, bò lên nằm vắt ngang trên người tôi, xoạc chân ra, bàn chân bé nhỏ đè lên cổ họng tôi. Ngủ với nó thật không yên, nhưng quen hơi, không có nó thì buồn. Đêm đêm khi thì nhìn nó ngủ, khi thì thơm mái tóc xù của nó, trái tim tôi đã suy kiệt, đã bị chai sạn vì đau khổ, nay trở nên êm dịu hơn...

Thời gian đầu, nó còn theo tôi trong các chuyến xe, nhưng rồi tôi hiểu ra rằng như thế không có lợi. Chỉ một mình tôi thì cần gì đâu ? Một mẩu bánh mì, một củ hành với tí muối, thế là đủ no cho một ngày của đời lính. Nhưng thêm nó thì khác : khi thì phải mua sữa cho nó, khi thì phải luộc quả trứng, không có thức ăn nóng cho nó là không xong. Nhưng công việc thì cần gấp. Tôi kiên quyết để nó ở nhà cho bà chủ chăm nom, nhưng nó cứ khóc suốt từ sáng cho đến tối, chiều tôi chuồn ra kho thóc tìm tôi. Nó thường đợi tôi ở đó đến khuya.

Ban đầu thật là vất vả với nó. Có hôm trời còn sáng, hai bố con đã đi nằm ngủ – ban ngày tôi làm việc mệt lử người – còn nó, lúc thì cứ luôn luôn riu rít như chim sẻ, có lúc không hiểu sao lại cứ tự nhiên im lặng. Tôi hỏi : "Con trai bố đang nghĩ gì đấy ?". Nó hỏi lại, mắt nhìn lên trần : "Bố ơi, cái áo bành tô bằng da của bố đâu rồi ?". Cả đời tôi, có bao giờ tôi có bành tô da nào đâu ! Tôi đành phải đánh trống lảng : "Bố để lại ở Vô-rô-ne-giơ rồi !" – Tôi bảo nó. "Thế tại sao bố lại tìm con lâu thế ?". Tôi đáp : "Bố tìm con ở bên Đức, bên Ba Lan, và đi bộ, đi xe tìm khắp cả Bê-lô-ru-xi-a, mà con thì lại ở U-riu-pin-xcơ". – "Thế U-riu-pin-xcơ có gần nước Đức không hả bố ? Thế Ba Lan có cách xa nhà ta lắm không ?". Đây hai bố con cứ nói chuyện huyền thuyên như thế cho đến khi ngủ thiếp đi.

Anh bạn ạ, không phải là vô cơ mà nó hỏi về cái áo bành tô da đâu ? Không, hoàn toàn không đơn giản. Tức là, ông bố đẻ của nó đã có thời mặc bành tô da, và nó chợt nhớ lại. Đây, trí nhớ trẻ con cứ như quang sáng mùa hạ, soi sáng tất cả trong chốc lát rồi vụt tắt. Trí nhớ của chú bé ấy cũng như vậy, như quang sáng, cứ chợt loé lên như thế.

Cũng có thể là tôi và cháu bé còn ở U-riu-pin-xcơ, chừng hơn một năm nữa, nếu như hồi tháng mười một không bị chuyện rủi ro. Hôm ấy tôi lái xe đường lầy,

đến một thôn nọ thì xe bị trượt, vừa lúc đó có một con bò quay lại, xe tôi chạm phải chân nó. Thế là như ta biết đấy, các bà gào thét âm lên, người ta xúm lại, anh kiểm soát xe hơi lập tức đến ngay. Anh ta thu hồi bằng lái của tôi mặc dù tôi đã hết sức van nài mong anh rộng lượng tha thứ. Con bò đứng dậy, ve vẩy đuôi rồi chạy vào ngõ hẻm, còn tôi thì bị trượt bằng lái. Mùa đông, tôi làm thợ mộc, rồi thư từ với một người bạn trước kia ở cùng đơn vị. Anh ta ở cùng một tỉnh với anh ấy, ở huyện Ka-sa-rư, làm nghề lái xe hơi – anh ấy mời tôi đến nhà anh ấy. Anh ấy viết thư bảo rằng đến đó tôi sẽ làm ở bộ phận thợ mộc chừng nửa năm, rồi ở tỉnh họ cấp lại bằng lái xe mới cho tôi. Thế là tôi và cháu bé cùng đi bộ tới Ka-sa-rư.

Mà nói thực với anh, nếu không xảy ra chuyện lôi thôi với con bò thì rồi tôi cũng vẫn rời U-riu-pin-xơ. Nỗi đau buồn không cho tôi ở lâu mãi một chỗ được. Có lẽ phải đến khi nào cháu Va-niu-ska lớn lên, buộc lòng phải gửi cháu vào một trường học ổn định, thì may ra lúc ấy, nguôi bớt nỗi buồn, tôi mới có thể ở yên một chỗ. Còn bây giờ thì hai bố con cứ cuốc bộ khắp nước Nga.

– Cháu bé đi vất vả lắm nhỉ, – tôi nói.

– Cháu đi bộ ít thôi, phần lớn thời gian tôi cõng cháu. Tôi để nó ngồi lên vai và cứ thế đi, nếu muốn vận động cho dân gân cốt thì nó lại tụt xuống chạy, tung tăng bên đường như con dê con. Anh bạn ạ, tất cả những điều ấy cũng chẳng sao, miễn là bố con chúng tôi sống được ; nhưng mà quả tim của tôi đã rệu rã lắm rồi, đến phải thay pít-tông thôi... Có khi tự nhiên nó nhói lên, thất lại, và giữa ban ngày mà tối tăm mặt mũi. Tôi chỉ sợ lúc nào đó đang ngủ mà tôi chết luôn làm cho con trai tôi phải khiếp sợ. Lại còn thêm một nỗi khổ tâm này nữa : hầu như đêm nào tôi cũng chiêm bao thấy những người thân quá cố. Và lúc nào cũng thế, tôi ở bên này, sau hàng rào dây thép gai, còn vợ con thì tự do ở bên kia... Tôi nói đủ chuyện với I-ri-na⁽¹⁾, với các con nhưng chỉ vừa mới toan lấy tay đẩy dây thép gai ra, thì vợ con lại rời bỏ tôi, cứ như là vụt tan biến mất... Và đây là một điều rất kì lạ : ban ngày bao giờ tôi cũng trấn tĩnh được, không hờ ra một tiếng thở dài, một lời than vãn, nhưng ban đêm thức giấc thì gối ướt đầm nước mắt...

Trong rừng đã nghe tiếng đồng chí của tôi gọi, tiếng mái chèo vỗ nước.

Người khách lạ nhưng đã trở thành thân thiết đối với tôi đứng dậy, đưa bàn tay to bè cứng rắn như bằng gỗ :

– Tạm biệt anh bạn, chúc anh may mắn.

(1) I-ri-na : tên người vợ đã mất của Xô-cô-lốp.

– Chúc anh đến Ka-sa-rư may mắn.

– Cảm ơn anh. Này con, sang dò đi.

Chú bé chạy tới, đứng bên phải bố, túm lấy vạt áo bông của bố, chạy lon ton cho kịp bước sải dài của người lớn.

Hai con người cội cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phủ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ... Cái gì đang chờ đón họ ở phía trước ? Thiết nghĩ rằng con người Nga đó, con người có ý chí kiên cường, sẽ đứng vững được và sống bên cạnh bố, chú bé kia một khi lớn lên sẽ có thể đương đầu với mọi thử thách, sẽ vượt qua mọi chướng ngại trên đường nếu như Tổ quốc kêu gọi.

Với một nỗi buồn thấm thía, tôi nhìn theo hai bố con... Có lẽ cuộc chia tay của chúng tôi sẽ thanh thản tốt đẹp hơn ; nhưng Va-niu-ska, mới đi được ít bước, đôi chân lùn cùn chệnh choạng, chợt quay lại nhìn tôi, vẫy bàn tay bé xiu hồng hồng. Bỗng như có một bàn chân con vật nào đó mềm mại nhưng móng sắc nhọn bóp lấy tim tôi, và tôi vội quay mặt đi. Không, không phải những người đứng tuổi đã bạc đầu trong chiến tranh chỉ khóc trong chiêm bao đâu. Họ cũng khóc trong thực tại đây. Cái chính ở đây là phải biết kịp thời quay mặt đi. Cái chính ở đây là đừng làm tổn thương trái tim em bé, đừng để cho em thấy những giọt nước mắt đàn ông hiêm hoi nóng bỏng lăn trên má anh.

Theo bản dịch của NGUYỄN DUY BÌNH

(Tuyển tập *Mi-khai-in Sô-lô-khốp*,

NXB Cầu vồng, Mát-xcơ-va, 1987)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích nỗi đau, sự mất mát của con người do tác động của chiến tranh qua số phận các nhân vật Xô-cô-lốp và Va-ni-a.
2. Quyết định nhanh chóng của An-đrây Xô-cô-lốp khi nhận bé Va-ni-a làm con nuôi và niềm vui của hai người nói lên điều gì trong tình cảm của họ ?
3. Khi nuôi dưỡng bé Va-ni-a, Xô-cô-lốp gặp những khó khăn gì ? Qua những khó khăn đó, tính cách nhân vật Xô-cô-lốp được thể hiện như thế nào ?
4. Đoạn văn trữ tình cuối truyện ("Hai con người cội cút [...] lăn trên má anh") chứa đựng những suy nghĩ gì của nhà văn về số phận con người ?

5. Hãy nêu tư tưởng của đoạn trích. Nhan đề của tác phẩm có liên quan gì đến tư tưởng đó ?
6. Anh (chị) có nhận xét gì về nghệ thuật kể chuyện của tác giả ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

Tìm hiểu nghệ thuật thể hiện tâm lí nhân vật của nhà văn Sô-lô-khốp trong đoạn trích (chú ý các tình huống, chi tiết và mối quan hệ giữa các nhân vật).

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

• Chi tiết nghệ thuật

Trong xây dựng nhân vật, chi tiết nghệ thuật có vai trò rất quan trọng, giúp khắc hoạ tính cách, làm cho nhân vật trở nên chân thực, cụ thể, sinh động và có tính khái quát cao. Chi tiết nghệ thuật có thể có nhiều loại : chi tiết ngoại hình, chi tiết tâm lí, chi tiết hành động, cử chỉ, chi tiết lời nói, chi tiết phong cảnh, môi trường, nội thất, đồ vật,... Sự lựa chọn chi tiết "đắt giá" có khả năng "nói" được nhiều về tính cách nhân vật, thể hiện tài quan sát, tài vận dụng đồng thời là quan niệm nghệ thuật của nhà văn về con người.

• Lời phát biểu trữ tình (còn gọi là lời trữ tình ngoại đề)

Lời phát biểu trữ tình là lời bộc lộ trực tiếp những tư tưởng, tình cảm, quan niệm của tác giả về cuộc sống và nhân vật. Lời phát biểu trữ tình có thể xuất hiện ở đầu truyện, có thể đan xen trong quá trình tự sự, cũng có khi là lời kết thúc tác phẩm. Nhờ có lời phát biểu trữ tình mà tư tưởng, thái độ, sự đánh giá nhân vật và quan niệm nhân sinh của nhà văn được bộc lộ đầy đủ, tập trung hơn.

KẾT BÀI

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một số đặc điểm và yêu cầu của phần kết bài.*
- *Có kĩ năng viết kết bài nhanh và đáp ứng đúng các yêu cầu của phần kết bài.*

1. Đặc điểm và yêu cầu của phần kết bài

Từ các lớp dưới, học sinh đã được thực hành nhiều về cách viết kết bài. Kết bài là phần cuối của bài văn, nhằm tổng kết, "gói lại" vấn đề đã đặt ra ở mở bài và

phát triển ở thân bài. Không chỉ thế, một kết bài hay còn tiếp tục khơi gợi suy nghĩ, tình cảm ở người đọc.

Như thế, một mặt kết bài phải thu tóm lại nội dung cơ bản của thân bài, mặt khác phải tạo được "đư ba" trong lòng người đọc. Thu tóm nội dung không phải là lặp lại đúng lời văn trong phần thân bài mà phải dùng một hình thức khác, thường là khái quát và ngắn gọn. Còn "đư ba" là lời đã hết mà ý dường như vẫn không cùng, không hết, vẫn khiến người đọc trầm trở, day dứt,...

2. Một số cách kết bài

Thông thường có một số cách kết bài như sau.

a) Tóm tắt và nhận xét về nội dung đã trình bày trong các phần trước. Ví dụ :
Viết về quan điểm văn nghệ của Hồ Chí Minh, sau khi đã phân tích ở thân bài, có thể kết bài như sau :

"Tóm lại, đối tượng vận động chính trị và mục đích chính trị khác nhau (*Viết cho ai ? Viết để làm gì ?*) quyết định nội dung và hình thức viết khác nhau (*Viết cái gì ? Viết như thế nào ?*) của văn thơ Hồ Chí Minh. Quan điểm sáng tác rất nhất quán này đã tạo nên cho Người một sự nghiệp văn thơ hết sức phong phú, đa dạng từ nội dung đến hình thức, từ tư tưởng đến thể loại, phong cách,..."

b) Khái quát nội dung và kêu gọi hành động. Ví dụ : Kết thúc bài văn bàn về lòng yêu nước của nhân dân ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết :

"Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến".

(*Tuyển tập văn chính luận Hồ Chí Minh*)

c) Khái quát nội dung và đặt ra câu hỏi nhằm khơi gợi suy nghĩ, tình cảm ở người đọc. Ví dụ : Sau khi phân tích biểu dương những thói quen tốt và phê phán những thói quen xấu, tác giả kết thúc bài viết :

"Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Có nên xem lại mình ngay từ mỗi người, mỗi gia đình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội ?".

(*Bảng Sơn – Giao tiếp đời thường*)

d) Khái quát nội dung và mở rộng, nâng cao vấn đề đã được bàn bạc trong các phần trên. Ví dụ : Trong bài *Lại đọc "Chữ người tử tù" của Nguyễn Tuân*, sau khi phân tích vẻ đẹp của nhân vật quản ngục thể hiện ở thái độ ngưỡng mộ đến mức sùng kính đối với Huân Cao, tác giả Nguyễn Đăng Mạnh kết thúc :

"Cái cử chỉ đẹp nhất, cảm động nhất của nhân vật này (tức viên quản ngục) lại chính là cái cử chỉ khúm núm trước người tử tù cái đêm Huân Cao cho chữ trong nhà ngục [...] Có những cái cúi đầu làm cho con người ta trở nên hèn hạ, có những cái vái lạy làm cho con người đề tiện. Nhưng cũng có những cái cúi đầu làm cho con người bỗng trở nên cao cả hơn, lớn lao hơn,凛冽 hơn, sang trọng hơn. Đây là cái cúi đầu trước cái tài, cái đẹp, cái thiên lương. Chính Cao Chu Thần, nguyên mẫu của nhân vật Huân Cao trong *Chữ người tử tù*, có một câu thơ thật đẹp, thật sang :

Nhất sinh đề thủ bách mai hoa^(*)

(Một đời chỉ biết cúi đầu vái lạy hoa mai)

Cái cúi đầu của thầy quản ngục vái lạy Huân Cao chính là cái cúi đầu của Cao Bá Quát trước hoa mai vậy".

LUYỆN TẬP

1. Đọc các kết bài sau và xác định xem tác giả đã viết kết bài theo dạng nào.

– Kết bài 1 : "Nhiệt tình ủng hộ, cổ vũ những nhân tố mới, dũng cảm đấu tranh chống những hiện tượng lạc hậu, trì trệ và mọi biểu hiện tiêu cực khác" là trách nhiệm xã hội cao cả của những người viết báo trong quá trình "nhìn thẳng vào sự thật", đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật để chiến đấu cho sự đổi mới, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng".

(Hữu Thọ – Bình luận báo chí thời kì đổi mới)

– Kết bài 2 : "Tất cả những điều ấy chẳng phải đã khiến cho Nguyễn Khuyến hiện ra giữa chốn vườn Bưởi như một cây cô trúc thanh cao hay sao? Thân cô trúc chỉ cần một gợn gió nhẹ thôi cũng xao mình, trần trở ! Giữa nơi yên mà nào nó có yên ? Và làm sao biết trong cõi riêng của ba bài thu kia, thân cô trúc ấy còn phất phơ, còn hắt hiu, còn bất an đến thế kỉ nào ?".

(Chu Văn Sơn – Gió thu lay động cảnh cô trúc)

2. Viết kết bài cho một trong các đề văn ở Bài viết số 5 và Bài viết số 6.

(*) Có ý kiến cho rằng câu thơ này Cao Bá Quát mượn của một nhà thơ Trung Quốc (Người biên soạn).

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 6

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được đặc điểm và các yêu cầu cơ bản của đề văn ở Bài viết số 6.*
- *Biết cách phân tích đề văn nghị luận về một sự việc, một hiện tượng đời sống ; nhận ra được ưu điểm và nhược điểm của bài viết.*

Với Bài viết số 6, học sinh cần chú ý một số điểm sau.

1. Phân tích đề

Bài viết này tập trung bàn luận về một sự việc, một hiện tượng của đời sống xã hội. Trước khi phân tích đề văn đã làm, cần đọc lại tất cả các đề nêu trong *Bài viết số 6*, nhận xét về các dạng đề nêu trong bài có gì đặc sắc. Các đề này khác các đề của những bài viết trước như thế nào ? Phân tích và chỉ rõ những vấn đề đặt ra trong các đề ấy là những vấn đề gì, có thiết thực và gần gũi với cuộc sống, có gọi cho anh (chị) những suy nghĩ, trăn trở nhiều không. Các sự việc và hiện tượng đời sống nêu trong các đề theo một ý đồ nào ?,... Sau đó, liên hệ với đề văn đã viết, phân tích đặc điểm và yêu cầu của đề theo các nội dung vừa nêu.

2. Những kiến thức và kỹ năng cần chú ý

– Về kiến thức, các đề văn của *Bài viết số 6* tập trung kiểm tra những hiểu biết về đời sống xã hội, những suy nghĩ, tình cảm của người viết trước một hiện tượng, một sự việc có thật đang diễn ra hằng ngày. Để làm tốt những đề này, cần huy động những hiểu biết về tà áo dài Việt Nam, về nghĩa trang Trường Sơn, những hi sinh mất mát trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và về ý nghĩa của phong trào hiến máu nhân đạo,...

– Về kỹ năng, bên cạnh các bước tìm hiểu đề, tìm ý và lập dàn ý, cần đặc biệt chú ý cách diễn đạt. Cần nêu được quan điểm riêng của cá nhân một cách có lí lẽ, giàu sức thuyết phục và phát biểu những suy nghĩ, tình cảm một cách trung thực, chân thành và giàu sắc thái biểu cảm; tránh lối viết tán dương, hô hào chung chung, làm văn theo "diệu sáo",...

3. Xem xét và đối chiếu kết quả

– Xem xét và đối chiếu *Bài viết số 6* của anh (chị) với yêu cầu của đề văn về kiến thức và kỹ năng đã nêu để tự đánh giá được chất lượng của bài viết.

– Đối chiếu với các bài viết trước để thấy được những tiến bộ của anh (chị) trong việc viết bài văn nghị luận ; chỉ ra hướng sửa chữa, khắc phục những hạn chế còn mắc phải.

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ

(Trích)

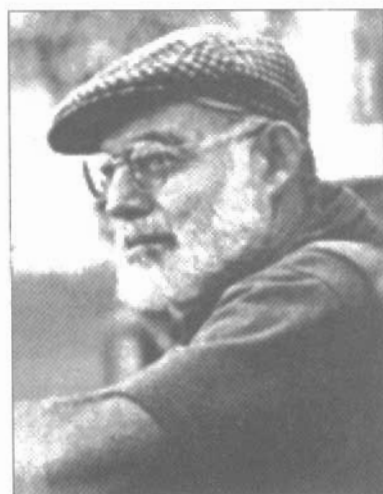
HÊ-MINH-UÊ

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu niềm tin, ý chí và nghị lực của con người được gửi gắm qua tác phẩm.*
- *Phân biệt được các kiểu ngôn từ đối thoại, độc thoại nội tâm và hiểu cách viết theo nguyên lý "tảng băng trôi" của Hê-minh-uê.*

TIỂU DẪN

Nhà văn Mĩ nổi tiếng Ernest Hê-minh-uê (Ernest Hemingway, 1899 - 1961), sinh tại Oak Pác, bang Hi-nôi, trong một gia đình trí thức. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông đi làm phóng viên. Mười chín tuổi, ông tham gia đội lái xe cứu thương của Hội Chữ thập đỏ ở Ita-li-a trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Một năm sau, Hê-minh-uê quay lại Mĩ với tám huân chương và đôi nặng gỗ do bị thương trên đất I-ta-li-a. Chiến tranh để quốc đã làm Hê-minh-uê tan vỡ ảo tưởng về quan



hệ tốt đẹp trong xã hội đương thời. Ông thuộc "thế hệ mất mát", những người trở về từ chiến trận hoặc chịu sự tác động của chiến tranh. Không hoà nhập được với cuộc sống, họ chủ yếu tìm sự bình yên trong men rượu và tình yêu. Kiểu con người này được Hê-minh-uê tái hiện thành công trong nhiều tác phẩm.

Sau đó, Hê-minh-uê sang Pháp, vừa làm báo vừa bắt đầu sự nghiệp sáng tác văn học. Năm 1923, cuốn sách đầu tiên của ông (*Ba truyện ngắn và mười bài thơ*) được xuất bản. Khi tiểu thuyết *Mặt trời vẫn mọc* (1926) xuất bản, Hê-minh-uê mới thực sự nổi tiếng trên văn đàn. Tiếp theo đó, ông viết *Giã từ vũ khí* (1929), *Chuông nguyện hồn ai* (1940) và nhiều truyện ngắn

xuất sắc như *Một nơi sạch sẽ và sáng sủa* (1933), *Cuộc đời hạnh phúc ngắn ngủi của Phran-xít Mác-côm-bơ* (1936),... Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, ông tham gia lực lượng quân Đồng minh và là một trong những người đầu tiên tiến vào giải phóng Pa-ri.

Năm 1952, tiểu thuyết *Ông già và biển cả* ra đời. Tên tuổi của Hê-minh-uê được xếp vào hàng những nhà văn số một của thế giới. Ông nhận Giải Pu-lít-dơ⁽¹⁾ vào năm 1953, và năm 1954 được trao Giải Nô-ben về văn học do những đóng góp lớn trong việc đổi mới văn xuôi hiện đại, đặc biệt là nghệ thuật đối thoại cũng như việc thể hiện niềm tin bất diệt vào ý chí, nghị lực, lương tri con người,...

Tác phẩm *Ông già và biển cả* miêu tả ông lão Xan-ti-a-gô, người theo đuổi khát vọng chinh phục được con cá lớn xứng đáng với tài nghệ mình, nhằm khẳng định ý nghĩa của tồn tại. Xan-ti-a-gô kiên trì liên tục ra khơi suốt tám mươi tư ngày mà không bắt được con cá nào. Không tuyệt vọng, vững tin vào tay nghề và nghị lực, ngày thứ tám mươi lăm ông lão đi thật xa và câu được con cá khổng lồ. Nhưng bị đứt thay, con cá lại kéo ông lão ra khơi xa. Dững cảm chịu đựng và đương đầu với con cá suốt ba ngày hai đêm, cuối cùng Xan-ti-a-gô cũng giết được nó. Ý chí, nghị lực cùng với tay nghề điêu luyện đã góp phần làm nên chiến thắng ấy. Trên đường trở về, đàn cá mập xông đến tấn công con cá kiếm. Xan-ti-a-gô kiên cường chống trả, nhưng khi về đến đất liền, ông lão chỉ còn lại bộ xương con cá khổng lồ.

Câu chuyện âm vang nhiều ý nghĩa. Tuy chỉ ra được nguyên nhân thất bại (vì "đi quá xa") và khẳng định: "Con người được sinh ra không phải để dành cho thất bại. Con người có thể bị huỷ diệt nhưng không thể bị đánh bại", song cảm giác hư vô về cuộc đời vẫn hiện diện qua bộ xương cá đã trở thành rác rưởi vào ngày hôm sau. Thế nhưng điều cốt lõi là, ngay khi hồi sức, Xan-ti-a-gô nghĩ ngay đến việc rèn lại mũi lao để ra khơi. Ý nghĩa tồn tại của ông lão là những cuộc chinh phục đại dương kế tiếp, dẫu cho có trở về với bộ xương cá và thân thể rã rời sau mỗi chuyến đi.

*

* *

[...] Mặt trời đang mọc lên lần thứ ba kể từ lúc lão ra khơi thì con cá bắt đầu lượn vòng.

(1) *Giải Pu-lít-dơ* (Pulitzer) : giải thưởng cao quý của nước Mĩ trao tặng hằng năm cho những cá nhân và tập thể có thành tích trong các lĩnh vực báo chí, văn học, âm nhạc và sân khấu.

Lão chưa thể nhìn độ nghiêng của sợi dây để biết con cá đang bơi tròn. Hãy còn quá sớm cho điều đó. Lão chỉ cảm nhận áp lực của sợi dây hơi chùng lại và dùng tay phải, lão bắt đầu nhẹ nhàng kéo vào. Sợi dây chùng lại, như mọi khi, nhưng ngay lúc lão kéo đến điểm sắp đứt thì sợi dây bắt đầu thu vào. Lão lách vai và đầu ra khỏi sợi dây và bắt đầu liên tục kéo nhẹ nhàng. Lão dùng cả hai tay, lặc người, dốc hết lực của cả cơ thể, của chân trụ ra mà kéo. Đôi chân già nua và vai lão bắt nhịp với động tác kéo.

"Vòng tròn rất lớn", lão nói. "Nhưng con cá đã quay tròn".

Rồi sợi dây không nhích thêm tí nào nữa và lão giữ cho tới lúc lão thấy trong ánh nắng, những tia nước từ sợi dây bắn ra. Thế rồi sợi dây thoát đi mất, ông lão quỳ gối và đành phải để nó lao hút trở lại vào trong vùng nước tối.

"Bây giờ nó đang lượn đến chỗ xa nhất của vòng tròn rồi đấy", lão nói. Mình phải dốc sức ra mà níu, lão nghĩ. Căng thẳng sẽ khiến nó dần thu hẹp các vòng lượn. Có lẽ độ tiếng nữa mình sẽ nhìn thấy nó. Bây giờ mình phải khuất phục nó rồi sau đó mình phải giết nó.

Nhưng con cá vẫn chậm rãi lượn vòng và hai giờ sau, mồ hôi ướt đầm người ông lão và lão mệt thấu xương. Bây giờ các vòng tròn đã hẹp hơn nhiều và từ độ chênh của sợi dây lão có thể biết con cá đang liên tục ngoi lên trong lúc bơi.

Ông lão thấy hoa mắt suốt cả tiếng đồng hồ, mồ hôi xát muối vào mắt lão và xát muối lên vết cắt phía trên mắt và trán. Lão không ngại chuyện hoa mắt. Chúng ấy bình thường khi cứ căng người ra mà kéo sợi dây. Nhưng đã hai lần lão cảm thấy chóng mặt và choáng váng và điều ấy khiến lão sợ.

"Ta không thể tự chơi xỏ mình và chết trước một con cá như thế này được", lão nói. "Bây giờ lúc ta đã khiến nó đến một cách ngon lành, Chúa giúp ta chịu đựng. Ta sẽ đọc một trăm lần kinh Lạy Cha và một trăm lần kinh Mừng Đức Mẹ. Nhưng lúc này thì ta chưa thể đọc".

Cứ xem như mình đã đọc, lão nghĩ. Mình sẽ đọc sau vậy.

Đúng lúc đó lão cảm thấy một cú quật đột ngột và cú nảy mạnh ở sợi dây lão đang níu bằng cả hai tay. Thật là sắc và cảm thấy cứng và nặng.

Lưỡi kiếm của con cá đang quật vào đoạn dây thép dầy⁽¹⁾, lão nghĩ. Chuyện ấy tất xảy ra. Nó phải làm như thế. Mặc dù điều đó sẽ làm con cá nhảy lên, và bây giờ mình muốn nó hãy lượn vòng thì hơn. Những cú nhảy cũng cần để nó hít không khí. Nhưng sau mỗi lần nhảy, chỗ lưỡi câu mắc vào sẽ bị rộng hơn rồi nó có thể hất văng lưỡi câu.

(1) Tức là đoạn dây thép ở sát lưỡi câu.

"Đừng nhảy, cá", lão nói. "Đừng nhảy".

Con cá quật sợi dây thêm vài lần nữa và cứ mỗi lần nó văng đầu, ông lão lại nối thêm chút dây.

Mình phải giữ cho nó đừng đau quá, lão nghĩ. Nỗi đau của ta thì không thành vấn đề. Ta có thể chế ngự. Nhưng nỗi đau của con cá thì có thể khiến nó cuồng lên.

Lát sau, con cá không quật dây mấy nữa và bắt đầu lại lượn vòng chậm chậm. Bây giờ ông lão liên tục thu dây. Nhưng lão lại cảm thấy choáng váng. Lão đưa tay trái vốc ít nước biển vỗ lên đầu. Rồi lão tiếp tục vỗ thêm, xoa cả xuống gáy.

"Ta không để bị chuột rút", lão nói. "Chốc nữa nó sẽ ngoi lên và ta có thể cầm cự. Mày phải cầm cự. Chớ có nới lỏng nhằng".

Lão tì gối vào mạn mũi thuyền một lúc rồi lại quấn sợi dây lên lưng. Bây giờ mình sẽ nghỉ một lát trong lúc nó mãi lượn vòng dưới kia rồi khi nó ngoi lên mình sẽ đứng dậy chiến đấu, lão quyết định.

Được nghỉ ngơi ở đằng mũi thuyền, để mặc con cá bơi cá một vòng mà không phải kéo dây thì quả thật là cảm dỗ quá mức. Nhưng khi độ căng của sợi dây cho thấy con cá quay về phía thuyền, ông lão nhổm người đứng dậy, xoay, lắc, kéo tất chỗ dây thu được vào.

Chưa bao giờ mình mệt như thế này, lão nghĩ, bây giờ gió mậu dịch⁽¹⁾ đang nổi lên. Nhưng đây sẽ là hướng gió thuận để đưa con cá vào bờ. Mình rất cần thứ gió này.

"Lướt tới nó lượn ra, ta sẽ nghỉ", lão nói. "Ta cảm thấy đỡ hơn nhiều. Chỉ hai ba vòng nữa thôi thì ta sẽ có nó".

Chiếc mũ rơm của lão trật ra sau gáy và lão ngồi thụp xuống mũi thuyền với sức kéo sợi dây, khi lão cảm thấy con cá lượn lại.

Bây giờ mày cứ lượn đi, cá, lão nghĩ. Tao sẽ tóm mày ở đường lượn.

Biển dậy sóng. Nhưng gió ấy chỉ xuất hiện vào những lúc thời tiết tốt và lão phải cần nó để trở về đất liền.

"Ta chỉ việc lái theo hướng tây nam", lão nói. "Người ta không bao giờ lạc trên biển và đây lại là một hòn đảo dài".

(1) *Gió mậu dịch* (nguyên văn : *trade wind*) : gió mạnh thổi tới vùng xích đạo từ hướng đông nam hay đông bắc.

Đến vòng thứ ba, lão lần đầu tiên thấy con cá.

Thoạt tiên lão thấy một cái bóng đen vượt dài qua dưới con thuyền, đến mức lão không thể tin nổi độ dài của nó.

"Không", lão nói. "Nó không thể lớn như thế được".

Nhưng đúng là con cá lớn như thế và đến cuối đường vòng ấy, chỉ cách chừng hai lăm mét, nó trồi lên và lão nom thấy cái đuôi nhô khỏi mặt nước. Cái đuôi lớn hơn cả chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng dựng trên mặt đại dương xanh thẫm. Nó lại lặn xuống và khi con cá hấy còn mấp mé mặt nước, ông lão có thể nhìn thấy thân hình đồ sộ và những sọc màu tía trên mình nó. Cánh vè trên lưng xếp lại, còn bộ vây to sụ bên sườn xoè rộng.

Lần lượn này, ông lão có thể nhìn thấy mắt con cá và cả hai con cá chết xám bơi bên cạnh. Thỉnh thoảng hai con cá này rúc vào mình nó. Rồi có lúc chúng dạt ra. Chốc chốc chúng lại nhẹ nhàng bơi trong bóng của con cá lớn. Mỗi con dài cả thước và khi bơi nhanh, chúng vẩy vẹo toàn thân như thể loài lươn.

Bây giờ ông lão đang toát mồ hôi đầm đìa nhưng không phải vì mặt trời mà là vì một nguyên nhân khác. Cứ mỗi vòng bơi bình lặng của con cá thì lão lại thu dây vào và lão chắc chỉ chừng hai vòng nữa thôi thì lão sẽ có cơ hội phóng lao vào nó.

Nhưng mình phải để nó đến gần, gần, thật gần, lão nghĩ. Mình không cần nhằm vào đầu. Mình phải nhằm vào tim.

"Hãy bình tĩnh và giữ sức, lão già ạ", lão nói.

Vòng lượn tiếp theo, lưng con cá đã nhô lên nhưng hấy còn khá xa thuyền. Vòng tiếp theo đó, nó vẫn ở xa nhưng đã nhô mình lên cao hơn và ông lão tin chắc rằng nếu thu thêm dây thì con cá sẽ cập sát thuyền.

Lão đã chuẩn bị mũi lao trước đây khá lâu ; cuộn dây nhỏ của nó để trong cái xô tròn và một đầu dây đã được buộc vào cái mấu ở mũi thuyền.

Bây giờ con cá lại tiếp tục lượn vào theo vòng tròn của nó, trông điềm tĩnh và tuyệt đẹp, chỉ có cái đuôi đồ sộ cử động. Ông lão dốc hết sức ra kéo con cá vào gần hơn. Con cá khẽ nghiêng mình trong chốc lát. Rồi trở mình thẳng dậy và bắt đầu lượn thêm vòng nữa.

"Ta đã di chuyển được nó", ông lão nói. "Ta đã di chuyển được nó rồi".

Lúc này lão lại thấy xây xẩm mặt mày nhưng vẫn gượng hết sức bình sinh ra mà kéo con cá khổng lồ. Mình di chuyển được nó, lão nghĩ. Có lẽ lần này mình sẽ

tóm được nó. Kéo đi, tay ơi, lão thâm giục. Hãy đứng vững, đôi chân kia. Tỉnh táo vì tao, đầu à. Hãy tỉnh táo vì tao. Bọn mày chưa bao giờ bại trận. Lần này ta sẽ lật được nó.

Nhưng khi lão tập trung hết sức lực, chuẩn bị dốc kiệt ra trước khi con cá bơi song song với mạn thuyền và gắng sức bình sinh mà kéo thì con cá chao mình tránh ra rồi lật thẳng người lên bơi đi.

"Cá ơi", ông lão nói. "Cá này, đầu sao thì mày cũng sẽ chết. Mày muốn tao cùng chết nữa à?".

Cứ cái đà này thì không ổn rồi, lão nghĩ. Miệng lão khô khốc không thể nói nổi, nhưng lúc này lão không thể với lấy cái chài. Lần này mình phải kéo nó cập mạn, lão nghĩ. Cứ thêm vài vòng nữa thì mình sẽ đuối sức. Không, mày khoẻ, lão tự nhủ. Mày luôn khoẻ.

Vòng lượn tiếp theo, lão gần như kìm được con cá. Nhưng lần nữa nó lại lật thẳng mình, từ từ bơi ra xa.

Mày đang giết tao, cá à, ông lão nghĩ. Nhưng mày có quyền làm như thế. Tao chưa bao giờ thấy bất kì ai hùng dũng, duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn mày, người anh em ạ. Hãy đến và giết ta đi. Ta không quan tâm chuyện ai giết ai.

Giờ thì đầu óc mày đang lú lẫn lên hết cả rồi, lão nghĩ. Mày phải giữ đầu óc tỉnh táo. Hãy giữ đầu óc tỉnh táo và biết cách chịu đựng như một con người. Hay như một con cá, lão nghĩ.

"Đầu ơi, hãy tỉnh táo", lão nói bằng giọng mà bản thân hầu như không còn nghe nổi. "Hãy tỉnh táo".

Con cá lượn thêm hai vòng nữa mà vẫn vậy.

Mình không biết, ông lão nghĩ. Đã đến lúc lão có cảm giác như lão có thể đổ sụp xuống bất cứ lúc nào. Mình không biết. Nhưng mình sẽ cố thêm lần nữa.

Lão cố thêm lần nữa và khi kìm con cá, lão cảm thấy mình sắp ngã đi. Con cá rướn thẳng mình, lại chậm chậm bơi xa, cái đuôi đồ sộ lắc lư trong không trung.

Mình sẽ lại cố thêm, ông lão hứa mặc dù hai tay lão đã rã rời và mắt lão chỉ có thể nhìn rõ được từng lúc mà thôi.

Lão lại cố và mọi chuyện vẫn như cũ. Thế đấy, lão nghĩ và lão cảm thấy xây xẩm cả mặt mày trước lúc bắt đầu; mình sẽ lại cố thêm một lần nữa.

Đón hết mọi đòn đau và những gì còn lại của sức lực và lòng kiêu hãnh đã rời bỏ từ lâu, lão mang ra đương đầu với cơn hấp hối của con cá và con cá tiến gần

mạn thuyền, từ từ bơi nghiêng, mõm nó gần như chạm vào ván thuyền và sắp sửa vượt qua, dài, sâu, rộng, ánh bạc, vằn tía và bất tận trong dòng nước.

Ông lão buông sợi dây xuống, giảm chân giữ rồi nhấc cao ngọn lao hết mức, vận hết sức bình sinh, cộng thêm sức lực lão vừa huy động trong người, phóng xuống sườn con cá ngay sau cái vẩy ngực đồ sộ, vươn cao trong không trung ngang ngực ông lão. Cảm thấy mũi sắt cắm phập vào, lão tì người lên ấn sâu xuống rồi dồn hết trọng lực lên cán lao.

Khi ấy con cá, mang cái chết trong mình, sức tỉnh, phóng vút lên khỏi mặt nước phò hết tấm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực. Nó dường như treo lơ lửng trong không trung phía trên ông lão và chiếc thuyền. Thoáng chốc nó rơi sầm xuống làm nước bắn tung trùm lên cả ông lão lẫn con thuyền.

Ông lão cảm thấy choáng váng, đau đớn và lão không thể nhìn rõ. Nhưng lão vẫn gỡ sợi dây của ngọn lao rồi để nó từ từ chạy qua đôi tay sây sát, và khi có thể nhìn rõ, lão thấy con cá nằm ngửa phơi cái bụng ánh bạc của nó lên trời. Cán lao nhô ra từ cái hốc sau vẩy cá, còn biển thì đang đổi màu bởi máu đỏ loang ra từ tim cá. Thoạt tiên, làn máu đen sẫm trông như bãi cát ngậm trong làn nước biếc sâu hơn ngàn thước. Rồi nó lan rộng tựa đám mây. Con cá trắng bạc, thẳng đơ và bỗng bênh theo sóng.

Ông lão chú mục quan sát khi thắp thoáng nhìn được. Rồi lão quấn sợi dây mũi lao hai vòng quanh cái mấu ở đầu thuyền và gục đầu vào lòng bàn tay.

"Hãy giữ đầu óc mình tỉnh táo", lão nói vào mạn thuyền. "Ta là lão già mệt mỏi. Nhưng ta đã giết con cá này, người anh em ta, và bây giờ ta phải làm cái thứ khổ dịch này".

Lúc này mình phải chuẩn bị dây và thông lọng để buộc con cá vào mạn thuyền, lão nghĩ. Dầu cho mình có hai người để nghiêng thuyền kéo nó lên rồi tát nước ra thì chiếc thuyền này cũng không thể chứa nổi nó. Mình phải chuẩn bị mọi thứ, kéo nó vào buộc chặt rồi dựng cột, gióng buồm trở về.

Lão bắt tay kéo con cá cập sát thuyền để có thể luồn sợi dây qua mang, ra mõm rồi buộc đầu nó vào mũi thuyền. Mình muốn ngắm nó, lão nghĩ, muốn chạm và sờ vào mình nó. Con cá là vận may của ta, lão nghĩ. Nhưng đấy không phải là lí do để ta muốn sờ nó. Ta chắc ta đã cảm thấy trái tim của nó, lão nghĩ. Khi ta ấn cái cán lao lần thứ hai. Bây giờ phải kéo nó vào, buộc chặt và tròng một chiếc thông lọng vào giữa thân và một chiếc nĩa vào đuôi để buộc nó vào thuyền.

"Làm ngay đi, lão già ơi", lão nói. Lão hớp một ngụm nước rất nhỏ. "Bây giờ khi trận đấu đã kết thúc, lại phải làm lắm thứ khổ dịch hơn".

Lão ngược nhìn bầu trời rồi cúi nhìn con cá. Lão chăm chú quan sát mặt trời. Chỉ vừa xế trưa thôi, lão nghĩ. Và gió mậu dịch đang thổi. Cả đám dây câu ấy bây giờ không quan trọng. Thằng bé sẽ cùng mình nổi lại khi về đến nhà.

"Đến đây, cá", lão nói. Nhưng con cá không nhúc nhích. Thay vào đó, lúc này nó nằm ườn mình trên biển và ông lão phải lôi con thuyền lại chỗ nó.

Khi đến bên con cá và kéo đầu nó tì sát mũi thuyền, lão không thể nào tin được kích thước của nó. Tuy vậy lão tháo sợi dây ở cán lao ra khỏi cái mấu, luồn nó qua mang cá ra miệng, quấn một vòng quanh cái kiếm rồi lại đút sợi dây qua miệng ra mang kia, quấn một vòng nữa quanh miệng cá, gút chập sợi dây đôi lại rồi cột vào cái mấu đằng mũi thuyền. Rồi lão cắt sợi dây mang ra sau lái buộc thông lọng vào đuôi cá. Da cá chuyển từ màu gốc, màu tía ánh bạc, sang màu trắng bạc và những cái sọc phò cùng màu tím nhạt như đuôi nó. Những đường sọc ấy lớn hơn cả bàn tay người xoe rộng, còn mắt nó trông dửng dưng như những tấm kính trong kính viễn vọng hay như một vị thánh trong đám rước.

"Đây là cách duy nhất để giết nó", ông lão nói. Kể từ lúc uống nước, lão cảm thấy khỏe hơn và lão biết lão sẽ không bị ngất và đầu óc lão tỉnh táo. Kiểu này thì con cá chắc phải nặng hơn nửa tấn, lão nghĩ. Có lẽ còn hơn cả thế. Nếu chỉ tính hai phần ba số lượng thịt từ trọng lượng ấy với giá ba mươi *xen* một *pao*⁽¹⁾ thì sẽ được bao nhiêu ?

"Ta cần một cây bút chì để tính", lão nói. "Đầu ta không thạo tính toán. Nhưng ta nghĩ Đì Ma-giô⁽²⁾ vĩ đại sẽ tự hào về ta hôm nay. Ta không mắc chứng nể cự gà. Nhưng đôi tay và lưng thì thực sự nhúc nhối". Mình chẳng hay chứng nể cự gà là gì, lão nghĩ. Không chừng mình đã mắc chứng ấy mà không biết.

Lão buộc chặt con cá vào mũi, đuôi thuyền và cả vào cái giồng ngang giữa thuyền. Con cá lớn đến nỗi trông như thể ông lão buộc một con thuyền khác lớn hơn nhiều vào thuyền mình. Lão cắt một mẩu dây và buộc chặt cái hàm dưới của con cá vào miệng để miệng nó không há ra, để con thuyền lướt đi càng êm càng tốt. Rồi lão dựng cột, căng buồm với thanh đỡ là cái sào móc ở bên trên và cây sào

(1) *Xen* (*cent*) = 0,01 đô la ; *pao* (*pound*) = 0,454 ki lô gam.

(2) *Đì Ma-giô* (*Di Maggio*) : cầu thủ bóng chày nổi tiếng thời đó, người được Xan-ti-a-gô ngưỡng mộ vì tài năng và ý chí, nghị lực.

dài giữ ở bên dưới ; cánh bướm vá căng phồng, con thuyền bắt đầu lướt đi ; tựa ngả người lên đuôi thuyền, lão lái về hướng tây nam.

Lão không cần la bàn để biết hướng tây nam. Lão chỉ cần nương theo hướng gió mặt dịch và chiều xoay trở của cánh bướm. Tốt hơn là mình nên kiếm một cái *mồi thìa*⁽¹⁾ buộc vào sợi dây nhỏ để kiếm cái gì đó bỏ bụng và làm dịu cơn khát. Nhưng lão chẳng tìm thấy, còn mấy con cá mồi thì đã ươn. Vậy nên lão dùng cái móc khua một đám rong vàng vùng Nhiệt lưu lên thuyền khi đám rong đó trôi qua và rũ bắt những con tôm nhỏ rơi xuống lòng thuyền. Chừng hơn mười con và chúng nhảy bung chân như loài bọ chết trên cát. Ông lão dùng ngón cái và ngón trỏ rút đầu rồi nhai gọn cả vỏ lẫn đuôi. Mấy con tôm rất bé nhưng lão biết chúng giàu chất dinh dưỡng, và lại mùi vị của chúng thật dễ chịu.

Ông lão vẫn còn trong chai độ hai ngụm nước và sau khi ăn xong chỗ tôm ấy, lão uống hết một phần tư. Con thuyền vẫn lướt êm bất chấp vật cản kia ; ông lão cặp tay lái vào vách, lái thuyền đi. Lão có thể nhìn thấy con cá, và chỉ khi nhìn đôi tay và cảm nhận cái mạn thuyền dưới lưng, lão biết việc này đã thực sự xảy ra chứ đâu phải trong mơ. Đã có lúc khi cuộc đấu sắp kết thúc, người lão rệu rã đến nỗi lão nghĩ chuyện con cá hẳn là trong mơ. Rồi khi lão thấy con cá tung mình lên khỏi mặt nước, lơ lửng bất động trong không trung trước lúc rơi xuống thì lão chắc chắn là có điều gì đó thực sự quái đản và lão không thể nào tin nổi. Khi ấy lão không thể nhìn rõ, nhưng bây giờ mắt lão lại tỏ như thường.

Lúc này lão biết con cá có thật và tay và lưng lão đâu phải là mơ. Tay sẽ chóng khỏi thôi, lão nghĩ. Mình đã làm chúng chảy máu và nước mặn sẽ chữa lành chúng. Làn nước sẫm đen của chính dòng Nhiệt lưu vốn là phương thuốc chữa lành vết thương hiệu nghiệm nhất. Những gì mình phải làm là giữ cho đầu óc tỉnh táo. Đôi tay vẫn làm công việc của nó và chúng ta lái giỏi. Với cái miệng mím chặt, cái đuôi nhịp nhàng, chúng ta lái thuyền đi như thể hai anh em. Rồi đầu óc lão bắt đầu hơi lẫn lộn và lão nghĩ con cá đưa ta hay ta đang đưa nó vào bờ ? Nếu ta đang kéo nó phía sau thì chẳng có vấn đề gì và nếu con cá ở trên thuyền nằm chờ ra, thì cũng chẳng có vấn đề gì. Nhưng ông lão và con cá lại đang cặp kè lướt đi nên lão nghĩ, cứ để cu cậu đưa ta vào bờ nếu việc đó làm hài lòng cu cậu. Ta chỉ thạo hơn cu cậu ở mỗi cái trò mảnh lới ; còn cu cậu thì đâu có làm hại ta chút mảy may.

(1) *Mồi thìa* (nguyên văn : *spoon*) : một loại mồi cho cá ăn thịt sống.

Họ lái thuyền êm, ông lão nhúng hai bàn tay xuống nước mặn và cố giữ đầu óc tỉnh táo. Có những đám mây tích⁽¹⁾ trên cao và nhiều dải mây tơ⁽²⁾ bên trên, vì vậy ông lão biết gió nhẹ sẽ còn thổi suốt đêm. Ông lão thường xuyên nhìn con cá để chắc chắn là nó có thực. Một tiếng đồng hồ sau, con cá mập đầu tiên tấn công.

Theo bản dịch của LÊ HUY BẮC
(*Ông già và biển cả*, NXB Văn học, Hà Nội, 2004)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Văn bản có thể chia thành hai phần với các nội dung chính như sau : diễn biến cuộc chinh phục con cá kiếm ; hành trình trở về của ông lão Xan-ti-a-gô. Anh (chị) hãy chỉ ra các phần ấy và trình bày cách chia của mình (nếu có).
2. Nêu nhận xét của anh (chị) về nghệ thuật miêu tả con cá kiếm và thái độ của ông lão đối với con cá.
3. Niềm tin, ý chí và nghị lực của ông lão Xan-ti-a-gô được thể hiện như thế nào trong đoạn trích ? Ý nghĩ nào của ông lão tiêu biểu cho ý chí và niềm tin ấy ?
4. Trong văn bản có nhiều lần xuất hiện cụm từ *lão* (*ông lão*) nói và *lão* (*ông lão*) nghĩ. Những cụm từ này nhằm báo hiệu hình thức ngôn ngữ gì ? Ý nghĩa của hình thức ngôn ngữ ấy là gì ?
5. Xem phần *Tri thức đọc - hiểu* và trình bày cách Hê-minh-uê thực hiện nguyên lí "tảng băng trôi" trong văn bản.

BÀI TẬP NĂNG CAO

Dựa vào diễn biến cuộc chinh phục con cá kiếm của ông lão Xan-ti-a-gô, anh (chị) hãy bình luận câu nói của nhân vật này : "Con người được sinh ra không phải để dành cho thất bại. Con người có thể bị huỷ diệt nhưng không thể bị đánh bại".

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Nguyên lí "tảng băng trôi"

Dựa vào hiện tượng vật lí, khi một tảng băng trôi trên đại dương, chỉ một phần nổi lên bề mặt, bảy phần chìm khuất, Hê-minh-uê nêu lên nguyên lí "tảng băng trôi". Lời phát biểu này khẳng định

-
- (1) *Mây tích* (nguyên văn : *cumulus*) : loại mây có hình thù giống như những khối bông xốp trắng, lơ lửng ở độ cao dưới 10 ki lô mét. Mây tích là dấu hiệu của những ngày nóng.
 - (2) *Mây tơ* (nguyên văn : *cirrus*) : loại mây mỏng, ở độ cao từ 10 đến 12 ki lô mét. Mây tơ là dấu hiệu của thời tiết nắng đẹp.

hiệu quả của cách viết ngắn gọn, hàm súc và ưu điểm của nó, ngụ ý chỉ *mạch ngầm văn bản* hay các lớp nghĩa chưa được phô bày trực tiếp trong tác phẩm.

Nguyên lí "tảng băng trôi", theo Hê-minh-uê, được thực hiện khi nhà văn hiểu biết cặn kẽ mọi vấn đề mình muốn tái hiện, rồi *loại bỏ* hết các chi tiết không cần thiết, chỉ giữ lại những phần cốt lõi và sắp xếp sao đó để khi tiếp xúc với nó, độc giả vẫn có thể hiểu được những gì tác giả bỏ đi, không có trong văn bản. Còn nếu nhà văn bỏ qua các chi tiết mà bản thân anh ta không biết thì sẽ có *lỗ hổng* trong tác phẩm, độc giả không thể tái hiện được mảng thiếu vắng đó, đây không phải là lối viết "tảng băng trôi".

Ngôn từ, chi tiết, cốt truyện và thậm chí cả nhân vật,... trong tác phẩm của Hê-minh-uê rất cô đọng. Nhiều hình tượng Hê-minh-uê sáng tạo là các hình ảnh tượng trưng với nhiều tầng ý nghĩa. Người đọc, khi tiếp xúc với tác phẩm của Hê-minh-uê, phải vận dụng kinh nghiệm, hiểu biết của mình để tái hiện những "khoảng trống" tác giả cố tình bỏ qua, để hiểu những gì tác giả chưa nói hết đó. Ý nghĩa của truyện vì thế sẽ được mở rộng rất nhiều.

BÀI VIẾT SỐ 7

(Nghị luận xã hội)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững cách thức làm bài văn nghị luận về vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.*
- *Biết vận dụng kĩ năng đọc - hiểu văn bản văn học và những tri thức về đời sống xã hội, những kinh nghiệm cá nhân vào việc viết bài văn.*

Tham khảo các đề văn sau đây :

Đề 1. Từ cuộc đời của các nhân vật phụ nữ trong hai tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân) và *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), anh (chị) hãy phát biểu suy nghĩ của mình về số phận người phụ nữ xưa và nay.

Đề 2. Từ tác phẩm *Số phận con người* của nhà văn Xô-lô-khốp, nghĩ về nghị lực và tuổi trẻ.

Đề 3. Từ các tác phẩm *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu), bàn về vai trò của gia đình trong đời sống mỗi con người.

Đề 4. Đọc truyện cười sau, từ đó phát biểu những suy nghĩ của anh (chị) về việc "cho" và "nhận" trong cuộc sống hằng ngày.

CỨU NGƯỜI CHẾT ĐUỐI

Một anh chàng nọ, tính tình keo kiệt. Một hôm đi đò chẳng may anh ta lộn cổ xuống sông. Trong lúc nguy nan, một người ngồi bên cạnh hét lên :

– Đưa tay cho tôi !

Anh chàng dưới sông vẫn ngụp lặn không chịu đưa tay ra. Một người khác, có vẻ quen biết người bị nạn, chạy lại và nói :

– Cầm lấy tay tôi !

Tức thì anh chàng dưới sông vội đưa ngay cả hai tay ra và được kéo lên. Thoát chết. Mọi người rất ngạc nhiên. Người vừa kéo anh ta lên giải thích : "Sở dĩ tôi nói thế là biết tính anh ta luôn muốn "cầm lấy" của người khác chứ không bao giờ chịu "đưa" cái gì cho mọi người.

(Chuyện vui chữ nghĩa,

NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1996)

Đề 5. Đọc truyện *Ba câu hỏi* sau đây và viết bài theo yêu cầu nêu ở dưới.

Ngày nọ, có một người đến gặp nhà triết học Xô-cơ-rát (Hi Lạp) và nói : "Ông có muốn biết những gì tôi mới nghe được về người bạn của ông không ?"

– Chờ một chút – Xô-cơ-rát trả lời – Trước khi kể về người bạn tôi, anh nên suy nghĩ một chút và vì thế tôi muốn hỏi anh ba điều. Thứ nhất : Anh có hoàn toàn chắc chắn rằng những điều anh sắp kể là đúng sự thật không ?

– Ồ không – người kia nói – Thật ra tôi chỉ nghe nói về điều đó thôi và...

– Được rồi – Xô-cơ-rát nói – Bây giờ điều thứ hai : Có phải anh sắp nói những điều tốt đẹp về bạn tôi không ?

– Không, mà ngược lại là...

– Thế à – Xô-cơ-rát tiếp tục, câu hỏi cuối cùng : Tất cả những điều anh sắp nói về bạn tôi sẽ thật sự cần thiết cho tôi chứ ?

– Không, cũng không hoàn toàn như vậy.

– Vậy đấy – Xô-cơ-rát quay sang người khách và nói : "..."

(*Phép màu nhiệm của đời*, NXB Trẻ, 2004)

Theo anh (chị), Xô-cơ-rát sẽ nói tiếp với người khách như thế nào? Hãy bình luận về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được đặc điểm và yêu cầu của đề văn trong bài Kiểm tra văn học.*
- *Biết cách tránh được những sai sót khi viết bài.*

Với bài *Kiểm tra văn học*, cần chú ý một số điểm sau.

1. Phân tích đề

Bên cạnh các bài làm văn nghị luận thường kì, bài *Kiểm tra văn học* nhằm bổ sung thêm việc đánh giá những hiểu biết của học sinh về các vấn đề văn học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai. Bài kiểm tra này chỉ tập trung vào các vấn đề văn học bao gồm những hiểu biết về lịch sử văn học, lí luận văn học, tác giả và tác phẩm văn học,...

Để tiết trả bài có chất lượng, học sinh cần suy nghĩ và phân tích kĩ đề kiểm tra văn học : Đề gồm mấy phần ? Mỗi phần kiểm tra những nội dung nào ? Hình thức kiểm tra có gì đặc biệt so với các bài kiểm tra khác ? (Có các câu hỏi trắc nghiệm không? Các câu trắc nghiệm kiểm tra những lĩnh vực kiến thức nào ? Có mấy câu phải viết thành đoạn, bài văn ? Viết về vấn đề gì ? Những kiến thức văn học và kĩ năng cần chú ý ở đây là gì ?).

2. Những kiến thức và kĩ năng cần chú ý

– Về kiến thức : Với hình thức trắc nghiệm, đề văn có thể kiểm tra được rất nhiều đơn vị kiến thức từ văn học Việt Nam đến văn học nước ngoài, từ tác giả đến tác phẩm, từ nhận định về lịch sử văn học đến việc nắm vững các chi tiết nghệ thuật và ý nghĩa của chúng,... Muốn trả lời đúng, cần chú ý các bài khái quát về giai đoạn văn học, tác giả và các phần Tiểu dẫn, đọc kĩ tác phẩm (kể cả tác phẩm đọc thêm).

– Về kĩ năng, cần rèn luyện cách làm đề trắc nghiệm (đọc kĩ câu hỏi, huy động trí nhớ và dùng suy luận để xác định câu trả lời đúng,...). Để viết phần tự luận tốt, ngoài kĩ năng viết, cần chú ý kĩ năng phân tích và cảm thụ tác phẩm văn học,... vận dụng kết hợp các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh, đối chiếu, phản bác, bình luận,...

3. Xem xét và đối chiếu kết quả

– Xem xét và đối chiếu bài viết của anh (chị) với các yêu cầu của đề kiểm tra văn học (về kiến thức và kĩ năng) đã nêu.

– Tự phân tích và nhận xét bài làm của anh (chị), chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết ; suy nghĩ hướng sửa chữa, khắc phục nhược điểm.

THUỐC

LỖ TẤN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được thực trạng lạc hậu của người dân, nỗi buồn đau của người cách mạng Trung Quốc thời kì trước Cách mạng Tân Hợi (1911) và thái độ vừa phê phán, vừa xót thương của tác giả trước thực trạng ấy.*
- *Nắm được nghệ thuật tự sự hiện đại thể hiện ở kết cấu, cách miêu tả và sử dụng hình ảnh tượng trưng.*

TIỂU DẪN

Lỗ Tấn (1881 - 1936) họ Chu, tên là Chương Tho, khi đi học đổi thành Thụ Nhân, quê ở huyện Thiệu Hưng (nay là thành phố Thiệu Hưng), tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Xuất thân từ một gia đình quan lại sa sút, Lỗ Tấn có điều kiện thấy được nhiều mặt thối nát của xã hội phong kiến suy tàn. Lớn lên trong phong trào Duy tân, Lỗ Tấn sớm có khuynh hướng tư tưởng tiến bộ. Năm mười bảy tuổi, ông bỏ dở thi Hương. Do nhà nghèo, Lỗ Tấn phải vào học Trường Khai mở và Trường Quân sự hàng hải để có học bổng. Tốt nghiệp



hạng ưu, năm 1902 ông được đưa sang Tô-ki-ô (Nhật Bản) để học tiếp. Trong thời gian học tiếng Nhật, ông có dịp tiếp xúc với các sách báo văn học có tư tưởng khai sáng và cách mạng. Sau hai năm học Y khoa ở Sen-đai (Tiên Đài), năm 1906, do chứng kiến tình trạng ngu muội, hèn nhát của đồng bào mình trên màn ảnh, ông bỏ học, chuyển sang hoạt động văn học, muốn dùng văn học để nâng cao dân trí. Lỗ Tấn viết báo, dịch sách, nghiên cứu khoa học, hiến dâng cả cuộc đời cho sự nghiệp văn hoá dân tộc. Từ năm 1918 cho đến khi mất là thời kì hoạt động văn học sôi nổi nhất của ông.

Lỗ Tấn để lại ba tập truyện ngắn : *Gào thét* (1923), *Bàng hoàng* (1926), *Chuyện cũ viết lại* (1936) và truyện vừa *AQ chính truyện*. Ngoài ra Lỗ Tấn còn viết thơ văn xuôi, tản văn và tạp văn gồm 20 tập, bàn về nhiều vấn đề tư tưởng, văn hoá, chính trị đương thời ; ông còn làm thơ, dịch tác phẩm văn học, lí luận văn học, viết nhiều công trình khảo cứu văn học sử, khảo cổ,... tổng cộng gần 40 tập. *Toàn tập Lỗ Tấn* bộ mới gồm 16 tập.

Lỗ Tấn là nhà văn có nhiều đóng góp quan trọng nhất cho nền văn học Trung Quốc nửa đầu thế kỉ XX, người nêu ra những vấn đề bức xúc trong đời sống tinh thần của dân tộc Trung Quốc hiện đại, phơi bày các hiện tượng bệnh hoạn của xã hội để lưu ý mọi người tìm phương cứu chữa. Ông là người đầu tiên đổi mới hình thức truyện ngắn, phát triển thể loại tạp văn. Văn Lỗ Tấn giàu tính chiến đấu, vừa trữ tình vừa châm biếm, thể hiện tinh thần âu lo, bi phẫn sâu sắc của thời đại.

Truyện ngắn *Thuốc* viết năm 1919, in trong tập *Gào thét*.

*

* *

I

Một đêm thu gần về sáng, trăng lặn rồi, nhưng mặt trời chưa mọc. Tầng không xanh thẫm. Ngoài những giếng đi ăn đêm, còn thì ngủ say cả. Lão Hoa bỗng ngồi dậy, đánh diêm, thắp cái đèn nhầy nhụa những dầu là dầu. Ánh đèn trắng xanh sáng khắp hai gian quán trà.

— Bố thằng Thuyên đi đấy à ?

Đó là tiếng một người đàn bà đã có tuổi. Ở buồng phía trong bỗng nổi lên một cơn ho.

— Ừ.

Lão vừa trả lời, vừa lắng tai nghe tiếng ho, vừa cài nút áo, rồi chìa tay ra, nói tiếp :

– Đưa đây tôi !

Bà Hoa moi dưới gối một lúc lâu, lấy ra một gói bạc⁽¹⁾, đưa cho chồng. Lão cầm lấy, run run bỏ vào túi áo, lại còn ấn xuống vào lằn phía ngoài túi, rồi tắt cái đèn lồng, tắt ngọn đèn con, đi vào buồng phía trong. Buồng phía trong có tiếng động lạch cạch, tiếp theo là một cơn ho. Đợi cơn ho dứt, lão mới khẽ nói :

– Thuyên à ! Con cứ nằm đấy ! Công việc dọn hàng để mẹ con lo.

Không nghe con nói gì, lão cho rằng nó đã yên tâm nằm ngủ lại rồi, bèn mở cửa đi ra. Ngoài đường, trời tối om, và hết sức vắng. Chỉ mặt đường xam xám là trông thấy rõ. Chiếc đèn lồng chiếu thẳng vào hai chân lão bước đều đều. Thỉnh thoảng, gặp một vài con chó, nhưng chẳng con nào buồn sủa. Trời lạnh hơn trong nhà nhiều, nhưng lão cảm thấy sáng khoái, như bỗng đứng mình-trẻ lại, và ai cho phép thần thông cải tử hoàn sinh. Lão bước những bước thật dài. Trời cũng sáng dần và đường cũng càng lâu càng rõ.

Đang chăm chú bước, bỗng lão giật mình nhìn thấy ngã ba đường đằng xa, trước mặt. Lão quay lại, đi mấy bước, tìm một cửa hiệu còn đóng kín mít, rẽ vào dưới mái hiên, tựa lưng vào cửa. Một lúc lâu, lão thấy hơi lạnh lạnh.

– Hừ ! Một ông già !

– Thích nhé !...

Lão lại giật mình, trở mắt nhìn. Có mấy người đi qua. Một người còn quay đầu lại nhìn lão. Lão không trông rõ là ai, nhưng thấy ánh mắt cú vọ ngời lên, như người đói lâu ngày thấy cơm. Lão nhìn chiếc đèn lồng. Đèn tắt rồi. Lão đặt tay lên túi áo. Gói bạc vẫn cộm cộm ở đấy. Ngược đầu nhìn xung quanh, lão thấy bao nhiêu người kì dị hết sức, cứ hai ba người một, đi đi lại lại như những bóng ma. Nhưng nhìn kĩ thì lại chẳng lấy gì làm quái lạ nữa.

Một lát, lại thấy mấy người lính đến. Đằng xa cũng thấy rõ miếng vải tròn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau ; khi họ lại gần trước mắt thì thấy cả đường viền màu đỏ thẫm trên chiếc áo dậu⁽²⁾. Tiếng chân bước ào ào. Trong nháy mắt, bao nhiêu người đi qua. Những người tùm nập năm ba lúc nãy cũng dồn lại một chỗ, rồi xô nhào tới như nước thủy triều, gần đến ngã ba đường thì đứng dừng lại, quây thành một nửa vòng tròn.

Lão Hoa cũng nhìn về phía đó, nhưng chỉ thấy lưng người mà thôi. Người nào, người nấy dướn cổ ra như cổ vịt bị một bàn tay vô hình nắm lấy xách lên. Im lặng một lát.

(1) Gói bạc (nguyên văn : "duyên tiền") : tiền đúc bằng bạc theo hình thức đồng tiền Tây Ban Nha, không có lỗ ở giữa.

(2) Áo dậu : áo lính ngày xưa. Áo lính thời Thanh có một miếng vải toàn màu trắng ở vạt áo trước và vạt áo sau.

Bỗng hình như có tiếng động. Rồi cả đám xô đẩy nhau ào ào, lùi về phía sau đến chỗ lão đứng, chen lão suýt nữa ngã.

– Này ! Tiễn trao cháo mủc, đưa đây !

Một người áo quần đen ngòm đứng trước mặt lão, mắt sắc như hai lưỡi dao chọc thẳng vào lão làm lão co rúm lại. Hắn xòe về phía lão một bàn tay to tướng, tay kia cầm một chiếc bánh bao nhuộm máu, đỏ tươi, máu còn nhỏ từng giọt, từng giọt⁽¹⁾.

Lão vội vàng móc gói bạc trong túi ra, run run định đưa cho hắn, nhưng lại không dám đưa tay cầm chiếc bánh. Hắn sốt ruột, nói to :

– Sợ cái gì ? Sao không cầm lấy ?

Lão còn trù trừ. Người mặc đồ đen giật lấy chiếc đèn lồng, xé toạc tờ giấy dán bên ngoài, bóc chiếc bánh lại, nhét vào tay lão, tay kia thì giật lấy gói bạc, nấn nấn, rồi quay đi, miệng cầu nhàu :

– Cái lão này !

– Chữa bệnh cho ai đấy ?

Lão Hoa nghe hình như có người nào hỏi, nhưng lão không trả lời. Lúc này, lão còn để hết tinh thần vào cái gói bánh như nâng niu đứa con của gia đình mười đời độc đinh⁽²⁾, không chú ý đến gì nữa. Lão sẽ mang cái gói này về nhà, đem sinh mệnh lại cho con lão, và lão sung sướng biết bao !

Mặt trời đã mọc, chiếu sáng con đường lớn đi về nhà lão, và cũng chiếu sáng cái biển mục nát trên cái nhà bia ở ngã ba đường sau lưng lão, có đề bốn chữ thép vàng đã nhạt màu : *Cổ... Đình Khẩu*⁽³⁾.

II

Lão Hoa về đến nhà thì quán hàng đã bày biện sạch sẽ, các dãy bàn trà trơn bóng sắp đặt ngăn nắp. Nhưng không có khách, chỉ có thằng Thuyên đang ngồi ăn cơm ở cái bàn

(1) Ở Trung Quốc, trước kia, có tục mê tín, cho rằng máu người có thể trị được bệnh lao. Mỗi khi có tù bị chém, thường có người đến mua những chiếc bánh bao mà tên đao phủ đã tẩm máu đưa về cho người bệnh ăn.

(2) *Độc đinh* : chỉ có một con trai. *Mười đời độc đinh* : mười đời liên tiếp, mỗi đời đều chỉ có một con trai, ý nói cực quý hiếm.

(3) Tục *Cổ Hiên Đình Khẩu* (tác giả cố ý không viết chữ *Hiên*), ở nội thành Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, nơi nữ chiến sĩ cách mạng Thu Cận cùng với một số chiến sĩ khác đã bị xử tử năm 1907. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng Lỗ Tấn đã dùng một số sự việc có thật trong cuộc đời hoạt động của Thu Cận và các chiến hữu của bà để sáng tạo nên hình tượng Hạ Du.

dây phía trong, mồ hôi trán nhỏ từng giọt to tướng, chiếc áo kép dính vào sống lưng, hai xương vai gồ lên thành chữ "bát" in nổi. Thấy vậy, lão không khỏi chau mày. Bà Hoa từ trong bếp vội vã chạy ra, gương to mắt nói, đôi môi run run :

– Được chưa ?

– Được rồi !

Hai người cùng trở vào bếp, bàn bạc một hồi. Bà Hoa lại đi ra, một lát cầm về một cánh lá sen già, trái lên mặt bàn. Lão cũng mở cái chao đèn, cầm chiếc bánh đấm máu, lấy lá sen bọc lại. Thằng Thuyền đã ăn xong. Bà Hoa vội nói :

– Thuyền, con cứ ngồi đấy, đừng vào trong này !

Lão Hoa vừa thổi lửa trong bếp, vừa cầm cái gói lá xanh và cái chao đèn rách nát loang lổ máu, dúi vào bếp. Ngọn lửa đỏ sẫm bốc lên. Một mùi thơm quái lạ tràn ngập cả quán trà.

– Thơm ghê nhỉ ! Hai bác ăn quà sáng gì đấy ?

Cậu Năm Gù đi vào. Cậu ta ngày nào cũng lê la ở cái quán này, thường đến sớm nhất mà cũng về muộn hơn ai hết. Vừa đi vào, cậu ta liền ngồi vào cái bàn ở góc tường phía ngoài gần đường cái, hỏi ngay. Nhưng không ai trả lời.

– Rang cơm đấy à ?

Vẫn không ai trả lời. Lão Hoa vội vàng chạy ra, pha trà cho cậu.

– Thuyền ơi ! Vào đây con !

Bà Hoa gọi con vào nhà trong, giữa nhà đặt sẵn một chiếc ghế đẩu. Thuyền ngồi xuống, bà ta bưng một cái đĩa lại, trên đĩa có vật gì tròn tròn, đen thui, nói rất khẽ :

– Ăn đi con ! Sẽ khỏi ngay !...

Thuyền cầm lấy vật đen thui, nhìn một lúc, có cảm giác rất lạ không biết thế nào mà nói, như đang cảm tính mệnh của chính mình trong tay. Y bẻ đôi ra, rất cẩn thận. Một làn hơi trắng bốc ra từ lần vỏ cháy sém. Làn hơi tan dần, mới thấy đó là hai nửa miếng bánh bao bằng bột mì trắng. Không bao lâu, chiếc bánh đã nằm gọn trong bụng, mùi vị như thế nào cũng đã quên rồi. Trước mặt chỉ còn trơ lại chiếc đĩa không. Lão Hoa đứng một bên, bà Hoa đứng một bên, trở mắt nhìn con như muốn rót vào người con một cái gì, đồng thời cũng muốn lấy ra một cái gì. Thuyền nghe tim mình đập mạnh không sao cầm nổi, đưa tay vuốt ngực. Lại một cơn ho.

– Thôi con đi ngủ một giấc, sẽ khỏi ngay !

Thuyền nghe lời mẹ, vừa ho vừa nằm xuống. Đợi nghe tiếng thở đều đều, bà Hoa mới nhẹ nhàng lấy chiếc mền kép vá chằng chịt đắp cho con.

III

Quán trà đã đông khách. Lão Hoa tay xách chiếc ấm đồng lớn, đi đi lại lại, pha trà. Hai mắt lão thâm quầng.

Một người râu hoa râm nói :

– Ông Hoa à ! Mệt phải không ? Hay là ốm đấy !

– Có làm sao đâu !

Người râu hoa râm chữa lời :

– Không sao à ? Ủ, nghe tiếng cười thì không ra người ốm.

– Chỉ vì ông ta lặn đạn quá ! Giá thằng con...

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phề từ ngoài đâm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy, dải thắt lưng cũng màu huyền quấn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang :

– Đã ăn chưa ? Đỡ rồi chứ ? Ông Hoa này ! May phúc cho nhà ông đấy nhé ! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Hoa một tay xách ấm trà, một tay buông xuống, vể cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười, mang đến trước mặt hắn một cái chén, bỏ một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Hoa liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phề vẫn nói oang oang :

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hôi hổi, và ăn cũng còn nóng hôi hổi.

Bà Hoa cảm ơn hắn hết lời :

– Thật đấy ! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hòng...

– Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hổi thế kia mà ! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gì ăn mà chẳng khỏi !

Bà Hoa nghe nói "lao", sắc mặt hơi đổi khác, ý không được vui, có điều cũng gượng cười, bỏ đi, ngượng nghịu. Nhưng bác Cả Khang không để ý đến, cứ giương cổ nói oang oang đến nỗi thằng Thuyên nằm ngủ trong nhà cũng phải ho lên như phụ hoạ theo.

– Ủ, thằng Thuyên nhà ông may phúc thật ! Nhất định khỏi thôi mà ! Chẳng trách ông cứ cười cả ngày !

Người râu hoa râm vừa nói vừa đi lại trước mặt bác Cả Khang, hạ thấp giọng nói :

– Bác Cả này ! Nghe nói tên phạm chém hôm nay là người họ Hạ. Con nhà ai đấy nhỉ ? Tội gì thế hở bác ?

– Con nhà ai nữa ? Con nhà bà Tứ chứ con nhà ai ? Thành quỷ sứ !

Bác Cả Khang thấy mọi người vênh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thớ thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to :

– Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này, tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra, cũng lão Nghĩa, cái lão đề lao, mắt đỏ như mắt cá chép ấy, lấy mất. May nhất có thể nói là ông Hoa nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xoá, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm⁽¹⁾!

Thằng Thuyên từ nhà trong đi ra, bước chậm rãi, hai tay ôm ngực, ho lấy ho để. Y vào bếp, xúc một bát cơm nguội, chan ít nước nóng, ngồi ăn. Bà Hoa bước theo con, khẽ hỏi :

– Thuyên ! Con có đỡ tí nào không, con ? Con vẫn cứ hay đói bụng thế à ?

– Cam đoan khỏi mà !

Bác Cả Khang liếc nhìn thằng Thuyên một cái, rồi quay lại, tiếp tục câu chuyện với mọi người :

– Cụ Ba đến là khôn ! Giá cụ ta không đem thằng cháu ra thú thì cả nhà mất đầu hết. Nay thì được bao nhiêu là bạc ! Còn cái thằng nhãi con ấy thì chẳng ra cái thá gì hết. Nằm trong tù rồi mà còn dám rủ lão đề lao làm giặc !

Một anh chàng trạc hơn hai mươi tuổi ngồi dãy bàn sau, nghe nói, tức máu :

– Ái chà chà ! Ghê nhỉ !

– Anh phải biết, lão Nghĩa mất cá chép đến lân la hỏi dò hần thì hần bắt chuyện ngay. Hần nói : Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta⁽²⁾.

(1) *Đồng kẽm* : đồng tiền xưa được đúc bằng đồng có pha chút ít chì và kẽm, loại tiền chỉ có giá trị rất thấp.

(2) Những nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907 hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh, thường đưa ra khẩu hiệu : "Thiên hạ nhà Mãn Thanh là của chúng ta", nghĩa là "nước Trung Quốc là của người Trung Quốc".

Thử nghĩ xem, nói thế mà nói được. Lão Nghĩ mắt cá chép cũng biết nhà hần chỉ có mẹ già, nhưng không ngờ hần lại nghèo gặm không ra đến như thế, đã tức anh ách rồi, thế mà hần lại vượt râu cọp, nên lão ta liền đánh cho hai bạt tai.

Cậu Năm Gù ngồi ở góc tường, nghe nói, thú quá :

– Lão Nghĩ là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hần ta xài đấy nhỉ !

– Cái thằng khốn nạn ! Đánh, có sợ đâu ! Lại còn nói : Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại !

Người râu hoa râm nói :

– Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì ?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt :

– Ông chưa nghe ra, xem bộ hần lúc đó, thì hần muốn nói : đáng thương hại, là lão Nghĩ đáng thương hại kia !

Mặt ai nấy bông ngơ ngác. Không ai nói gì cả.

Thằng Thuyền đã ăn cơm xong, mồ hôi ướt đầm, trên đầu hơi bốc phừng phừng.

Người râu hoa râm bông võ nhẽ, nói :

– Lão Nghĩ mà đáng thương hại à ? Điên ! Hần điên thật rồi !

Anh chàng hai mươi tuổi cũng võ nhẽ :

– Điên thật !

Khách trong quán lại nhao nhao lên, nói nói cười cười.

Thằng Thuyền cũng thừa dịp ho rũ rượi. Bác Cả Khang chạy lại, vỗ vai, nói :

– Thuyền à ! Cam đoan thế nào mày cũng khỏi. Mày đừng ho như thế. Cam đoan thế nào cũng khỏi.

Cậu Năm Gù gật gù nói :

– Điên thật rồi !

IV

Miếng đất dọc chân thành phía ngoài cửa Tây vốn là đất công. Ở giữa có con đường mòn nhỏ hẹp, cong queo, do những người hay đi tắt giẫm mãi thành đường. Đó cũng lại là cái ranh giới tự nhiên giữa nghĩa địa những người chết chém hoặc

chết tù, ở về phía tay trái, và nghĩa địa những người nghèo, ở về phía tay phải. Cả hai nơi, mộ dày khít, lớp này lớp khác, như bánh bao nhà giàu ngày mừng thọ.

Tiết Thanh minh năm ấy, trời lạnh lắm. Những cây dương liễu mới đâm ra được những mầm non bằng nửa hạt gạo. Trời vừa rạng đã thấy bà Hoa bày ra trước nấm mộ mới đắp, bên phải đường mòn, một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, rồi khóc một hồi. Đốt xong thếp vàng giấy, bà ta ngồi bệt xuống đất, ngẩn ngơ như đang chờ đợi cái gì. Chính bà ta cũng chẳng biết bà ta chờ đợi cái gì nữa. Gió hiu hiu thổi vào mớ tóc cắt ngắn của bà ta, so với năm ngoái chắc là bạc nhiều lắm rồi.

Lại một người đàn bà khác đang đi dọc đường mòn, tóc cũng bạc già nửa, áo quần rách rưới, tay xách chiếc giỏ tròn sơn đỏ, cũ nát, phía ngoài giắt thếp vàng giấy, cứ đi ba bước, lại đứng dừng lại. Chợt thấy bà Hoa ngồi bệt giữa đất đang nhìn mình thì bà kia ngáp ngừng không dám bước tới nữa, sắc mặt xanh xao bỗng hơi đỏ lên vì xấu hổ, nhưng rồi cũng đánh liều đi tới trước nấm mộ bên trái đường mòn, đặt chiếc giỏ xuống.

Nấm mộ này với nấm mộ thằng Thuyên nằm cùng một hàng, chỉ cách con đường mòn ở giữa. Thấy bà kia cũng bày ra một bát cơm, bốn đĩa thức ăn, đứng khóc một hồi, rồi đốt vàng, thì bà Hoa trong bụng nghĩ thầm : "Chắc cũng là con chết !". Bà kia nhìn vợ vẫn xung quanh một lát, bỗng tay chân hơi run lên, rồi loạng choạng lùi lại mấy bước, mắt tròn trũng, ngơ ngác.

Thấy thế, bà Hoa sợ bà kia thương con quá phát điên chẳng, không cầm lòng được, bèn đứng dậy, bước sang bên kia đường mòn, khẽ nói :

– Bà ơi ! Thôi mà, thương xót làm chi nữa ! Ta về đi thôi !

Bà kia hơi gật đầu, nhưng mắt vẫn trừng trừng rồi áp úng nói khe khẽ :

– Kìa... bà trông kìa kìa, cái gì thế này ?

Bà Hoa nhìn theo ngón tay chỉ, thấy nấm mộ trước mặt, cỏ chưa xanh khắp, còn loang lổ từng mảng đất vàng khè. rất khó coi ; lại nhìn kĩ phía trên, bất giác giật mình. Rõ ràng có một vòng hoa, hoa trắng hoa hồng xen lẫn nhau, nằm khoanh trên nấm mộ khum khum.

Cả hai bà, mắt mờ từ lâu rồi, nhưng nhìn những cánh hoa trắng hoa hồng kia thì còn thấy rõ. Hoa không nhiều lắm, xếp thành vòng tròn tròn, không lấy gì làm đẹp, nhưng cũng chỉnh tề. Bà Hoa vội nhìn về phía mộ con mình và những nấm mộ

khác xung quanh, chỉ thấy lác đác vài nụ hoa không sợ lạnh, bé tí, trắng trắng, xanh xanh. Bà ta bỗng thấy lòng trống trải, không thoả, nhưng rồi cũng không muốn suy nghĩ thêm. Bà kia bước lại gần mộ con, nhìn kĩ một lượt, rồi nói một mình : "Hoa không có gốc, không phải dưới đất mọc lên ! Ai đã đến đây ? Trẻ con không thể đến chơi. Bà con họ hàng nhất định là không ai đến rồi !... Thế này là thế nào ?". Nghĩ rồi lại nghĩ, bỗng nước mắt trào ra, bà ta khóc to :

– Du ơi ! Oan con lắm, Du ơi ! Chắc con không quên được, con đau lòng lắm cho nên con hiển hiện lên để cho mẹ biết, phải không con ?

Bà ta nhìn xung quanh, chỉ thấy một con quạ đen đậu trên cành khô trụi lá. Rồi lại khóc tiếp :

– Mẹ biết rồi ! Du ơi ! Trời có mắt, thật tội nghiệp, chúng nó giết con thì rồi chúng nó sẽ bị báo ứng thôi ! Con nhắm mắt thế cũng yên lòng. Nếu hồn con quả thật đang ở đây nghe lời mẹ nói thì con ứng vào con quạ kia, đến đậu vào nắm mộ con cho mẹ xem, con ơi !

Gió đã tắt. Những ngọn cỏ khô đứng thẳng tắp như những sợi dây đồng. Một tiếng rên rĩ run run đưa lên giữa không trung, nhỏ dần nhỏ dần, rồi tắt hẳn. Xung quanh vắng lặng như tờ. Hai bà già đứng giữa đám cỏ khô, ngược mắt nhìn con quạ. Con quạ vẫn đậu trên cành khô trụi lá, rụt cổ lại, im lìm như đúc bằng sắt.

Một lúc lâu, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già người trẻ thấp thoáng giữa các nắm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà già kia :

– Ta về đi thôi !

Bà kia thờ dãi một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chần chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình :

– Thế là thế nào nhỉ ?

Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cờ... oà" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xoè đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.

Tháng 4 năm 1919

Theo bản dịch của TRƯƠNG CHÍNH

(Gào thét, tập truyện ngắn, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1961)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Kể lại cốt truyện *Thuốc* và cho biết nhân vật chính của truyện là những ai. Có thể chia nhân vật của truyện thành mấy nhóm, các nhóm khác nhau ở chỗ nào ?
2. Nhân vật Hạ Du được biểu hiện gián tiếp qua những chi tiết nào ? Qua các chi tiết đó, anh (chị) hiểu gì về nhân vật này ?
3. Những người trong quán trà bàn luận về những chuyện gì ? Thái độ của những người tham gia bàn luận chứng tỏ họ là người như thế nào ?
4. Cảnh hai bà mẹ đi viếng mộ con ngày Thanh minh có gì giống và khác nhau ? (về cảnh nghĩa địa, về sự "xấu hổ" của bà mẹ Hạ Du, về sự lạ trên mộ người bị chém). Toàn cảnh viếng mộ biểu hiện ý nghĩa gì ?
5. Thái độ của nhà văn đối với những người như vợ chồng lão Hoa, bà mẹ Hạ Du và những người như bác Cả Khang, lão Nghĩa mất cá chép, cụ Ba, cậu Năm Gù, người thanh niên hai mươi tuổi có gì khác biệt ?
6. Có ý kiến cho rằng tư tưởng của truyện là tình thương con của bố mẹ và nỗi buồn của người cách mạng ; có ý kiến cho rằng chủ đích của truyện là phê phán sự lạc hậu, ngu muội của người dân Trung Quốc đương thời ; lại có ý kiến nhận định truyện nhằm ca ngợi sự hi sinh bất khuất của người chiến sĩ cách mạng. Theo anh (chị), tư tưởng chủ yếu của truyện là gì ?
7. Truyện này kể hay tả là chính ? Việc chia truyện làm bốn phần có lợi cho tả hay kể ? Điều đó có tác dụng gì đối với tư tưởng của truyện và có khác biệt gì so với lối kể chuyện truyền thống ?

BÀI TẬP NÂNG CAO

Tìm các hình ảnh tượng trưng trong truyện và phân tích ý nghĩa của chúng.

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Hình ảnh tượng trưng trong văn học

Hình ảnh tượng trưng là loại hình ảnh mang tính chất đa nghĩa. Sở dĩ thế vì khi xây dựng hình tượng, tác giả thường mượn đặc trưng bên ngoài của một sự vật cụ thể nào đó để gửi gắm một tư tưởng, tình cảm sâu kín của mình hoặc thể hiện một chân lí của thời đại, của cuộc sống. "Giữa ý nghĩa của "vật thể" tượng trưng và ý nghĩa tượng trưng vốn không có mối liên hệ tất yếu, song nhờ việc miêu tả một cách nổi bật đặc trưng của "vật thể" tượng trưng mà người thưởng thức có thể

liên tưởng điều này với điều khác, từ đó cảm nhận được hàm nghĩa mà nhà nghệ thuật cần truyền đạt⁽¹⁾.

Mỗi yếu tố của hệ thống nghệ thuật (từ hình tượng nhân vật, bức tranh thiên nhiên, mẫu chuyện, ẩn dụ, chi tiết cho đến tên riêng nhân vật, nhan đề tác phẩm,...) đều có thể trở thành hình ảnh tượng trưng. Với những giới hạn và cấp độ khác nhau, ta có thể xem cả tác phẩm *Hành lộ nan* (*Đường đi khó* – Li Bạch), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), nhan đề tác phẩm *Thuốc* (Lỗ Tấn), *Người đi tìm hình của nước* (Chế Lan Viên), hình ảnh "mặt trời đỏ", "một nhánh mai" trong *Thượng sơn* (*Lên núi* – Hồ Chí Minh), "con đường" trong *Cố hương* (Lỗ Tấn), các hình tượng nhân vật như Đôn Ki-hô-tê, AQ, Chí Phèo,... đều là những hình tượng có ý nghĩa tượng trưng.

Chỉ có những chi tiết, những hình ảnh đạt đến sự khái quát nghệ thuật cao mới đáng gọi là tượng trưng. Phải nắm được ý đồ sáng tạo của tác giả, phải đặt các yếu tố nói trên vào trong văn cảnh tác phẩm (đôi khi trong toàn bộ hệ thống tác phẩm của tác giả như trường hợp *Nhật kí người điên* của Lỗ Tấn), phải nắm được bối cảnh chính trị – xã hội, nhiều khi cả những truyền thống văn hoá, tín ngưỡng, tập tục xã hội của một dân tộc mới khẳng định được đúng yếu tố nào có thể xem là tượng trưng và mới phân tích được sâu sắc ý nghĩa của nó.

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nắm được những yêu cầu về diễn đạt và một số cách diễn đạt hay trong văn nghị luận.
- Nhận biết được những đặc sắc trong cách diễn đạt của một đoạn văn, bài văn nghị luận và có kĩ năng diễn đạt tốt.

1. Yêu cầu về diễn đạt trong văn nghị luận

Để hoàn thành bài văn, sau khi đã xác định và sắp xếp được ý, cần phải biết diễn đạt ý thành lời văn cụ thể. Một bài văn hay phải có những ý sâu sắc, mới mẻ, phù hợp với yêu cầu của đề, đồng thời phải được diễn đạt bằng những từ ngữ, câu văn, đoạn văn chính xác, sinh động, truyền cảm và giàu sức thuyết phục. Dù là loại văn bản nào, người viết cũng cần dùng từ đúng nghĩa, đặt câu đúng ngữ pháp,

(1) Từ điển mỹ học và mỹ dục, NXB Hoa Uyển, Bắc Kinh, 1999, trang 400.

hành văn trong sáng, phù hợp với nội dung biểu đạt, thể hiện chính xác ý nghĩ và tình cảm của bản thân.

Văn nghị luận là loại văn của tư duy lô gích, mang tính thuyết phục cao. Để diễn đạt tốt, ngoài yêu cầu nêu trên, người viết cần chú ý thêm các điểm sau :

– Lời văn nghị luận cần đảm bảo tính chặt chẽ, chuẩn xác. Với yêu cầu này, người viết cần sử dụng đúng và nhất quán các thuật ngữ chuyên môn, các từ ngữ lập luận : sử dụng các kiểu câu và mở rộng thành phần câu hợp lí khi trình bày lí lẽ.

– Lời văn nghị luận cũng cần có tính biểu cảm, bởi hiệu quả tác động của bài văn nghị luận không chỉ ở lí trí mà còn ở tình cảm, cảm xúc. Điều đó đòi hỏi người làm văn nghị luận phải có quan điểm, lòng nhiệt thành, niềm tin trước những điều mình nói (viết) và biết diễn tả bằng những từ ngữ, câu văn có hình ảnh, có sức truyền cảm cao, tạo được giọng điệu riêng cho bài viết.

– Cần tránh lối dùng từ khuôn sáo, lối viết khoa trương, khoe chữ, nhận định đánh giá cực đoan, dùng hình ảnh hoặc từ cảm thán một cách tràn lan, không đúng chỗ,...

2. Một số cách diễn đạt hay

a) Dùng từ chính xác, độc đáo

Dùng từ chính xác, độc đáo là một trong những yếu tố quyết định để có cách diễn đạt hay. Bài văn nghị luận sẽ hấp dẫn và thuyết phục khi người viết có một vốn từ phong phú, được sử dụng chính xác, linh hoạt. Từ ngữ được dùng đúng lúc, đúng chỗ sẽ lột tả được "trúng" thần thái, bản chất của sự vật, sự việc được nói tới, tạo được ấn tượng mạnh mẽ đối với người đọc.

Trong đoạn văn sau, chỉ qua một số từ ngữ (in nghiêng) được sử dụng chính xác, các tác giả đã khái quát hết sức chính xác và có ấn tượng về gương mặt các nhà thơ mới tiêu biểu :

"Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ *rộng mở* như Thế Lữ, *mơ màng* như Lưu Trọng Lư, *hùng tráng* như Huy Thông, *trong sáng* như Nguyễn Nhược Pháp, *ảo não* như Huy Cận, *quê mùa* như Nguyễn Bính, *kì dị* như Chế Lan Viên,... và *thiết tha, rạo rực, băn khoăn* như Xuân Diệu".

(Hoài Thanh – Hoài Chân – *Thi nhân Việt Nam*)

b) *Viết câu linh hoạt*

Để tạo giọng điệu cho bài văn nghị luận, người viết cần biết vận dụng tất cả các loại câu một cách linh hoạt. Tùy vào nội dung vấn đề được đề cập, tùy cách trình bày lí lẽ và mạch cảm xúc mà người viết lựa chọn loại câu dài ngắn khác nhau, sử dụng kiểu câu khẳng định hoặc phủ định, cảm thán hoặc nghi vấn, câu có hai mệnh đề hô – ứng hoặc câu đánh giá khái quát,...

Những câu văn ngắn với cách nói phủ định, hô ứng của đoạn văn sau có hiệu quả tác động trực tiếp đối với người đọc :

"Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa !

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

(Hồ Chí Minh – *Lời kêu gọi toàn quốc
kháng chiến*)

c) *Viết văn có hình ảnh*

Ngôn ngữ văn nghị luận cũng cần sự hấp dẫn, lôi cuốn bằng từ ngữ có hình ảnh và có sức gợi cảm cao. Hình ảnh làm tăng sức thuyết phục, làm cho chân lí vừa sáng tỏ vừa thâm thía. Với các phép so sánh, liên hệ, đối chiếu vừa chính xác, đích đáng vừa bất ngờ, thú vị, những tư tưởng trừu tượng, khái quát khó khan sẽ được minh hoạ bằng hình ảnh cụ thể, sinh động, tạo nên khoái cảm cho người đọc.

Nguyễn Tuân đã bình bài thơ *Sóng lấp* của Tú Xương bằng một hình ảnh so sánh khá ấn tượng :

"Nếu chúng ta liệt Tú Xương vào loại đỉnh thơ Nôm, thì *Sóng lấp* chính là bóng cây hiên ngang trên sườn non đó vậy. Dẫu thơ Tú Xương mà vô tình hoặc cố ý đánh rớt bài *Sóng lấp*, tức là bước lên lầu tháp mở cửa tầng này, tầng kia mà quên đi mất cái chuông trên vọng lâu vậy".

(Nguyễn Tuân – *Thời và thơ Tú Xương*)

d) *Lập luận chặt chẽ, sắc sảo*

Trong văn nghị luận, để trình bày lí lẽ và dẫn chứng được sáng tỏ, người viết cần vận dụng tốt các cách triển khai lập luận như : diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp,

tương phản, loại suy,... Bên cạnh đó, trong nhiều trường hợp, người viết nên đặt mình vào vị thế người đọc để lập luận cho kín kẽ. Vì thế, lập luận trong văn nghị luận có khi được trình bày như một nội dung đối thoại ngầm để soi sáng vấn đề từ nhiều góc nhìn, nhiều cách tiếp cận, chẳng hạn như đoạn văn sau :

"Trong *Truyện Kiều*, cái gì quy định sự thể hiện các nhân vật ? Cái gì làm cho sự miêu tả các nhân vật Kiều, Kim Trọng, Từ Hải, Đạm Tiên khác với các nhân vật như Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh ? Phải chăng một đẳng đã bước sang chủ nghĩa hiện thực còn đẳng kia thì chưa thoát khỏi trói buộc của mỹ học phong kiến ? Nhưng nếu như vậy, thì tại sao chỗ này thoát khỏi còn chỗ kia thì bó tay ? Ở đây có một quan niệm nghệ thuật gắn liền với hình thức mô tả đó. Kiều, Kim Trọng,... là loại người được mô tả như các "đấng", "bậc" trong xã hội ("đấng anh hùng", "đấng tài hoa", "bậc tài danh", "bậc bố kinh",...). Mà đã là đấng, bậc thì không thể mô tả như những người phạm tục và phải tuân thủ theo các mẫu mực có sẵn. Còn bọn Tú, Mã, Sở,... thực tế là quân vô loài, mà đã là quân vô loài thì còn có quy tắc chuẩn mực nào ràng buộc được ? Mẫu mực duy nhất để miêu tả chúng là hiện thực, do tác giả quan sát khái quát trực tiếp !".

(Trần Đình Sử – *Thi pháp thơ Tố Hữu*)

đ) Giọng văn biểu cảm

Trong bài văn nghị luận, người viết bao giờ cũng thể hiện thái độ, tình cảm của mình trước vấn đề đang bàn luận, đó là sự tán thành hay phản đối, ngợi ca hay châm biếm, kính cẩn hay thân mật,... từ đó mà có giọng văn khi sôi nổi, hăm hở, khi đĩnh đạc, trang nghiêm, khi ngập tràn thương cảm,... Để tạo nên giọng văn cho bài nghị luận, người viết cần sử dụng hệ thống các từ xưng hô, từ tình thái một cách linh hoạt, có ý thức phát huy vai trò của ngữ âm, nhịp điệu, giúp cho bài viết sinh động.

Hãy đọc và cảm nhận những lời khẳng định mạnh mẽ, sâu sắc, chất chứa niềm ngợi ca, ngưỡng vọng và tự hào của tác giả trong đoạn văn sau :

"Nguyễn Trãi không phải là một ông tiên. Nguyễn Trãi là người chân đạp đất Việt Nam, đầu đội trời Việt Nam, tâm hồn lộng gió của thời đại lúc bấy giờ, thông cảm sâu xa với nỗi lòng dân lúc bấy giờ, suốt đời tận tụy cho một lí tưởng cao quý. Nguyễn Trãi là khí phách của dân tộc, là tinh hoa của dân tộc. Sự nghiệp và

tác phẩm của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước và tự hào dân tộc. Nguyễn Trãi rất xứng đáng với lòng khâm phục và quý trọng của chúng ta".

(Phạm Văn Đồng – Nguyễn Trãi,
người anh hùng của dân tộc)

LUYỆN TẬP

Hãy chỉ ra và nhận xét về những nét đặc sắc trong cách diễn đạt của các đoạn văn nghị luận sau :

Đoạn 1

"Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận".

(Hoài Thanh - Hoài Chân – *Thi nhân Việt Nam*)

Đoạn 2

"... Không, không, sự sống mới đang chói lọi. Đầu óc chúng ta đã nóng rực, xôn xao, âm âm trầm ngàn tiếng nói, hình ảnh muốn bay ra ngoài. Chúng ta cứ mạnh bạo sáng tác. Những phút ngưng ngập sẽ qua đi rất nhanh chóng.

Chúng ta nhất định làm được. Những bãi ngô trại mía Khoái Châu, những vườn vải nồn nà bờ sông Đáy, những đồi chè Phú Thọ lấp lánh lá cọ xanh, những dòng suối len lỏi trong rừng núi Việt Bắc, những con đường đất đỏ, những cánh đồng cỏ may dãi nắng mỗi mắt ở Thái Nguyên, và những ruộng lúa chưa bao giờ đẹp như bây giờ, bát nước chè tươi bốc khói trên một chiếc chõng tre, cái quán nước nhỏ bên đường, chòm tóc lất phất của mấy em bé chân trâu, những nắm mọ, những luỹ tre, những mái chùa cong, tất cả đất nước bảo rằng chúng ta làm được".

(Nguyễn Đình Thi – *Nhận đường*)

Đoạn 3

"Nguyễn Hồng là con người rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Ai từng tiếp xúc với Nguyễn Hồng đều thấy như thế. Khóc khi nhắc đến nỗi khổ của con người trong xã hội cũ. Khóc khi nghĩ đến công ơn cách mạng. Khóc khi ôn lại những kỉ niệm thấm thiết của mình với bạn bè, đồng chí. Khóc cả khi kể lại nỗi bất hạnh của những nhân vật do chính mình sáng tạo ra. Tôi đã được thấy Nguyễn Hồng khóc khi nói đến cái chết của Gái Đen trong *Con bão đã đến*. Người con gái tốt bụng, thẳng thắn ấy, vì nhẹ dạ, cả tin mà bị lừa dối đến nỗi uất lên mà chết trong một cơn trở dạ đau đớn. Kể đến đây, Nguyễn Hồng nghẹn ngào không nói được nữa, nước mắt ròng ròng. Ông khóc như người mẹ đứng trước cái chết của đứa con mình rút ruột đẻ ra, nhất là phải chết oan chết uổng, chết khốn chết khổ như Gái Đen. Nguyễn Hồng đã sống hơn sáu mươi năm, đã viết hơn bốn mươi năm, ai biết được ông đã đổ ra bao nhiêu nước mắt cho đời và cho nghệ thuật ? Bây giờ nằm dưới ba thước đất, nguồn nước mắt ấy, liệu có bao giờ khô cạn được chăng ?".

(Nguyễn Đăng Mạnh – *Thương tiếc nhà văn Nguyễn Hồng*)

TIẾP NHẬN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được ý nghĩa, nhu cầu, quá trình và quy luật tiếp nhận văn học.*
- *Có ý thức chủ động, tích cực trong hoạt động tiếp nhận văn học.*

1. Ý nghĩa, nhu cầu và quá trình tiếp nhận văn học

Tiếp nhận là hoạt động nắm bắt thông tin trong quá trình giao tiếp. Trong giao tiếp văn học từ trước đến nay, quan hệ giữa người đọc với tác phẩm thường được gọi bằng các từ "đọc", "cảm thụ", "thưởng thức", "phê bình",... Lí thuyết tiếp nhận đề xuất khái niệm "tiếp nhận văn học" nhằm chỉ phương diện chủ động của người đọc trong việc lựa chọn thông tin, sáng tạo ý nghĩa của tác phẩm. Với khái niệm này, vai trò của người đọc được đặt lên hàng đầu.

Trong lí luận văn học, trước đây người ta chỉ đề cao vai trò của tác giả, còn vai trò của người đọc bị coi nhẹ như là một hoạt động thụ động, không tích cực. Tất nhiên không thể xem nhẹ tác giả vì nếu không có tác giả thì không có tác phẩm, tức là đối tượng tiếp nhận. Nhưng nếu xem nhẹ vai trò của người đọc thì không thể giải thích được trên thực tế, ý nghĩa của tác phẩm không ngừng biến động, phong phú thêm trong tiến trình lịch sử.

Người đọc tiếp nhận tác phẩm văn học với những nhu cầu khác nhau. Thông thường là bắt đầu từ nhu cầu giải trí, tìm những điều thú vị, hấp dẫn. Tiếp đến là nhu cầu hiểu biết, nâng cao năng lực cảm thụ. Người đọc có nhu cầu phát hiện, nhận xét, đánh giá và có người còn có nhu cầu đọc để học tập, để sáng tác nữa. Dù nhu cầu tiếp nhận văn học có đa dạng thế nào thì vai trò chủ thể của người đọc vẫn được thể hiện.

Quá trình tiếp nhận văn học trải qua các giai đoạn : đọc văn bản, phát hiện, kiến tạo ý nghĩa của tác phẩm, thưởng thức các giá trị tư tưởng, nghệ thuật, đọc thuộc những chỗ hay và ghi nhớ những điều tâm đắc. Trong quá trình tiếp nhận, không những giá trị văn học được khám phá mà thế giới tinh thần của người đọc cũng đổi thay theo.

2. Những quy luật cơ bản của tiếp nhận văn học

a) Vai trò chủ động, tích cực của người đọc

Tiếp nhận văn học không giản đơn là một quá trình lặp lại hay tìm về ý tưởng ban đầu của tác phẩm mà là một quá trình đồng sáng tạo. Văn bản văn học thông báo những thông tin nhưng thường để trống phần ý nghĩa, tạo thành một cấu trúc mời gọi, buộc người đọc phải tự mình hoàn thành tác phẩm.

Muốn chiếm lĩnh văn bản ngôn từ, biến nó thành một thế giới nghệ thuật thú vị, giàu ý nghĩa thì người đọc phải chủ động và tích cực. Trước hết là phải hiểu được nghĩa của các từ, các hình ảnh, nhớ những điều đã đọc, phát hiện được mối liên hệ giữa các câu, các phần, hiểu được những chỗ bỏ trống, giải thích được những chỗ có vẻ vô lí, mâu thuẫn của văn bản. Chẳng hạn, trong bài thơ *Tống biệt hành* của Thâm Tâm, người đưa tiễn sau khi nhận thấy người ra đi có "hoàng hôn trong mắt trong", liền nêu suy nghĩ: "Đưa người, ta chỉ đưa người ấy - Một già gia đình, một dừng dừng" thì "người ấy" là ai trong ý tưởng của nhà thơ? Đoạn kết bài thơ tại sao lại nói "Mẹ thà coi như chiếc lá bay..."? Nói vậy có vô lí và tàn nhẫn không? Trong câu thơ trên ai coi ai là "chiếc lá bay"? Những câu hỏi như thế luôn luôn nảy sinh trong quá trình đọc, buộc người đọc phải tự giải đáp, giải đáp được mới có thể hiểu tác phẩm. Quá trình tự giải đáp tiếp diễn liên tục cho đến khi người đọc sống với nhân vật trong tác phẩm, hiểu và phát hiện được ý nghĩa toàn bộ của tác phẩm. Đó sẽ là ý nghĩa phù hợp và có khả năng thống nhất mọi chi tiết, nhân vật, sự kiện của tác phẩm thành một chỉnh thể. Lúc đó tác phẩm của nhà văn trở thành "tác phẩm của người đọc", hoà quyện với tư tưởng, tình cảm của người đọc. Đó chính là hoạt động "đồng sáng tạo" của người đọc. Điều này cho thấy, nếu người đọc không chủ động, tích cực tham gia vào quá trình đọc - hiểu tác phẩm thì khó lòng chiếm lĩnh được tác phẩm văn học.

b) Tính chủ quan và khách quan trong việc tiếp nhận tác phẩm

Người đọc khi đến với tác phẩm văn học có nhiều tâm trạng vui buồn khác nhau, có trình độ văn hoá khác nhau, có thái độ định kiến hoặc vô tư, phóng khoáng khác nhau. Kết quả là sản phẩm tiếp nhận văn học khác nhau. Có bao nhiêu người đọc một tác phẩm thì có bấy nhiêu "dị bản" về tác phẩm ấy trong tâm hồn, xét về mặt đậm nhạt, nông sâu, toàn diện hay phiến diện. Người thì hứng thú với các chi tiết này, kể lại say sưa với các tình tiết nọ, và hình như ai cũng có cái lí của mình. Trong số những cách tiếp nhận đó có những cách hiểu sâu sắc. Tính chủ quan là tiền đề của hoạt động sáng tạo trong tiếp nhận. Nhưng khẳng định

tính chủ quan của tiếp nhận không có nghĩa là người đọc hoàn toàn tự do muốn hiểu văn bản thế nào cũng được. Văn bản là một tổ chức ngôn từ có tính liên kết và mạch lạc. Văn bản có đặc điểm thể loại. Từ ngữ và hình ảnh có những ý nghĩa do truyền thống văn hoá dân tộc và thời đại quy định. Người đọc không thể bất chấp các đặc trưng biểu đạt của văn bản, không thể tùy tiện cắt xén câu văn hay áp đặt ý nghĩa. Như thế văn bản vẫn là phương thức tồn tại khách quan của tác phẩm, quy định hoạt động tiếp nhận của người đọc. Sự tiếp nhận phải phù hợp với dữ liệu khách quan của văn bản mới thực sự có giá trị.

Do đó, cần khẳng định tính khách quan của tiếp nhận. Mọi người đọc đều có thể phát huy sự tìm tòi, cảm nhận của mình, song sự cảm nhận đó phải có cơ sở trong toàn bộ văn bản.

c) Tác động qua lại giữa người đọc và tác phẩm

Để đến với tác phẩm, người đọc thường phải có một "tâm đón nhận", tức là những hiểu biết và thị hiếu văn học có sẵn trước khi đọc tác phẩm đó. "Tâm đón nhận" của người đọc giúp họ phân biệt tác phẩm mới hay cũ, quen thuộc hay xa lạ. Nếu tác phẩm thấp hơn "tâm đón nhận" thì người đọc không thích đọc. Nếu tác phẩm mới quá thì người đọc lúng túng. Nhưng "tâm đón nhận" không phải là bất biến. Việc đọc tác phẩm mới và khó có tác dụng nâng cao "tâm đón nhận" của người đọc. Đến lượt mình, "tâm đón nhận" mới đòi hỏi văn học phải không ngừng sáng tạo, đổi mới. Như vậy, tiếp nhận văn học không chỉ giúp khám phá nhiều mặt nội dung và nghệ thuật tiềm tàng trong tác phẩm mà còn góp phần nâng cao trình độ của người đọc, kích thích văn học sáng tạo cái mới. Người ít đọc sẽ có "tâm đón nhận" nghèo nàn, thấp kém, sẽ tự mình tụt hậu so với tiến trình chung của văn học dân tộc và nhân loại.

LUYỆN TẬP

1. Tiếp nhận văn học là gì ? Nêu các nhu cầu và quá trình tiếp nhận văn học.
2. Nêu những biểu hiện về vai trò chủ động, tích cực của người đọc khi tiếp nhận một tác phẩm văn học.
3. Qua bài học, anh (chị) hiểu như thế nào về tính chủ quan và tính khách quan của người đọc trong tiếp nhận văn học ? Phân tích tầm quan trọng của chúng. Làm thế nào để khắc phục hiện tượng "đọc nhầm" trong tiếp nhận văn học ?

4. Quan hệ qua lại giữa người đọc và tác phẩm văn học có lợi gì cho văn học và cho người đọc ? "Tâm đón nhận" là gì ? Người ít đọc sẽ chịu thiệt thòi như thế nào ?

LUYỆN TẬP VỀ CÁCH TRÁNH MỘT SỐ LOẠI LỖ LÔ GÍCH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số loại lỗi lô gích.
- Biết cách tránh và sửa chữa những lỗi đó trong nói và viết.

1. Đọc những câu sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

- Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. (1)
- Hai chân Dít xếp về một bên, ngồi sụp xuống trước mặt anh, đưa tay kéo tấm váy che kín cả gót chân. (2)
- Hai tay chị chắp lên trước ngực, liền thế chân ông cụ. (3)
- Nó ngồi lên ván, tréo ngoáy chân, đốt thuốc thơm hút. (4)
- Tay áo hần quệt đưa ngang một cái, quệt mũi, cười rồi lại ấn. (5)
- Tổng trấn ngồi giữa, vóc dạng phương phi, hàm én râu hùm, trên tay còn cầm tang vật là mảnh hoa tiên. (6)
- Mắt thằng bé con nhắm nghiền, ôm chặt lấy bố. (7)
- Tóc y cuốn thành một mớ dày, vẫn còn đen nhánh, giá cắt đi làm một cái đuôi gà thì phải dài, óng ả lắm. (8)

a) Theo anh (chị), những câu nào trên đây là câu đúng ?

b) Những câu còn lại có chung một lỗi diễn đạt. Đó là lỗi gì ?

c) Chữa các câu sai.

2. Đọc những câu sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

- Tay vẫn cố ghìm ngọn lao cắm vào con măng xà, ác thủ quấy mạnh thân mình, đập đuôi vào chàng hiệp sĩ. (1)
- Cành xoà xuống mặt sông, cây si như muốn chở che cho đàn cá nhỏ vừa mất mẹ. (2)

– Vó phi nhanh trên quãng đường đá, chàng hiệp sĩ ngoái nhìn về phía quê nhà. (3)

– Đuôi vung vẩy, miệng kêu ừ ừ, nó đẩy con lợn vào chuồng. (4)

– Dây neo đứt phụt, con thuyền rùng mình, trôi phăng theo dòng nước cuộn cuộn, ngầu đờ. (5)

– Ông lão nhìn con chó, đuôi vẫy lia lịa. (6)

– Chân đã long ra, mặt đã nứt nẻ, ông bố cố chữa lại cho con có cái bàn học lành lặn. (7)

– Ngày ngày thằng bé chặn con trâu có cái sừng cong như hai cánh ná. (8)

a) Theo anh (chị), những câu nào trên đây là câu đúng ?

b) Lỗi diễn đạt của những câu còn lại khác với lỗi diễn đạt của những câu ở Bài tập 1 như thế nào ?

c) Chữa các câu sai.

3. Đọc những câu sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

– Động cơ gió không tồn nhiên liệu như các loại động cơ nổ khác. (1)

– Em vừa mua được hai cuốn sách, một cuốn tiểu thuyết và một cuốn thơ. (2)

– Cá, rau con vừa mua tuy rất tươi nhưng phải được chế biến đúng cách mới ngon. (3)

– Con dao này cũ và mẻ nhiều quá, chắc phải mua một con dao mới khác. (4)

– Mỡ cá thường được xem là tốt hơn rất nhiều so với mỡ của nhiều loại gia cầm khác như vịt, gà, ngan, ngỗng, v.v. (5)

– Chúng ta cần có kế hoạch tỉ mỉ và cụ thể để chống nạn ma túy và hê-rô-in. (6)

– Cậu ấy đọc tất cả những gì vớ được : cuốn sách mất bìa, tờ báo ngả vàng, thậm chí chỉ một mảnh giấy có chữ lẫn lóc ở xó nhà. (7)

– Nhãn, vòng đeo tay, dây chuyền, đồ trang sức lấp lánh trong chiếc hộp gỗ chạm trổ cầu kì. (8)

a) Theo anh (chị), những câu nào trên đây là câu đúng ?

b) Xác định lỗi diễn đạt chung của những câu còn lại.

c) Chữa các câu sai.

4. Đọc những câu sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

– Bác ấy là tấm gương về đạo đức và tài năng. (1)

– Bao Công dũng cảm, thông minh, nhưng Quách Hồn tàn bạo, giáo hoạt không kém. (2)

– Cánh bướm đỏ thắm nổi bật trên nền trời xanh, rồi dần dần biến mất. (3)

– Hấn úp cái mũ lên mặt, nằm xuống đánh một giấc. (4)

– Hình ảnh Chí Phèo là con người bị mất quyền làm người. (5)

– Lượng mưa năm nay kéo dài nên đã gây nhiều thiệt hại cho mùa màng. (6)

– Tôi tìm mua bằng được cuốn sách đã khiến cô say mê và nhớ rất nhiều nước mắt. (7)

– Con mèo, ria oai vệ, mắt trong veo, nằm trong lòng cô bé. (8)

a) Theo anh (chị), những câu nào trên đây là câu đúng ?

b) Những câu sai thì chữa lại thế nào ?

HÌNH THỨC TRÌNH BÀY BÀI VĂN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được các yêu cầu về hình thức trình bày bài văn.*
- *Có kĩ năng trình bày bài viết đúng quy cách.*

1. Trình bày một bài văn là sự thể hiện nội dung, câu chữ, bố cục của bài văn đó thành hình thức cụ thể trên trang giấy. Một bài văn hay không chỉ ở nội dung mà còn phải được trình bày bằng một hình thức đúng quy cách, có tính thẩm mỹ. Không cần đọc kĩ và suy ngẫm, nhìn qua người ta cũng có thể kiểm tra, đánh giá ngay được hình thức trình bày.

2. Muốn tránh được những sai sót trong hình thức trình bày, người viết cần phải đáp ứng một số yêu cầu sau đây.

– Chữ viết cần *đúng* và *đẹp* : Chữ viết phải rõ ràng, đủ nét, không mắc lỗi chính tả,... Trong bài không nên tẩy xóa nhiều, nếu viết sai, muốn diễn đạt lại thì cũng phải tẩy xóa đúng cách (thường là gạch chéo chữ viết sai và viết chữ khác thay vào), tránh tình trạng tẩy xóa cầu thả, bừa bãi, làm trang giấy nhàu, bẩn, thiếu tính thẩm mỹ.

– Lễ và bố cục các phần rõ rệt : Bài viết phải chừa lề, viết thẳng lề. Các phần mở bài, thân bài và kết bài cũng như các phần, các luận điểm lớn (ý lớn) trong thân bài phải xuống dòng và lùi vào một khoảng xác định. Nhìn vào trang giấy có thể thấy ngay các phần mở bài, thân bài, kết bài và trong thân bài có mấy luận điểm,...

– Trích dẫn đúng quy cách : Các dẫn chứng (thơ, văn, ý kiến,...) nếu đúng nguyên văn cần đặt trong dấu ngoặc kép ("...") ; kết thúc lời dẫn cần ghi xuất xứ lời dẫn ấy trong ngoặc đơn (...). Nội dung xuất xứ trong ngoặc đơn cũng cần thống nhất trong bài, chẳng hạn : nếu ghi tên tác giả trước, tên tác phẩm sau thì tất cả các xuất xứ đều ghi nhất quán như thế, tránh tình trạng trong một bài viết mỗi chỗ trình bày một khác. Trong trường hợp không nhớ đúng nguyên văn cần trích dẫn thì chuyển thành lời gián tiếp và không để trong ngoặc kép.

– Trình bày dẫn chứng cân đối, hài hoà : Nếu dẫn chứng là thơ thì cần ghi vào giữa trang giấy để khoảng trắng hai bên cân đối. Nếu là văn xuôi thì viết liên tục và đặt trong ngoặc kép.

LUYỆN TẬP

1. Tại sao khi viết bài văn cần rèn luyện về hình thức trình bày ?
2. Liên hệ và đối chiếu với bài văn của anh (chị) đã viết để chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm về hình thức trình bày.
3. Cách trình bày dẫn chứng sau đây cần chỉnh sửa lại những điểm nào ?

Khi bắt gặp ánh sáng của lí tưởng cách mạng, Tố Hữu như gặp mặt trời chân lí :

*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim.*

(Tố Hữu – *Từ ấy*)

Lúc bị giam cầm trong xiềng xích, nhà thơ thể hiện nỗi nhớ quê hương da diết trong mỗi dòng thơ :

*"Gì sáu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò !"*

(*Nhớ đồng* – trích tập *Từ ấy* của Tố Hữu)

Có thể nói cả tập thơ *Từ ấy* là tiếng hát của một người thanh niên, một người cộng sản như nhà phê bình Hoài Thanh đã khẳng định.

TỔNG KẾT PHƯƠNG PHÁP ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững các phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học.*
- *Củng cố các kỹ năng đọc - hiểu văn bản văn học.*

1. Thế nào là đọc - hiểu một văn bản văn học

Đọc - hiểu một văn bản văn học là quá trình đọc - hiểu từ ngữ, hiểu ý câu thơ, câu văn, nắm bắt được các từ ngữ then chốt có giá trị biểu cảm và biểu hiện tư tưởng, nắm bắt được hình tượng và ý nghĩa của nó trong văn bản, từ đó khái quát được tư tưởng, tình cảm trong tác phẩm và đánh giá được tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm ấy. Đọc - hiểu văn bản văn học là một quá trình từ cảm đến hiểu, từ hiểu bề ngoài đến hiểu được ý tứ sâu xa của tác phẩm.

Đọc - hiểu văn bản văn học có thể biểu hiện ở một quá trình ngược lại : từ hiểu khái quát, đúng đắn, sâu sắc về văn bản tác phẩm, người đọc có thể tiến hành phân tích, giải thích, bình luận, giúp người khác có thể đọc - hiểu văn bản ấy. Giải thích, bình luận được bài văn là biểu hiện quan trọng của sự hiểu văn.

Quá trình học văn học trong nhà trường là quá trình học đọc - hiểu từng bài, tập phát hiện các từ ngữ, chi tiết và khái quát về tư tưởng tác phẩm, cuối cùng biết phân tích, bình luận, đối thoại với các tác phẩm ấy hoặc các tác phẩm cùng loại. Từ đó hình thành kỹ năng, kinh nghiệm đọc - hiểu văn bản văn học.

2. Phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học

a) Đọc - hiểu tác phẩm văn học trước hết là đọc - hiểu từ ngữ, câu văn, câu thơ, phát hiện các từ ngữ biểu hiện cách cảm nhận độc đáo, hiểu được tư tưởng, tình cảm tác giả thể hiện qua từ ngữ, câu văn, đoạn văn, bài thơ. Ví dụ, phát hiện tính chất đả kích, châm biếm được thể hiện qua những từ ngữ mỉa mai, châm biếm trong đoạn văn ở truyện ngắn "Vi hành" của Nguyễn Ái Quốc : "Tôi không được rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là A-lếch-xăng Đệ nhất, có được sung sướng, có được quyền uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không ? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp)

cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám "dân" bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến ? Hay là chán cảnh làm một ông vua to, bây giờ ngài lại muốn ném thử cuộc đời của các cậu công tử bé ?". Hoặc ở câu văn tiếp theo với các từ mỉa mai, giễu cợt : "Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nỗi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế".

b) Kiến tạo nội dung văn bản bằng cách tìm ra mạch chủ đề nối kết các chi tiết giữa các đoạn trong văn bản và ý nghĩa khái quát của hình tượng nhân vật. Ví dụ, nối kết các chi tiết về nhân vật Tràng từ khi xuất hiện, khi gặp cô gái đến khi đưa cô về nhà, dựng nên hình tượng nhân vật Tràng ; nối kết các chi tiết về cô gái từ khi gặp Tràng ở chợ đến khi về làm vợ Tràng, liên hệ không khí chết chóc và khát vọng sống mãnh liệt của Tràng ; từ đó tìm ra cách diễn đạt rõ nhất về tư tưởng của tác phẩm.

c) Trong khi đọc - hiểu văn bản, cần khái quát tư tưởng, tình cảm của tác giả qua tác phẩm hay đoạn trích. Ví dụ, khái quát tư tưởng, tình cảm của nhà văn trong các truyện ngắn : *Vợ chồng A Phủ*, *Rừng xà nu*, *Một người Hà Nội*, *Chiếc thuyền ngoài xa*, *Số phận con người*, *Thuốc*, v.v.

d) Đối với các bài thơ, đoạn thơ cần chú ý đặc điểm của ngôn từ thơ, tìm hiểu từ ngữ, giọng điệu, hình ảnh, tứ thơ, mối liên kết chìm giữa các hình ảnh, từ đó cảm nhận được cái không khí và ý nghĩa của hình tượng đó.

LUYỆN TẬP

1. Chỉ ra những nét đặc sắc trong khổ thơ :

*Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều
Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bốn chôn nhớ mắt người yêu.*

(Nguyễn Đình Thi - *Đất nước*)

2. Phân tích vẻ đẹp và ý nghĩa của đoạn thơ :

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*

Mùng lát hoa về trong đêm hơi
 Đốc lên khúc khuỷu đốc thăm thăm
 Heo hút cồn mây súng ngửi trời
 Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
 Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
 Anh bạn dãi dầu không bước nữa
 Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
 Chiều chiều oai linh thác gầm thét
 Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
 Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói
 Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.

(Quang Dũng Tây Tiến)

3. Cảm nhận và bình luận ý niệm "Đất Nước" trong đoạn thơ sau :

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi
 Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..."
 mẹ thường hay kể.
 Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn
 Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc
 Tóc mẹ thì bới sau đầu
 Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn
 Cái kèo, cái cột thành tên
 Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng
 Đất Nước có từ ngày đó...

(Nguyễn Khoa Điềm - Đất Nước)

4. Phân tích, bình luận hình tượng người chiến sĩ Giải phóng quân trong đoạn văn sau :

"Hơi xe bọc thép nghe chạy mỗi lúc mỗi gần. Pháo bầy nổ càng gần hơn, nghe rào rào cành cây đổ. Việt day họng súng về hướng đó. Nếu mày đổ quân thì súng tao còn đạn ! Ba viên còn dưới hộp, một viên đã lên nòng. Việt lẩn tay vào bao đạn trước bụng. Các ngón tay đều tê nhức, không sao mở được. Lăn này về, Việt sẽ mượn kim chỉ của anh Tánh may lại. Sẽ bỏ cái khoá sắt đi, thay hai cái dây vào, muốn mở thì chỉ việc kẹp một đầu dây mà lôi ra. Tiếng xe bọc thép ào ào chạy qua hướng trước mặt Việt. Nghe tiếng cũng biết chúng chạy như biển. Những loạt tiểu liên đầu đầu nghe gần lắm, nghe nổ có thể nghĩ tới họng súng

nó đang bốc khói. Chúng đến giết mình đây ! Chết là gì nhỉ ? Chắc là đau gấp mấy lần bị thương. Hay chết tức là người thật thì biến lên trên nóc nhà, còn người giả thì nằm tại đó ? Việt chưa bao giờ nghĩ tới cái chết, mà cũng chưa nghe ai nói rõ nó ra sao, nhưng nếu chết mà không còn được ở chung với anh Tánh và không được đi bộ đội nữa thì buồn lắm. Việt không sợ chết, chỉ sợ cái đó thôi. Bọn giặc đập cây chạy rầm rập. Tiếng xe bọc thép lại rú lên. Bò đi đâu ? Việt nhướng đôi mắt tối thui lên dòm. Được, Việt cứ nằm đây ! Tao sẽ chờ mày ! Trên trời có mày, dưới đất có mày, cả khu rừng này còn có mình tao. Mày có bắn tao thì tao cũng bắn được mày. Nghe súng nổ, các anh tao sẽ chạy tới đâm mày ! Mày chỉ giỏi giết gia đình tao, còn đối với tao thì mày là thằng chạy. Hôm qua mày đã chạy trước mặt tao mà... Mặt Việt nóng như ngồi bếp. Lại ruồi, ruồi dày đặc bay đập vào mặt vào cổ Việt. Đói, nghe giặc đến gần sao bụng nó bất đối kì lạ, Việt rờ rờ vào cò súng. Chín ngón tay đã bị thương, chỉ còn một ngón cái hơi nhúc nhích. Phải chi có chị Chiến ở đây chị sẽ bắn thế cho Việt. Chỗ này gác súng thật tốt, ngay dưới gốc bông trang, chị cứ đưa Việt giữ giùm cái kiếng trong túi, ngồi hẳn xuống, nhắm thẳng vào ngực nó mà nổ súng".

(Nguyễn Thi – *Những đứa con trong gia đình*)

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 7

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được đặc điểm và yêu cầu của đề văn trong Bài viết số 7.*
- *Biết cách phân tích đề văn nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học ; nhận ra được ưu điểm và nhược điểm của bài viết.*

Với *Bài viết số 7*, học sinh cần chú ý một số điểm sau.

1. Phân tích đề

Đề văn trong *Bài viết số 7* yêu cầu học sinh viết dạng nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học. Dạng đề này bao giờ cũng có hai phần.

Phần 1 : Phân tích và làm sáng tỏ vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học. Vấn đề xã hội này, có thể đề đã chỉ ra, nhưng cũng có thể người viết phải tự tìm,

tự rút ra sau khi đọc tác phẩm. Trong trường hợp sau, từ một tác phẩm, có thể rút ra nhiều bài học, nhiều vấn đề khác nhau hoặc cùng một ý nghĩa xã hội của tác phẩm nhưng có thể có nhiều cách trình bày rất khác nhau.

Phần 2 : Từ vấn đề (bài học, ý nghĩa) của tác phẩm đó mới phát biểu những suy nghĩ, tình cảm của người viết (phần trọng tâm). Trước khi phân tích đề văn đã viết, cần đọc và tìm hiểu tất cả các đề nêu trong *Bài viết số 7* theo gợi ý trên. Sau đó mới phân tích, nhận xét đặc điểm và yêu cầu của đề văn đã làm.

2. Những kiến thức và kĩ năng cần chú ý

– Về kiến thức, các đề văn trong *Bài viết số 7* liên quan đến một số tác phẩm văn học, chủ yếu là phần văn xuôi sau Cách mạng tháng Tám 1945. Vì thế, người viết cần nắm vững các tác phẩm đã học (kể cả tác phẩm đọc thêm). Ngoài kiến thức văn học, cần có những hiểu biết về đời sống xã hội, những kinh nghiệm sống của cá nhân, những kiến thức văn hoá tổng hợp,...

– Về kĩ năng, ngoài các kĩ năng viết bài nghị luận nói chung, cần chú ý kĩ năng phân tích, đọc - hiểu văn bản văn học và phân tích, bình luận, lí giải một vấn đề xã hội, nhân văn,...

3. Xem xét và đối chiếu kết quả

– Xem xét và đối chiếu *Bài viết số 7* của anh (chị) với yêu cầu của đề văn về kiến thức và kĩ năng đã nêu để tự đánh giá được chất lượng của bài viết.

– Đối chiếu với các bài viết trước để thấy được những tiến bộ của anh (chị) trong việc viết bài văn nghị luận, nhất là các kĩ năng hoàn chỉnh bài văn : *mở bài, thân bài, kết bài, diễn đạt, trình bày* ; chỉ ra hướng sửa chữa, khắc phục những hạn chế còn mắc phải.

XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG DIỄN THUYẾT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được yêu cầu của đề cương diễn thuyết.*
- *Biết cách làm đề cương diễn thuyết.*

1. Hình thức diễn thuyết

Diễn thuyết là hình thức trình bày bằng miệng những quan điểm, ý kiến của cá nhân về một vấn đề nào đó trước đông đảo người nghe (công chúng). Như thế,

thực chất của diễn thuyết chính là phát biểu theo chủ đề, thường là những chủ đề quan trọng được nhiều người quan tâm, theo dõi.

Muốn diễn thuyết thành công cần phải chuẩn bị. Một trong những công việc cần chuẩn bị trước tiên là xây dựng đề cương diễn thuyết (đề cương phát biểu theo chủ đề).

2. Yêu cầu của đề cương diễn thuyết

Một đề cương diễn thuyết cần đáp ứng được các yêu cầu sau đây :

- Xác định được vấn đề trọng tâm cần thuyết trình và các ý lớn, ý nhỏ cần triển khai để làm nổi bật vấn đề trọng tâm.

- Sắp xếp hệ thống ý nói trên một cách hợp lí theo ba phần : mở bài, thân bài và kết bài. Mở bài và kết bài cần có ý độc đáo, bất ngờ, gây được ấn tượng cho người nghe. Ý trong phần thân bài cần sinh động, phong phú, nhưng phải bám sát chủ đề.

- Đi kèm với hệ thống ý là các minh chứng về số liệu, sự kiện cụ thể, sinh động.... nhưng không tản mạn.

- Phân bố thời gian cho các phần, mục một cách hợp lí : phần trọng tâm cần nhấn mạnh và phân tích sâu, chỗ thứ yếu cần lướt qua,...

- Ghi rõ những phương tiện trực quan cần thiết như tranh ảnh, bảng biểu, băng hình,... và các phương tiện sử dụng kèm theo.

- Tránh viết đề cương thành văn, những ý chính thể hiện trên giấy cần thoáng rõ, dễ quan sát, dễ theo dõi trình tự các phần, mục và tư liệu minh hoạ,...

LUYỆN TẬP

Lựa chọn một trong các chủ đề sau đây để xây dựng đề cương diễn thuyết (tự xác định đối tượng người nghe và thời lượng cho buổi diễn thuyết) :

- Vai trò của Internet trong cuộc sống hôm nay.
- Vị trí và ý nghĩa của văn hoá đọc trong thời đại nghe nhìn.
- Môi trường sống phụ thuộc vào chính con người.
- Tác hại của thuốc lá.

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được các đặc điểm chung và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong phong cách ngôn ngữ hành chính.*
- *Biết vận dụng kiến thức về phong cách ngôn ngữ hành chính vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.*

I – KHÁI QUÁT VỀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Phong cách ngôn ngữ hành chính là loại phong cách ngôn ngữ thể hiện trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lý xã hội, thường gọi là *văn bản hành chính*.

Văn bản hành chính tồn tại chủ yếu dưới dạng viết, bao gồm :

- Văn bản quy phạm pháp luật như : *Hiến pháp, các văn bản luật, các văn bản dưới luật,...*
- Văn bản hội nghị như : *biên bản, báo cáo, đề án, nghị quyết,...*
- Văn bản thủ tục hành chính như : *công văn, đơn từ, hợp đồng, văn bằng, hoá đơn,...*

Phong cách ngôn ngữ hành chính có các đặc điểm chung như sau.

1. Tính khuôn mẫu : Văn bản hành chính thường được thể hiện theo các khuôn mẫu xác định. Tùy tính chất của mỗi loại văn bản hành chính mà mức độ yêu cầu về khuôn mẫu có khác nhau, có thể chỉ là những nét lớn (như *báo cáo, biên bản,...*), có thể chi tiết hơn (như *hợp đồng, quyết định,...*), có thể có mẫu in sẵn (như *văn bằng, chứng chỉ, giấy giới thiệu,...*).

2. Tính minh xác : Văn bản hành chính phải đảm bảo sao cho mọi người đều hiểu và thực hiện thống nhất. Do đó, văn bản hành chính phải được viết rõ ràng, chính xác ; mọi ý phải được trình bày minh bạch, hiển ngôn, không được mơ hồ, gây nhiều cách hiểu.

3. Tính công vụ : Văn bản hành chính được dùng trong lĩnh vực điều hành và quản lí xã hội, nên ngôn ngữ trong văn bản hành chính phải có tính trang trọng, nghiêm túc. Văn bản hành chính thể hiện tinh thần trách nhiệm của người viết và của cơ quan ban hành. Văn bản hành chính có giá trị pháp lí. Do đó, trong văn bản hành chính phải ghi rõ họ tên người viết hoặc người kí, ngày tháng lập văn bản, thời hạn có hiệu lực, phạm vi tác động và đối tượng có trách nhiệm thi hành, v.v.

II – CÁCH SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN NGÔN NGỮ TRONG PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

1. Về ngữ âm – chữ viết

Chữ viết trong văn bản hành chính, ngoài các đặc điểm của chuẩn chính tả tiếng Việt nói chung, còn có những đặc điểm riêng như cách sắp xếp các mục, cách viết hoa, viết tắt, cách đánh số, v.v.

Ví dụ, khi viết những số dưới 10, người ta thường thêm số 0 vào đằng trước, như : 01, 03,....

2. Về từ ngữ

– Lớp từ ngữ trong văn bản hành chính là lớp từ ngữ chung. Văn bản hành chính không dùng các từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội,... Các từ ngữ thường được sử dụng với sắc thái ý nghĩa trang trọng. Văn bản hành chính thường sử dụng những từ ngữ có tính chất khuôn mẫu như : *nay ban hành, theo đề nghị, căn cứ vào, quyết định, thi hành, có hiệu lực từ ngày, trân trọng kính mời, các bên hữu quan, cơ quan chủ quản*,...

– Từ ngữ xưng hô trong văn bản hành chính mang tính chất xã hội. Văn bản hành chính không dùng những từ ngữ xưng hô theo kiểu gia đình, bạn bè : *bố, con, mẹ, nó, cậu, tớ*,...

3. Về kiểu câu

– Câu trong văn bản hành chính có kết cấu chặt chẽ. Quan hệ giữa các thành phần câu rõ ràng, xác định.

– Văn bản hành chính thường sử dụng kiểu câu trần thuật. Câu nghi vấn, câu cảm thán không thích hợp với loại văn bản này.

– Để người đọc dễ tiếp nhận, trong một số trường hợp, các vế câu thường được tách thành từng dòng riêng.

4. Về biện pháp tu từ

Văn bản hành chính không sử dụng các biện pháp tu từ, các phương tiện biểu cảm.

5. Về bố cục, trình bày

Văn bản hành chính thuộc loại có thể thức cố định. Bố cục thường gặp của văn bản hành chính gồm ba phần : phần đầu, phần chính và phần cuối. Chẳng hạn, một văn bản của cơ quan Nhà nước cấp Bộ thường có bố cục như sau :

Phần đầu : Bên phải là quốc hiệu, tiêu ngữ ; dưới tiêu ngữ là địa điểm và thời gian ra văn bản ; bên trái là tên cơ quan ra văn bản, dưới đó là số hiệu văn bản.

Phần chính : Nội dung của văn bản.

Phần cuối : Bên trái là những thông tin cần thiết (như *Nơi nhận...*) ; bên phải là chức vụ người ký văn bản, dưới đó là chữ ký, dấu cơ quan và họ tên người ký văn bản.

Ví dụ :

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số : 27-2005/QĐ-BGD&ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục"

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo ;

Căn cứ Quyết định số 26/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục" ;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế xét tặng Kỉ niệm chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1708/GD-ĐT ngày 19 tháng 5 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế xét tặng Huy chương "Vì sự nghiệp giáo dục".

Điều 3. Chánh văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ và các tổ chức trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan giáo dục quốc dân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG

(Đã kí và đóng dấu)

Nơi nhận :

[.....]

(Theo Các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng
trong lĩnh vực giáo dục, NXB Lao động – Xã hội, 2006)

LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu các đặc điểm chung và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong phong cách ngôn ngữ hành chính.

2. a) Trong giấy mời họp, có người viết như sau :

Cuộc họp bắt đầu hơi sớm. Mong đồng chí cố gắng dậy sớm và đến đúng giờ.

b) Trong đơn xin nghỉ học, một học sinh viết :

Thưa cô giáo chủ nhiệm kính mến !

Em bị ốm quá, không đi học được. Mong cô thông cảm, cho em nghỉ một vài bữa. Em hứa sẽ chép bài đầy đủ.

Các cách viết như trên có phù hợp với phong cách ngôn ngữ hành chính không ?
Tại sao ? Nếu không, hãy chữa lại cho đúng.

LUYỆN TẬP VỀ PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững kiến thức về phong cách ngôn ngữ hành chính.*
- *Biết vận dụng kiến thức về phong cách ngôn ngữ hành chính vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.*

1. *Sưu tập một số văn bản hành chính (như Sơ yếu lý lịch, Giấy giới thiệu, Biên bản hội nghị,...). Phân tích các đặc điểm chung và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong phong cách ngôn ngữ hành chính được thể hiện ở những văn bản đó.*

2. *Viết biên bản một buổi sinh hoạt lớp. Phân tích, đánh giá mức độ phù hợp giữa văn bản được viết ra với các đặc điểm chung và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong phong cách ngôn ngữ hành chính.*

3. *Dưới đây là mẫu một Giấy mời :*

Trường :

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Lớp :

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY MỜI

Kính gửi :

Trân trọng kính mời : đến dự cuộc họp mặt do lớp tổ chức nhân kết thúc năm học.

Thời gian :giờ....., ngày....., tháng....., năm.....

Địa điểm :

Rất hân hạnh được đón tiếp.

Thay mặt lớp

Lớp trưởng

(Kí tên)

Anh (chị) hãy :

a) Điền những nội dung thích hợp vào chỗ trống.

b) Dựa vào mẫu trên, viết một văn bản *Giấy mời* hoàn chỉnh gửi thầy (cô) chủ nhiệm lớp.

c) Chỉ ra những nét khác biệt giữa văn bản *Giấy mời* viết hoàn chỉnh với giấy mời điền theo mẫu.

4. Chỉ ra những đặc điểm chung và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ thể hiện trong văn bản *Quyết định* đã dẫn ở cuối bài *Phong cách ngôn ngữ hành chính* (trang 188).

VĂN BẢN TỔNG KẾT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được đặc điểm và yêu cầu cơ bản của văn bản tổng kết.*
- *Biết nhận xét và phân tích một văn bản tổng kết.*

1. Khái quát về văn bản tổng kết

Văn bản tổng kết là loại văn bản được sử dụng rất rộng rãi trong đời sống. Đó là văn bản nhằm nhìn lại toàn bộ những kiến thức có được trong học tập, nghiên cứu,... hoặc những công việc đã thực hiện trong lao động, công tác,... với một khoảng thời gian nhất định ; từ đó phân tích, đánh giá, rút ra những kết luận, bài học và nêu lên phương hướng cho những hoạt động tiếp theo.

Có rất nhiều loại hình tổng kết. Trong phạm vi nhà trường, tổng kết thường bao gồm hai loại chính.

– Tổng kết tri thức : nhìn lại toàn bộ những kiến thức, kĩ năng đã tiếp nhận và rèn luyện trong một giai đoạn học tập nhất định, hoặc kiến thức, kĩ năng một chương, một phần của một môn học nào đó. Ví dụ : tổng kết một giai đoạn văn học, tổng kết phần Tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai.

– Tổng kết hoạt động thực tiễn : nhìn lại toàn bộ những công việc và kết quả đã làm trong thực tiễn ; xem xét, đánh giá, rút ra những kết luận, bài học và nêu phương hướng hoạt động cho thời gian tới. Ví dụ : tổng kết công tác Đoàn trong

năm qua, tổng kết thành tích trong phong trào thi đua, tổng kết những kinh nghiệm học tập của cá nhân,...

Tổng kết có ý nghĩa rất quan trọng trong học tập và hoạt động thực tiễn, giúp chúng ta nhìn lại một chặng đường đã qua với những gì đã thu được, những gì chưa đạt, chưa tốt, từ đó tìm cách khắc phục và có kế hoạch tiếp theo một cách phù hợp.

2. Các yêu cầu cơ bản của văn bản tổng kết

– *Nội dung tổng kết cần xác thực, khách quan* : những nội dung tổng kết phải bám sát thực tế và đối tượng, phản ánh trung thực những gì đã diễn ra, không hư cấu, thêm thắt, bịa đặt nội dung, chi tiết, số liệu....

– *Xác định đúng phương thức biểu đạt* : văn bản tổng kết chủ yếu dùng phương thức thuyết minh và nghị luận. Đó là sự trình bày, giới thiệu nội dung, quá trình diễn biến, kết quả hoạt động, phân tích nguyên nhân, rút ra kết luận, bài học,...

– *Lựa chọn hình thức trình bày phù hợp* : căn cứ vào yêu cầu và nội dung tổng kết mà lựa chọn một hình thức trình bày cho phù hợp (độ ngắn, dài của văn bản ; mức độ chi tiết hay khái quát ; trình bày theo bảng biểu hay các chương, mục, các phần khác nhau,...).

– *Thực hiện đúng trình tự xây dựng một văn bản tổng kết* :

- + Xác định mục đích và yêu cầu
- + Lựa chọn các nội dung, phương diện cần tổng kết
- + Thu thập tư liệu, sắp xếp theo hệ thống
- + Xây dựng đề cương văn bản tổng kết
- + Viết văn bản tổng kết.

LUYỆN TẬP

Hãy đọc bài *Tổng kết phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học* (trang 180) hoặc bài *Tổng kết phần Văn học* (trang 194) trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai, nhận xét về các phương diện sau :

- a) Mục đích bài tổng kết
- b) Các nội dung tổng kết
- c) Phương thức biểu đạt được dùng trong bài tổng kết
- d) Hình thức trình bày bài tổng kết
- đ) Vai trò và tác dụng của bài tổng kết đối với anh (chị).

LUYỆN VIẾT VĂN BẢN TỔNG KẾT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

Có kĩ năng viết văn bản tổng kết.

1. Xác định yêu cầu và trình tự xây dựng văn bản tổng kết cho một trong các nội dung sau :

- Tổng kết phương pháp làm văn nghị luận
- Tổng kết kinh nghiệm công tác của một cán bộ Đoàn
- Tổng kết kinh nghiệm học các môn khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội
- Tổng kết phong trào thi đua của lớp học nhân dịp kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh 19 - 5.

2. Chọn một vấn đề nêu ở trên viết thành văn bản tổng kết.

Để viết các bản tổng kết trên, có thể tham khảo một số gợi ý sau :

a) Trong bài tổng kết phương pháp làm văn nghị luận, cần nêu được khái niệm về văn nghị luận, các kiểu văn nghị luận, phương pháp làm văn nghị luận nói chung (phân tích đề, tìm ý và lập dàn ý, diễn đạt và trình bày bài nghị luận), các thao tác lập luận cơ bản và cách vận dụng kết hợp các thao tác, các phương thức biểu đạt trong bài văn nghị luận,...

b) Khi tổng kết kinh nghiệm công tác của cán bộ Đoàn, cần làm rõ những điểm sau : những công việc chủ yếu của công tác Đoàn, những thuận lợi và khó khăn trong công tác Đoàn, những kinh nghiệm và các biện pháp để giải quyết khó khăn, những kiến thức và kĩ năng, tác phong và thái độ cần rèn luyện, các bài học rút ra từ kinh nghiệm công tác Đoàn,...

c) Khi tổng kết kinh nghiệm học các môn khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội, cần giới thiệu về đặc thù của môn học, trình bày phương pháp học các môn để đạt hiệu quả cao nhất, những kinh nghiệm riêng của bản thân để nắm vững kiến thức và rèn luyện kĩ năng,...

d) Khi tổng kết phong trào thi đua của lớp học nhân dịp kỉ niệm sinh nhật Bác cần nêu ra được những nội dung thi đua, kết quả cụ thể đã đạt được trong từng mặt, phân tích những thành tích và những hạn chế (nếu có), đề xuất những việc cần thực hiện trong thời gian tới,...

TỔNG KẾT PHẦN VĂN HỌC

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một cách hệ thống toàn bộ kiến thức văn học trong sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao (lớp 10, lớp 11, lớp 12) trên hai mặt lịch sử và thể loại.*
- *Biết vận dụng các kiến thức về lí luận văn học (văn bản văn học thuộc các thể loại khác nhau, khái niệm phong cách văn học, quá trình văn học, giá trị văn học, tiếp nhận văn học) vào việc phân tích, đánh giá các tác phẩm, tác gia, các thời kì, trào lưu, giai đoạn văn học trong sách giáo khoa.*

Bài tổng kết này bao quát và hệ thống hoá toàn bộ kiến thức văn học trong sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12), gồm ba phần : Văn học Việt Nam, Văn học nước ngoài và Lí luận văn học. Trong đó Văn học Việt Nam là trọng tâm.

A – VĂN HỌC VIỆT NAM

Nước Việt Nam là một quốc gia gồm nhiều dân tộc, vì thế văn học Việt Nam mang màu sắc đa dạng của một nền văn học nhiều dân tộc. Điều này thể hiện phong phú nhất ở bộ phận văn học dân gian. Bộ phận văn học viết cũng bao gồm sáng tác của một số dân tộc, nhưng đóng góp của người Kinh dồi dào và tiêu biểu hơn cả.

I – CÁC BỘ PHẬN VĂN HỌC

Nhìn một cách tổng quát, nền văn học Việt Nam gồm hai bộ phận tồn tại và phát triển song song, luôn có ảnh hưởng qua lại trong suốt tiến trình lịch sử.

1. Bộ phận văn học dân gian

a) Văn học dân gian có trước văn học viết và tiếp tục tồn tại, phát triển cùng văn học viết cho đến ngày nay. Nó đáp ứng nhu cầu biểu hiện ý thức cộng đồng, nhu cầu sáng tạo tập thể. Trong xã hội có giai cấp, nhu cầu ấy đặc biệt

quan trọng đối với các tầng lớp bình dân. Về mặt văn hoá nghệ thuật, văn học dân gian đáp ứng nhu cầu sáng tác và thưởng thức bằng phương thức truyền miệng. Nhu cầu này đặc biệt quan trọng khi xã hội chưa có chữ viết hoặc chữ viết chưa được phổ cập trong các tầng lớp bình dân.

b) Ở nước ta, văn học dân gian có giá trị tư tưởng và nghệ thuật rất phong phú, đồng thời có vai trò hết sức quan trọng đối với sự hình thành và phát triển của văn học viết. Nó được đánh giá như cuốn "sách giáo khoa về cuộc sống", góp phần quan trọng vào việc hình thành nhân cách người Việt, bảo tồn và phát huy những truyền thống tinh thần tốt đẹp của dân tộc. Đó là kho tàng các truyền thống nghệ thuật, từ ngôn ngữ đến hình thức thơ ca, các loại đề tài, cốt truyện, phương pháp xây dựng nhân vật, v.v. Văn học viết trong bước đầu hình thành đã dựa vào văn học dân gian để sáng tạo nên một số tác phẩm chữ Hán như *Việt điện u linh tập*, *Lĩnh Nam chích quái lục*, v.v. Nhiều tác phẩm chữ Nôm hay chữ quốc ngữ sơ đẳng có giá trị, một phần cũng là nhờ biết khai thác, phát huy nội dung tư tưởng và kinh nghiệm nghệ thuật của văn học dân gian : *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, thơ Hồ Xuân Hương, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Bính, Hoàng Cầm, truyện ngắn, tiểu thuyết trào phúng của Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, v.v.

c) Văn học dân gian được sáng tác theo lối tập thể và truyền miệng. Quá trình sáng tác, lưu truyền có tính tập thể và bằng con đường truyền miệng đã tạo ra các tính chất riêng của văn học dân gian : tính dị bản trong hình thức tồn tại, ý thức cộng đồng trong nội dung, tính truyền thống cao về nghệ thuật, tính diễn xướng và việc sử dụng ngôn ngữ nói.

Ngoài ra, do ra đời từ rất xa xưa, phản ánh thế giới quan thần linh chủ nghĩa của con người thời viễn cổ, nhiều tác phẩm văn học dân gian, nhất là thần thoại, truyền thuyết, sử thi, truyện cổ tích thần kì,... có lối phản ánh hiện thực một cách kì ảo bằng trí tưởng tượng hồn nhiên của con người ở "thời thơ ấu của nhân loại".

d) Về mặt thể loại, văn học dân gian có nhiều sáng tạo rất phong phú, đa dạng : có loại văn xuôi, sử dụng phương thức tự sự như *thần thoại*, *truyền thuyết*, *truyện cổ tích*, *truyện cười*, *truyện ngụ ngôn* ; có loại văn vần dùng phương thức trữ tình như *ca dao*, *dân ca*, hoặc kết hợp tự sự với trữ tình như *sử thi dân gian*, *truyện thơ dân gian* ; có loại kết hợp với giai điệu nhạc như *dân ca* ; có loại kịch bản sân khấu như *chèo*, *tuồng*, *đố*.

Về nội dung, có loại nhằm giải thích vũ trụ hay nguồn gốc nhân loại như *thần thoại* ; có loại quan tâm đến số phận cộng đồng như *sử thi* ; có loại đề cập

đến lịch sử theo quan niệm dân gian như *truyền thuyết* ; có loại nói về thân phận con người nghèo khổ trong xã hội, thể hiện quan niệm đạo đức, khát vọng về hạnh phúc và công lí xã hội như *truyện cổ tích, truyện thơ* ; có loại nhằm rèn luyện trí tuệ như *tục ngữ, câu đố, truyện ngụ ngôn, truyện cười* ; có loại chủ yếu diễn đạt tâm tình như *ca dao, dân ca, truyện thơ dân gian,...*

Căn cứ vào những đặc điểm và các hình thức thể loại nói trên, người ta xác định phương pháp đọc - hiểu riêng đối với các tác phẩm văn học dân gian.

d) Văn học dân gian cũng có quá trình vận động, phát triển lịch sử. Nhưng vì được sáng tác theo lối truyền miệng và tập thể nên chỉ có thể phán đoán về các thời kì phát triển của nó một cách chung chung trên nét lớn, không thể xác định được các mốc lịch sử của nó một cách cụ thể, chính xác.

2. Bộ phận văn học viết

Từ những thế kỉ trước Công nguyên, quốc gia Đại Việt đã hình thành với một nền văn hoá khá phát triển (gọi là thời Văn Lang – Âu Lạc). Đến thế kỉ II trước Công nguyên, các tập đoàn phong kiến Trung Hoa xâm lược nước ta và đặt ách đô hộ của chúng trong mười thế kỉ. Suốt thời Bắc thuộc, nhân dân ta luôn luôn nổi dậy giành lại chủ quyền. Đến khi Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán (năm 938) thì dân tộc ta khôi phục được nền độc lập một cách vững vàng. Nền văn hiến được phục hưng. Bộ phận văn học viết đã có mầm mống từ trước, nay chính thức ra đời.

Trải qua hơn mười thế kỉ, cùng với văn học dân gian, nền văn học viết, tuy phải trải qua nhiều thử thách vô cùng ác liệt, đã chứng tỏ vốn liếng dồi dào và sức sống mãnh liệt. Quy luật phát triển chung của nó là ngày càng được dân chủ hoá, dân tộc hoá sâu sắc từ nội dung đến hình thức. Đồng thời những truyền thống tư tưởng lớn : tinh thần yêu nước, tư tưởng nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng ngày càng được bồi đắp phong phú hơn và được củng cố vững chắc hơn.

Từ thế kỉ X cho đến hết thế kỉ XX, nền văn học viết phát triển qua ba thời kì :

- Thời kì từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX
- Thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945
- Thời kì từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.

Trên cơ sở sự vận động của lịch sử xã hội, lịch sử tư tưởng văn hoá và những biến đổi về ý thức và tâm lí con người, nền văn học viết qua mỗi thời kì phát triển, tuy luôn bảo tồn và phát huy những truyền thống chung của văn học dân tộc,

vẫn có những chuyển biến nhất định về các mặt : về cấu trúc các bộ phận, các thành phần ; về cộng đồng văn học (người viết văn và người đọc văn) ; về quan hệ giao lưu với các nền văn hoá, văn học nước ngoài ; về ngôn ngữ, văn tự, thể loại sáng tác, tư tưởng mỹ học và thi pháp....

II – VĂN HỌC VIẾT QUA CÁC THỜI KÌ LỊCH SỬ

1. Thời kì từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX

Đây là thời kì văn học tồn tại và phát triển dưới các triều đại phong kiến, gọi chung là thời kì văn học trung đại.

a) Thời kì này, văn học gồm hai thành phần : văn học viết bằng chữ Hán (chính thức ra đời từ thế kỉ X) và văn học bằng chữ Nôm (ra đời khoảng thế kỉ XIII). Người viết và người đọc văn (cộng đồng văn học) chủ yếu là trí thức Hán học chịu ảnh hưởng sâu sắc tư tưởng Nho, Phật, Đạo. Giao lưu với văn học nước ngoài thời kì này chủ yếu giới hạn trong quan hệ với văn học cổ Trung Hoa. Nền văn học chưa phân hoá phức tạp. Đặc trưng thi pháp chung là phản ánh hiện thực, biểu hiện nội tâm, phát biểu tư tưởng thông qua một hệ thống ước lệ dày đặc, phức tạp, chặt chẽ với ba tính chất : uyên bác, cách điệu hoá (không tả thực), sùng cổ và phi ngã. Văn học chức năng và văn học nghệ thuật chưa phân hoá thật dứt khoát. Văn học thuật (sử học, triết học, chính trị, đạo đức học, v.v.) luôn được coi trọng hơn văn nghệ thuật.

b) Văn học viết thời trung đại có vai trò rất to lớn đối với quá trình hình thành và phát triển của nền văn học dân tộc : đặt nền móng về mặt văn tự (dùng chữ Hán phát âm theo cách riêng, sáng tạo chữ Nôm) ; Việt hoá các thể thơ, phú, truyện, kí cổ điển Trung Hoa ; khai thác và phát huy các thể thơ thuần Việt từ văn học dân gian (lục bát và song thất lục bát) ; sáng tạo truyện thơ Nôm, thể ngâm khúc, thơ hát nói,... ; xây dựng và củng cố các truyền thống tinh thần cơ bản của dân tộc : chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng ; hình thành hệ thống thi pháp văn học trung đại và tạo điều kiện ra đời nhiều cây bút lớn : Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Trãi, Nguyễn Dữ, Lê Quý Đôn, các tác giả trong Ngô gia văn phái, Nguyễn Du, Phan Huy Chú, Đặng Trần Côn – Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, v.v.

c) Văn học viết thời trung đại vận động, phát triển qua bốn giai đoạn :

- Từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIV
- Từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII
- Từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX
- Nửa cuối thế kỉ XIX.

Quy luật vận động, phát triển chung của văn học trung đại là ngày càng dân chủ hoá và dân tộc hoá một cách sâu sắc, toàn diện. Quy luật này được đẩy mạnh hơn bao giờ hết từ giai đoạn thứ ba và thứ tư.

Về nội dung, tạo ra một trào lưu văn học lớn mang tinh thần nhân đạo chủ nghĩa sâu sắc hướng về người dân thường, đấu tranh đòi quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc cho con người, đặc biệt là phụ nữ (giai đoạn thứ ba) ; phát triển một phong trào yêu nước chống thực dân Pháp hết sức sôi nổi (giai đoạn thứ tư).

Về hình thức, đưa ngôn ngữ nghệ thuật đến độ trưởng thành cao nhất, dù là chữ Hán hay chữ Nôm ; thơ Đường luật được Việt hoá hoàn toàn, tạo ra hàng loạt kiệt tác ; truyện thơ Nôm, thể ngâm khúc nở rộ, tiểu thuyết chương hồi, kịch bản tuồng, thể kí phát triển phong phú ; một số trí thức tiên tiến soạn ra những bản điều trần có giá trị chính luận sắc sảo, đề xuất phương án canh tân đất nước theo văn minh hiện đại ; khi thực dân Pháp xâm lược và đặt được nền đô hộ của chúng lên đất nước ta (giai đoạn thứ tư) thì nổi lên xu hướng thơ ca trào phúng với nhiều cây bút tài năng.

2. Thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

Văn học thời kì này tồn tại và phát triển dưới ách đô hộ của thực dân Pháp.

a) Trong xã hội thuộc địa, cuộc đấu tranh dân tộc giữa nhân dân ta và thực dân Pháp khiến cho nền văn học viết phân hoá thành hai bộ phận : hợp pháp (công khai) và bất hợp pháp (không công khai).

Bộ phận văn học phát triển hợp pháp phải chịu sự chi phối của tư tưởng thống trị và các chính sách văn hoá của thực dân. Tuy vậy, bên cạnh những hạn chế, vẫn thể hiện tinh thần dân tộc và khai thác được mặt tiến bộ, lành mạnh của nền văn hoá, văn học Pháp. Bộ phận văn học hợp pháp chủ yếu phát triển ở các đô thị, thị trấn. Người viết là trí thức Tây học, người đọc là các tầng lớp thị dân, phần lớn thuộc loại tiểu tư sản ít chữ nghĩa. Sinh hoạt đô thị cùng ảnh hưởng của tư tưởng và văn hoá phương Tây (chủ yếu là Pháp) khiến họ có sự thức tỉnh sâu sắc về ý thức cá nhân. Đó là cơ sở của quan điểm thẩm mĩ và thi pháp văn học hiện đại.

Đó cũng là lí do khiến bộ phận văn học phát triển hợp pháp thời kì này phân hoá thành nhiều xu hướng, trường phái, phong cách nghệ thuật khác nhau.

Bộ phận văn học phát triển hợp pháp, do hoạt động công khai nên có điều kiện phát triển thuận lợi trên mọi thể loại.

Bộ phận văn học phát triển bất hợp pháp, tức dòng văn học cách mạng, sáng tác và lưu hành chủ yếu trong vòng bí mật (đôi lúc có điều kiện hoạt động công khai, như thời kì Đông Kinh nghĩa thực hay thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhưng nói chung luôn luôn bị đàn áp khủng bố). Người viết là chiến sĩ cách mạng, coi văn học trước hết là vũ khí đấu tranh, người đọc là quần chúng nhân dân có điều kiện tiếp xúc với cách mạng. Về nội dung, văn học thuộc bộ phận phát triển bất hợp pháp trực tiếp truyền bá lí tưởng cách mạng, tư tưởng yêu nước và chống thực dân, tạo nên một dòng văn học chính trị thống nhất. Chủ nghĩa lãng mạn cách mạng là khuynh hướng thẩm mĩ chủ yếu của bộ phận văn học này. Do hoạt động bí mật, bộ phận văn học này không có điều kiện gia công nhiều về nghệ thuật (có khi phải phổ biến bằng lối truyền miệng). Thể loại chủ yếu của bộ phận văn học bất hợp pháp là thơ ca.

b) Văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có ba đặc điểm cơ bản : hiện đại hoá, nghĩa là thoát ra khỏi hệ thống thi pháp của văn học trung đại ; tốc độ phát triển rất mau lẹ cả về số lượng và chất lượng ; phân hoá thành nhiều bộ phận, nhiều xu hướng, trường phái, phong cách khác nhau.

c) Văn học thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 tuy chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn (chưa đầy nửa thế kỉ) nhưng đã có nhiều đóng góp to lớn đối với lịch sử văn học dân tộc : tạo nên một nền văn học bằng chữ quốc ngữ ; hiện đại hoá toàn bộ các thể loại truyền thống (thơ ca, truyện, kí), du nhập một số thể loại mới (kịch nói, phóng sự, phê bình văn học) ; phát huy các truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc (yêu nước, nhân đạo, chủ nghĩa anh hùng) trên lập trường dân chủ ; gây được một phong trào báo chí, dịch thuật phong phú, từ đó, sáng tạo nên câu văn xuôi tiếng Việt hiện đại ; đào tạo được nhiều cây bút tài năng có phong cách độc đáo trên mọi thể loại ; khép lại mười thế kỉ văn học trung đại đồng thời đưa nền văn học đất nước bước vào thời kì hiện đại.

3. Thời kì từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX

Đây là thời kì nền văn học phát triển trong hoàn cảnh dân tộc đã giành được chủ quyền (từ Cách mạng tháng Tám 1945). Các thành phần văn học tồn tại trong

vùng bị địch tạm chiếm trước năm 1975 và ở hải ngoại sau năm 1975, tuy cũng gồm trong nền văn học dân tộc, nhưng không thể xem là chính thống và tiêu biểu.

Thời kì này, nền văn học chính thống được xây dựng và phát triển dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng theo hệ tư tưởng Mác – Lê-nin. Quá trình phát triển gồm hai giai đoạn : từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến chiến thắng 30 - 4 - 1975 giải phóng hoàn toàn đất nước, và từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX, đất nước bước dần vào công cuộc đổi mới.

a) Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến năm 1975

Giai đoạn này, nền văn học hình thành và phát triển trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc kéo dài và vô cùng ác liệt. Phương châm xây dựng nền văn hoá, văn học mới là dân tộc hoá, hiện thực hoá, đại chúng hoá. Về sáng tác và phê bình thì tuân thủ các nguyên tắc của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Văn học giai đoạn 1945 - 1975, do hoàn cảnh chiến tranh, có ba đặc điểm cơ bản : phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu ; hướng về đại chúng, trước hết là công nông binh ; sáng tác chủ yếu theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

Do phải tập trung phục vụ lợi ích của cộng đồng, văn học giai đoạn này không tránh khỏi một số nhược điểm như có phần giản đơn, phiến diện trong quan niệm về hiện thực và con người, ít quan tâm phát huy cá tính, phong cách của nhà văn. Về giao lưu với văn hoá, văn học thế giới chỉ giới hạn trong quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc,... Tuy vậy, văn học giai đoạn này đã có những thành tựu to lớn : phát huy cao độ tinh thần yêu nước, tư tưởng nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng, góp phần quan trọng vào cuộc chiến đấu và thắng lợi của dân tộc chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, đồng thời đào tạo được những cây bút tài năng xuất thân từ quần chúng nhân dân và để lại không ít tác phẩm có giá trị, nhất là về thơ, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn.

Từ năm 1945 đến năm 1975, trong vùng địch tạm chiếm vẫn tồn tại và phát triển một bộ phận văn học, trong đó, bên cạnh các sáng tác có xu hướng nô dịch, phản động thì cũng có không ít tác phẩm tiến bộ mang màu sắc dân tộc dân chủ.

b) Giai đoạn từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX

Đây là giai đoạn văn học phát triển trong hoàn cảnh đất nước đã thống nhất, bước vào công cuộc xây dựng trong điều kiện hoà bình và hội nhập rộng rãi với các nước trên thế giới.

Sau một thời gian phát triển theo quán tính, vào khoảng năm 1980, đặc biệt từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), nền văn học bước vào công cuộc đổi mới ngày một toàn diện và sâu sắc.

Sự đổi mới quan trọng nhất là ý thức của người cầm bút : quan niệm toàn diện hơn về hiện thực và con người, về nhà văn và công chúng. Ý thức cá nhân thức tỉnh, nhà văn đua nhau thể hiện những tìm tòi riêng về tư tưởng, về cuộc sống, về phong cách nghệ thuật, đua nhau tìm hiểu kinh nghiệm của các nền văn học tiên tiến trên thế giới để đổi mới tư tưởng và cách viết, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của thời đại. Về lí luận và phê bình văn học, bước đầu đã hình thành một hệ thống khái niệm mới để phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học từ cổ điển đến hiện đại và phát huy tác động đối với hoạt động sáng tác. Một thế hệ nhà văn trẻ ra đời ngày càng đông đảo với những tìm tòi táo bạo về tư tưởng và nghệ thuật. Một số cây bút đã sáng tạo được những tác phẩm có giá trị, đặc biệt là với văn xuôi (truyện ngắn, tiểu thuyết, bút kí).

Nhìn chung nền văn học đang trong quá trình trăn trở tìm tòi khá náo nhiệt để đổi mới nhưng thành công chưa nhiều. Công chúng đang chờ đợi sự ra đời của những tác phẩm xuất sắc, có giá trị định hướng cụ thể cho nền văn học trên đường đổi mới.

c) Văn học thời kì từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến nay có một vai trò quan trọng và những đóng góp to lớn trong lịch sử văn học dân tộc : gắn bó mật thiết với từng bước đi của cách mạng và vận mệnh của Tổ quốc ; nhờ nền giáo dục và chữ quốc ngữ được phổ cập hơn bao giờ hết nên đội ngũ người cầm bút và công chúng văn học được mở rộng chưa từng thấy trong lịch sử. Nền văn học chính thống có sự thống nhất về tư tưởng. Quan hệ giao lưu với thế giới ngày càng mở rộng. Các thể loại của văn học hiện đại rất phong phú và đa dạng, từ truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết bộ ba, bộ bốn, bút kí đến tùy bút, phóng sự, kịch bản sân khấu, kịch bản điện ảnh, thơ trữ tình, thơ trào phúng, trường ca, lí luận, phê bình văn học,...

Khoa nghiên cứu văn học rất phát triển với nhiều công trình có quy mô lớn về lịch sử văn học dân tộc và các tác gia tiêu biểu từ trung đại đến hiện đại.

III – ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM

1. So sánh với nhiều nền văn học của các dân tộc khác trên thế giới, văn học Việt Nam là một trong những nền văn học có lịch sử lâu đời.

2. Nền văn học Việt Nam có sức sống rất dồi dào, mãnh liệt. Một nghìn năm Bắc thuộc, ngót một trăm năm dưới ách thực dân Pháp, bị tàn phá bởi nhiều cuộc chiến tranh xâm lược của phong kiến Trung Quốc, thực dân Pháp, phát xít Nhật, đế quốc Mĩ, là mục tiêu huỷ diệt của kẻ thù muốn đồng hoá người Việt, muốn xoá bỏ tận gốc văn hoá dân tộc ta từ tiếng nói đến chữ viết, vậy mà nền văn học nước ta vẫn tồn tại và ngày càng phát triển.

3. Nền văn học Việt Nam vận động theo quy luật ngày càng dân chủ hoá, dân tộc hoá sâu sắc từ nội dung tư tưởng đến hình thức nghệ thuật, các truyền thống tinh thần ngày càng được củng cố và phát huy, cộng đồng văn học ngày càng phát triển, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, hệ thống các thể loại ngày càng hiện đại và hoàn chỉnh.

4. Nền văn học Việt Nam sẵn sàng tiếp thu mọi tinh hoa và kinh nghiệm của các nền văn hoá, văn học trên thế giới với tinh thần chủ động cải biến, sáng tạo, nhằm phục vụ yêu cầu phát triển của văn học dân tộc từ tư tưởng đến ngôn ngữ và thể loại.

5. Văn học viết và văn học dân gian luôn luôn có quan hệ chặt chẽ và tác động qua lại trong quá trình trưởng thành, khi hai bộ phận văn học này kết tinh lại ở những cá tính nào đó thì lịch sử lại được chứng kiến sự ra đời của những cây bút lớn.

B – VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

1. Phần Văn học nước ngoài ở sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12) không nhằm cung cấp tri thức có hệ thống về một nền văn học nào. Nó chỉ chọn lựa một lượng tri thức tối thiểu về một số tác phẩm mà học sinh có trình độ học vấn cấp Trung học phổ thông phải nắm được. Văn học Hi Lạp có sử thi *Ô-đi-xê* (Hô-me-rơ), văn học Ấn Độ có sử thi *Ra-ma-ya-na* (Van-mi-ki), *Bài thơ số 28* (Ta-go), văn học Anh có kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* (Sếch-xpia), văn học Pháp có tiểu thuyết *Những người khốn khổ* (Huy-gô), *Lão Gô-ri-ô* (Ban-dắc), bài thơ *Tự do* (Pôn Ê-luy-a), văn học Nga có bài thơ *Tôi yêu em* (Pu-skin), truyện ngắn *Người trong bao* (Sê-khốp), *Số phận con người* (Sô-lô-khốp), văn học Trung Quốc có thơ Đường (*Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng* – Lí Bạch, *Cảm xúc mùa thu* – Đỗ Phủ, *Tì bà hành* – Bạch Cư Dị, *Nỗi oán của người phòng khuê* – Vương Xương Linh, *Lầu Hoàng Hạc* – Thôi Hiệu, *Khe chim kêu* – Vương Duy), tiểu thuyết *Minh Thanh* (*Tam quốc diễn nghĩa* – La Quán Trung),

truyện truyền kì (*Liêu Trai chí dị* – Bồ Tùng Linh), truyện ngắn hiện đại (*Thuốc* – Lỗ Tấn),... văn học Nhật Bản có thơ hai-cư (Ba-sô và Bu-sô), văn học Mỹ có *Ông già và biển cả* (Hê-minh-uê).

2. Các văn bản văn học nước ngoài được sắp xếp theo nguyên tắc tích hợp với các văn bản văn học Việt Nam, một phần về lịch sử văn học, nhưng chủ yếu về mặt thể loại. Ví dụ, sử thi Hi Lạp, Ấn Độ được xếp liền theo sử thi Việt Nam, thơ Đường Trung Quốc được học liền với thơ trung đại Việt Nam, kịch *Rô-mê-ô và Giu-li-ét* được học tiếp theo bi kịch *Vũ Như Tô*, tiểu thuyết của Huy-gô, Ban-đắc, truyện ngắn của Sê-khốp, Lỗ Tấn được học tiếp theo tiểu thuyết, truyện ngắn hiện đại của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Thạch Lam, v.v. Ngoài ra, kèm theo mỗi văn bản văn học lại có phần *Tri thức đọc - hiểu* về thể loại tương ứng. Ví dụ, kèm theo các văn bản sử thi có *Tri thức đọc - hiểu* về *Sử thi*, kèm theo thơ Đường và thơ trung đại Việt Nam có *Tri thức đọc - hiểu* về *Luật thơ Đường*, *Ngôn ngữ thơ Đường*, kèm theo các văn bản *Thơ hai-cư*, *Tam quốc diễn nghĩa* có các *Tri thức đọc - hiểu* về *Thơ hai-cư của Ba-sô*, *Tiểu thuyết chương hồi*, v.v.

Nhìn chung, sách giáo khoa *Ngữ văn Năng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12) tạo mọi điều kiện cho học sinh tích hợp các tri thức về lịch sử văn học, nhất là về thể loại văn học, để có thể đọc - hiểu các văn bản văn học nước ngoài.

C – LÍ LUẬN VĂN HỌC

1. Nếu chỉ tính những bài học riêng về lí luận văn học thì số lượng không có bao nhiêu. Nhưng nếu khai thác nội dung lí luận ở các bài thuộc các phân môn như các bài *Đọc văn về văn học Việt Nam*, *văn học nước ngoài*, các bài về *Tiếng Việt và Làm văn*, và đặc biệt là hàng loạt những phần *Tri thức đọc - hiểu*, thì sẽ thấy khối lượng tri thức về lí luận văn học được cung cấp trong sách giáo khoa *Ngữ văn Năng cao* từ lớp 10 đến lớp 12 hết sức phong phú. Chẳng hạn như bài *Viên Mai bàn về thơ* (*Ngữ văn 10 Năng cao*, tập một) rất có giá trị về lí luận đối với việc đọc - hiểu thơ trung đại Trung Quốc và Việt Nam ; các bài về Tiếng Việt như *Luyện tập về biện pháp tu từ*, *Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật* (lớp 10), *Ngữ cảnh*, *Nghĩa của câu* (lớp 11) hay các bài về Làm văn như *Liên tưởng, tưởng tượng*, *Luận điểm trong bài văn nghị luận* (lớp 10), *Các kiểu kết cấu của bài văn nghị luận* (lớp 12),... đều có giá trị bổ trợ cho các tri thức về lí luận văn học xung quanh các khái niệm về ngôn ngữ, hình tượng, thể loại văn học,... Còn những phần *Tri thức đọc - hiểu* thì có thể nói đa số viết về

lí luận văn học (chủ yếu trình bày về các thể loại, các đặc điểm của thơ, văn từ văn học dân gian đến văn học viết, từ thời trung đại đến thời hiện đại).

2. Sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12) lấy phân Văn học và Làm văn làm nội dung chủ đạo vì mục đích của Chương trình là rèn luyện cho học sinh có năng lực đọc - hiểu các văn bản văn học và tạo lập được văn bản văn học theo yêu cầu của cấp học.

Nhằm mục đích ấy, các bài lí luận văn học đều xoay quanh việc cung cấp các tri thức lí thuyết và kĩ năng thực hành đọc - hiểu văn bản thuộc các thể loại khác nhau. Các tri thức ấy được nâng dần lên từ thấp đến cao.

Sách giáo khoa *Ngữ văn 10 Nâng cao* cung cấp tri thức về văn bản và đọc - hiểu văn bản nói chung.

Sách giáo khoa *Ngữ văn 11 Nâng cao* trình bày tri thức về văn bản thuộc các thể loại khác nhau và phân tích quá trình đọc - hiểu văn bản từ ngôn từ, hình tượng đến khái quát về tư tưởng và nghệ thuật.

Sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao* xác định các giá trị văn học và tổng hợp tri thức về các phương diện của văn bản, phân tích khái quát, đối chiếu với phong cách nhà văn và quá trình vận động lịch sử của văn học dân tộc để hiểu và đánh giá văn bản một cách đầy đủ, thấu đáo.

Nhìn chung, để đọc - hiểu văn bản, học sinh cần nắm được mấy điểm cơ bản sau đây :

- Toàn bộ các văn bản văn học có thể chia làm hai loại : văn nghị luận (nghĩa rộng) và văn hình tượng thuộc các thể loại khác nhau.

- Văn bản văn học là một chỉnh thể thống nhất.

- Quá trình đọc - hiểu văn bản văn học là quá trình trở đi trở lại : từ ngôn từ, chi tiết, hình tượng, giọng điệu, v.v. đến khái quát, tổng hợp để nhận thức, đánh giá toàn bộ văn bản, và ngược lại. Nghĩa là từ phân tích cụ thể đến tổng hợp khái quát và từ tổng hợp khái quát soi sáng trở lại sự phân tích cụ thể.

- Đối với loại văn hình tượng, nhận thức, đánh giá phải kết hợp lí trí với tình cảm, cảm xúc thẩm mĩ.

- Văn học là một hình thức giao tiếp đặc biệt, đòi hỏi sự đồng cảm sâu sắc, chân thật. Vậy muốn tiếp nhận thông điệp của văn bản văn học, người đọc vẫn phải thể nghiệm bằng chính vốn sống, vốn văn hoá của mình. Muốn có những vốn sống ấy, phải sống sâu sắc cuộc sống của mình, sống sâu sắc những gì được nghe, được thấy, được đọc, được nếm trải trong suốt cuộc đời mình.

– Những tác phẩm văn học lớn là những văn bản khai thác mãi cũng không cạn hết ý nghĩa của nó. Người ta gọi đó là những tác phẩm không có đáy.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài *Tổng kết phần Văn học* gồm mấy phần ? Nội dung từng phần là gì ?
2. So sánh đặc điểm của văn học dân gian Việt Nam với văn học viết về các mặt : tác giả, phương thức sáng tạo, lưu truyền, nội dung và nghệ thuật. Nêu vai trò, tác động của văn học dân gian đối với văn học viết.
3. Lịch sử văn học viết Việt Nam vận động, phát triển qua mấy thời kì ? Nêu đặc điểm và đóng góp của mỗi thời kì đối với quá trình phát triển của văn học dân tộc.
4. Nhìn chung, đặc điểm cơ bản và khái quát nhất của lịch sử văn học Việt Nam qua mười thế kỉ phát triển là gì ?
5. Yêu cầu về nội dung kiến thức của phần Văn học nước ngoài. Các bài đọc - hiểu về văn học nước ngoài được sắp xếp theo nguyên tắc gì ?
6. Trình bày quá trình đọc - hiểu một văn bản văn học. Đọc - hiểu một văn bản thơ khác với đọc - hiểu một văn bản truyện ngắn như thế nào ? Để đọc - hiểu văn bản văn học, cần nắm được những điểm cơ bản gì về tác phẩm văn học và về điều kiện chủ quan của nhà văn ?

TỔNG KẾT PHẦN LÀM VĂN

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một cách khái quát các nội dung cơ bản (kiến thức, kĩ năng) và cấu trúc của phần Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao (lớp 10, lớp 11, lớp 12).*
- *Thấy được mối quan hệ giữa phần Làm văn với các phần Văn học và Tiếng Việt.*

1. Mục đích và nhiệm vụ của phần Làm văn trong sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12).

Mục đích của phần Làm văn trong nhà trường là giúp người học biết suy nghĩ trước một vấn đề văn học, xã hội hay một hiện tượng trong cuộc sống và biết diễn đạt, trình bày những suy nghĩ đó một cách sáng sủa, rõ ràng. Không biết suy nghĩ thì không có nội dung (ý) để viết, không biết diễn đạt, trình bày thì không làm cho người khác hiểu rõ, hiểu đúng điều mình nghĩ. Từ biết suy nghĩ đến biết diễn đạt (nói hoặc viết) những suy nghĩ đó là một khoảng cách. Có người nghĩ được nhưng diễn đạt lại vụng về. Tuy nhiên, nhìn chung một khi ý nghĩ đã rõ ràng, mạch lạc thì diễn đạt sẽ trôi chảy, sáng rõ. Học làm văn là học cách rèn luyện để có cả hai khả năng : biết nghĩ và biết diễn đạt suy nghĩ.

Cách nghĩ và cách diễn đạt trước một vấn đề cuộc sống, xã hội hoặc văn học được gọi là phương thức biểu đạt. Có thể có rất nhiều phương thức biểu đạt khác nhau, nhưng nhà trường phổ thông tập trung vào sáu phương thức chính : *tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận và hành chính – công vụ*. Sáu phương thức này tạo ra sáu kiểu văn bản tương ứng. Để tạo lập được các kiểu văn bản vừa nêu, phần Làm văn có nhiệm vụ sau đây :

– Cung cấp cho người học những hiểu biết về đặc điểm của sáu kiểu văn bản và cách thức tạo lập sáu kiểu văn bản ấy.

– Thực hành luyện tập để có kĩ năng tạo lập sáu kiểu văn bản (nói và viết) sao cho phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

2. Cấu trúc các nội dung cơ bản của phần Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn Năng cao (lớp 10, lớp 11, lớp 12)

Trong sách giáo khoa *Ngữ văn* cấp Trung học cơ sở, học sinh đã được rèn luyện cả sáu kiểu văn bản nêu trên. Đến cấp Trung học phổ thông, sách giáo khoa *Ngữ văn* tiếp tục rèn luyện các kiểu văn bản đã học ở các lớp dưới theo tinh thần củng cố và nâng cao. Có nghĩa là các kiểu văn bản đều được rèn luyện nhưng phát triển cao hơn và có trọng tâm, trọng điểm. Văn bản nghị luận là một loại văn bản khó, vì thế cần tập trung nhiều hơn ở cấp Trung học phổ thông. Nội dung Làm văn của cả cấp học này được xây dựng theo cấu trúc sau.

Lớp 10 : Tập trung ôn tập và rèn luyện lại các kiểu văn bản đã học ở cấp Trung học cơ sở : *tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận*. Ôn lại các kiểu văn bản nhưng không lặp lại lí thuyết mà chủ yếu là vận dụng qua thực hành, tích hợp với phần Văn học. Ví dụ :

– Ôn lại văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm thông qua các đề văn gắn với các tác phẩm văn học đang học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10 Nâng cao*. Đó là những truyện dân gian, truyện trung đại,...

– Ôn lại văn biểu cảm bằng cách luyện tập làm các đề văn gắn với các tác phẩm trữ tình như ca dao, thơ trữ tình trung đại.

– Ôn lại văn nghị luận qua các đề văn gắn với các tác phẩm nghị luận trung đại.

– Ôn lại văn thuyết minh gắn với yêu cầu thuyết minh một tác giả, tác phẩm văn học đang học.

Ngoài các nội dung ôn tập thông qua thực hành nêu trên, sách giáo khoa *Ngữ văn 10 Nâng cao* còn giới thiệu một số nội dung nhằm giúp người học có được những kinh nghiệm làm văn như : *Thực hành lập ý và viết đoạn văn theo các yêu cầu khác nhau ; Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu ; Quan sát, thể nghiệm đời sống ; Đọc tích lũy kiến thức ; Liên tưởng, tưởng tượng,...*

Lớp 11 : Tập trung vào các thao tác nghị luận chưa học như *lập luận phân tích, lập luận so sánh, lập luận bác bỏ và lập luận bình luận*. Các thao tác này đều được luyện tập cả về nghị luận xã hội và nghị luận văn học, chẳng hạn :

– Với lập luận phân tích, thì luyện tập *phân tích một vấn đề xã hội, phân tích một tác phẩm thơ và phân tích một tác phẩm văn xuôi*.

– Với bình luận có *bình luận xã hội và bình luận văn học* ; tương tự là *bác bỏ* một ý kiến sai về xã hội hoặc văn học,...

Lớp 12 : Tập trung vào tổng kết các dạng bài nghị luận và kĩ năng hoàn chỉnh bài văn.

– Nghị luận xã hội với ba dạng bài cụ thể : *nghị luận về một tư tưởng, đạo lý; nghị luận về một hiện tượng đời sống và nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học*.

– Nghị luận văn học với ba dạng chủ yếu : *nghị luận về một bài thơ, một đoạn thơ ; nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi và nghị luận về một ý kiến bàn về văn học*.

– Kĩ năng hoàn chỉnh bài văn bao gồm : *kĩ năng xây dựng kết cấu bài văn nghị luận, kĩ năng lựa chọn, nêu luận điểm và sử dụng luận cứ, các kĩ năng mở bài, thân bài, kết bài, kĩ năng diễn đạt và trình bày một bài văn,...*

Riêng đối với văn bản *hành chính – công vụ* và một số loại văn bản khác không học lặp lại các dạng văn bản ở các lớp trước, mà mỗi lớp học thêm một vài dạng mới : lớp 10 với văn bản *Lập kế hoạch cá nhân* và *Văn bản quảng cáo* ; lớp 11 học văn bản *Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn*, *Bản tin* và *Tiểu sử tóm tắt* ; lớp 12 học *Phát biểu theo chủ đề và phát biểu tự do*, *Xây dựng đề cương diễn thuyết* và *Văn bản tổng kết*.

Trên đây là cấu trúc nội dung cơ bản của phần Làm văn trong sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12). Nội dung học ở mỗi lớp đều có phần lí thuyết và phần luyện tập, trong đó ưu tiên cho luyện tập, với các hình thức chủ yếu sau :

- Luyện tập để củng cố lí thuyết
- Viết đoạn văn ngắn
- Tìm ý, lập dàn ý
- Viết bài kiểm tra (8 bài / năm)
- Luyện nói.

3. Mối quan hệ giữa nội dung phần Làm văn với các phần Văn học và Tiếng Việt

Môn Ngữ văn là môn học tích hợp, do đó nội dung kiến thức và kĩ năng giữa ba phần Văn học, Tiếng Việt và Làm văn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mối quan hệ ấy thể hiện ở một số điểm sau đây :

– Các văn bản văn học vừa là đối tượng của phân đọc - hiểu vừa là ngữ liệu phục vụ cho học Làm văn và Tiếng Việt. Các bài học về Tiếng Việt và Làm văn thường dựa vào các văn bản văn học đã và đang học để hình thành kiến thức, kĩ năng (ngoài ra, phần Tiếng Việt và Làm văn còn phải dựa vào một số văn bản phụ khác). Nội dung và hình thức của các văn bản văn học trở thành đối tượng để ra đề làm văn trong các kì thi, kiểm tra.

– Các kiến thức và kĩ năng tiếng Việt không chỉ là công cụ quan trọng của việc tìm hiểu, phân tích và khám phá văn bản văn học mà cũng là công cụ cho việc làm văn. Văn bản văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ, vì thế muốn khám phá nó trước hết phải có những hiểu biết về tiếng Việt. Phải nắm chắc và giỏi tiếng Việt mới có thể hiểu, phân tích và cảm nhận hết được cái hay, cái đẹp của văn học thông qua ngôn từ của văn bản. Cũng phải giỏi tiếng Việt mới có thể diễn đạt

(nói hoặc viết) một cách rõ ràng, sáng sủa những hiểu biết và cảm nhận của bản thân về cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học cho người khác hiểu.

– Để viết được bài văn, người học cần vận dụng tổng hợp cả kiến thức tiếng Việt và văn học. Phải hiểu tiếng Việt mới dùng từ và viết câu đúng ; phải giỏi tiếng Việt mới viết được bài văn hay. Và phải có kiến thức chắc chắn về văn học mới có nội dung để viết bài văn,... Làm văn trở thành mảnh đất thực hành để củng cố và khắc sâu kiến thức tiếng Việt và văn học. Không những thế, nhiều kiến thức làm văn còn soi sáng, giúp cho việc đọc - hiểu văn bản văn học sâu hơn, nhất là những hiểu biết về đặc điểm các kiểu văn bản và các thao tác lập luận.

LUYỆN TẬP

1. Từ việc hiểu mục đích và nhiệm vụ của phần Làm văn, anh (chị) hãy nhận xét về cấu trúc nội dung của phần này trong sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12).
2. Lựa chọn một nội dung Làm văn ở lớp 12, từ đó chỉ ra mối quan hệ giữa nội dung này với các kiến thức về tiếng Việt và văn học.

ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC

(Học kì II)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam và văn học nước ngoài trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 Nâng cao, tập hai.*
- *Biết vận dụng kiến thức về lí luận văn học vào việc phân tích các truyện ngắn theo đặc trưng thể loại, phân biệt phong cách nghệ thuật của một số tác phẩm, tiếp nhận các giá trị văn học, phân tích quy luật các quá trình văn học được học trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 Nâng cao, tập hai.*

I – NỘI DUNG ÔN TẬP

Phần Văn học ở Học kì II gồm một số tác phẩm văn học Việt Nam, văn học nước ngoài và hai bài về lí luận văn học : *Giá trị văn học* và *Tiếp nhận văn học*.

1. Văn học Việt Nam

a) Phân tích những đặc sắc về tư tưởng, về sáng tạo tình huống, cách xây dựng nhân vật, nghệ thuật trần thuật và ngôn ngữ, giọng điệu trong các tác phẩm : *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi), *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Đất* (Anh Đức), *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu), *Bắt sáu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam).

b) Hãy so sánh các tác phẩm *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) và trích đoạn trong tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn* (Ma Văn Kháng) với các tác phẩm ra đời trước năm 1975 (trong sách giáo khoa) và chỉ ra những yếu tố đổi mới về quan niệm hiện thực và con người.

2. Văn học nước ngoài

a) Phân tích những đặc sắc về tư tưởng, cách khắc hoạ các hình ảnh, nhân vật và nghệ thuật trần thuật trong các truyện *Số phận con người* (Sô-lô-khốp), *Thuốc* (Lỗ Tấn).

b) Hãy vận dụng nguyên lí "tảng băng trôi" của Hê-minh-uê vào việc phân tích đoạn trích *Ông già và biển cả*.

3. Lí luận văn học

a) So sánh và nhận xét những nét đặc sắc riêng về phong cách nghệ thuật của các truyện ngắn : *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu).

b) Hãy chọn trong số những tác phẩm văn học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao* một truyện ngắn và một bài thơ mà anh (chị) thích nhất, vận dụng hiểu biết của mình về các giá trị văn học và tiếp nhận văn học vào việc đánh giá tác phẩm ấy về các giá trị thẩm mĩ, nghệ thuật, nhận thức, giáo dục. Phân tích quá trình anh (chị) đã tiếp nhận các tác phẩm ấy trong thực tế.

II – PHƯƠNG PHÁP ÔN TẬP

Đọc kĩ các bài học và các phần *Tri thức đọc - hiểu*, làm đề cương giải đáp các câu hỏi ôn tập, đến lớp thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một cách hệ thống những kiến thức về tiếng Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn Nâng cao (lớp 10, lớp 11, lớp 12).*
- *Biết vận dụng những kiến thức trên vào việc rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.*

Phần Tiếng Việt trong sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12) một mặt củng cố và hoàn thiện một số kiến thức và kĩ năng đã học ở cấp Trung học cơ sở (từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, các biện pháp tu từ), một mặt tập trung vào những vấn đề sau :

1. Phong cách ngôn ngữ

Cùng với việc xác định đặc điểm của văn bản nói và văn bản viết, qua đó vạch rõ sự khác biệt của hai loại văn bản này, sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao*

(lớp 10, lớp 11, lớp 12) còn dành một thời lượng đáng kể cho những vấn đề về các phong cách ngôn ngữ : sinh hoạt, nghệ thuật (lớp 10), báo chí, chính luận (lớp 11), khoa học và hành chính (lớp 12). Như thế, tiếng Việt được xét không chỉ ở các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp,... mà còn về mặt lĩnh vực và mục đích giao tiếp nữa.

Trước tiên, sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12) cho một cái nhìn tổng quát về cách phân loại văn bản theo phong cách chức năng ngôn ngữ, sau đó mới đi sâu vào từng loại phong cách. Các bài học về phong cách ngôn ngữ đều được viết nhất quán theo một kết cấu chung : mở đầu là giới thiệu khái quát về một phong cách ngôn ngữ, xác định đặc điểm chung của nó ; sau đó mới đề cập đến cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong phong cách này, xét theo các mặt : ngữ âm – chữ viết, từ ngữ, kiểu câu, biện pháp tu từ và bố cục trình bày.

2. Hoạt động giao tiếp

Một mảng khác được sách giáo khoa *Ngữ văn Nâng cao* (lớp 10, lớp 11, lớp 12) chú ý là xem xét ngôn ngữ như một phương tiện trong hoạt động giao tiếp. Sau khi bàn về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói chung (lớp 10), phân tích các chức năng chính của ngôn ngữ trong giao tiếp, các nhân tố của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ và tác động của các nhân tố giao tiếp đối với hiệu quả giao tiếp, sách giáo khoa đi sâu vào hai khái niệm then chốt : ngữ cảnh và nhân vật giao tiếp (lớp 11 và lớp 12). Ngữ cảnh được xác định là tất cả những gì chung nhất có liên quan đến việc tạo lập và hiểu câu nói (hoặc câu văn). Như thế, ngữ cảnh bao gồm văn cảnh (từ, ngữ, câu đi trước hoặc đi sau một đơn vị ngôn ngữ nhất định) và hoàn cảnh giao tiếp. Nhân vật giao tiếp là một thành phần quan trọng của hoàn cảnh giao tiếp, bao giờ cũng được xem xét trong quan hệ thân sơ hay quan hệ vị thế, do quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp thường chi phối ngôn từ và cả thái độ, cử chỉ của họ.

3. Một số kiến thức khác

Ngoài ra, nhiều vấn đề tuy rất cần cho học sinh nhưng không được tập trung thành mảng lớn như trên. Đó là những kiến thức thiết thực, nhằm tăng cường kỹ năng tạo lập và đọc - hiểu văn bản cho học sinh, chẳng hạn *những yêu cầu chung về sử dụng tiếng Việt* (lớp 10), *ngôn ngữ chung và lời nói cá nhân, nghĩa của câu* (lớp 11), các vấn đề về *luật thơ*, về *giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt* (lớp 12). Đó cũng còn là những kiến thức có vẻ thuần lý thuyết nhưng học sinh Trung học phổ thông không thể không biết. Các bài *Khái quát lịch sử tiếng Việt* (lớp 10) và *Đặc điểm loại hình của tiếng Việt* (lớp 11) là những trường hợp như vậy.

Thực ra, dưới lớp vỏ thuần lí thuyết, các bài trên không hẳn không có tác dụng thực tiễn. Bài *Khái quát lịch sử tiếng Việt* không phải không có liên quan gì đến bài *Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*, khi bài trước dành phần đáng kể để trình bày về vấn đề tiếp xúc ngôn ngữ, còn bài sau nhấn mạnh đến yêu cầu tránh lạm dụng tiếng nước ngoài. Bài *Đặc điểm loại hình của tiếng Việt* khẳng định vai trò của *tiếng*, còn bài *Luật thơ* (lớp 12) vận dụng kiến thức này khi trình bày căn cứ để xác lập thể thơ, luật bằng trắc và cách hiệp vần.

LUYỆN TẬP

1. Tiếng Việt thuộc họ ngôn ngữ nào ? Nêu tên một số ngôn ngữ có quan hệ họ hàng hay quan hệ tiếp xúc lâu đời với tiếng Việt. Trình bày vắn tắt các thời kì phát triển của tiếng Việt.
2. Vì sao tiếng Việt được cho là thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập ? Trình bày vắn tắt đặc điểm của tiếng và các phương tiện ngữ pháp chủ yếu của tiếng Việt.
3. Hãy so sánh, đối chiếu đặc điểm chung và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong các phong cách ngôn ngữ đã học.
4. Đọc những câu sau, trả lời câu hỏi và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

- *Dưới trăng quỳên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lập lòe đâm bông.*
- *Người nách thước, kẻ tay đao,
Đầu trâu mặt ngựa, ào ào như sôi.*
- *Sen tàn cúc lại nở hoa,
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân.*
- *Đầu xanh có tội tình gì,
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi.*

(Nguyễn Du – *Truyện Kiều*)

- a) Xác định các hiện tượng ẩn dụ, hoán dụ ở những câu thơ trên.
 - b) Trong các hiện tượng đó, trường hợp nào thuộc "ngôn ngữ chung" ? Trường hợp nào thuộc "lời nói cá nhân" ?
5. Xác định loại vần (vần lưng, vần chân), loại hiệp vần (vần chính, vần thông) và sự phối hợp bằng – trắc trong những câu thơ sau :

*Sự đâu sóng gió bất kì,
Hiếu tình khôn lẽ hai bề vẹn hai.*

*Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay lời nước non.
Chị dù thịt nát xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.*

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

6. Phân biệt văn bản nói và văn bản viết về ba phương diện : điều kiện sử dụng, phương tiện vật chất và đặc điểm ngôn ngữ.
7. Chỉ ra những nhân tố giao tiếp trong đoạn trích *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ.
8. Trong bài hịch của vua Quang Trung vào năm 1789 có viết :

Đánh cho đứt dãi tóc

Đánh cho đứt đen răng.

Dựa vào khái niệm ngữ cảnh, anh (chị) hãy giải thích hai câu trên.

9. Nêu sự khác biệt giữa nghĩa sự việc và nghĩa tình thái. Đọc truyện *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi để tìm dẫn chứng minh họa cho các loại nghĩa tình thái.

ÔN TẬP VỀ LÀM VĂN

(Học kì II)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững những kiến thức đã học về Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 Nâng cao, tập hai.*
- *Có kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý cho bài văn nghị luận.*

Ôn lại các nội dung phần Làm văn trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai theo các yêu cầu sau đây :

1. Khi đứng trước một sự kiện, hiện tượng của đời sống hay của văn học (tác phẩm, đoạn trích, tác giả), anh (chị) sẽ vận dụng các thao tác lập luận tổng hợp như thế nào để làm bài văn nghị luận ? Trước tiên cần làm gì ? Tiếp theo cần xác định quan điểm, thái độ của mình như thế nào ?

2. Khi đối tượng bình luận là một ý kiến, nhận định hay một tư tưởng thì việc đầu tiên cần làm là gì ? Tiếp theo cần xác định tư tưởng, quan điểm của mình như thế nào ?

3. Dựa vào đâu để nêu ra luận điểm (nhận định, đánh giá, thái độ, chủ trương) trong bài nghị luận ? Lẽ phải, kiến thức, kinh nghiệm sống có vai trò như thế nào ? Tính chủ quan, sự sáng tạo của người làm bài nghị luận có vai trò như thế nào ?

Lưu ý : Ngoài các lẽ phải, chân lí đã được đúc kết thành công thức, khái niệm, khẩu hiệu,... tuy đúng nhưng dễ trở thành sáo mòn, cần phải chú ý tới các lẽ phải cụ thể, sinh động trong đời sống. Phải nhìn sự việc, hiện tượng từ phía nhu cầu phát triển của đất nước, dân tộc, quyền lợi của mỗi con người trong xã hội mà xác lập các lẽ phải cụ thể, sinh động. Điều này mới làm thành nền tảng của một bài nghị luận hay.

4. Không phải mọi luận điểm của bài nghị luận đều có giá trị như nhau. Vậy luận điểm như thế nào thì mới có giá trị ? (Liên hệ với một số bài văn nghị luận đã học để trả lời).

5. Những yêu cầu cơ bản của các phần *mở bài*, *thân bài* và *kết bài* là gì ?

6. Vai trò của kĩ năng diễn đạt trong bài văn nghị luận.

7. Các yêu cầu cần chú ý khi trình bày bài văn nghị luận.

8. Đặc điểm và cách viết văn bản tổng kết.

9. Thống kê và phân loại các đề văn từ *Bài viết số 5* đến *Bài viết số 7* trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai.

ÔN TẬP VỀ TIẾNG VIỆT

(Học kì II)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm được một cách hệ thống những kiến thức về tiếng Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 Nâng cao, tập hai.*
- *Biết vận dụng những kiến thức trên vào việc rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt.*

1. Đọc những câu sau và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hẳn khẽ lay mà gọi :

– Anh Chí ơi ! Sao anh lại làm ra thế ?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên :

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rữ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm ; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi cái cười :

– Cái anh này nói mới hay ! Ai làm gì anh mà anh phải chết ? Đời người chứ có phải con ngoé đâu ? Lại say rồi phải không ?

Rồi, đổi giọng cụ thân mật hỏi :

– Về bao giờ thế ? Sao không vào tôi chơi ? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn :

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phân nản :

– Khổ quá, giá có tôi ở nhà thì có đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính, không nghĩ trước nghĩ sau. Ai chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng người người. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát :

– Lí Cường đâu ! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước mau lên !

(Nam Cao – Chí Phèo)

a) Tại sao bá Kiến đuổi dân làng đi về hết, rồi mới nói chuyện với Chí Phèo ?

b) So sánh ngôn ngữ của Chí Phèo và của bá Kiến, xét trên quan hệ thân sơ của nhân vật giao tiếp.

2. Lấy dẫn chứng từ văn bản sau đây để minh họa cho đặc điểm chung của phong cách ngôn ngữ hành chính và cách sử dụng phương tiện ngôn ngữ trong phong cách này.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 33/2007/QĐ-BGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo ;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 52/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định quản lí văn bằng, chứng chỉ giáo dục phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, giáo dục đại học và sau đại học. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

[.....]

BỘ TRƯỞNG

(Đã kí và đóng dấu)

3. Trong những câu dưới đây có một số câu sai vì chép thiếu hay thừa một quan hệ từ. Anh (chị) hãy thêm vào hay bỏ bớt quan hệ từ thiếu hay thừa đó.

– *Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra.* (1)

(Nam Cao – Lão Hạc)

– *Dầu mỡ thường xuyên nhỏ chiếc máy người là một niềm khao khát biết thêm, biết hơn hoàn toàn phi vật chất và những tế bào não bộ sẵn lòng bổ sung cho nhau trong một trường luân vũ thường xuân.* (2)

(Bửu Ý – Đam mê)

– *Nhưng khi Chí Phèo ngật ngưỡng bước ra từ trang sách của Nam Cao thì người ta liền nhận ra rằng, đây mới là hiện thân đầy đủ những gì gọi là khổ, tủi nhục nhất của người dân cùng ở một nước thuộc địa : bị giày đạp, bị cào xé, bị huỷ hoại từ nhân tính đến nhân hình.* (3)

(Nguyễn Đăng Mạnh – Nhớ Nam Cao
và những bài học của ông)

– Gần trưa ông tôi tự đứng dậy đi men ra ngoài ngồi một cái chõng tre đặt bên mấy thau nước. (4)

(Đỗ Chu – Mảnh vườn xưa hoang vắng)

– Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp cuốn sách tôi trả cho cô gái. (5)

(Nguyễn Thành Long – Lặng lẽ Sa Pa)

4. Đọc những câu sau và thực hiện nhiệm vụ nêu ở dưới.

– Khi bước vào phòng học, các em học sinh đứng dậy chào thầy giáo.

– Tưởng như con sông đang chạy trên nóc nhà thành phố, vỗ sóng nhẹ nhẹ vào nền trời xanh thanh tĩnh và khu phố nép cạnh chân đê đang ngẩn ngơ trong hơi sương thoang thoảng bốc lên từ các mái ngói cổ xưa.

(Ma Văn Kháng – Mưa mùa hạ)

– Bước xuống thuyền là một người già, một người trẻ và một người mặc áo sơ mi màu đỏ chói.

– Không thể đòi hỏi thành tích thi đấu của nữ vận động viên phải như nam vận động viên khác.

– Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là là trên mặt đất hay len vào những cành cây.

(Thạch Lam – Hai đứa trẻ)

a) Theo anh (chị), những câu nào trên đây là đúng ?

b) Những câu sai thì chữa lại thế nào ?

BÀI VIẾT SỐ 8

(Kiểm tra tổng hợp cuối năm)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Nắm vững các nội dung cơ bản của cả ba phần : Văn học, Tiếng Việt và Làm văn trong sách giáo khoa Ngữ văn 12 Nâng cao, tập hai.*
- *Biết cách vận dụng những kiến thức và kỹ năng ngữ văn đã học một cách tổng hợp, toàn diện để làm bài kiểm tra cuối năm.*

Để làm tốt bài kiểm tra tổng hợp cuối năm, cần chú ý mấy điểm sau đây :

1. Nắm vững các nội dung đã nêu ở ba bài ôn tập cuối Học kì II trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai : *Ôn tập về Văn học, Ôn tập về Tiếng Việt và Ôn tập về Làm văn.*

2. Yêu cầu và cấu trúc của *Bài viết số 8* (Kiểm tra tổng hợp cuối năm) giống *Bài viết số 4* (Kiểm tra tổng hợp cuối Học kì I). Phạm vi kiểm tra kiến thức và kỹ năng chủ yếu tập trung vào sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập hai, nhưng vẫn có thể yêu cầu liên hệ và kết hợp với một số nội dung ở sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một, thậm chí cả những tri thức và kỹ năng đã học ở cấp Trung học cơ sở để có thể giải quyết tốt các yêu cầu của đề bài. Học sinh cần xem lại *Bài viết số 4* (Kiểm tra tổng hợp cuối Học kì I) ở sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một để nắm được các yêu cầu và cấu trúc loại bài kiểm tra tổng hợp này.

3. Các nội dung làm văn nghị luận ở sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao* tiếp tục biên soạn theo hướng tích hợp : gắn với phần Văn học, góp phần soi sáng thêm cho việc đọc - hiểu văn bản. Tuy nhiên, mục đích và nhiệm vụ chính mà phần Làm văn hướng tới là giúp học sinh biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học về kiểu văn bản nghị luận vào việc viết bài văn. Nghĩa là cuối cùng phải biết vận dụng các kiến thức đã học để viết được một bài (đoạn) văn nghị luận bao gồm cả nghị luận văn học và nghị luận chính trị - xã hội. Vì thế thực hành đóng một vai trò rất quan trọng. Từ thực hành mà tiếp tục bổ sung, nâng cao hiểu biết

về kiểu văn bản nghị luận. Thông qua thực hành mà rèn luyện các kĩ năng xác định và phát triển luận điểm ; kĩ năng lập luận, kĩ năng vận dụng kết hợp các thao tác ; kĩ năng tìm ý, lập dàn ý ; kĩ năng viết mở bài, thân bài, kết bài ; kĩ năng diễn đạt và trình bày bài viết,...

4. Về hình thức kiểm tra cụ thể, học sinh tham khảo *Bài viết số 4* (Kiểm tra tổng hợp cuối Học kì I) ở sách giáo khoa *Ngữ văn 12 Nâng cao*, tập một và một số đề tự luận sau :

Đề 1. Tiền tài và hạnh phúc.

Đề 2. "Có ba điều làm hỏng một con người : rượu, tính kiêu ngạo và sự giận dữ". Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến đó ?

Đề 3. Hình tượng người phụ nữ gợi cho anh (chị) nhiều suy nghĩ nhất trong các tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài), *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Một người Hà Nội* (Nguyễn Khải) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu).

Đề 4. Từ xưa đến nay, cha ông ta luôn coi văn học là một thứ vũ khí chiến đấu mạnh mẽ và sắc bén. Anh (chị) hãy làm sáng tỏ quan niệm đó.

MỤC LỤC

Tuần	Tên bài	Trang
19	– <i>Vợ chồng A Phủ</i> (Trích – Tô Hoài)	3
	– Luyện tập về nhân vật giao tiếp	17
	– Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi	19
20	– <i>Vợ nhặt</i> (Kim Lân)	22
	– Luyện tập về nhân vật giao tiếp (Tiếp theo)	33
	– Lựa chọn và nêu luận điểm	36
21	– <i>Những đứa con trong gia đình</i> (Trích – Nguyễn Thi)	39
	– Bài viết số 5 (Nghị luận văn học)	48
22	– <i>Rừng xà nu</i> (Nguyễn Trung Thành)	50
	<i>Đọc thêm :</i> – <i>Đất</i> (Anh Đức)	64
	– Luyện tập về cách sửa chữa văn bản	69
23	– <i>Một người Hà Nội</i> (Nguyễn Khải)	72
	– Luyện tập về cách dùng một số quan hệ từ	84
	– Sử dụng luận cứ	85
24	– <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> (Nguyễn Minh Châu)	89
	<i>Đọc thêm :</i> – <i>Mùa lá rụng trong vườn</i> (Trích – Ma Văn Kháng)	100
	– Trả bài viết số 5	107
	– Bài viết số 6 (Nghị luận xã hội – Bài làm ở nhà)	108
25	<i>Đọc thêm :</i> – <i>Bắt sấu rừng U Minh Hạ</i> (Sơn Nam)	110
	– Kiểm tra văn học	116
	– Mở bài	119
26	– Giá trị của văn học	122
	– Luyện tập về cách tránh lối diễn đạt có nhiều khả năng hiểu khác nhau	124
	– Thân bài	126

27	– <i>Số phận con người</i> (Trích – Sô-lô-khốp)	132
	– Kết bài	139
	– Trả bài viết số 6	142
28	– <i>Ông già và biển cả</i> (Trích – Hê-minh-uê)	143
	– Bài viết số 7 (Nghị luận xã hội)	153
29	– Trả bài kiểm tra văn học	155
	– <i>Thuốc</i> (Lỗ Tấn)	156
	– Diễn đạt trong văn nghị luận	167
30	– Tiếp nhận văn học	173
	– Luyện tập về cách tránh một số loại lỗi lô gích	176
	– Hình thức trình bày bài văn	178
31	– Tổng kết phương pháp đọc - hiểu văn bản văn học	180
	– Trả bài viết số 7	183
	– Xây dựng đề cương diễn thuyết	184
32	– Phong cách ngôn ngữ hành chính	186
	– Luyện tập về phong cách ngôn ngữ hành chính	190
	– Văn bản tổng kết	191
	– Luyện viết văn bản tổng kết	193
33	– Tổng kết phần Văn học	194
	– Tổng kết phần Làm văn	205
34	– Ôn tập về Văn học (Học kì II)	210
	– Tổng kết phần Tiếng Việt	211
	– Ôn tập về Làm văn (Học kì II)	214
35	– Ôn tập về Tiếng Việt (Học kì II)	216
	– Bài viết số 8 (Kiểm tra tổng hợp cuối năm)	220

Chịu trách nhiệm xuất bản : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập **NGUYỄN QUÝ THAO**

Biên tập lần đầu : **NGUYỄN MINH TÂM – GIANG KHẮC BÌNH**

Biên tập tái bản : **GIANG KHẮC BÌNH**

Biên tập kỹ thuật : **ĐÌNH XUÂN DUNG**

Trình bày bìa và mỹ thuật : **PHẠM QUỲNH CHI**

Sửa bản in : **PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)**

Chế bản : **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO DỤC**

Tranh bìa 1 : "Cây gạo đầu làng – Vì Tiến Thành"

Trong sách có sử dụng một số ảnh tư liệu của Thông tấn xã Việt Nam,
sách *Cuộc thi ảnh để tài Giáo dục* và một số sách khác.

NGŨ VĂN 12 - NÂNG CAO, TẬP HAI

Mã số : NH212T9

In 24.000 cuốn(QĐ 01), khổ 17x 24cm

Tại Nhà in Hà Nam.

Số 29 - Đường Lê Hoàn - TP. Phủ Lý - Hà Nam.

Số in: 592. Số xuất bản: 01-2009/CXB/559-1718/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2009



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIEN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12

- | | |
|----------------------------------|--------------------------------------|
| 1. TOÁN HỌC | 7. ĐỊA LÍ 12 |
| • GIẢI TÍCH 12 | 8. TIN HỌC 12 |
| • HÌNH HỌC 12 | 9. CÔNG NGHỆ 12 |
| 2. VẬT LÍ 12 | 10. GIÁO DỤC CÔNG DÂN 12 |
| 3. HOÀ HỌC 12 | 11. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH 12 |
| 4. SINH HỌC 12 | 12. NGOẠI NGỮ |
| 5. NGỮ VĂN 12 (tập một, tập hai) | • TIẾNG ANH 12 • TIẾNG PHÁP 12 |
| 6. LỊCH SỬ 12 | • TIẾNG NGA 12 • TIẾNG TRUNG QUỐC 12 |

SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 - NÂNG CAO

- | | |
|-----------------------------------|---|
| Ban Khoa học Tự nhiên : | • TOÁN HỌC (GIẢI TÍCH 12, HÌNH HỌC 12) |
| | • VẬT LÍ 12 • HOÀ HỌC 12 • SINH HỌC 12 |
| Ban Khoa học Xã hội và Nhân văn : | • NGỮ VĂN 12 (tập một, tập hai) |
| | • LỊCH SỬ 12 • ĐỊA LÍ 12 |
| | • NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH 12, TIẾNG PHÁP 12,
TIẾNG NGA 12, TIẾNG TRUNG QUỐC 12) |



Giá: 9.000đ